Telepathy



Telepathy



Table of Contents

Table of Contents 2

TELEPATHY AND THE ETHERIC VEHICLE 4

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN 6

THE GREAT INVOCATION 8

SECTION ONE—TEACHING ON TELEPATHY—PHẦN MỘT—HUẤN THỊ VỀ VIỄN CẢM 12

I. THE FIELD OF TELEPATHIC INTERPLAY—I. PHẠM VI CỦA TÁC ĐỘNG QUA LẠI BẰNG VIỄN CẢM 12

II. TELEPATHIC WORK—II. CÔNG VIỆC VIỄN CẢM 22

III. THREE TYPES OF TELEPATHY—III. BA LOẠI VIỄN CẢM 26

Two Other Groups of Telepathic Possibilities—Hai Nhóm Khả Năng Viễn Cảm Khác 32

IV. THREE TYPES OF ENERGY INVOLVED—IV. BA LOẠI NĂNG LƯỢNG LIÊN QUAN 36

V. THE GROWTH OF TELEPATHIC RAPPORT—V. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỐI GIAO CẢM VIỄN CẢM 41

VI. GROUP TELEPATHIC WORK—VI. CÔNG VIỆC VIỄN CẢM NHÓM 46

VII. THE SCIENCE OF IMPRESSION—VII. KHOA HỌC VỀ SỰ ẤN TƯỢNG 51

Sources of Impression to the Three Planetary Centres—Các Nguồn Ấn Tượng Đến Ba Trung Tâm Hành Tinh 52

VIII. THE SUPREME SCIENCE OF CONTACT—VIII. KHOA HỌC TỐI THƯỢNG VỀ SỰ TIẾP XÚC 61

Its Goal in the Evolutionary Life Process—Mục Tiêu Của Nó Trong Quá Trình Sự Sống Tiến Hóa 64

IX. EXPANDING AREAS OF CONSCIOUS INTERACTION—IX. CÁC LĨNH VỰC TƯƠNG TÁC CÓ Ý THỨC ĐANG MỞ RỘNG 67

X. SEQUENTIAL REVELATION OF RELATIONSHIPS—X. SỰ MẶC KHẢI TUẦN TỰ VỀ CÁC MỐI QUAN HỆ 72

Linking Groups Within the Planetary Life—Các Nhóm Liên Kết Bên Trong Sự Sống Hành Tinh 76

Mind the Focus of Planetary Development—Trí Tuệ là Tiêu Điểm của Sự Phát Triển Hành Tinh 80

XI. RESULTS OF CONTACT AND RECEPTIVITY—XI. CÁC KẾT QUẢ CỦA TIẾP XÚC VÀ TÍNH THU NHẬN 83

Planetary Sequence of Impression—Trình Tự Ấn Tượng Hành Tinh 88

XII. RELATION OF THE HUMAN TO THE HIERARCHICAL CENTRE—XII. MỐI QUAN HỆ CỦA TRUNG TÂM NHÂN LOẠI VỚI TRUNG TÂM THÁNH ĐOÀN 92

Sources of Impression for the Disciple—Các Nguồn Ấn Tượng cho Đệ Tử 95

His Contribution to the Divine Plan—Sự Đóng Góp của Y cho Thiên Cơ 101

XIII. TELEPATHIC SENSITIVITY A NORMAL UNFOLDMENT—XIII. SỰ NHẠY CẢM VIỄN CẢM MỘT SỰ MỞ RA BÌNH THƯỜNG 102

Paralleling Spiritual Development—Song Hành Với Sự Phát Triển Tinh Thần 104

Registration, Recording and Interpretation—Sự Ghi Nhận, Ghi Lại và Diễn Giải 109

XIV. HIGHER ASPECTS OF RELATIONSHIP—XIV. CÁC KHÍA CẠNH CAO HƠN CỦA MỐI QUAN HỆ 117

The Impressing Agents of the Divine Will—Các Tác Nhân Truyền Ấn Tượng của Ý Chí Thiêng Liêng 127

XV. INTER-PLANETARY AND EXTRA-PLANETARY RELATIONSHIPS—XV. CÁC MỐI QUAN HỆ LIÊN HÀNH TINH VÀ NGOẠI HÀNH TINH 131

Humanity's Key Role—Vai Trò Then Chốt của Nhân Loại 134

Seven Statements Depicting the Pattern of the Present Planetary Work—Bảy Mệnh Đề Mô Tả Mô Hình của Công Việc Hành Tinh Hiện Tại 139

The Centres and the Ray Energies—Các Trung Tâm và Năng Lượng Cung 143

Separateness: the Great Illusion—Sự Chia Rẽ: Đại Ảo Tưởng 146

SECTION TWO — TEACHING ON THE ETHERIC VEHICLE—PHẦN HAI — HUẤN THỊ VỀ THỂ DĨ THÁI 148

I. THE NATURE OF THE ETHERIC BODY—I. BẢN CHẤT CỦA THỂ DĨ THÁI 148

II. THE BASIS OF NON-SEPARATENESS—II. CƠ SỞ CỦA TÍNH KHÔNG CHIA RẼ 157

The Changing Pattern of the Planetary Etheric Body—Mô Hình Đang Thay Đổi của Thể Dĩ Thái Hành Tinh 172

IV. THE CENTRES AND THE PERSONALITY—IV. CÁC TRUNG TÂM VÀ PHÀM NGÃ 174

Relationship Between the Higher and the Lower Centres—Mối Quan Hệ Giữa Các Trung Tâm Cao và Thấp 177

V. THE NATURE OF SPACE—V. BẢN CHẤT CỦA KHÔNG GIAN 185

VI. THE PLANETARY LIFE — A CENTRE IN THE SOLAR SYSTEM—VI. SỰ SỐNG HÀNH TINH — MỘT TRUNG TÂM TRONG HỆ MẶT TRỜI 190

The Central Triangle of Energies—Tam Giác Năng lượng Trung tâm 193

The Sequence of Inter-Related Triangles—Trình Tự của Các Tam Giác Tương Quan 199

Man's Integral Relationship and Creative Function Within the Whole—Mối Quan Hệ Tích Hợp và Chức Năng Sáng Tạo của Con Người Trong Tổng Thể 201

THE ARCANE SCHOOL—TRƯỜNG ARCANE 208

TELEPATHY AND THE ETHERIC VEHICLE

by

ALICE A. BAILEY

BOOKS BY ALICE A. BAILEY

Initiation, Human and Solar

Letters on Occult Meditation

The Consciousness of the Atom

A Treatise on Cosmic Fire

The Light of the Soul

The Soul and its Mechanism

From Intellect to Intuition

A Treatise on White Magic

From Bethlehem to Calvary

Discipleship in the New Age–Vol. I

Discipleship in the New Age–Vol. II

Problems of Humanity

The Reappearance of the Christ

The Destiny of the Nations

Glamour: A World Problem

Telepathy and the Etheric Vehicle

The Unfinished Autobiography

Education in the New Age

The Externalisation of the Hierarchy

A Treatise on the Seven Rays:

Vol. I–Esoteric Psychology

Vol. II–Esoteric Psychology

Vol. III–Esoteric Astrology

Vol. IV–Esoteric Healing

Vol. V–The Rays and the Initiations

EXTRACT FROM A STATEMENT BY THE TIBETAN

Suffice it to say, that I am a Tibetan disciple of a certain degree, and this tells you but little, for all are disciples from the humblest aspirant up to, and beyond, the Christ Himself. I live in a physical body like other men, on the borders of Tibet, and at times (from the exoteric standpoint) preside over a large group of Tibetan lamas, when my other duties permit. It is this fact that has caused it to be reported that I am an abbot of this particular lamasery. Those associated with me in the work of the Hierarchy (and all true disciples are associated in this work) know me by still another name and office. A.A.B. knows who I am and recognises me by two of my names.

Chỉ cần nói rằng, tôi là một đệ tử người Tây Tạng ở một cấp độ nhất định, và điều này nói cho các bạn biết rất ít, vì tất cả đều là đệ tử từ người chí nguyện khiêm tốn nhất cho đến, và vượt lên trên, chính Đức Christ. Tôi sống trong một thể xác giống như những người khác, ở biên giới Tây Tạng, và đôi khi (theo quan điểm ngoại môn) chủ trì một nhóm lớn các lạt ma Tây Tạng, khi các nhiệm vụ khác của tôi cho phép. Chính sự thật này đã khiến người ta đồn rằng tôi là một tu viện trưởng của tu viện lạt ma này. Những người liên kết với tôi trong công việc của Thánh Đoàn (và tất cả các đệ tử chân chính đều liên kết trong công việc này) biết tôi qua một cái tên và chức vụ khác. A.A.B. biết tôi là ai và nhận ra tôi qua hai trong số các tên gọi của tôi.

I am a brother of yours, who has travelled a little longer upon the Path than has the average student, and has therefore incurred greater responsibilities. I am one who has wrestled and fought his way into a greater measure of light than has the aspirant who will read this article, and I must therefore act as a transmitter of the light, no matter what the cost. I am not an old man, as age counts among the teachers, yet I am not young or inexperienced. My work is to teach and spread the knowledge of the Ageless Wisdom wherever I can find a response, and I have been doing this for many years. I seek also to help the Master M. and the Master K.H. whenever opportunity offers, for I have been long connected with Them and with Their work. In all the above, I have told you much; yet at the same time I have told you nothing which would lead you to offer me that blind obedience and the foolish devotion which the emotional aspirant offers to the Guru and Master Whom he is as

Tôi là một huynh đệ của các bạn, người đã đi trên Đường Đạo lâu hơn một chút so với người đạo sinh trung bình, và do đó đã gánh vác những trách nhiệm lớn hơn. Tôi là một người đã phấn đấu và chiến đấu để tiến vào một mức độ ánh sáng lớn hơn so với người chí nguyện sẽ đọc bài viết này, và vì vậy tôi phải hành động như một người truyền dẫn ánh sáng, bất kể giá nào. Tôi không phải là một người già, theo cách tính tuổi tác của các huấn sư, tuy nhiên tôi không còn trẻ hay thiếu kinh nghiệm. Công việc của tôi là giảng dạy và truyền bá kiến thức về Minh Triết Ngàn Đời bất cứ nơi nào tôi có thể tìm thấy một sự đáp ứng, và tôi đã làm điều này trong nhiều năm. Tôi cũng tìm cách giúp đỡ Chân sư M. và Chân sư K.H. bất cứ khi nào có cơ hội, vì tôi đã liên kết lâu dài với Các Ngài và với công việc của Các Ngài. Trong tất cả những điều trên, tôi đã nói với các bạn nhiều điều; tuy nhiên đồng thời tôi chưa nói với các bạn điều gì có thể khiến các bạn dâng hiến cho tôi sự vâng lời mù quáng và sự sùng

yet unable to contact. Nor will he make that desired contact until he has transmuted emotional devotion into unselfish service to humanity—not to the Master.

tín ngu muội mà người chí nguyện đầy cảm xúc thường dâng lên cho Vị Guru và Chân sư Mà y chưa thể tiếp xúc. Y cũng sẽ không thực hiện được sự tiếp xúc mong muốn đó cho đến khi y chuyển hóa sự sùng tín đầy cảm xúc thành sự phụng sự vô kỷ vị tha cho nhân loại – chứ không phải cho Chân sư.

The books that I have written are sent out with no claim for their acceptance. They may, or may not, be correct, true and useful. It is for you to ascertain their truth by right practice and by the exercise of the intuition. Neither I nor A.A.B. is the least interested in having them acclaimed as inspired writings, or in having anyone speak of them (with bated breath) as being the work of one of the Masters. If they present truth in such a way that it follows sequentially upon that already offered in the world teachings, if the information given raises the aspiration and the will-to-serve from the plane of the emotions to that of the mind (the plane whereon the Masters *can* be found) then they will have served their purpose. If the teaching conveyed calls forth a response from the illumined mind of the worker in the world, and brings a flashing forth of his intuition, then let that teaching be accepted. But not otherwise. If the statements meet with eventual corroboration, or are deemed true under the test of the Law of Correspondences, then that is well and good. But should this not be so, let not the student accept what is said.

Những quyển sách mà tôi đã viết được đưa ra mà không đòi hỏi sự chấp nhận. Chúng có thể, hoặc có thể không, chính xác, đúng đắn và hữu ích. Việc xác minh sự thật của chúng bằng thực hành đúng đắn và bằng sự rèn luyện trực giác là tùy thuộc vào các bạn. Cả tôi và A.A.B. đều không quan tâm chút nào đến việc chúng được tung hô như những bài viết đầy cảm hứng, hay việc bất kỳ ai nói về chúng (với vẻ hết sức kính cẩn) như là công trình của một trong các Chân sư. Nếu chúng trình bày sự thật theo cách mà nó tiếp nối một cách tuần tự những gì đã được đưa ra trong các giáo lý thế giới, nếu thông tin được đưa ra nâng cao khát vọng và ý chí-phụng sự từ cõi cảm xúc lên cõi trí (cõi mà các Chân sư có thể được tìm thấy) thì chúng đã phục vụ mục đích của mình. Nếu giáo huấn được truyền tải gợi lên một sự đáp ứng từ thể trí được soi sáng của người hoạt động trên thế gian, và mang lại một sự lóe sáng của trực giác nơi y, thì hãy để giáo huấn đó được chấp nhận. Nhưng nếu không thì thôi. Nếu các tuyên bố nhận được sự chứng thực cuối cùng, hoặc được coi là đúng dưới sự kiểm chứng của Định luật Tương ứng, thì điều đó thật tốt. Nhưng nếu không phải như vậy, thì đạo sinh đừng chấp nhận những gì được nói.

AUGUST 1934

THÁNG 8 NĂM 1934

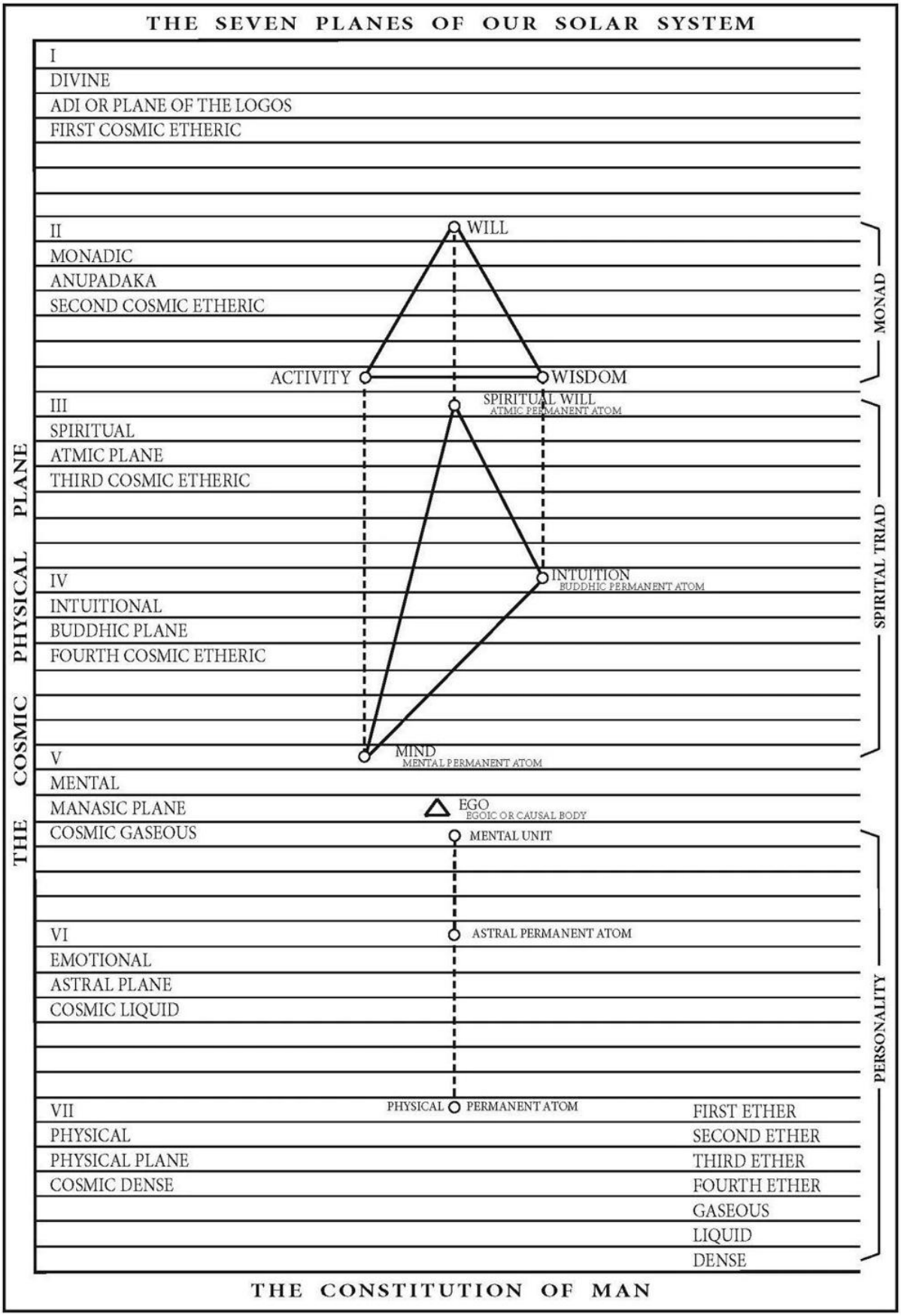
THE GREAT INVOCATION

From the point of Light within the Mind of God	Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế
Let light stream forth into the minds of men.	Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người
Let Light descend on Earth.	Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian
From the point of Love within the Heart of God	Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế
Let love stream forth into the hearts of men.	Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người
May Christ return to Earth.	Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian
From the centre where the Will of God is known	Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế
Let purpose guide the little wills of men—	Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người
The purpose which the Masters know and serve.	Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự
From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian
“The above Invocation or Prayer does not belong to any person or group but to all	“Bài Khấn Nguyện hay Lời Cầu Nguyện trên không thuộc về bất kỳ cá nhân hay nhóm

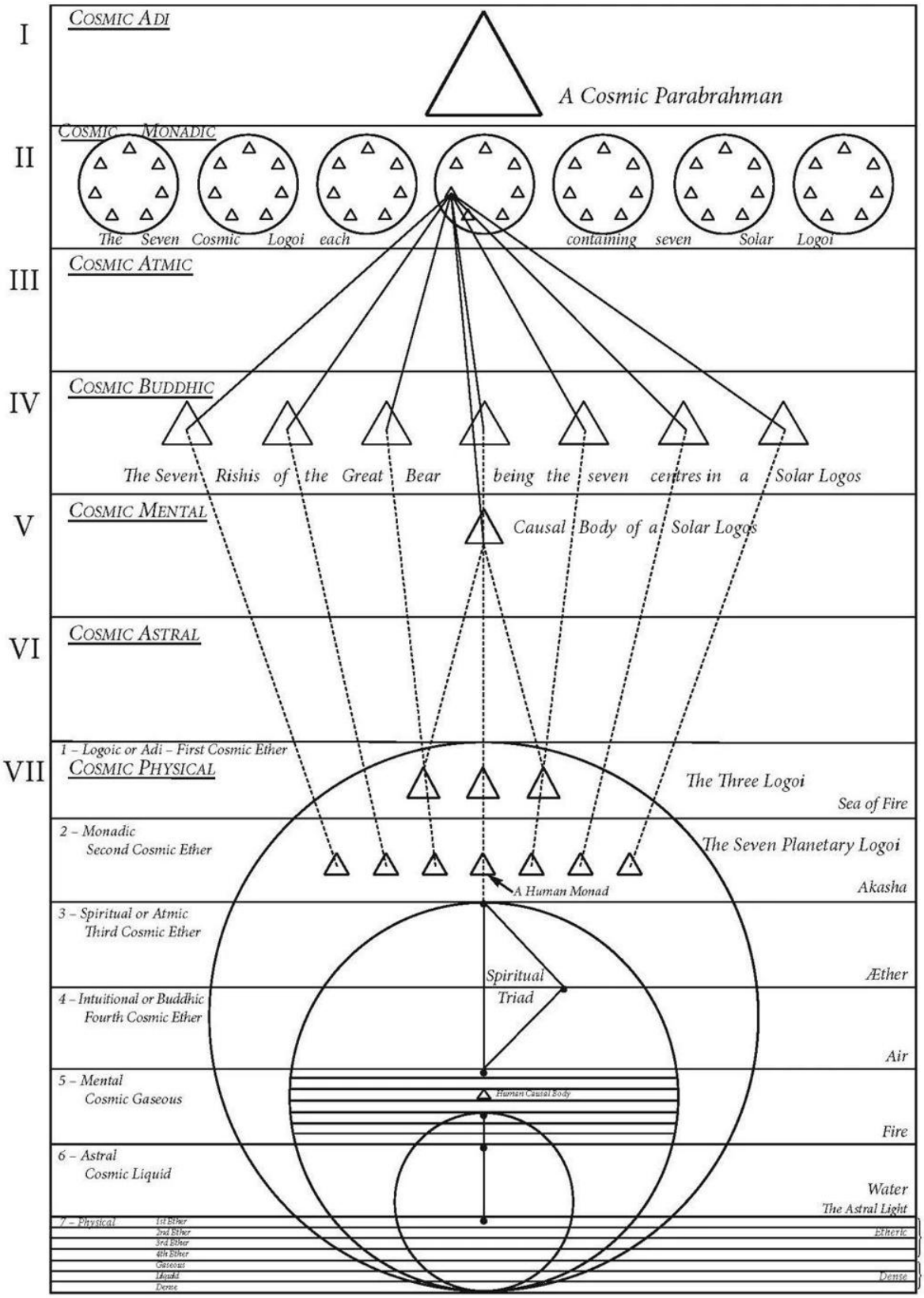
Humanity. The beauty and the strength of this Invocation lies in its simplicity, and in its expression of certain central truths which all men, innately and normally, accept—the truth of the existence of a basic Intelligence to Whom we vaguely give the name of God; the truth that behind all outer seeming, the motivating power of the universe is Love; the truth that a great Individuality came to earth, called by Christians, the Christ, and embodied that love so that we could understand; the truth that both love and intelligence are effects of what is called the Will of God; and finally the self-evident truth that only through *humanity* itself can the Divine Plan work out."

nào mà thuộc về toàn thể Nhân loại. Vẻ đẹp và sức mạnh của bài Khấn Nguyện này nằm ở sự đơn giản của nó, và ở sự diễn đạt những chân lý cốt lõi nhất định mà tất cả mọi người, một cách bẩm sinh và bình thường, đều chấp nhận—chân lý về sự tồn tại của một Trí Thông Minh cơ bản mà chúng ta mơ hồ đặt tên là Thượng đế; chân lý rằng đằng sau mọi vẻ ngoài, động lực của vũ trụ là Tình Thương; chân lý rằng một Cá Thể vĩ đại đã đến trái đất, được người Kitô giáo gọi là Đức Christ, và hiện thân cho tình thương đó để chúng ta có thể hiểu được; chân lý rằng cả tình thương và trí thông minh đều là kết quả của cái được gọi là Ý Chí của Thượng đế; và cuối cùng là chân lý hiển nhiên rằng chỉ thông qua chính nhân loại, Thiên Cơ mới có thể thực hiện được."

ALICE A BAILEY


THE SEVEN PLANES OF OUR SOLAR SYSTEM
I
DIVINE
ADI OR PLANE OF THE LOGOS
FIRST COSMIC ETHERIC
II
MONADIC
ANUPADAKA
SECOND COSMIC ETHERIC
WILL
ACTIVITY
WISDOM
MONAD
III
SPIRITUAL
ATMIC PLANE
THIRD COSMIC ETHERIC
SPIRITUAL WILL
ATMIC PERMANENT ATOM
IV
INTUITIONAL
BUDDHIC PLANE
FOURTH COSMIC ETHERIC
INTUITION
BUDDHIC PERMANENT ATOM
V
MENTAL
MANASIC PLANE
COSMIC GASEOUS
MIND
MENTAL PERMANENT ATOM
SPIRITAL TRIAD
EGO
EGOIC OR CAUSAL BODY
MENTAL UNIT
VI
EMOTIONAL
ASTRAL PLANE
COSMIC LIQUID
ASTRAL PERMANENT ATOM
VII
PHYSICAL
PHYSICAL PLANE
COSMIC DENSE
PHYSICAL
PERMANENT ATOM
FIRST ETHER
SECOND ETHER
THIRD ETHER
FOURTH ETHER
GASEOUS
LIQUID
DENSE
PERSONALITY
THE COSMIC PHYSICAL PLANE
THE CONSTITUTION OF MAN

EVOLUTION OF A SOLAR LOGOS



SECTION ONE—TEACHING ON TELEPATHY—PHẦN MỘT—HUẤN THỊ VỀ VIỄN CẢM

I. THE FIELD OF TELEPATHIC INTERPLAY—I. PHẠM VI CỦA TÁC ĐỘNG QUA LẠI BẰNG VIỄN CẢM

[1]

One of the characteristics, distinguishing the group of world servers and knowers, is that the outer organisation which holds them integrated is practically non-existent. They are *held together by the inner structure of thought* and by a telepathic medium of inter-relation. The Great Ones, Whom we all seek to serve, are thus linked, and can—at the slightest need and with the least expenditure of force—get en rapport with each other. They are all tuned to a particular vibration.

In the new groups are collected together people who are very diverse in their nature, who are found upon differing rays, who are of different nationalities, and who are each of them the product of widely varying environments and heredity. Besides these obvious factors which immediately attract attention, there is also to be found an equal diversity in the life experience of the souls concerned. The complexity of the problem is also tremendously increased when one remembers the long road which each has travelled and the many factors (emerging out of a dim and distant past) which have contributed to make each person what he now is. When, therefore, one dwells on the barriers and difficulties supervening upon such diverse conditions, the question arises at once: What provides the common meeting ground, and what makes it possible

[1]

Một trong những đặc điểm phân biệt nhóm những người phụng sự thế gian và những thức giả là tổ chức bên ngoài giữ họ tích hợp với nhau hầu như không tồn tại. Họ được *gắn kết với nhau bởi cấu trúc bên trong của tư tưởng* và bởi một môi trường tương tác viễn cảm. Các Đấng Cao Cả, Mà tất cả chúng ta đều tìm cách phụng sự, được liên kết như vậy, và—khi có nhu cầu nhỏ nhất và với sự tiêu tốn mãnh lực ít nhất—có thể giao cảm với nhau. Tất cả Các Ngài đều được điều chỉnh theo một rung động cụ thể.

Trong các nhóm mới tập hợp những người rất đa dạng về bản chất, thuộc các cung khác nhau, có quốc tịch khác nhau, và mỗi người là sản phẩm của những môi trường và di truyền rất khác biệt. Bên cạnh những yếu tố hiển nhiên này ngay lập tức thu hút sự chú ý, người ta cũng tìm thấy sự đa dạng tương đương trong kinh nghiệm sống của các linh hồn liên quan. Sự phức tạp của vấn đề cũng gia tăng khủng khiếp khi người ta nhớ đến con đường dài mà mỗi người đã đi qua và nhiều yếu tố (xuất hiện từ quá khứ mờ mịt và xa xăm) đã góp phần tạo nên mỗi người như hiện tại. Do đó, khi người ta nghĩ về những rào cản và khó khăn nảy sinh từ những điều kiện đa dạng như vậy, câu hỏi nảy sinh ngay lập tức: Điều gì cung cấp cơ sở gặp gỡ chung, và điều gì làm cho sự tác động qua lại giữa các thể trí liên quan trở nên khả thi? Câu trả lời cho câu hỏi này có tầm quan

to have an interplay between the minds involved? The answer to this question is of paramount importance and necessitates a clear understanding.

trọng tối cao và đòi hỏi một sự thấu hiểu rõ ràng.

[2]

[2]

When the Biblical words are used: "In Him we live and move and have our being," we have the statement of a fundamental law in nature and the enunciated basis of the fact which we cover by the rather meaningless word: *Omnipresence*. Omnipresence has its basis in the substance of the universe, and in what the scientists call the ether; this word "ether" is a generic term covering the ocean of energies which are all inter-related and which constitute that one synthetic energy body of our planet.

Khi những lời trong Kinh Thánh được sử dụng: "Trong Ngài, chúng ta sống, hoạt động và hiện hữu," chúng ta có tuyên bố về một quy luật cơ bản trong tự nhiên và cơ sở được công bố của sự thật mà chúng ta bao hàm bằng từ ngữ khá vô nghĩa: *Sự Hiện Diện Khắp Nơi*. Sự Hiện Diện Khắp Nơi có cơ sở trong chất liệu của vũ trụ, và trong cái mà các nhà khoa học gọi là dĩ thái; từ "dĩ thái" này là một thuật ngữ chung bao hàm đại dương năng lượng đều có mối liên hệ với nhau và cấu thành nên một thể năng lượng tổng hợp của hành tinh chúng ta.

In approaching, therefore, the subject of telepathy, it must be carefully borne in mind that the etheric body of every form in nature is an integral part of the substantial form of God Himself—not the dense physical form, but what the esotericists regard as the form-making substance. We use the word God to signify the expression of the One Life which animates every form on the outer objective plane. The etheric or energy body, therefore, of every human being is an integral part of the etheric body of the planet itself and consequently of the solar system. Through this medium, every human being is basically related to every other expression of the Divine Life, minute or great. The function of the etheric body is to receive energy impulses and to be swept into activity by these impulses, or streams of force, emanating from some originating source or other. The etheric body is in reality naught but energy. It is composed of myriads of threads of force or tiny streams of energy,

Do đó, khi tiếp cận chủ đề viễn cảm, cần phải ghi nhớ kỹ lưỡng rằng thể dĩ thái của mọi hình tướng trong tự nhiên là một phần không thể thiếu của hình tướng bằng chất liệu của chính Thượng đế—không phải hình tướng vật lý đậm đặc, mà là cái mà các nhà bí truyền học coi là chất liệu tạo hình. Chúng ta sử dụng từ Thượng đế để biểu thị sự biểu hiện của Sự Sống Duy Nhất làm sinh động mọi hình tướng trên cõi khách quan bên ngoài. Do đó, thể dĩ thái hay thể năng lượng của mỗi con người là một phần không thể thiếu của thể dĩ thái của chính hành tinh và theo đó là của hệ mặt trời. Thông qua môi trường này, mỗi con người về cơ bản đều liên hệ với mọi biểu hiện khác của Sự Sống Thiêng Liêng, dù nhỏ hay lớn. Chức năng của thể dĩ thái là tiếp nhận các xung lực năng lượng và được các xung lực này thúc đẩy vào hoạt động, hay các dòng mãnh lực, phát xuất từ một nguồn gốc nào đó. Thể dĩ thái thực tế không là gì khác ngoài năng lượng. Nó được cấu thành từ vô số các sợi

held in relation to the emotional and mental bodies and to the soul by their co-ordinating effect. These streams of energy, in their turn, have an effect on the physical body and swing it into activity of some kind or another, according to the nature and power of whatever type of energy may be dominating the etheric body at any particular time.

[3]

Through the etheric body, therefore, circulates energy emanating from some mind. With humanity in the mass, response is made unconsciously to the rulings of the Universal Mind; this is complicated in our time and age by a growing responsiveness to the mass ideas—called sometimes public opinion—of the rapidly evolving human mentality. Within the human family are also found those who respond to that inner group of Thinkers Who, working in mental matter, control from the subjective side of life the emergence of the great plan and the manifestation of divine purpose.

This group of Thinkers falls into seven main divisions and is presided over by three great Lives or super-conscious Entities. These three are the Manu, the Christ, and the Mahachohan. These three work primarily through the method of influencing the minds of the adepts and the initiates. These latter in their turn influence the disciples of the world, and these disciples, each in his own place and on his own responsibility, work out their concept of the plan and seek to give expression to it as far as possible. It is, therefore, as you can surmise, a process of stepping down rates of vibration until they are sufficiently heavy to affect physical plane

mãnh lực hoặc các dòng năng lượng nhỏ bé, nhờ tác động phối hợp của chúng mà duy trì mối liên hệ với thể cảm dục, thể trí và linh hồn. Các dòng năng lượng này, đến lượt mình, có tác động lên thể xác và đưa nó vào hoạt động thuộc loại này hay loại khác, tùy theo bản chất và sức mạnh của bất kỳ loại năng lượng nào đang thống trị thể dĩ thái vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào.

[3]

Do đó, thông qua thể dĩ thái, năng lượng phát xuất từ một thể trí nào đó luân chuyển. Đối với đại chúng nhân loại, sự đáp ứng được thực hiện một cách vô thức đối với các quy định của Vũ Trụ Trí; điều này trở nên phức tạp trong thời đại của chúng ta bởi sự phản ứng ngày càng tăng đối với các ý tưởng đại chúng—đôi khi được gọi là dư luận công chúng—của trí tuệ nhân loại đang tiến hóa nhanh chóng. Trong gia đình nhân loại cũng tìm thấy những người đáp ứng với nhóm Tư Tưởng Gia bên trong Đó, Những Vị làm việc trong vật chất cõi trí, kiểm soát từ phía chủ quan của sự sống sự xuất hiện của thiên cơ vĩ đại và sự biểu lộ của mục đích thiêng liêng.

Nhóm Tư Tưởng Gia này chia thành bảy bộ phận chính và được chủ trì bởi ba Sự Sống vĩ đại hay các Thực Thể siêu thức. Ba Vị này là Đức Manu, Đức Christ, và Đức Mahachohan. Ba Vị này làm việc chủ yếu thông qua phương pháp ảnh hưởng đến thể trí của các chân sư và các điểm đạo đồ. Những vị này đến lượt mình ảnh hưởng đến các đệ tử của thế gian, và những đệ tử này, mỗi người ở vị trí riêng và chịu trách nhiệm riêng, triển khai quan niệm của họ về thiên cơ và tìm cách biểu lộ nó càng nhiều càng tốt. Do đó, như các bạn có thể phỏng đoán, đó là một quá trình hạ thấp các mức rung động cho đến khi chúng đủ nặng để tác động đến vật

matter and thus make possible the building of organised effects on the physical plane. These disciples have hitherto worked very much alone except when karmic relationships have revealed them to each other, and telepathic intercommunication has been fundamentally confined to the Hierarchy of adepts and initiates, both in and out of incarnation, and to Their individual work with Their disciples.

chất cõi trần và do đó làm cho việc xây dựng các hiệu quả có tổ chức trên cõi trần trở nên khả thi. Cho đến nay, các đệ tử này đã làm việc rất đơn độc ngoại trừ khi các mối quan hệ nghiệp quả đã tiết lộ họ với nhau, và sự giao tiếp viễn cảm về cơ bản đã bị giới hạn trong Thánh đoàn của các chân sư và điểm đạo đồ, cả đang lâm phàm và không lâm phàm, và trong công việc cá nhân của Các Ngài với các đệ tử của Các Ngài.

It is, however, now deemed possible to establish a resembling condition and a telepathic relation between disciples on the physical plane. No matter where they may find themselves, this group of mystics and knowers will [4] eventually find it feasible to communicate with one another and frequently do even now. A basic mystical idea or some new revelation of truth is suddenly recognised by many and finds expression simultaneously through the medium of many minds. No one person can claim individual right to the enunciated principle or truth. Several minds have registered it. It is usually stated, however, in a wide generalisation, that these people have tapped the inner thought currents or have responded to the play of the Universal Mind. Literally and technically this is not so. The Universal Mind is tapped by some member of the planetary Hierarchy according to His mental bias and equipment, and the immediate needs sensed by the working adepts. He then presents the new idea, new discovery, or the new revelation to the group of adepts (telepathically, of course, my brother) and, when it has been discussed by them, He later presents it to His group of disciples. Among them He will find one who responds more readily and intelligently than the others and this one, through his clear thinking and the power of his formulated thoughtforms, can then influence other minds. These others grasp the concept as

Tuy nhiên, hiện nay người ta cho rằng có thể thiết lập một điều kiện tương tự và một mối quan hệ viễn cảm giữa các đệ tử trên cõi trần. Bất kể họ thấy mình ở đâu, nhóm những nhà thần bí và thức giả này [4] cuối cùng sẽ thấy khả thi để giao tiếp với nhau và thường xuyên làm như vậy ngay cả bây giờ. Một ý tưởng thần bí cơ bản hoặc một sự mặc khải mới về chân lý đột nhiên được nhiều người công nhận và tìm thấy sự biểu hiện đồng thời thông qua phương tiện của nhiều thể trí. Không một cá nhân nào có thể tuyên bố quyền cá nhân đối với nguyên tắc hoặc chân lý được công bố. Một số thể trí đã ghi nhận nó. Tuy nhiên, thường được tuyên bố, trong một sự khái quát rộng rãi, rằng những người này đã chạm vào các dòng tư tưởng bên trong hoặc đã đáp ứng với sự tác động của Vũ Trụ Trí. Theo nghĩa đen và kỹ thuật thì không phải như vậy. Một thành viên nào đó của Thánh đoàn hành tinh tiếp cận Vũ Trụ Trí tùy theo thiên hướng và trang bị trí tuệ của Ngài, và các nhu cầu cấp thiết mà các chân sư đang làm việc cảm nhận được. Sau đó, Ngài trình bày ý tưởng mới, khám phá mới, hoặc sự mặc khải mới cho nhóm các chân sư (tất nhiên là bằng viễn cảm, người huynh đệ của tôi) và, khi Các Ngài đã thảo luận về nó, sau đó Ngài trình bày nó cho nhóm đệ tử của Ngài. Trong số họ, Ngài sẽ tìm thấy một người đáp ứng sẵn sàng và thông minh hơn những người khác và người này, thông qua tư duy rõ ràng và sức mạnh của các hình tư tưởng được hình thành của

theirs; they seize upon it and work it out into manifestation. Each regards it as his special privilege so to do and, because of this specialising faculty and his automatically engendered responsibility, he throws back of it all the energy which is his, and works and fights for his thoughtforms.

mình, sau đó có thể ảnh hưởng đến các thể trí khác. Những người khác nắm bắt khái niệm như là của họ; họ nắm lấy nó và thực hiện nó thành biểu hiện. Mỗi người coi đó là đặc quyền đặc biệt của mình để làm như vậy và, do năng lực chuyên biệt hóa này và trách nhiệm tự động nảy sinh của mình, y dồn toàn bộ năng lượng của mình để hỗ trợ ý tưởng ấy, và làm việc cũng như chiến đấu cho các hình tư tưởng của mình.

An illustration of this is to be found in the history of the League of Nations. Before He took up special work, the Master Serapis sought to bring through some constructive idea for the helping of humanity. He conceived of a world unity in the realm of politics which would work out as an intelligent banding of the nations for the preservation of international peace. He presented it to the adepts in conclave and it was felt that something could be done. [5] The Master Jesus undertook to present it to His group of disciples as He was working in the occident. One of these disciples on the inner planes, seized upon the suggestion and passed it on (or rather stepped it down) until it registered in the brain of Colonel House. He, not recording the source (of which he was totally unaware), passed it on in turn to that sixth ray aspirant, called Woodrow Wilson. Then, fed by the wealth of analogous ideas in the minds of many, it was presented to the world. It should be borne in mind that the function of a disciple is to focus a stream of energy of some special kind upon the physical plane where it can become an attractive centre of force and draw to itself similar types of ideas and thought currents which are not strong enough to live by themselves or to make a sufficiently strong impact upon the human consciousness.

Một minh họa cho điều này có thể được tìm thấy trong lịch sử của Hội Quốc Liên. Trước khi Ngài đảm nhận công việc đặc biệt, Chân sư Serapis đã tìm cách đưa ra một số ý tưởng mang tính xây dựng để giúp đỡ nhân loại. Ngài đã quan niệm về một sự thống nhất thế giới trong lĩnh vực chính trị sẽ hoạt động như một sự liên kết thông minh của các quốc gia để bảo vệ hòa bình quốc tế. Ngài đã trình bày nó cho các chân sư trong mật nghị và người ta cảm thấy rằng điều gì đó có thể được thực hiện. [5] Chân sư Jesus đã đảm nhận việc trình bày nó cho nhóm đệ tử của Ngài vì Ngài đang làm việc ở phương Tây. Một trong những đệ tử này trên các cõi bên trong, đã nắm bắt gợi ý và chuyển nó đi (hay đúng hơn là hạ thấp nó xuống) cho đến khi nó được ghi nhận trong não bộ của Đại tá House. Ông ấy, không ghi lại nguồn gốc (mà ông hoàn toàn không hay biết), đã chuyển nó đến lượt mình cho người chí nguyện cung sáu đó, được gọi là Woodrow Wilson. Sau đó, được nuôi dưỡng bởi sự phong phú của các ý tưởng tương tự trong thể trí của nhiều người, nó đã được trình bày cho thế giới. Cần ghi nhớ rằng chức năng của một đệ tử là tập trung một dòng năng lượng thuộc loại đặc biệt nào đó lên cõi trần nơi nó có thể trở thành một trung tâm thu hút mãnh lực và lôi kéo về phía mình các loại ý tưởng và dòng tư tưởng tương tự vốn không đủ mạnh để tự tồn tại hoặc tạo ra một tác động đủ mạnh lên tâm thức con người.

In union is strength. This is the second law governing telepathic communication.

Trong sự đoàn kết có sức mạnh. Đây là định luật thứ hai chi phối giao tiếp viễn cảm.

The first law is:

Định luật thứ nhất là:

1. The power to communicate is to be found in the very nature of substance itself. It lies potentially within the ether, and the significance of telepathy is to be found in the word *omnipresence.*

1. Quyền năng giao tiếp được tìm thấy trong chính bản chất của chất liệu. Nó nằm tiềm tàng trong dĩ thái, và ý nghĩa của viễn cảm được tìm thấy trong từ *Sự Hiện Diện Khắp Nơi.*

The second law is:

Định luật thứ hai là:

2. The interplay of many minds produces a unity of thought which is powerful enough to be recognised by the brain.

2. Sự tác động qua lại của nhiều thể trí tạo ra một sự thống nhất tư tưởng đủ mạnh để được bộ não ghi nhận.

Here we have a law governing a subjective activity and another law governing objective manifestation. Let us voice these laws in the simplest manner possible. When [6] each member of the group can function in his mind-consciousness, untrammelled by the brain or the emotional nature, he will discover the universality of *the mental principle which is the first exoteric expression of the soul consciousness*. He will then enter into the world of ideas, becoming aware of them through the sensitive receiving plate of the mind. He then seeks to find those who respond to the same type of ideas and who react to the same mental impulse, simultaneously with himself. Uniting himself to them he discovers himself to be en rapport with them.

Ở đây chúng ta có một định luật chi phối một hoạt động chủ quan và một định luật khác chi phối biểu hiện khách quan. Chúng ta hãy diễn đạt những định luật này theo cách đơn giản nhất có thể. Khi [6] mỗi thành viên của nhóm có thể hoạt động trong tâm thức-trí tuệ của mình, không bị cản trở bởi bộ não hoặc bản chất cảm xúc, y sẽ khám phá ra tính phổ quát của *nguyên khí trí tuệ vốn là biểu hiện ngoại môn đầu tiên của tâm thức linh hồn*. Sau đó, y sẽ bước vào thế giới của các ý tưởng, nhận biết chúng thông qua tấm thu nhận nhạy cảm của thể trí. Sau đó, y tìm cách tìm những người đáp ứng với cùng loại ý tưởng và phản ứng với cùng một xung lực trí tuệ, đồng thời với chính y. Liên kết bản thân với họ, y khám phá ra mình giao cảm với họ.

The understanding of the first law produces results in the mind or mental body. The understanding of the second law produces results in a lesser receiving station, the brain. This is possible through the strengthening of a man's own mental reaction by the mental reaction of others,

Việc thấu hiểu định luật thứ nhất tạo ra các kết quả trong thể trí. Việc thấu hiểu định luật thứ hai tạo ra các kết quả trong một trạm thu nhận thấp hơn, bộ não. Điều này khả thi thông qua việc tăng cường phản ứng trí tuệ của chính con người bằng phản ứng trí tuệ của những người khác, có khả năng

similarly receptive. It will be found therefore that this process of communication, governed by these two laws, has always been in operation among the adepts, the initiates and the senior disciples who are in physical plane bodies. Now the operation of this process is to be extended and steadily developed by the emerging group of mystics and world servers who constitute, in embryo, the world Saviour.

tiếp nhận tương tự. Do đó, người ta sẽ thấy rằng quá trình giao tiếp này, được chi phối bởi hai định luật này, đã luôn hoạt động giữa các chân sư, các điểm đạo đồ và các đệ tử cao cấp đang ở trong thể xác trên cõi trần. Giờ đây, hoạt động của quá trình này sẽ được mở rộng và phát triển đều đặn bởi nhóm các nhà thần bí và những người phụng sự thế gian đang nổi lên, những người hợp thành mầm mống của Đấng Cứu Thế của thế gian.

Only those who know something of the meaning of concentration and meditation and who can hold the mind steady in the light will be able to understand the first law and comprehend that interplay of thought-directed energies which finds one terminal of expression in the mind of some inspired Thinker, and the other terminal in the mind of the attentive world server who seeks to tune in on those mind processes which hold the clue to ultimate world salvation. The thought-directing energy has for its source a Thinker Who can enter into the divine Mind, owing to His having transcended human limitation; the thought-directed receiver [7] is the man, in exoteric expression, who has aligned his brain, his mind, and his soul.

Chỉ những người biết đôi chút về ý nghĩa của sự tập trung và tham thiền và những người có thể giữ thể trí ổn định trong ánh sáng mới có thể hiểu được định luật thứ nhất và lĩnh hội sự tác động qua lại của các năng lượng được định hướng bởi tư tưởng vốn tìm thấy một đầu cực biểu hiện trong thể trí của một Tư Tưởng Gia được truyền cảm hứng nào đó, và đầu cực kia trong thể trí của người phụng sự thế gian chăm chú, người tìm cách bắt nhịp với các tiến trình trí tuệ nắm giữ manh mối cho sự cứu rỗi thế giới tối hậu. Năng lượng định hướng tư tưởng có nguồn gốc từ một Tư Tưởng Gia, Người có thể đi vào Trí thiêng liêng, nhờ việc Ngài đã siêu việt hóa giới hạn con người; người thu nhận được định hướng bởi tư tưởng [7] là con người, trong biểu hiện ngoại môn, người đã chỉnh hợp bộ não, thể trí và linh hồn của mình.

It is a fact that omnipresence, which is a law in nature and based on the fact that the etheric bodies of all forms constitute the world etheric body, makes *omniscience* possible. The etheric body of the planetary Logos is swept into activity by His directed will; energy is the result of His thoughtform playing in and through His energy body. This thoughtform embodies and expresses His world Purpose. All the subhuman forms of life and the human forms up to the stage of advanced man are governed by divine thought through the medium of their

Sự thật là tính hiện diện khắp nơi, vốn là một định luật trong tự nhiên và dựa trên thực tế là thể dĩ thái của mọi hình tướng cấu thành nên thể dĩ thái thế giới, làm cho *tính toàn tri* trở nên khả thi. Ý chí được định hướng của Hành Tinh Thượng Đế thúc đẩy thể dĩ thái của Ngài vào hoạt động; năng lượng là kết quả của hình tư tưởng của Ngài đang hoạt động trong và thông qua thể năng lượng của Ngài. Hình tư tưởng này hiện thân và biểu hiện Mục đích thế giới của Ngài. Tất cả các hình tướng dưới nhân loại của sự sống và các hình tướng con người cho đến giai

energy bodies which are an integral part of the whole. They react, however, unconsciously and unintelligently. Advanced humanity, the mystics and the knowers, are becoming increasingly aware of the mind which directs the evolutionary process. When this awareness is cultivated and the individual mind is brought consciously into contact with the mind of God as it expresses itself through the illumined mind of the Hierarchy of adepts, we shall have the steady growth of omniscience. This is the whole story of telepathic interplay in the true sense; it portrays the growth of that oligarchy of elect souls who will eventually rule the world, who will be chosen so to rule, and who will be recognised by the mass as eligible for that high office through the co-ordination that they have established between:

đoạn con người tiến hóa đều được chi phối bởi tư tưởng thiêng liêng thông qua môi trường của các thể năng lượng của chúng vốn là một phần không thể thiếu của tổng thể. Tuy nhiên, chúng phản ứng một cách vô thức và không thông minh. Nhân loại tiến hóa, các nhà thần bí và các thức giả, đang ngày càng nhận thức được thể trí chỉ đạo quá trình tiến hóa. Khi sự nhận thức này được trau dồi và thể trí cá nhân được đưa vào tiếp xúc một cách có ý thức với trí của Thượng đế khi nó biểu hiện qua thể trí được soi sáng của Thánh đoàn các chân sư, chúng ta sẽ có sự tăng trưởng đều đặn của tính toàn tri. Đây là toàn bộ câu chuyện về sự tác động qua lại bằng viễn cảm theo đúng nghĩa; nó mô tả sự phát triển của chế độ thiểu số của những linh hồn tinh hoa, những người cuối cùng sẽ cai trị thế giới, những người sẽ được chọn để cai trị như vậy, và những người sẽ được quần chúng công nhận là đủ tư cách cho chức vụ cao cả đó thông qua sự phối hợp mà họ đã thiết lập giữa:

1. The universal mind.

1. Vũ trụ trí.

2. Their individual mind illumined by the soul consciousness.

2. Thể trí cá nhân của họ được soi sáng bởi tâm thức linh hồn.

3. The brain, reacting to the individual mind, and

3. Bộ não, phản ứng với thể trí cá nhân, và

4. The group of those whose minds and brains are similarly tuned and telepathically related.

4. Nhóm những người có thể trí và bộ não được điều chỉnh tương tự và có quan hệ viễn cảm.

[8]

[8]

In connection with disciples and aspirants to discipleship, it is presumed that their minds are somewhat attuned to the soul; that they are also so aligned that the soul, mind and brain are coordinated and are

Liên quan đến các đệ tử và những người chí nguyện trở thành đệ tử, người ta cho rằng thể trí của họ có phần hòa hợp với linh hồn; rằng họ cũng được chỉnh hợp sao cho linh hồn, thể trí và bộ não được phối hợp và bắt

beginning to function as a unit. This is the individual responsibility. Now comes the task of learning to be responsive to the group and to find and contact those minds which are energised by similar thought currents. This has to be cultivated. How, my brother, shall this be done? Let us consider the various types of telepathic work.

đầu hoạt động như một đơn vị. Đây là trách nhiệm cá nhân. Bây giờ đến nhiệm vụ học cách đáp ứng với nhóm và tìm kiếm cũng như tiếp xúc với những thể trí được tiếp năng lượng bởi các dòng tư tưởng tương tự. Điều này phải được trau dồi. Người huynh đệ của tôi, điều này sẽ được thực hiện như thế nào? Chúng ta hãy xem xét các loại công việc viễn cảm khác nhau.

The undeveloped human being and the unthinking, non-mental man or woman can be and often are telepathic, but the centre through which they work is the solar plexus. The line of communication is, therefore, from solar plexus to solar plexus. This is therefore *instinctual telepathy* and concerns *feeling* in every case. It involves, invariably, radiations from the solar plexus, which in the case of the animal world serves usually as the instinctual brain. This type of telepathic communication is definitely a characteristic of the animal body of man, and one of the best illustrations of this telepathic rapport is that existing between a mother and her child. It is this type of telepathy which is predominantly present in the average spiritualistic seance. There the medium, quite unconsciously, sets up a telepathic rapport with the people in the circle. Their feelings, worries, sorrows, and desires become apparent and form part of the reading, so called. Both the sitters and the medium are functioning through the same centre. With this class of medium, and in this type of seance, the highly intelligent and mentally polarised man or woman will learn nothing, and will probably receive no messages, unless faked. Hence, therefore, when it comes to scientific investigation by trained minds, physical phenomena has predominated and not the more subtle forms of psychism. Where [9] the more subtle forms of super- or extra-sensory perception have been involved, the subjects

Con người chưa phát triển và người nam hay nữ không suy nghĩ, phi trí tuệ có thể và thường có khả năng viễn cảm, nhưng trung tâm mà qua đó họ làm việc là tùng thái dương. Do đó, đường dây giao tiếp là từ tùng thái dương đến tùng thái dương. Vì vậy đây là *viễn cảm bản năng* và liên quan đến *cảm giác* trong mọi trường hợp. Nó liên quan, luôn luôn là như vậy, đến các bức xạ từ tùng thái dương, mà trong trường hợp của thế giới động vật thường đóng vai trò là bộ não bản năng. Loại giao tiếp viễn cảm này chắc chắn là một đặc điểm của thể động vật của con người, và một trong những minh họa tốt nhất về mối quan hệ viễn cảm này là mối quan hệ tồn tại giữa người mẹ và đứa con của bà. Chính loại viễn cảm này hiện diện chủ yếu trong buổi gọi hồn thông linh trung bình. Ở đó, đồng tử, hoàn toàn vô thức, thiết lập một mối quan hệ viễn cảm với những người trong vòng tròn. Cảm xúc, lo lắng, nỗi buồn và ham muốn của họ trở nên rõ ràng và tạo thành một phần của cái gọi là bài đọc. Cả người ngồi và đồng tử đều đang hoạt động qua cùng một trung tâm. Với tầng lớp đồng tử này, và trong loại buổi gọi hồn này, người nam hay nữ có trí thông minh cao và phân cực trí tuệ sẽ không học được gì, và có lẽ sẽ không nhận được thông điệp nào, trừ khi là giả mạo. Do đó, khi nói đến cuộc điều tra khoa học bởi những bộ óc được huấn luyện, các hiện tượng vật lý đã chiếm ưu thế chứ không phải các dạng thông linh tinh tế hơn. Nơi [9] các dạng tri giác siêu cảm hoặc ngoại cảm tinh tế hơn có liên quan, các chủ thể

have been either adolescent or in their early twenties and have been primarily and rightly focussed in the emotional-feeling body. This is true even when they are highly intellectual.

thường ở tuổi vị thành niên hoặc đầu những năm hai mươi và chủ yếu tập trung, và tập trung đúng đắn, vào thể cảm xúc-cảm giác. Điều này đúng ngay cả khi họ có trí thức cao.

This form of telepathic communication is therefore of two kinds, with the solar plexus always involved:

Do đó, hình thức giao tiếp viễn cảm này có hai loại, với tùng thái dương luôn luôn liên quan:

a. It will be from solar plexus to solar plexus between two people who are ordinary, emotional, governed by desire, and primarily centred in the astral and animal bodies.

a. Nó sẽ là từ tùng thái dương đến tùng thái dương giữa hai người bình thường, đầy cảm xúc, bị chi phối bởi dục vọng, và chủ yếu tập trung vào thể cảm dục và thể động vật.

b. It will be between such a “solar plexus” person, if I may so call him, and a higher type whose solar plexus centre is functioning actively but whose throat centre is also alive. This type of person registers in two places—provided that the thought sensed and sent out by the solar plexus person has in it something of mental substance or energy. Pure feeling and entirely emotional emanations between people necessitate only solar plexus contact.

b. Nó sẽ là giữa một người “tùng thái dương” như vậy, nếu tôi có thể gọi y như thế, và một loại người cao hơn có trung tâm tùng thái dương hoạt động tích cực nhưng trung tâm cổ họng cũng sống động. Loại người này ghi nhận ở hai nơi—miễn là tư tưởng mà người tùng thái dương cảm nhận và gửi đi có trong đó một chút chất liệu hoặc năng lượng trí tuệ. Cảm giác thuần túy và những phát xạ hoàn toàn cảm xúc giữa mọi người chỉ đòi hỏi sự tiếp xúc tùng thái dương.

Later, when group work in telepathy is undertaken, the centres of transmission wherein high and consecrated feeling, devotion, aspiration and love are concerned and where the groups work with pure love, communication will be from heart to heart, and from a group heart to another group heart. The phrase “heart to heart talk,” so often used, is usually a misnomer at this time, but will some day be true. At present it is usually a solar plexus conversation!

Sau này, khi công việc nhóm trong viễn cảm được thực hiện, các trung tâm truyền phát nơi cảm giác cao thượng và thánh hiến, lòng sùng tín, khát vọng và tình thương có liên quan và nơi các nhóm làm việc với tình thương thuần khiết, sự giao tiếp sẽ là từ trái tim đến trái tim, và từ trái tim nhóm này đến trái tim nhóm khác. Cụm từ “nói chuyện từ trái tim đến trái tim,” thường được sử dụng, thường là một cái tên sai vào thời điểm này, nhưng một ngày nào đó sẽ đúng. Hiện tại, nó thường là một cuộc trò chuyện tùng thái dương!

The second form of telepathic work is that of mind to mind, and it is with this form of

Hình thức thứ hai của công việc viễn cảm là từ thể trí đến thể trí, và chính với hình thức

communication that the highest investigation is at this time concerned. Only mental types are involved, and the more that emotion and feeling [10] and strong desire can be eliminated, the more accurate will be the work accomplished. The strong desire to achieve success in telepathic work, and the fear of failure, are the surest ways to offset fruitful effort. In all such work as this, an attitude of non-attachment and a spirit of 'don't care' are of real assistance. Experimenters along this line need to give more time and thought to the recognition of types of force. They need to realise that emotion, and desire for anything, on the part of the receiving agent create streams of emanating energy which rebuff or repulse that which seeks to make contact, such as the directed thought of someone seeking rapport. When these streams are adequately strong, they act like a boomerang and return to the emanating centre, being attracted back there by the power of the vibration which sent them forth. In this thought lies hid the cause of:

giao tiếp này mà cuộc điều tra cao nhất vào thời điểm này có liên quan. Chỉ các loại người trí tuệ mới tham gia, và càng loại bỏ được nhiều cảm xúc và cảm giác [10] cũng như dục vọng mạnh mẽ, thì công việc hoàn thành sẽ càng chính xác. Dục vọng mạnh mẽ đạt được thành công trong công việc viễn cảm, và nỗi sợ thất bại, là những cách chắc chắn nhất để làm hỏng nỗ lực hiệu quả. Trong tất cả các công việc như thế này, thái độ không dính mắc và tinh thần 'không màng đến' là sự trợ giúp thực sự. Những người thử nghiệm theo hướng này cần dành nhiều thời gian và suy nghĩ hơn để nhận biết các loại mãnh lực. Họ cần nhận ra rằng cảm xúc, và dục vọng đối với bất cứ điều gì, về phía tác nhân nhận tin tạo ra các dòng năng lượng phát xuất đẩy lùi hoặc cự tuyệt cái đang tìm cách tiếp xúc, chẳng hạn như tư tưởng được định hướng của ai đó đang tìm cách giao cảm. Khi các dòng này đủ mạnh, chúng hoạt động giống như một chiếc boomerang và quay trở lại trung tâm phát ra, bị thu hút trở lại đó bởi sức mạnh của rung động đã gửi chúng đi. Trong tư tưởng này ẩn chứa nguyên nhân của:

a. The failure on the part of the broadcasting or transmitting agent. Intense desire to make a satisfactory impression will attract the outgoing thought back again to the transmitter.

a. Sự thất bại về phía tác nhân phát tin hoặc truyền tin. Dục vọng mãnh liệt muốn tạo ấn tượng thỏa đáng sẽ thu hút tư tưởng đi ra quay trở lại với người truyền tin.

b. The failure on the part of the receiving agent whose own intense desire to be successful sends out such a stream of outgoing energy that the stream of incoming energy is met, blocked and driven back whence it came; or, if the receiver is aware of this and seeks to stem the tide of his desire, he frequently succeeds in surrounding himself with a wall of inhibited desire through which naught can penetrate.

b. Sự thất bại về phía tác nhân nhận tin mà dục vọng mãnh liệt muốn thành công của chính y gửi ra một dòng năng lượng đi ra đến nỗi dòng năng lượng đi ra ấy gặp, chặn và đẩy dòng năng lượng đi vào trở lại nơi nó xuất phát; hoặc, nếu người nhận ý thức được điều này và tìm cách ngăn chặn làn sóng dục vọng của mình, y thường thành công trong việc bao quanh mình bằng một bức tường dục vọng bị ức chế mà qua đó không gì có thể thâm nhập.

II. TELEPATHIC WORK—II. CÔNG VIỆC VIỄN CẢM

[11]

Telepathy and the allied powers will only be understood when the nature of force, of emanations and radiations, and of energy currents, is better grasped. This is rapidly coming about as science penetrates more deeply into the arcana of energies and begins to work—as does the occultist—in the world of forces.

It should also be borne in mind that it is only as the centres employed are consciously used that we have that carefully directed work which will be fruitful of results. For instance, an emotional person, using primarily the solar plexus centre, will be endeavouring to enter into rapport with a mental type. From this will result only confusion. The two parties concerned are using different centres and are sensitive to certain types of force and closed to others. Again, some people, even if mentally polarised and therefore sensitive to similar vibrations attempt to make a telepathic contact when one party is under emotional strain and therefore not responsive, or one party is intensively occupied with some mental problem and is encased in a wall of thoughtforms and therefore impervious to impressions. You can see, therefore, how a cultivation of detachment is a necessary qualification for success in telepathic work.

All who seek to tread the Path of Discipleship are endeavouring to live in the head centre, and—through meditation—to bring in the power of the soul. The problem which you face, as disciples learning telepathic sensitivity, is founded on two things:

[11]

Viễn cảm và các quyền năng liên quan sẽ chỉ được thấu hiểu khi bản chất của mãnh lực, của sự xuất lộ và bức xạ, và của các dòng năng lượng, được nắm bắt tốt hơn. Điều này đang nhanh chóng diễn ra khi khoa học thâm nhập sâu hơn vào bí mật của các năng lượng và bắt đầu làm việc—như nhà huyền bí học làm—trong thế giới của các mãnh lực.

Cũng cần ghi nhớ rằng chỉ khi các trung tâm được sử dụng một cách có ý thức thì chúng ta mới có công việc được định hướng cẩn thận mang lại kết quả. Ví dụ, một người đầy cảm xúc, sử dụng chủ yếu trung tâm tùng thái dương, sẽ nỗ lực để đi vào mối quan hệ với một người thuộc loại trí tuệ. Điều này chỉ dẫn đến sự nhầm lẫn. Hai bên liên quan đang sử dụng các trung tâm khác nhau và nhạy cảm với một số loại mãnh lực và đóng lại với những loại khác. Một lần nữa, một số người, ngay cả khi phân cực trí tuệ và do đó nhạy cảm với các rung động tương tự, cố gắng thực hiện tiếp xúc viễn cảm khi một bên đang chịu căng thẳng cảm xúc và do đó không đáp ứng, hoặc một bên đang bận rộn sâu sắc với một vấn đề trí tuệ nào đó và bị bao bọc trong một bức tường hình tư tưởng và do đó không thấm nhận các ấn tượng. Do đó, các bạn có thể thấy việc trau dồi sự tách rời là một phẩm chất cần thiết để thành công trong công việc viễn cảm như thế nào.

Tất cả những ai tìm cách bước đi trên Con Đường Đệ Tử đều đang nỗ lực để sống trong trung tâm đầu, và—thông qua tham thiền—để mang vào quyền năng của linh hồn. Vấn đề mà các bạn đối mặt, với tư cách là các đệ

tử đang học về sự nhạy cảm viễn cảm, được dựa trên hai điều:

a. Upon which of your three bodies is the most active; thereby is indicated where you live subjectively most of the time. [12]

a. Thể nào trong ba thể phàm ngã của các bạn hoạt động tích cực nhất; qua đó chỉ ra nơi các bạn sống một cách chủ quan phần lớn thời gian. [12]

b. Upon which centre is the most expressive in your equipment, and through which you contact most easily modern living conditions. I mean by these words: where, literally speaking, your life energy is predominantly focussed and your sentient energy expresses itself the most.

b. Trung tâm nào biểu hiện rõ nhất trong trang bị của các bạn, và qua đó các bạn tiếp xúc dễ dàng nhất với các điều kiện sống hiện đại. Tôi muốn nói qua những từ này: nơi nào, nói theo nghĩa đen, năng lượng sự sống của các bạn tập trung chủ yếu và năng lượng cảm giác của các bạn biểu hiện nhiều nhất.

An understanding of this will make you better able to work and to make intelligent experiment. Therefore, watch yourselves with care yet impersonally, and work out the why and the wherefore of the effects produced, for by this means you will learn.

Sự thấu hiểu điều này sẽ làm cho các bạn có khả năng làm việc tốt hơn và thực hiện thử nghiệm thông minh. Do đó, hãy quan sát bản thân một cách cẩn thận nhưng không mang tính cá nhân, và tìm ra lý do tại sao và do đâu của các hiệu quả được tạo ra, vì bằng phương tiện này các bạn sẽ học hỏi.

The third type of telepathic work is that from soul to soul. This is the highest type of telepathic work possible to humanity and is that form of communication which has been responsible for all the inspirational writings of real power, the world Scriptures, the illumined utterances, the inspired speakers, and the language of symbolism. It only becomes possible where there is an integrated personality, and, at the same time, the power to focus oneself in the soul consciousness. The mind and the brain have, at the same time, to be brought into perfect rapport and alignment.

Loại công việc viễn cảm thứ ba là từ linh hồn đến linh hồn. Đây là loại công việc viễn cảm cao nhất có thể đối với nhân loại và là hình thức giao tiếp chịu trách nhiệm cho tất cả các bài viết truyền cảm hứng có sức mạnh thực sự, các Kinh điển thế giới, những lời phát biểu được soi sáng, các diễn giả được truyền cảm hứng, và ngôn ngữ của biểu tượng. Nó chỉ trở nên khả thi khi có một phàm ngã tích hợp, và đồng thời, quyền năng tập trung bản thân trong tâm thức linh hồn. Thể trí và bộ não, đồng thời, phải được đưa vào mối quan hệ và sự chỉnh hợp hoàn hảo.

It is my intention to elucidate further this science of communication, which started through the sense of touch and developed through sound, symbols, words and sentences, languages, writing, art, and on

Ý định của tôi là làm sáng tỏ thêm khoa học giao tiếp này, vốn bắt đầu thông qua xúc giác và phát triển qua âm thanh, biểu tượng, từ ngữ và câu cú, ngôn ngữ, chữ viết, nghệ thuật, và tiếp tục đến giai đoạn của các biểu

again to the stage of higher symbols, vibratory contact, telepathy, inspiration and illumination. I have, however, in the above, dealt with the general outline and we will take the specific details later.

tượng cao hơn, tiếp xúc rung động, viễn cảm, cảm hứng và sự soi sáng. Tuy nhiên, ở trên, tôi đã đề cập đến phác thảo chung và chúng ta sẽ đi vào các chi tiết cụ thể sau.

The work of the telepathic communicators is one of the most important in the coming new age, and it will be of value to gain some idea of its significance and techniques. I [13] would, in summarising the above instruction, state that in connection with individuals:

Công việc của các nhà giao tiếp viễn cảm là một trong những công việc quan trọng nhất trong kỷ nguyên mới sắp tới, và sẽ có giá trị khi có được một số ý tưởng về ý nghĩa và kỹ thuật của nó. Tôi [13] muốn, khi tóm tắt hướng dẫn trên, tuyên bố rằng liên quan đến các cá nhân:

1. Telepathic communication is

1. Giao tiếp viễn cảm là

a. Between soul and mind.

a. Giữa linh hồn và thể trí.

b. Between soul, mind and brain.

b. Giữa linh hồn, thể trí và bộ não.

This is as far as interior individual development is concerned.

Điều này là xét về phương diện phát triển nội tâm cá nhân.

2. When it is found between individuals, telepathic communication is

2. Khi được tìm thấy giữa các cá nhân, giao tiếp viễn cảm là

a. Between soul and soul.

a. Giữa linh hồn và linh hồn.

b. Between mind and mind.

b. Giữa thể trí và thể trí.

c. Between solar plexus and solar plexus, and therefore purely emotional.

c. Giữa tùng thái dương và tùng thái dương, và do đó hoàn toàn thuộc về cảm xúc.

d. Between all these three aspects of energy simultaneously, in the case of very advanced people.

d. Giữa tất cả ba phương diện năng lượng này đồng thời, trong trường hợp của những người rất tiến hóa.

3. Telepathic communication is also:

3. Giao tiếp viễn cảm cũng là:

a. Between a Master and His disciples or disciple.

a. Giữa một Chân sư và các đệ tử hoặc một đệ tử của Ngài.

b. Between a Master and His group and a group or groups of sensitives and aspirants on the physical plane.

b. Giữa một Chân sư và nhóm của Ngài và một nhóm hoặc các nhóm những người nhạy cảm và người chí nguyện trên cõi trần.

c. Between subjective and objective groups.

c. Giữa các nhóm chủ quan và khách quan.

d. Between the occult Hierarchy and groups of disciples on the physical plane.

d. Giữa Thánh đoàn huyền môn và các nhóm đệ tử trên cõi trần.

e. Between the Hierarchy and the New Group of World Servers in order to reach humanity and lift it nearer the goal.

e. Giữa Thánh đoàn và Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian để tiếp cận nhân loại và nâng nó lên gần hơn với mục tiêu.

This concerns the new science of group telepathic communication, of which herd or mass telepathy (so well known) is the lowest known expression. This instinctual telepathy which is shown by a flight of birds, acting as a unit, or that animal telepathy which serves to govern so mysteriously the movements of herds of animals, and the rapid transmission [14] of information among the savage races and non-intelligent peoples—these are all instances of that lower externalisation of an inner spiritual reality. An intermediate stage of this instinctual activity, based largely on solar plexus reactions, can be seen in modern mass psychology and public opinion. It is, as you know, predominantly emotional, unintelligent, astral and fluidic in its expression. This is changing rapidly and shifting into the realm of what is called "intelligent public opinion," but this is, as yet, slow. It involves the activity of the throat and ajna centres. We have, therefore:

Điều này liên quan đến khoa học mới về giao tiếp viễn cảm nhóm, mà viễn cảm bầy đàn hay viễn cảm đại chúng (rất phổ biến) là biểu hiện thấp nhất được biết đến. Viễn cảm bản năng này được thể hiện bởi một đàn chim đang bay, hành động như một đơn vị, hoặc viễn cảm động vật dùng để chi phối một cách bí ẩn các chuyển động của các đàn thú, và sự truyền tải nhanh chóng [14] thông tin giữa các chủng tộc man dã và những người thiếu thông minh—tất cả những điều này đều là các ví dụ về sự ngoại hiện thấp hơn đó của một thực tại tinh thần bên trong. Một giai đoạn trung gian của hoạt động bản năng này, dựa phần lớn vào các phản ứng tùng thái dương, có thể thấy trong tâm lý học đám đông hiện đại và dư luận công chúng. Như các bạn biết, nó chủ yếu là cảm xúc, thiếu thông minh, thuộc về cảm dục và linh động trong biểu hiện của nó. Điều này đang thay đổi nhanh chóng và chuyển sang lĩnh vực của cái được gọi là "dư luận công chúng thông minh," nhưng điều này, cho đến nay, vẫn còn chậm. Nó liên quan đến hoạt động của các trung tâm cổ họng và ajna. Do đó, chúng ta có:

1. Instinctual telepathy.

1. Viễn cảm bản năng.

2. Mental telepathy.

3. Intuitional telepathy.

I would remind you right at the outset that sensitivity to the thoughts of one's Master, sensitivity to the world of ideas, and sensitivity to intuitional impressions are all forms of telepathic sensitivity.

In any consideration of this theme, it is obvious that there are three major factors which must be considered:

1. *The initiating agent.* I use this word with deliberate intent, as the power to work telepathically, both as initiating agent and as recipient, is closely connected with initiation, and is one of the indications that a man is ready for that process.

2. The *recipient* of that which is conveyed to him on the "wings of thought."

3. The *medium* through which it is intended to convey the transfer of thought, of idea, of wish, of imprint, and therefore of some form of knowledge.

[15]

This is the simplest statement of the elementary mechanics of the process. This indicates, likewise, the most elementary comprehension of the thought covered so frequently by the *Bhagavad Gita* in the words which we have translated in the West by the terms: the Knower, the Field of Knowledge, and the Known. You have oft been told that every sacred book, such as the

2. Viễn cảm trí tuệ.

3. Viễn cảm trực giác.

Tôi muốn nhắc nhở các bạn ngay từ đầu rằng sự nhạy cảm với các tư tưởng của Chân sư mình, sự nhạy cảm với thế giới của các ý tưởng, và sự nhạy cảm với các ấn tượng trực giác đều là các hình thức của sự nhạy cảm viễn cảm.

Trong bất kỳ sự xem xét nào về chủ đề này, rõ ràng là có ba yếu tố chính phải được xem xét:

1. *Tác nhân khởi xướng.* Tôi sử dụng từ này với ý định có chủ đích, vì quyền năng làm việc bằng viễn cảm, cả với tư cách là tác nhân khởi xướng và người nhận, có liên quan mật thiết với điểm đạo, và là một trong những dấu hiệu cho thấy một người đã sẵn sàng cho quá trình đó.

2. *Người nhận* cái được chuyển đến y trên "đôi cánh của tư tưởng."

3. *Môi trường* dự kiến dùng để truyền tư tưởng, ý tưởng, mong muốn và dấu ấn, và do đó của một hình thức tri thức nào đó.

[15]

Đây là tuyên bố đơn giản nhất về cơ chế sơ đẳng của quá trình. Tương tự như vậy, điều này chỉ ra sự hiểu biết sơ đẳng nhất về tư tưởng thường được đề cập bởi *Chí Tôn Ca* trong những từ ngữ mà chúng ta đã dịch ở phương Tây bằng các thuật ngữ: Thức Giả, Trường Tri Thức, và Cái Được Biết. Các bạn thường được bảo rằng mọi cuốn sách thiêng liêng, chẳng hạn như *Chí Tôn Ca*, đều có

Bhagavad Gita, for instance, has various interpretations, dependent upon the point in evolution of the reader, or seeker after truth. This interpretation of the *Bhagavad Gita* in terms of Communicator, Communication and Communicant still demands elucidation, and in the idea which I have above conveyed to you, I have given you a hint.

nhiều cách giải thích khác nhau, phụ thuộc vào điểm tiến hóa của người đọc, hay người tìm kiếm chân lý. Sự giải thích này về *Chí Tôn Ca* theo các thuật ngữ Người Truyền Tin, Sự Truyền Tin và Người Nhận Tin vẫn đòi hỏi sự làm sáng tỏ, và trong ý tưởng mà tôi đã truyền đạt cho các bạn ở trên, tôi đã đưa ra cho các bạn một gợi ý.

III. THREE TYPES OF TELEPATHY—III. BA LOẠI VIỄN CẢM

[16]

Let us now discuss in some detail the three types of telepathy enumerated above: instinctual telepathy, mental telepathy, and intuitional telepathy. These three produce differing modes of activity and tap (to use a familiar word) differing areas of communication.

[16]

Bây giờ chúng ta hãy thảo luận chi tiết hơn về ba loại viễn cảm được liệt kê ở trên: viễn cảm bản năng, viễn cảm trí tuệ, và viễn cảm trực giác. Ba loại này tạo ra các phương thức hoạt động khác nhau và khai thác (sử dụng một từ quen thuộc) các khu vực giao tiếp khác nhau.

1. *Instinctual telepathy* is based upon those impacts of energy which come from one etheric body and make an impression upon another. The medium of communication employed is, as we have seen, the etheric substance of all bodies, which is necessarily one with the etheric substance of the planet. The area around the solar plexus (though not in direct relation to that centre as it exists as an instrument differentiated from all other instruments or centres) is sensitive to the impact of etheric energy, for this area in the etheric body is in direct "touch" with the astral body, the feeling body. Also, close to the solar plexus is found that centre near the spleen which is the direct instrument for the entrance of *prana* into the human mechanism. This instinctual response to etheric contact was the mode of communication in Lemurian times, and

1. *Viễn cảm bản năng* dựa trên những tác động năng lượng đến từ một thể dĩ thái này và tạo ấn tượng lên thể dĩ thái khác. Môi trường giao tiếp được sử dụng, như chúng ta đã thấy, là chất liệu dĩ thái của tất cả các thân thể, vốn nhất thiết phải đồng nhất với chất liệu dĩ thái của hành tinh. Khu vực xung quanh tùng thái dương (mặc dù không liên quan trực tiếp đến trung tâm đó như nó tồn tại với tư cách một công cụ khác biệt với tất cả các công cụ hay trung tâm khác) nhạy cảm với tác động của năng lượng dĩ thái, vì khu vực này trong thể dĩ thái có sự "tiếp xúc" trực tiếp với thể cảm dục, thể cảm giác. Ngoài ra, gần tùng thái dương còn tìm thấy trung tâm gần lá lách vốn là công cụ trực tiếp cho sự xâm nhập của *prana* vào cơ chế con người. Sự đáp ứng bản năng này đối với tiếp xúc dĩ thái là phương thức giao tiếp trong thời Lemuria, và phần lớn thay thế cho

largely took the place of thought and of speech. It concerned itself primarily with two types of impression: that which had to do with the instinct of self-preservation, and that which had to do with self-reproduction. A higher form of this instinctual telepathy has been preserved for us in the expression we so frequently use, "I have a feeling that...," and allied phrases. These are more definitely astral in their implications and work through the astral substance, using the solar plexus area as a sensitive plate for impact and impression.

tư tưởng và lời nói. Nó liên quan chủ yếu đến hai loại ấn tượng: loại liên quan đến bản năng tự bảo tồn, và loại liên quan đến sự tự sinh sản. Một hình thức cao hơn của viễn cảm bản năng này đã được bảo tồn cho chúng ta trong cách diễn đạt mà chúng ta thường xuyên sử dụng, "Tôi có cảm giác rằng...," và các cụm từ liên quan. Những điều này mang ý nghĩa cảm dục rõ ràng hơn và hoạt động qua chất liệu cảm dục, sử dụng khu vực tùng thái dương như một tấm thu nhận nhạy cảm cho tác động và ấn tượng.

[17]

[17]

One point should here be made clear, and upon it you should ponder. This *astral* (not etheric) sensitivity, or "feeling telepathy" is basically the Atlantean mode of communication, and involved finally the use of the solar plexus centre itself as the receiving agent; the emitting agent (if I may use such a phrase) worked, however, through the entire area of the diaphragm. It was as though there appeared, through emergence, a gathering of forces or outgoing waves of energy in that part of the human vehicle. The relatively wide area from which the information was sent out acted as a large general distributor; the area which received the impression, however, was more localised, involving only the solar plexus. The reason for this can be found in the fact that in Atlantean days the human being was still unable to *think*, as we understand thinking. The whole lower part of the body, in a sense difficult for us to grasp, was given up to feeling; the communicator's one thought-contribution was the name of the recipient, plus the name or noun form of that which was the idea to be conveyed. This embryo thought winged its way to its goal, and the powerful "feeling" apparatus of the

Một điểm cần được làm rõ ở đây, và các bạn nên suy ngẫm về nó. Sự nhạy cảm *cảm dục* (không phải dĩ thái) này, hay "viễn cảm cảm giác" về cơ bản là phương thức giao tiếp Atlantis, và cuối cùng liên quan đến việc sử dụng chính trung tâm tùng thái dương làm tác nhân nhận tin; tuy nhiên, tác nhân phát tin (nếu tôi có thể sử dụng cụm từ như vậy) đã làm việc qua toàn bộ khu vực cơ hoành. Dường như, thông qua sự xuất lộ, xuất hiện một sự tập hợp các mãnh lực hoặc các sóng năng lượng đi ra trong phần đó của hiện thể con người. Khu vực tương đối rộng từ đó thông tin được gửi đi hoạt động như một bộ phân phối chung lớn; tuy nhiên, khu vực nhận ấn tượng lại cục bộ hơn, chỉ liên quan đến tùng thái dương. Lý do cho điều này có thể tìm thấy trong thực tế là vào thời Atlantis, con người vẫn chưa thể *suy nghĩ*, như chúng ta hiểu về suy nghĩ. Toàn bộ phần dưới của cơ thể, theo một nghĩa khó nắm bắt đối với chúng ta, đã được dành cho cảm giác; đóng góp tư tưởng duy nhất của người truyền tin là tên của người nhận, cộng với tên hoặc dạng danh từ của cái là ý tưởng cần được truyền đạt. Tư tưởng phôi thai này đã bay đến mục tiêu của nó, và bộ máy "cảm giác" mạnh mẽ của tùng thái dương đã nhận

solar plexus received it (acting like a magnet) and drew the "feeling impression" powerfully there, drawing thus upon the communicator. It is this process which is pursued when, for instance, some mother "feels" that some danger threatens her child, or that some happening is taking place in connection with her child. She is thus sometimes enabled to send, by the medium of instinctual love, a most definite warning. The solar plexus is involved where the recipient is concerned; the area around the diaphragm is involved where the communicator is concerned.

nó (hoạt động giống như một nam châm) và lôi kéo "ấn tượng cảm giác" một cách mạnh mẽ vào đó, do đó thu hút người truyền tin. Chính quá trình này được theo đuổi khi, ví dụ, một người mẹ nào đó "cảm thấy" rằng mối nguy hiểm nào đó đang đe dọa con mình, hoặc điều gì đó đang diễn ra liên quan đến con mình. Do đó, đôi khi bà có thể gửi đi, bằng phương tiện của tình thương bản năng, một cảnh báo dứt khoát nhất. Ở phía người nhận, tùng thái dương tham gia; ở phía người truyền tin, khu vực xung quanh cơ hoành tham gia.

2. In our race, the Aryan, instinctual telepathic work is still the major expression of this spiritual possibility, but at the same time *mental telepathy* is becoming increasingly [18] prevalent. This will be more and more so, as time goes on. It is most difficult in this transition period to define, or differentiate, the peculiar areas involved, because the solar plexus is still exceedingly active. What we have today is a mixture of instinctual telepathy and the beginning of mental telepathy. This manifests, however, very seldom, and then only in the educated classes. With the masses, instinctual telepathy is still the mode of contact. The throat centre is primarily involved where mental telepathy is concerned; there is also sometimes a little heart activity and always a measure of solar plexus reaction. Hence our problem. Frequently the communicator will send a message via the throat centre, and the recipient will still use the solar plexus. This is the most frequent method, and I would ask you to remember this. The sending out of a message may involve, and frequently does in connection with disciples, the throat centre, but the recipient will probably use the solar plexus centre. The throat centre is *the* centre, par excellence, or the medium, of all creative

2. Trong giống dân của chúng ta, giống dân Arya, công việc viễn cảm bản năng vẫn là biểu hiện chính của khả năng tinh thần này, nhưng đồng thời *viễn cảm trí tuệ* đang trở nên ngày càng [18] phổ biến. Điều này sẽ càng ngày càng như vậy, khi thời gian trôi qua. Rất khó khăn trong giai đoạn chuyển tiếp này để xác định, hoặc phân biệt, các khu vực đặc biệt liên quan, bởi vì tùng thái dương vẫn còn cực kỳ hoạt động. Những gì chúng ta có ngày nay là sự pha trộn của viễn cảm bản năng và sự khởi đầu của viễn cảm trí tuệ. Tuy nhiên, điều này biểu hiện rất hiếm khi, và sau đó chỉ trong các tầng lớp có giáo dục. Với quần chúng, viễn cảm bản năng vẫn là phương thức tiếp xúc. Trung tâm cổ họng chủ yếu tham gia vào viễn cảm trí tuệ; đôi khi cũng có một chút hoạt động của tim và luôn luôn có một mức độ phản ứng tùng thái dương. Do đó vấn đề của chúng ta. Thường xuyên người truyền tin sẽ gửi một thông điệp thông qua trung tâm cổ họng, và người nhận vẫn sẽ sử dụng tùng thái dương. Đây là phương pháp thường xuyên nhất, và tôi muốn yêu cầu các bạn nhớ điều này. Việc gửi đi một thông điệp có thể sử dụng trung tâm cổ họng, và thường là như vậy ở các đệ tử, nhưng người nhận có lẽ sẽ sử dụng trung tâm tùng thái dương. Trung tâm cổ họng là trung tâm, ưu việt,

work. The heart and the throat, however, must eventually be used in synthesis. I stated the reason for this earlier in the words: "Only from the heart centre can stream, in reality, those lines of energy which link and bind together. It was for this reason that I have assigned certain meditations which stimulated the heart centre into action, linking the heart centre (between the shoulder blades) to the head centre, through the medium of the higher correspondence to the heart centre, found within the head centre (the thousand petalled lotus). This heart centre, when adequately radiatory and magnetic, relates disciples to each other and to all the world. It will also produce that telepathic interplay which is so much to be desired and which is so constructively useful to the spiritual Hierarchy—provided it is established within a group of pledged disciples, [19] dedicated to the service of humanity. They can then be trusted." *(Discipleship in the New Age, I. Page 87)*

hay phương tiện, của tất cả các công việc sáng tạo. Tuy nhiên, tim và cổ họng cuối cùng phải được sử dụng trong sự tổng hợp. Tôi đã nêu lý do cho điều này trước đó trong các từ ngữ: "Chỉ từ trung tâm tim mới có thể tuôn chảy, trong thực tế, những dòng năng lượng liên kết và gắn bó với nhau. Chính vì lý do này mà tôi đã chỉ định một số bài thiền kích thích trung tâm tim vào hoạt động, liên kết trung tâm tim (giữa hai bả vai) với trung tâm đầu, thông qua phương tiện của sự tương ứng cao hơn với trung tâm tim, được tìm thấy bên trong trung tâm đầu (hoa sen ngàn cánh). Trung tâm tim này, khi bức xạ và từ tính đầy đủ, liên hệ các đệ tử với nhau và với tất cả thế giới. Nó cũng sẽ tạo ra sự tác động qua lại bằng viễn cảm vốn rất được mong muốn và hữu ích mang tính xây dựng cho Thánh đoàn—miễn là nó được thiết lập trong một nhóm các đệ tử đã cam kết, [19] tận hiến cho việc phụng sự nhân loại. Sau đó, họ có thể được tin cậy." *(Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, I. Trang 87)*

3. *Intuitional telepathy* is one of the developments upon the Path of Discipleship. It is one of the fruits of true meditation. The area involved is the head and throat, and the three centres which will be rendered active in the process are the head centre, which is receptive to impression from higher sources, and the ajna centre which is the recipient of the idealistic intuitional impressions; this ajna centre can then "broadcast" that which is received and recognised, using the throat centre as the creative formulator of thought, and the factor which embodies the sensed or intuited idea.

3. *Viễn cảm trực giác* là một trong những sự phát triển trên Con Đường Đệ Tử. Nó là một trong những quả của tham thiền chân chính. Khu vực liên quan là đầu và cổ họng, và ba trung tâm sẽ được làm cho hoạt động trong quá trình này là trung tâm đầu, vốn tiếp nhận ấn tượng từ các nguồn cao hơn, và trung tâm ajna vốn tiếp nhận các ấn tượng trực giác lý tưởng; trung tâm ajna này sau đó có thể "phát sóng" những gì được tiếp nhận và nhận biết, sử dụng trung tâm cổ họng như người định hình sáng tạo của tư tưởng, và yếu tố hiện thân cho ý tưởng được cảm nhận hay nắm bắt bằng trực giác.

It will be apparent to you, therefore, how necessary it is to have a better recognition of the activity of the centres, as they are detailed in the Hindu philosophy; and until

Do đó, các bạn sẽ thấy rõ sự cần thiết phải có một sự nhận biết rõ hơn về hoạt động của các trung tâm, như chúng được trình bày chi tiết trong triết học Hindu; và cho đến khi có

there is some real understanding of the part the vital body plays as the broadcaster and as the recipient of feelings, thoughts and ideas, there will be little progress made in the right understanding of modes of communication.

một sự thấu hiểu thực sự về vai trò của thể sinh lực với tư cách là người phát sóng và người nhận các cảm giác, tư tưởng và ý tưởng, sẽ có rất ít tiến bộ đạt được trong sự thấu hiểu đúng đắn về các phương thức giao tiếp.

There is an interesting parallel between the three modes of telepathic work and their three techniques of accomplishment, and the three major ways of communicating on Earth:

Có một sự tương đồng thú vị giữa ba phương thức của công việc viễn cảm và ba kỹ thuật thành tựu của chúng, và ba cách giao tiếp chính trên Trái Đất:

Viễn cảm bản năng	đi lại bằng tàu hỏa, các ga ở khắp nơi	điện báo
Instinctual telepathy	*train travel, stations everywhere*	*telegraph*
Viễn cảm trí tuệ	đi lại trên đại dương, các cảng ở rìa tất cả các vùng đất	điện thoại
Mental telepathy	*ocean travel, ports on the periphery of all lands*	*telephone*
Viễn cảm trực giác	đi lại bằng đường hàng không, nơi hạ cánh	vô tuyến
Intuitional telepathy	*air travel, landing place*	*radio*

That which is going on in connection with the human consciousness is ever externalised or finds its analogy upon the physical plane, and so it is in connection with developed sensitivity to impression.

Cái đang diễn ra liên quan đến tâm thức con người luôn được ngoại hiện hoặc tìm thấy sự tương đồng của nó trên cõi trần, và điều này cũng vậy liên quan đến sự nhạy cảm đã phát triển đối với ấn tượng.

There is still another way in which we can look at the entire subject of response between broadcasting areas of [20] consciousness and the receiving areas of consciousness. We might list the divisions of this process. Much must remain theoretical, and little can, as yet, be worked out in practice. However, let me list the various forms of telepathic work for your general instruction:

Vẫn còn một cách khác mà chúng ta có thể xem xét toàn bộ chủ đề về sự đáp ứng giữa các khu vực phát truyền của [20] tâm thức và các khu vực nhận tin của tâm thức. Chúng ta có thể liệt kê các phân chia của quá trình này. Nhiều điều vẫn phải duy trì tính lý thuyết, và rất ít, cho đến nay, có thể được thực hiện trong thực tế. Tuy nhiên, hãy để tôi liệt kê các hình thức khác nhau của công việc viễn cảm cho sự hướng dẫn chung của các bạn:

1. Telepathic work from *solar plexus to solar plexus*. With this we have already dealt. This is closely connected with feeling, and little or no thought is involved; it concerns emotions (fear, hate, disgust, love, desire and many other purely astral reactions). It is carried on instinctively and below the diaphragm.

1. Công việc viễn cảm từ *tùng thái dương đến tùng thái dương*. Với điều này chúng ta đã đề cập. Điều này liên quan chặt chẽ với cảm giác, và rất ít hoặc không có tư tưởng nào liên quan; nó liên quan đến các cảm xúc (sợ hãi, căm ghét, ghê tởm, tình yêu, dục vọng và nhiều phản ứng hoàn toàn cảm dục khác). Nó được thực hiện theo bản năng và bên dưới cơ hoành.

2. Telepathic work from *mind to mind*. This is beginning to be possible, and many more people are capable of this kind of communication than is now realised. People today do not know whence various mental impressions come, and this greatly enhances the complexity of life at this time and increases the mental problem of thousands.

2. Công việc viễn cảm từ *thể trí đến thể trí*. Điều này đang bắt đầu trở nên khả thi, và nhiều người có khả năng giao tiếp loại này hơn là hiện nay được nhận ra. Con người ngày nay không biết các ấn tượng trí tuệ khác nhau đến từ đâu, và điều này làm tăng đáng kể sự phức tạp của cuộc sống vào thời điểm này và làm gia tăng vấn đề trí tuệ của hàng ngàn người.

3. Telepathic work from *heart to heart*. This type of impression is the sublimation of the "feeling" response registered earlier upon the ladder of evolution in the solar plexus. It concerns *only* group impressions, and is the basis of the condition spoken of in the Bible in connection with the greatest *Sensitive* humanity has ever produced, the Christ. There He is referred to as "A man of sorrows and acquainted with grief," but in this condition no *personal* sorrow or grief is involved. It is simply the consciousness of

3. Công việc viễn cảm từ *trái tim đến trái tim*. Loại ấn tượng này là sự thăng hoa của phản ứng "cảm giác" được ghi nhận trước đó trên thang tiến hóa trong tùng thái dương. Nó chỉ liên quan đến các ấn tượng nhóm, và là cơ sở của điều kiện được nói đến trong Kinh Thánh liên quan đến *Người Nhạy Cảm* vĩ đại nhất mà nhân loại từng sản sinh, Đức Christ. Ở đó Ngài được gọi là "Một người của những nỗi buồn và quen thuộc với khổ đau," nhưng trong điều kiện này không có nỗi buồn hay khổ đau *cá nhân* nào liên quan. Nó chỉ đơn

the sorrow of the world and the weight of grief under which humanity struggles. "The fellowship of Christ's suffering" is the reaction of the disciple to the same world condition. This is the true "broken heart," and is as yet a very rare thing to find. The usual broken heart is literally a disrupted solar plexus centre, bringing complete demolition of what is occultly called "the centre of feeling," and consequently the wrecking of the nervous system. It is [21] really brought about by a failure to handle conditions as a soul.

giản là tâm thức về nỗi buồn của thế giới và sức nặng của khổ đau mà nhân loại đang đấu tranh dưới đó. "Sự thông công trong sự đau khổ của Đức Christ" là phản ứng của người đệ tử đối với cùng điều kiện thế giới đó. Đây là "trái tim tan vỡ" thực sự, và cho đến nay là một điều rất hiếm gặp. Trái tim tan vỡ thông thường theo nghĩa đen là một trung tâm tùng thái dương bị phá vỡ, mang lại sự phá hủy hoàn toàn cái được gọi một cách huyền bí là "trung tâm cảm giác," và hậu quả là sự tàn phá hệ thần kinh. Nó [21] thực sự được mang lại bởi sự thất bại trong việc ứng phó với hoàn cảnh với tư cách một linh hồn.

4. Telepathic work from *soul to soul.* This is, for humanity, the highest possible type of work. When a man can begin, as a soul, to respond to other souls and their impacts and impressions, then he is rapidly becoming ready for the processes which lead to initiation.

4. Công việc viễn cảm từ *linh hồn đến linh hồn.* Đối với nhân loại, đây là loại công việc cao nhất có thể. Khi một người có thể bắt đầu, như một linh hồn, đáp ứng với các linh hồn khác và các tác động cũng như ấn tượng của họ, thì y đang nhanh chóng trở nên sẵn sàng cho các quá trình dẫn đến điểm đạo.

Two Other Groups of Telepathic Possibilities—Hai Nhóm Khả Năng Viễn Cảm Khác

There are two other groups of telepathic possibilities which I would like to list for you. They are possibilities only when the four above-mentioned groups of telepathic impression are beginning to form a conscious part of the disciple's experience.

Có hai nhóm khả năng viễn cảm khác mà tôi muốn liệt kê cho các bạn. Chúng chỉ là những khả năng khi bốn nhóm ấn tượng viễn cảm đã đề cập ở trên đang bắt đầu trở thành một phần được nhận biết có ý thức trong trải nghiệm của người đệ tử.

5. Telepathic work between *soul and mind.* This is the technique whereby the mind is "held steady in the light," and then becomes aware of the content of the soul's consciousness, an innate content, or that which is part of the group life of the soul on its own level, and when in telepathic communication with other souls, as mentioned under our fourth heading. This is

5. Công việc viễn cảm giữa *linh hồn và thể trí.* Đây là kỹ thuật nhờ đó thể trí được "giữ ổn định trong ánh sáng," và sau đó nhận biết nội dung của tâm thức linh hồn, một nội dung bẩm sinh, hoặc cái là một phần của sự sống nhóm của linh hồn trên cấp độ riêng của nó, và khi trong giao tiếp viễn cảm với các linh hồn khác, như đã đề cập dưới tiêu đề thứ tư của chúng ta. Đây là ý nghĩa thực sự

the true meaning of intuitional telepathy. Through this means of communication the mind of the disciple is fertilised with the new and spiritual ideas; he becomes aware of the great Plan; his intuition is awakened. One point should here be borne in mind, which is oft forgotten: The inflow of the new ideas from the buddhic levels, thus awakening the intuitional aspect of the disciple, indicates that his soul is beginning to integrate consciously and definitely with the Spiritual Triad, and therefore to identify itself less and less with the lower reflection, the personality. This mental sensitivity and rapport between soul and mind remain for a long time relatively inchoate on the mental plane. That which is sensed remains too vague or too abstract for formulation. It is the stage of the mystical vision and of mystical unfoldment.

của viễn cảm trực giác. Thông qua phương tiện giao tiếp này, thể trí của người đệ tử được làm phong phú bằng các ý tưởng mới mang tính tinh thần; y nhận biết Thiên Cơ vĩ đại; trực giác của y được đánh thức. Một điểm cần được ghi nhớ ở đây, vốn thường bị lãng quên: Sự tuôn chảy vào của các ý tưởng mới từ các cõi bồ đề, do đó đánh thức phương diện trực giác của người đệ tử, chỉ ra rằng linh hồn y đang bắt đầu tích hợp một cách có ý thức và dứt khoát với Tam Nguyên Tinh Thần, và do đó đồng nhất hóa bản thân ngày càng ít đi với phản chiếu thấp hơn, phàm ngã. Sự nhạy cảm và mối quan hệ trí tuệ này giữa linh hồn và thể trí vẫn còn tương đối sơ khai trong một thời gian dài trên cõi trí. Cái được cảm nhận vẫn còn quá mơ hồ hoặc quá trừu tượng để định hình. Đó là giai đoạn của linh ảnh thần bí và của sự mở ra thần bí.

6. Telepathic work between *soul, mind and brain.* In [22] this stage the mind still remains the recipient of impression from the soul but, in its turn, it becomes a "transmitting agent" or communicator. The impressions received from the soul, and the intuitions registered as coming from the Spiritual Triad, via the soul, are now formulated into thoughts; the vague ideas and the vision hitherto unexpressed can now be clothed in form and sent out as embodied thoughtforms to the brain of the disciple. In time, and as the result of technical training, the disciple can in this way reach the mind and brains of other disciples. This is an exceedingly interesting stage. It constitutes one of the major rewards of right meditation and involves much true responsibility. You will find more anent this stage of telepathy in my other books, particularly *A Treatise on White Magic. (Pages 176-180, 415, 427-428, 477-478)*

6. Công việc viễn cảm giữa *linh hồn, thể trí và bộ não.* Trong [22] giai đoạn này, thể trí vẫn là bộ phận tiếp nhận ấn tượng từ linh hồn nhưng, đến lượt mình, nó trở thành một "tác nhân truyền dẫn" hay người truyền tin. Các ấn tượng nhận được từ linh hồn, và các trực giác được ghi nhận là đến từ Tam Nguyên Tinh Thần, thông qua linh hồn, giờ đây được định hình thành các tư tưởng; các ý tưởng mơ hồ và linh ảnh cho đến nay chưa được biểu hiện giờ đây có thể được khoác lấy hình tướng và gửi đi như các hình tư tưởng đã hiện thân đến bộ não của người đệ tử. Theo thời gian, và là kết quả của việc huấn luyện kỹ thuật, người đệ tử có thể theo cách này tiếp cận thể trí và bộ não của các đệ tử khác. Đây là một giai đoạn cực kỳ thú vị. Nó cấu thành một trong những phần thưởng chính của tham thiền đúng đắn và liên quan đến nhiều trách nhiệm thực sự. Các bạn sẽ tìm thấy nhiều hơn về giai đoạn viễn cảm này trong các cuốn sách khác của tôi, đặc biệt là

Luận về Chánh Thuật. (Trang 176-180, 415, 427-428, 477-478)

This much that I have outlined here is practically all that concerns man in his own inner individual contacts and work and training. There is, however, a whole range of telepathic contacts which should be noted because they constitute the goal for humanity.

Bấy nhiêu điều mà tôi đã phác thảo ở đây thực tế là tất cả những gì liên quan đến con người trong các tiếp xúc và công việc cũng như sự huấn luyện cá nhân bên trong của chính y. Tuy nhiên, có cả một loạt các tiếp xúc viễn cảm cần được lưu ý bởi vì chúng cấu thành mục tiêu cho nhân loại.

7. Telepathic work between *a Master (the focal point of a group) and the disciple in the world*. It is an occult truth that no man is really admitted into a Master's group, as an accepted disciple, until he has become spiritually impressionable and can function as a mind in collaboration with his own soul. Prior to that he cannot be a conscious part of a functioning group on the inner planes gathered around a personalised force, the Master; he cannot work in true rapport with his fellow disciples. But when he can work somewhat as a conscious soul, then the Master can begin to impress him with group ideas via his own soul. He hovers then for quite a while upon the periphery of the group. Eventually, as his spiritual sensitivity increases, he [23] can be definitely impressed by the Master and taught the technique of contact. Later, the group of disciples, functioning as one synthetic thoughtform, can reach him and thus automatically he becomes one of them. To those who have the true esoteric sense, the above paragraph will convey a good deal of information, hitherto hidden.

7. Công việc viễn cảm giữa *một Chân sư (tiêu điểm của một nhóm) và người đệ tử trong thế gian*. Một sự thật huyền bí là không ai thực sự được nhận vào nhóm của một Chân sư, như một đệ tử được chấp nhận, cho đến khi y trở nên có thể tiếp nhận ấn tượng tinh thần và có thể hoạt động như một thể trí trong sự cộng tác với linh hồn của chính mình. Trước đó, y không thể là một phần có ý thức của một nhóm đang hoạt động trên các cõi bên trong tập hợp xung quanh một mãnh lực được nhân cách hóa, Chân sư; y không thể làm việc trong sự giao cảm thực sự với các đệ tử đồng môn của mình. Nhưng khi y có thể làm việc đôi chút như một linh hồn có ý thức, thì Chân sư có thể bắt đầu gây ấn tượng cho y với các ý tưởng nhóm thông qua linh hồn của chính y. Sau đó y ở vùng ngoại vi của nhóm trong một thời gian khá lâu. Cuối cùng, khi sự nhạy cảm tinh thần của y gia tăng, y [23] có thể được Chân sư gây ấn tượng một cách dứt khoát và dạy kỹ thuật tiếp xúc. Sau này, nhóm các đệ tử, hoạt động như một hình tư tưởng tổng hợp, có thể tiếp cận y và do đó y tự động trở thành một trong số họ. Đối với những người có ý thức huyền môn thực sự, đoạn văn trên sẽ truyền tải rất nhiều thông tin, cho đến nay vẫn còn ẩn giấu.

8. Telepathic work between *a Master and His group.* This is the mode of work whereby a Master trains and works through His

8. Công việc viễn cảm giữa *một Chân sư và nhóm của Ngài*. Đây là phương thức làm việc nhờ đó một Chân sư huấn luyện và làm việc

disciples. He impresses them simultaneously with an idea or an aspect of truth. By watching their reactions, He can gauge the united activity of the group and the simultaneity of their response.

thông qua các đệ tử của Ngài. Ngài gây ấn tượng đồng thời cho họ với một ý tưởng hoặc một phương diện của chân lý. Bằng cách quan sát các phản ứng của họ, Ngài có thể đo lường hoạt động thống nhất của nhóm và sự đồng thời trong phản ứng của họ.

9. Telepathic work between *subjective and objective groups.* I do not refer here to the contact between an inner group of disciples, functioning consciously on the subjective levels, and the outer form that group takes. I refer to an inner group and a different outer group or groups. These groups, on both levels, can be either good or bad, according to the quality or calibre of the group personnel and their motives. This opens up a wide range of contacts and is one of the ways in which the Hierarchy of Masters work, as individuals. It is, however, not possible for groups upon the outer plane to respond to this type of contact until the bulk of their members have the heart centre awakened. In this connection a most interesting point should be noted. The awakening of the heart centre indicates inclusiveness, group appreciation and contact, also group thought and group life-activity. Unless, however, the head centre is also awakened and active, the soul is not able to control, and this heart activity need not necessarily be what we call good or spiritual activity. It is quite impersonal, like the sun, of which the heart is, as you know, the symbol. It shines alike upon the good and the bad; and group activity, as a result of heart awakening, can include the bad groups [24] as well as the good groups. Therefore you can see the necessity of awakening the head centre and bringing in the control of the soul aspect; and hence the emphasis laid upon character building and the need for meditation.

9. Công việc viễn cảm giữa *các nhóm chủ quan và khách quan.* Tôi không đề cập ở đây đến sự tiếp xúc giữa một nhóm đệ tử bên trong, hoạt động có ý thức trên các cấp độ chủ quan, và hình tướng bên ngoài mà nhóm đó đảm nhận. Tôi đề cập đến một nhóm bên trong và một nhóm hoặc các nhóm bên ngoài khác. Các nhóm này, trên cả hai cấp độ, có thể tốt hoặc xấu, tùy thuộc vào phẩm tính hay năng lực của nhân sự nhóm và động cơ của họ. Điều này mở ra một loạt các tiếp xúc rộng lớn và là một trong những cách mà Thánh đoàn các Chân sư làm việc, với tư cách cá nhân. Tuy nhiên, không thể cho các nhóm trên cõi bên ngoài đáp ứng với loại tiếp xúc này cho đến khi phần lớn các thành viên của họ đã được đánh thức trung tâm tim. Trong mối liên hệ này, một điểm thú vị nhất cần được lưu ý. Việc đánh thức trung tâm tim chỉ ra tính bao gồm, sự đánh giá và tiếp xúc nhóm, cũng như tư tưởng nhóm và hoạt động sống nhóm. Tuy nhiên, trừ khi trung tâm đầu cũng được đánh thức và hoạt động, linh hồn không thể kiểm soát, và hoạt động tim này không nhất thiết phải là cái chúng ta gọi là hoạt động tốt hay tinh thần. Nó khá phi cá nhân, giống như mặt trời, mà trái tim, như các bạn biết, là biểu tượng. Nó chiếu sáng như nhau lên người tốt và kẻ xấu; và hoạt động nhóm, như là kết quả của việc đánh thức trái tim, có thể bao gồm các nhóm xấu [24] cũng như các nhóm tốt. Do đó, các bạn có thể thấy sự cần thiết của việc đánh thức trung tâm đầu và mang lại sự kiểm soát của phương diện linh hồn;

và do đó sự nhấn mạnh được đặt vào việc lập hạnh và nhu cầu tham thiền.

10. Telepathic work between *the Hierarchy of Masters as a group or a part of the Hierarchy, and groups of disciples.* There is little I can tell you about this, and you would not and could not understand. The experiment we are now making, in connection with the New Group of World Servers, is related to this form of telepathic work.

10. Công việc viễn cảm giữa *Thánh đoàn các Chân sư như một nhóm hoặc một phần của Thánh đoàn, và các nhóm đệ tử.* Có rất ít điều tôi có thể nói với các bạn về điều này, và các bạn sẽ không và không thể hiểu được. Cuộc thử nghiệm mà chúng tôi đang thực hiện hiện nay, liên quan đến Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian, có liên quan đến hình thức công việc viễn cảm này.

Some of these forms of telepathic work have necessarily their distorted reflections on the physical plane. These you might like to ponder upon, and trace the correspondences between them. What is "mass psychology" with its unreasoning quality and its blind activity, but a massed reaction to solar plexus impressions as passed from group to group? What is "public opinion," so called, but vague mental reactions by the mass of men beginning to grope their way on the mental plane, to the activity and play of more active and powerful minds? The written and spoken words are not in themselves adequate to account for the display of modern opinion as we now have it. What is the apparently accurate information, so rapidly circulated among the savage races, but an expression of that instinctual telepathy which uses the vital body and the pranic fluids as its medium?

Một số hình thức công việc viễn cảm này nhất thiết có những phản chiếu méo mó của chúng trên cõi trần. Các bạn có thể muốn suy ngẫm về những điều này, và theo dõi các sự tương ứng giữa chúng. "Tâm lý học đám đông" với phẩm tính không suy xét và hoạt động mù quáng của nó là gì, nếu không phải là một phản ứng tập hợp đối với các ấn tượng tùng thái dương khi được truyền từ nhóm này sang nhóm khác? "Dư luận công chúng," được gọi như vậy, là gì nếu không phải là những phản ứng trí tuệ mơ hồ của đại chúng con người bắt đầu dò dẫm con đường của họ trên cõi trí, đối với hoạt động và tác động của những thể trí hoạt động tích cực và mạnh mẽ hơn? Chỉ riêng lời viết và lời nói không đủ để giải thích cho sự phô bày của quan điểm hiện đại như chúng ta hiện có. Thông tin có vẻ chính xác, được lưu truyền nhanh chóng giữa các chủng tộc man dã, là gì nếu không phải là một biểu hiện của viễn cảm bản năng vốn sử dụng thể sinh lực và các lưu chất prana làm môi trường của nó?

IV. THREE TYPES OF ENERGY INVOLVED—IV. BA LOẠI NĂNG LƯỢNG LIÊN QUAN

[25]Telepathic inter-relation between the members of a group grows through the medium of a constant attitude of reflective thought and a steadfast love for each other. I would remind you that when I use these terms I am referring to the two major types of energy in the world today. Essentially, energy is active substance. These two types of force are of a vitality, potency and substance so subtle and fine that they can work through and "force into activity" the pranic fluids which constitute the substance of the etheric body and to which I referred in a much earlier instruction. (*A Treatise on the Seven Rays*, II, 113) The telepathic work, therefore, is concerned with three types of energy which demonstrate as forces with the power to motivate:

[25]Mối quan hệ tương tác viễn cảm giữa các thành viên của một nhóm phát triển thông qua môi trường của một thái độ thường xuyên của tư tưởng suy ngẫm và một tình thương kiên định dành cho nhau. Tôi muốn nhắc nhở các bạn rằng khi tôi sử dụng các thuật ngữ này, tôi đang đề cập đến hai loại năng lượng chính trên thế giới hiện nay. Về cơ bản, năng lượng là chất liệu hoạt động. Hai loại mãnh lực này có sức sống, tiềm năng và chất liệu tinh tế và thanh khiết đến nỗi chúng có thể hoạt động thông qua và "thúc đẩy vào hoạt động" các lưu chất prana vốn cấu thành nên chất liệu của thể dĩ thái và điều mà tôi đã đề cập trong một hướng dẫn trước đây rất lâu. (*Luận về Bảy Cung*, II, 113) Do đó, công việc viễn cảm liên quan đến ba loại năng lượng biểu hiện như các mãnh lực với quyền năng thúc đẩy:

1. The *force of love* with its negative quality which

1. *Mãnh lực tình thương* với phẩm tính âm của nó vốn

a. Attracts the needed material with which to clothe the idea, the thought or concept to be transmitted; it is also the *attractive* agency utilised by the recipient. Therefore both transmitter and recipient work with the same agency, but the transmitter uses the love energy of the larger whole whilst the recipient concentrates, upon the transmitter, the love energy of his own nature. If this be so, you can see why I emphasise the necessity for love and for non-criticism.

a. Thu hút vật liệu cần thiết để khoác lấy ý tưởng, tư tưởng hoặc khái niệm cần được truyền tải; nó cũng là tác nhân *thu hút* được người nhận sử dụng. Do đó, cả người truyền và người nhận đều làm việc với cùng một tác nhân, nhưng người truyền sử dụng năng lượng tình thương của tổng thể lớn hơn trong khi người nhận tập trung, vào người truyền, năng lượng tình thương của bản chất riêng mình. Nếu đúng như vậy, các bạn có thể thấy tại sao tôi nhấn mạnh sự cần thiết của tình thương và của sự không chỉ trích.

b. Constitutes the coherent quality which links together the transmitter and the recipient, and which also produces the coherency of that which is transmitted.

b. Cấu thành phẩm tính gắn kết liên kết người truyền và người nhận với nhau, và cũng tạo ra sự gắn kết của cái được truyền tải.

[26]

[26]

It will be apparent to you consequently that it is only at this time that we can begin to look for a wider and more general expression in the world today of the processes of telepathy, for only today is the love principle really beginning to affect the world on a large scale. Love of a cause, a party or an idea is becoming more and more prevalent, producing in the initial stages the apparently wide cleavages with which we are so familiar and by which we are so distressed at this time, yet producing finally a dominance of the attitudes of love which will heal breaches, and produce synthesis among the peoples. *Love (not sentiment) is the clue to successful telepathic work.* Therefore love one another with a fresh enthusiasm and devotion; seek to express that love in every possible way—upon the physical plane, upon the levels of emotion, and through right thought. Let the love of the soul sweep through all like a regenerating force.

Do đó, các bạn sẽ thấy rõ rằng chỉ vào thời điểm này chúng ta mới có thể bắt đầu tìm kiếm một biểu hiện rộng lớn và phổ quát hơn trên thế giới ngày nay về các quá trình viễn cảm, vì chỉ ngày nay nguyên khí tình thương mới thực sự bắt đầu tác động đến thế giới trên quy mô lớn. Tình yêu đối với một lý tưởng, một đảng phái hay một ý tưởng đang trở nên ngày càng phổ biến, tạo ra trong các giai đoạn ban đầu những sự chia rẽ có vẻ rộng lớn mà chúng ta quá quen thuộc và khiến chúng ta đau khổ vào lúc này, nhưng cuối cùng tạo ra một sự thống trị của các thái độ tình thương sẽ hàn gắn các rạn nứt, và tạo ra sự tổng hợp giữa các dân tộc. *Tình thương (không phải tình cảm) là manh mối cho công việc viễn cảm thành công.* Do đó, hãy yêu thương nhau với một lòng nhiệt thành và sùng tín mới mẻ; hãy tìm cách thể hiện tình thương đó theo mọi cách có thể—trên cõi trần, trên các cấp độ cảm xúc, và thông qua tư tưởng đúng đắn. Hãy để tình thương của linh hồn quét qua tất cả như một mãnh lực tái sinh.

2. The *force of mind.* This is the illuminating energy which "lights the way" of an idea or form to be transmitted and received. Forget not that light is subtle substance. Upon a beam of light can the energy of the mind materialise. This is one of the most important statements made in connection with the science of telepathy.

2. *Mãnh lực trí tuệ.* Đây là năng lượng soi sáng "chiếu sáng con đường" của một ý tưởng hoặc hình tướng cần được truyền tải và tiếp nhận. Đừng quên rằng ánh sáng là chất liệu tinh tế. Trên một chùm ánh sáng, năng lượng của thể trí có thể hiện hình. Đây là một trong những tuyên bố quan trọng nhất được đưa ra liên quan đến khoa học viễn cảm.

The success of this is dependent upon the alignment of the bodies of the transmitter and the recipient. The double line of contact must be that of mental energy and brain electrical energy. The magnetic power of love to attract attention, to produce alignment, and to call forth rapport and understanding is not all that is necessary in the new telepathy which will distinguish the

Sự thành công của điều này phụ thuộc vào sự chỉnh hợp của các thể phàm ngã của người truyền và người nhận. Đường dây tiếp xúc kép phải là năng lượng trí tuệ và năng lượng điện não bộ. Quyền năng từ tính của tình thương để thu hút sự chú ý, tạo ra sự chỉnh hợp, và khơi dậy sự giao cảm và sự thấu hiểu không phải là tất cả những gì cần thiết trong viễn cảm mới sẽ phân biệt kỷ

new age. There must also be mental development and mental control.

nguyên mới. Cũng phải có sự phát triển trí tuệ và sự kiểm soát trí tuệ.

This form of telepathy is not a function of the animal soul, as in the case of the solar plexus contact and response [27] to messages by the emotionally polarised man or woman. This telepathic rapport and response is a characteristic of the human soul working from mind to mind and from brain to brain. It is literally a state of consciousness which is sufficiently conditioned by the integrated mental person so that he is aware of and inclusive of the mental state and thought processes of another person.

Hình thức viễn cảm này không phải là một chức năng của linh hồn thú vật, như trong trường hợp tiếp xúc tùng thái dương và phản ứng [27] với các thông điệp bởi người nam hay nữ phân cực cảm xúc. Mối quan hệ và phản ứng viễn cảm này là một đặc điểm của linh hồn con người làm việc từ thể trí đến thể trí và từ bộ não đến bộ não. Nó đúng nghĩa đen là một trạng thái tâm thức được người có trí tuệ đã tích hợp định hình đủ mức để y nhận biết và bao quát trạng thái trí tuệ cùng các tiến trình tư tưởng của người khác.

3. The *energy of prana,* or the etheric force of the vital body. This energy, by an act of the will and under the pressure of the magnetic power of love, responds to or is receptive to the dual energies mentioned above. The idea, thoughtform or mental impression which must be recorded in the brain consciousness of the recipient opens a way in the pranic fluids and so controls their activity (which is as ceaseless as the thoughtform-making propensities of the *chitta*) that the brain becomes responsive in two ways:

3. *Năng lượng prana,* hay mãnh lực dĩ thái của thể sinh lực. Năng lượng này, bởi một hành động của ý chí và dưới áp lực của quyền năng từ tính của tình thương, đáp ứng hoặc dễ tiếp nhận đối với hai năng lượng được đề cập ở trên. Ý tưởng, hình tư tưởng hoặc ấn tượng trí tuệ phải được ghi lại trong tâm thức não bộ của người nhận mở ra một con đường trong các lưu chất prana và kiểm soát hoạt động của chúng (vốn không ngừng nghỉ như những xu hướng tạo hình tư tưởng của *chitta*) đến nỗi bộ não trở nên đáp ứng theo hai cách:

a. It is rendered passive by the impact of the three types of energy, blended and fused into one stream of force.

a. Nó trở nên thụ động bởi tác động của ba loại năng lượng, hòa trộn và dung hợp thành một dòng mãnh lực.

b. It becomes actively responsive to the idea, impression, thoughtform, symbol, words, etc., which are being swept into the area of its conscious activity.

b. Nó trở nên đáp ứng tích cực với ý tưởng, ấn tượng, hình tư tưởng, biểu tượng, từ ngữ, v.v., đang được quét vào khu vực hoạt động có ý thức của nó.

Let me attempt to reduce the above information to practical simplicity, thus

Hãy để tôi cố gắng trình bày thông tin trên một cách đơn giản, thiết thực, do đó cho

showing how these three types of energy can be used in practical work:

thấy ba loại năng lượng này có thể được sử dụng trong công việc thực tế như thế nào:

1. By the use of *the energy of love* in three ways:

1. Bằng việc sử dụng *năng lượng tình thương* theo ba cách:

a. By sending out love (not sentiment) to your brothers at the time of transmission or reception. [28]

a. Bằng cách gửi đi tình thương (không phải tình cảm) đến các huynh đệ của bạn vào thời điểm truyền hoặc nhận. [28]

b. By capitalising on the inherent power of love to attract the material or the substance, and thus to "clothe" in the occult sense that which you send out.

b. Bằng cách tận dụng quyền năng vốn có của tình thương để thu hút vật liệu hoặc chất liệu, và do đó để "khoác lấy" theo nghĩa huyền môn cái mà bạn gửi đi.

c. By sending forth the "clothed" idea, impression, etc., on a stream of love which your brother—alert, receptive and waiting—will attract to himself by the means of his conscious love for you.

c. Bằng cách gửi đi ý tưởng, ấn tượng, v.v., đã được "khoác lấy" trên một dòng tình thương mà người huynh đệ của bạn—tỉnh táo, dễ tiếp nhận và chờ đợi—sẽ thu hút về mình bằng phương tiện tình thương có ý thức của y dành cho bạn.

2. By the use of *mental energy* through the effort to polarise yourself upon the mental levels of consciousness. By a definite act of the will you lift your consciousness onto the mental plane and hold it there. This action is a reflection upon a lower plane, and *in the brain consciousness*, of the mind's ability to hold itself in the light. The success of all telepathic work you do, as a group or as individuals, will be dependent upon your capacity to "hold yourselves steady in the light" mentally. The difference is that this time you do it for the purpose of the planned work, and attempt to hold the mind steady in the light of the group, or in each other's light, and not so specifically in the light of your own soul.

2. Bằng việc sử dụng *năng lượng trí tuệ* thông qua nỗ lực phân cực bản thân trên các cấp độ tâm thức trí tuệ. Bằng một hành động dứt khoát của ý chí, bạn nâng tâm thức của mình lên cõi trí và giữ nó ở đó. Hành động này là một sự phản chiếu trên một cõi thấp hơn, và *trong tâm thức não bộ*, về khả năng của thể trí để giữ bản thân nó trong ánh sáng. Sự thành công của tất cả công việc viễn cảm bạn làm, với tư cách một nhóm hoặc cá nhân, sẽ phụ thuộc vào khả năng của bạn để "giữ mình ổn định trong ánh sáng" về mặt trí tuệ. Sự khác biệt là lần này bạn làm điều đó cho mục đích của công việc đã hoạch định, và cố gắng giữ thể trí ổn định trong ánh sáng của nhóm, hoặc trong ánh sáng của nhau, và không quá cụ thể trong ánh sáng của linh hồn riêng bạn.

3. By the conscious organised use of the energy of *the etheric ajna centre*, and

3. Bằng việc sử dụng có tổ chức và có ý thức năng lượng của *trung tâm ajna dĩ thái*, và đôi

sometimes of the head centre, when receiving, and of the throat centre, when transmitting. This swings etheric force into activity when engaged in telepathic work, but entails its conscious subordination to the power of the other two energies. Practically, you will observe that this involves on the part of the disciple the power to do three things at once. You need to ponder more deeply upon the fact and necessity of active outgoing energy [29] when you are occupied with the task of transmission, and with active receptivity when you are functioning as a receiver.

khi của trung tâm đầu, khi nhận, và của trung tâm cổ họng, khi truyền. Điều này đưa mãnh lực dĩ thái vào hoạt động khi tham gia công việc viễn cảm, nhưng đòi hỏi sự phục tùng có ý thức của nó đối với sức mạnh của hai năng lượng kia. Về mặt thực tế, các bạn sẽ quan sát thấy rằng điều này liên quan về phía người đệ tử quyền năng làm ba việc cùng một lúc. Các bạn cần suy ngẫm sâu sắc hơn về thực tế và sự cần thiết của năng lượng đi ra tích cực [29] khi các bạn bận rộn với nhiệm vụ truyền tải, và với sự tiếp nhận tích cực khi các bạn đang hoạt động như một người nhận.

I would like to point out that successful telepathic work is dependent upon the following factors:

Tôi muốn chỉ ra rằng công việc viễn cảm thành công phụ thuộc vào các yếu tố sau:

First, that there are no barriers existing between the receiver and the broadcaster. Such barriers would be lack of love or of sympathy, criticism and suspicion.

Thứ nhất, rằng không có rào cản nào tồn tại giữa người nhận và người phát sóng. Những rào cản như vậy sẽ là thiếu tình thương hoặc sự cảm thông, sự chỉ trích và nghi ngờ.

Secondly, that the broadcaster is mainly occupied with the clarity of his symbol, with the word or thought, and *not with the receiver*. A quick glance toward the receiver, a momentary sending forth of love and understanding is sufficient to set up the rapport, and then attention must be paid to the clarity of the symbol.

Thứ hai, rằng người phát sóng chủ yếu bận tâm với sự rõ ràng của biểu tượng của mình, với từ ngữ hoặc tư tưởng, và *không phải với người nhận*. Một cái nhìn nhanh về phía người nhận, một sự gửi đi tình thương và sự thấu hiểu trong giây lát là đủ để thiết lập sự giao cảm, và sau đó phải chú ý đến sự rõ ràng của biểu tượng.

Thirdly, let the receivers think with love and affection of the broadcaster for a minute or two. Then let them forget the personality. A thread of energy, linking receiver and broadcaster, has been established and *exists*. Then forget it.

Thứ ba, hãy để những người nhận nghĩ với tình thương và lòng yêu mến về người phát sóng trong một hoặc hai phút. Sau đó hãy để họ quên đi phàm ngã. Một sợi dây năng lượng, liên kết người nhận và người phát sóng, đã được thiết lập và *tồn tại*. Sau đó hãy quên nó đi.

Fourthly, let the receivers work with detachment. Most receivers are so anxious to receive correctly that through their very

Thứ tư, hãy để những người nhận làm việc với sự tách rời. Hầu hết những người nhận đều quá lo lắng để nhận đúng đến nỗi thông

intensity they counteract their own efforts. A casual and "don't care" spirit and a close attentiveness to the inner "picturing faculty" will net better results than any violent and strong desire and effort to see the symbol and to contact the mind of the sender.

qua chính sự căng thẳng của họ, họ chống lại những nỗ lực của chính mình. Một tinh thần thản nhiên và "không màng đến" và một sự chú ý chặt chẽ đến "năng lực hình dung" bên trong sẽ mang lại kết quả tốt hơn bất kỳ dục vọng và nỗ lực dữ dội, mạnh mẽ nào để nhìn thấy biểu tượng và tiếp xúc với thể trí của người gửi.

The brain should register a reflection of the mind content. If a ray of light is met by an outgoing force from the receiver's mind or a powerfully emitted thoughtform, it can be prevented from reaching the mind. However, a transmitter with more expert training can overcome this barrier. Much of the trouble will be found to be based on the emitted thoughtforms, or in the rush of ill-regulated [30] mental energy or brain radiation which negates efforts. Therefore a quiet spirit and well regulated thoughts will aid much, and the cultivation of that dispassion which desires nothing for the separated self, and nothing violently.

Bộ não nên ghi nhận một sự phản chiếu của nội dung thể trí. Nếu một tia sáng gặp phải một mãnh lực đi ra từ thể trí người nhận hoặc một hình tư tưởng được phát ra mạnh mẽ, nó có thể bị ngăn cản không đến được thể trí. Tuy nhiên, một người truyền tin với sự huấn luyện chuyên môn hơn có thể vượt qua rào cản này. Nhiều rắc rối sẽ được tìm thấy là dựa trên các hình tư tưởng được phát ra, hoặc trong sự ào ạt của năng lượng [30] trí tuệ không được điều chỉnh tốt hoặc bức xạ não bộ phủ định các nỗ lực. Do đó, một tinh thần tĩnh lặng và những tư tưởng được điều chỉnh tốt sẽ hỗ trợ nhiều, và việc trau dồi sự vô tư vốn không mong muốn gì cho cái ngã tách biệt, và không mong muốn bất cứ điều gì một cách mãnh liệt.

The need of sensitive receivers is great. Train yourselves. Forget yourselves and your own petty little affairs—so petty and unimportant when viewed in relation to the momentous issues of the present time. Keep an attentive ear to the voices which issue forth from the world of spiritual Being, and love each other with loyalty and steadfastness.

Nhu cầu về những người tiếp nhận nhạy cảm là rất lớn. Hãy tự rèn luyện. Hãy quên bản thân mình và những công việc nhỏ nhặt của riêng mình—thật quá nhỏ nhặt và không quan trọng khi xem xét trong mối quan hệ với những vấn đề trọng đại của thời điểm hiện tại. Hãy lắng nghe những giọng nói phát ra từ thế giới của Bản thể tinh thần, và hãy yêu thương nhau với sự trung thành và kiên định.

V. THE GROWTH OF TELEPATHIC RAPPORT—V. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA MỐI GIAO CẢM VIỄN CẢM

[31]

I would like to point out that the use of words telepathically must be mastered as a preliminary step to the use of sentences and of thoughts. Choose a word and meditate upon it, knowing wherefore you have chosen it. Study it in the four ways indicated by Patanjali; *(The Light of the Soul, page 33)* that is:

1. Study its form, study it symbolically, as a word picture.

2. Study it from the angle of quality, of beauty, of desire.

3. Study its underlying purpose and teaching value, and its mental appeal.

4. Study its very being and identify yourself with its divine underlying idea.

When you have reached this final stage, hold your consciousness steady at that high point as you (if you are a transmitter) send out the word to the receiver or to the receiving group. Receivers should in their turn achieve, as far as they can, complete alignment so as to be responsive to all these four aspects of the word. This method will serve to shift the receiver nearer to the plane where he should function—the level of the higher mind. The word goes out upon the life breath of the transmitter; his lower mind then sends out the purpose aspect; his astral consciousness is responsible for sending out the quality aspect; and the form aspect is

[31]

Tôi muốn chỉ ra rằng việc sử dụng từ ngữ theo cách viễn cảm phải được làm chủ như một bước sơ khởi trước khi sử dụng các câu và các tư tưởng. Hãy chọn một từ và tham thiền về nó, biết lý do tại sao bạn đã chọn nó. Hãy nghiên cứu nó theo bốn cách được Patanjali chỉ ra; *(Ánh Sáng của Linh Hồn, trang 33)* đó là:

1. Nghiên cứu hình tướng của nó, nghiên cứu nó một cách tượng trưng, như một hình ảnh bằng từ ngữ.

2. Nghiên cứu nó từ khía cạnh phẩm tính, vẻ đẹp, và dục vọng.

3. Nghiên cứu mục đích ẩn tàng và giá trị giáo huấn của nó, cùng sức hấp dẫn trí tuệ của nó.

4. Nghiên cứu chính bản thể của nó và đồng hóa bản thân bạn với ý niệm thiêng liêng ẩn tàng của nó.

Khi bạn đã đạt đến giai đoạn cuối cùng này, hãy giữ tâm thức của bạn ổn định tại điểm cao đó khi bạn (nếu bạn là người truyền phát) gửi từ đó đến người nhận hoặc đến nhóm tiếp nhận. Các người nhận đến lượt mình phải đạt được, trong khả năng có thể, sự chỉnh hợp hoàn toàn để có thể đáp ứng với tất cả bốn phương diện này của từ ngữ. Phương pháp này sẽ giúp chuyển người nhận đến gần hơn với cõi giới mà y nên hoạt động—cấp độ của thượng trí. Từ ngữ đi ra trên hơi thở sự sống của người truyền phát; hạ trí của y sau đó gửi đi phương diện mục đích; tâm thức cảm dục của y chịu trách nhiệm gửi đi phương diện phẩm tính; và

sent out as he *says* the word—very softly and in a whisper.

phương diện hình tướng được gửi đi khi y *nói* từ ngữ đó—rất nhẹ nhàng và thì thầm.

The above is a good exercise and very simple; telepathic power should greatly increase if one faithfully follows these four stages—up and within, down and without—in the [32] work of transmitting. During the first or form stage one may use what symbolic forms one likes to embody the word, for such a word as "will" has no appropriate form like "pool" has; one may, if he choose, preserve the word form, seeing it letter for letter or as a whole. But one must be sure to end with the picture form or the word form with which he began; and that he sends out, at the close, what he formulated at the beginning.

Những điều trên là một bài tập tốt và rất đơn giản; quyền năng viễn cảm sẽ gia tăng đáng kể nếu một người tuân theo một cách trung thành bốn giai đoạn này—lên trên và vào trong, xuống dưới và ra ngoài—trong [32] công việc truyền phát. Trong giai đoạn đầu tiên hay giai đoạn hình tướng, người ta có thể sử dụng bất kỳ hình tướng tượng trưng nào mình thích để thể hiện từ ngữ đó, vì một từ như "ý chí" không có hình tướng thích hợp như từ "cái hồ"; người ta có thể, nếu chọn, giữ nguyên hình tướng chữ viết của từ, nhìn thấy nó từng chữ cái hoặc như một tổng thể. Nhưng người ta phải chắc chắn kết thúc với hình tướng bức tranh hoặc hình tướng chữ viết mà y đã bắt đầu; và rằng y gửi đi, vào lúc kết thúc, những gì y đã hình thành lúc bắt đầu.

To summarise: A group of disciples working in an Ashram has to learn that—

Để tóm tắt: Một nhóm các đệ tử làm việc trong một Ashram phải học rằng—

1. Groups are held together by an inner structure of thought.

1. Một cấu trúc tư tưởng bên trong gắn kết các nhóm với nhau.

2. The focus of the externalised group life is the etheric body.

2. Điểm tập trung của đời sống nhóm đã ngoại hiện là thể dĩ thái.

The etheric body is:

Thể dĩ thái là:

a. A receiving agency.

a. Một tác nhân tiếp nhận.

b. A circulating medium for energy coming from the mind, from the soul, from the Master, or from the group mind.

b. Một phương tiện luân chuyển cho năng lượng đến từ thể trí, từ linh hồn, từ Chân sư, hoặc từ trí nhóm.

3. The mind is the first exoteric expression of the soul consciousness, as far as the true aspirant is concerned.

3. Thể trí là biểu hiện ngoại môn đầu tiên của tâm thức linh hồn, xét đối với người chí nguyện chân chính.

4. The following telepathic relationships are possible and must be borne in mind:

a. Solar plexus to solar plexus.

b. Mind to mind.

c. Master to disciple.

d. Groups of disciples to other similar groups.

e. Subjective groups to objective receptive groups.

f. The Hierarchy, through its great Leaders, to the various Ashrams of the Masters. [33]

g. The Hierarchy to the New Group of World Servers.

5. The major factors which must be considered in all telepathic work are:

a. The initiating agent or emanating source.

b. The recipient of the ideas, thoughts or energy.

c. The medium of revelation.

The growth of telepathic rapport will bring in an era of universality and synthesis, with its qualities of recognised relationships and responsiveness. This will be, outstandingly, the glory of the Aquarian Age.

As the race achieves increasingly a mental polarisation through the developing

4. Các mối quan hệ viễn cảm sau đây là có thể và phải được ghi nhớ:

a. Tùng thái dương đến tùng thái dương.

b. Thể trí đến thể trí.

c. Chân sư đến đệ tử.

d. Các nhóm đệ tử đến các nhóm tương tự khác.

e. Các nhóm chủ quan đến các nhóm tiếp nhận khách quan.

f. Thánh Đoàn, thông qua các Lãnh Đạo vĩ đại của mình, đến các Ashram khác nhau của các Chân sư. [33]

g. Thánh Đoàn đến Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

5. Các yếu tố chính phải được xem xét trong mọi công việc viễn cảm là:

a. Tác nhân khởi xướng hoặc nguồn phát ra.

b. Người nhận các ý tưởng, tư tưởng hoặc năng lượng.

c. Phương tiện của sự mặc khải.

Sự phát triển của mối giao cảm viễn cảm sẽ mang lại một kỷ nguyên của tính phổ quát và sự tổng hợp, với các phẩm tính của nó về những mối quan hệ được công nhận và sự đáp ứng. Điều này sẽ là vinh quang nổi bật của Kỷ Nguyên Bảo Bình.

Khi nhân loại đạt được sự phân cực trí tuệ ngày càng tăng thông qua sức hút đang phát

attractive power of the mental principle, the use of language for the *conveying of thoughts between equals or of communicating with superiors* will fall into disuse. It will continue to be used in reaching the masses and those not functioning upon the mental plane. Already voiceless prayer and aspiration and worship are deemed of higher value than the pleadings and proclamations of voiced expression. It is for this stage in the unfoldment of the race for which preparation must be made, and the laws, techniques and process of telepathic communication must be made plain so that they can be intelligently and theoretically understood.

triển của nguyên khí trí tuệ, việc sử dụng ngôn ngữ để *truyền đạt tư tưởng giữa những người bình đẳng hoặc để giao tiếp với các cấp trên* sẽ trở nên không còn được sử dụng. Nó sẽ tiếp tục được dùng để tiếp cận quần chúng và những người không hoạt động trên cõi trí. Hiện nay, lời cầu nguyện không thành tiếng, khát vọng và sự tôn thờ đã được coi là có giá trị cao hơn những lời cầu xin và tuyên bố bằng lời nói. Chính vì giai đoạn này trong sự mở ra của nhân loại mà sự chuẩn bị phải được thực hiện, và các quy luật, kỹ thuật và quy trình của giao tiếp viễn cảm phải được làm rõ để chúng có thể được thấu hiểu một cách thông minh và lý thuyết.

Disciples must occupy themselves increasingly with right understanding, right designation and right definition of the new science of telepathy. Mental comprehension and mental sympathy will make true interplay possible, and this will bridge between the old way of understanding thought through the medium of the spoken or written word (embodying that thought as the individual thinker seeks to convey it) and the future stage of immediate response to [34] thought, unlimited by speech or other medium of expression. Disciples will endeavour to work in both ways, and the medium of normal human relations and that of supernormal subjective relations must be studied by them and expressed by them. In this way the time of bridging and the period of transition can be spanned. It will take about five hundred years for the race to become normally telepathic, and when I say normally I mean *consciously*. This bridging work must be carried forward by disciples in three ways:

Các đệ tử phải ngày càng bận tâm với sự thấu hiểu đúng đắn, sự chỉ định đúng đắn và định nghĩa đúng đắn về khoa học viễn cảm mới mẻ này. Sự lĩnh hội trí tuệ và sự cảm thông trí tuệ sẽ làm cho sự tương tác thực sự trở nên khả thi, và điều này sẽ bắc cầu giữa cách thấu hiểu tư tưởng cũ thông qua phương tiện của lời nói hoặc chữ viết (thể hiện tư tưởng đó khi người suy nghĩ cá nhân tìm cách truyền đạt nó) và giai đoạn tương lai của sự đáp ứng tức thời với [34] tư tưởng, không bị giới hạn bởi lời nói hay phương tiện biểu đạt nào khác. Các đệ tử sẽ nỗ lực làm việc theo cả hai cách, và phương tiện của các mối quan hệ con người bình thường cũng như phương tiện của các mối quan hệ chủ quan siêu thường phải được họ nghiên cứu và thể hiện. Theo cách này, thời gian của việc bắc cầu và giai đoạn chuyển tiếp có thể được nối liền. Sẽ mất khoảng năm trăm năm để nhân loại trở nên viễn cảm một cách bình thường, và khi tôi nói bình thường, tôi muốn nói là *một cách có ý thức*. Công việc bắc cầu này phải được các đệ tử thực hiện theo ba cách:

1. By an endeavour to understand:

1. Bằng một nỗ lực để thấu hiểu:

a. The medium of transmission.

a. Phương tiện truyền phát.

b. The method of transmission.

b. Phương pháp truyền phát.

c. The manner of reception.

c. Cách thức tiếp nhận.

d. The mode of inter-related activity.

d. Phương thức hoạt động tương quan.

2. By the cultivation of sensitive reactions to each other and to the other human units with whom the lot of the disciples may be cast. This involves:

2. Bằng việc trau dồi các phản ứng nhạy cảm đối với nhau và đối với các đơn vị con người khác mà số phận của các đệ tử có thể gắn liền với họ. Điều này bao gồm:

a. Sensitive physical reaction, via the centres, to the forces emanating from the centres of those with whom the disciples are associated. Particularly should the sensitivity of the ajna centre be developed.

a. Phản ứng vật lý nhạy cảm, thông qua các luân xa, đối với các mãnh lực phát ra từ các luân xa của những người mà các đệ tử có liên kết. Đặc biệt cần phát triển sự nhạy cảm của trung tâm ajna.

b. Sensitivity to the state of feeling or to the emotional reactions of those around. This is done through the development of compassion and of sympathy, plus that detachment which will enable one to take right action.

b. Sự nhạy cảm đối với trạng thái cảm xúc hoặc các phản ứng tình cảm của những người xung quanh. Điều này được thực hiện thông qua sự phát triển lòng từ bi và sự cảm thông, cộng với sự tách rời vốn sẽ cho phép một người có hành động đúng đắn.

c. Sensitivity to the thoughts of others through mental rapport with them upon the plane of mind. [35]

c. Sự nhạy cảm đối với tư tưởng của người khác thông qua mối giao cảm trí tuệ với họ trên cõi trí. [35]

3. By all these done also in group formation as well as individually. All the activities mentioned above must constitute *group activity.*

3. Bằng tất cả những điều này được thực hiện trong đội hình nhóm cũng như cá nhân. Tất cả các hoạt động được đề cập ở trên phải cấu thành *hoạt động nhóm.*

In these three ways the vehicle of the personality can be so conditioned that it can become a sensitive receiving apparatus. When, however, soul consciousness is achieved or developing, then this triple instrument is superseded by the intuitional receptivity of the soul—whose inclusiveness

Theo ba cách này, vận cụ của phàm ngã có thể được định hình để nó trở thành một bộ máy tiếp nhận nhạy cảm. Tuy nhiên, khi tâm thức linh hồn đạt được hoặc đang phát triển, thì công cụ tam phân này được thay thế bằng khả năng tiếp nhận trực giác của

is absolute and who is at-one with the soul in all forms.

linh hồn—vốn có tính bao gồm tuyệt đối và hợp nhất với linh hồn trong mọi hình tướng.

Those disciples who are working along this line are the nurturers of the seed of the future intuitional civilisation, which will come to its full glory in the Aquarian Age. The intuition is the infallibly sensitive agent, latent in every human being; it is based, as you know, upon direct knowledge, unimpeded by any instrument normally functioning in the three worlds. Of this intuitional future age, Christ is the *Seed Man*, for "He knew what was in man." Today, a group or a unit of groups can be the nurturers of the seed of the intuition; the cultivation of sensitivity to telepathic impression is one of the most potent agencies in developing the coming use of the intuitive faculty.

Những đệ tử đang làm việc theo đường lối này là những người nuôi dưỡng hạt giống của nền văn minh trực giác tương lai, vốn sẽ đi đến vinh quang trọn vẹn trong Kỷ Nguyên Bảo Bình. Trực giác là tác nhân nhạy cảm không thể sai lầm, tiềm tàng trong mỗi con người; như các bạn biết, nó dựa trên tri thức trực tiếp, không bị cản trở bởi bất kỳ công cụ nào hoạt động bình thường trong ba cõi. Đức Christ là Con Người Hạt Giống của kỷ nguyên trực giác tương lai này, vì "Ngài biết những gì có trong con người". Ngày nay, một nhóm hoặc một đơn vị của các nhóm có thể là những người nuôi dưỡng hạt giống của trực giác; việc trau dồi sự nhạy cảm đối với ấn tượng viễn cảm là một trong những tác nhân mạnh mẽ nhất trong việc phát triển việc sử dụng năng lực trực giác sắp tới.

The truly telepathic man is the man who is responsive to impressions coming to him from all forms of life in the three worlds, but he is also equally responsive to impressions coming to him from the world of souls and the world of the intuition. It is the development of the telepathic instinct which will eventually make a man a master in the three worlds, and also in the five worlds of human and superhuman development. By a process of withdrawal (of occult abstraction) and of concentration upon the telepathic cult, the whole science of telepathy (as a seed of a future racial potency) can be developed and understood. This is a process now going forward, and it is going on in two ways: [36] through the medium of telepathic groups and of telepathic people, and through the medium of exoteric scientific investigation. The building of the thoughtform which will accustom the race to the idea of telepathic

Người viễn cảm thực sự là người đáp ứng với các ấn tượng đến với y từ mọi hình thái sự sống trong ba cõi, nhưng y cũng đáp ứng ngang bằng với các ấn tượng đến với y từ thế giới của các linh hồn và thế giới của trực giác. Chính sự phát triển của bản năng viễn cảm cuối cùng sẽ làm cho một người trở thành một chân sư trong ba cõi, và cũng trong năm cõi của sự phát triển nhân loại và siêu nhân loại. Bằng một quá trình rút lui (của sự trừu tượng hóa huyền bí) và tập trung vào việc rèn luyện viễn cảm, toàn bộ khoa học về viễn cảm (như một hạt giống của quyền năng tương lai của nhân loại) có thể được phát triển và thấu hiểu. Đây là một quá trình hiện đang tiến triển, và nó đang diễn ra theo hai cách: [36] thông qua phương tiện của các nhóm viễn cảm và những người có khả năng viễn cảm, và thông qua phương tiện của sự điều tra khoa học ngoại môn. Việc xây dựng hình tư tưởng vốn sẽ làm cho nhân loại quen thuộc với ý tưởng về công

work is proceeding apace, and the seed of this development is becoming very vital and powerful and germinating with real rapidity. It is, in the last analysis, the seed of MASTERHOOD.

việc viễn cảm đang tiến hành nhanh chóng, và hạt giống của sự phát triển này đang trở nên rất thiết yếu, mạnh mẽ và nảy mầm với tốc độ thực sự nhanh chóng. Trong phân tích cuối cùng, nó là hạt giống của ĐỊA VỊ CHÂN SƯ.

VI. GROUP TELEPATHIC WORK—VI. CÔNG VIỆC VIỄN CẢM NHÓM

[37]

[37]

I shall now take up with you the subject of *united* group telepathic work, its possibilities and the present opportunity, touching upon the dangers involved and the responsibility which will rest upon your shoulders and upon those of all disciples who may attempt to work in this way. You need to bear in mind the following three injunctions:

Bây giờ tôi sẽ cùng các bạn thảo luận về chủ đề công việc viễn cảm nhóm *thống nhất*, các khả năng của nó và cơ hội hiện tại, đề cập đến những nguy hiểm liên quan và trách nhiệm sẽ đặt lên vai các bạn và lên vai tất cả các đệ tử có thể cố gắng làm việc theo cách này. Các bạn cần ghi nhớ ba lệnh truyền sau đây:

First: It is essential that you acquire *facility* in tuning in on each other with deepest love and understanding; that you develop *impersonality* so that when a brother tunes in on a weakness or a strength, upon a mistake or a right attitude, it evokes from you no slightest reaction that could upset the harmony of the group united work as planned; that you cultivate a *love* which will ever seek to strengthen and to help, and a power to supplement or complement each other which will be of use in balancing the group, as a working unit under spiritual impression. The discovery of a weakness in a group brother should only produce the evocation of a deeper love; the discovery that you have made a mistake (if you have) in interpreting a brother should only prompt you to a renewed vital effort to approach more closely to his soul; the revelation to you of a brother's strength will

Thứ nhất: Điều thiết yếu là các bạn phải đạt được *sự thuần thục* trong việc hòa điệu với nhau bằng tình thương và sự thấu hiểu sâu sắc nhất; rằng các bạn phát triển *tính phi cá nhân* để khi một huynh đệ hòa điệu vào một điểm yếu hay một điểm mạnh, vào một sai lầm hay một thái độ đúng đắn, nó không gợi lên từ các bạn bất kỳ phản ứng nhỏ nhất nào có thể làm đảo lộn sự hài hòa của công việc thống nhất nhóm như đã hoạch định; rằng các bạn trau dồi một *tình thương* luôn tìm cách củng cố và giúp đỡ, và một quyền năng để bổ sung hoặc hỗ trợ lẫn nhau vốn sẽ hữu ích trong việc cân bằng nhóm, như một đơn vị hoạt động dưới ấn tượng tinh thần. Việc phát hiện ra một điểm yếu ở một huynh đệ trong nhóm chỉ nên tạo ra sự gợi lên của một tình thương sâu sắc hơn; việc phát hiện ra rằng bạn đã phạm sai lầm (nếu có) trong việc diễn giải một huynh đệ chỉ nên thúc đẩy bạn một nỗ lực mới đầy sinh lực để tiếp cận gần

indicate where you can look for help in any hour of your own need. State frankly what you feel as you work month after month at this task of group rapport, deliberately tuning out criticism and substituting for it analysis—an analysis impersonally given; state truthfully what you sense and register. Your conclusions may be right or wrong, but a definite effort to comply and to recognise consciously the gained impression should aid the group blending without undue delay into an instrument of sensitive understanding. If disciples cannot tune in on each other [38] with ease after long periods of close relationship, how can they, as a group, tune in on some individual or some group of individuals unknown to them in their personalities? Unless such interplay is established fundamentally and unless there is a close integration between the members who constitute the group, it will not be possible for constructively useful and spiritually oriented and controlled work to be properly carried forward and successfully accomplished. But it is a task which you can accomplish if you will, and real application over a period of time should enable the group to work smoothly and well together. The three Rules *(A Treatise on White Magic, page 320)* for beginners, earlier given, embody the first steps leading to the attitude required in true hierarchical work; this is the objective of the accepted disciple.

hơn với linh hồn của người đó; sự mặc khải cho bạn về sức mạnh của một huynh đệ sẽ chỉ ra nơi bạn có thể tìm kiếm sự giúp đỡ trong bất kỳ giờ phút nào bạn cần. Hãy nêu rõ ràng những gì bạn cảm thấy khi bạn làm việc tháng này qua tháng khác ở nhiệm vụ giao cảm nhóm này, cố ý loại bỏ sự chỉ trích và thay thế nó bằng sự phân tích—một sự phân tích được đưa ra một cách phi cá nhân; hãy nêu một cách trung thực những gì bạn cảm nhận và ghi nhận. Các kết luận của bạn có thể đúng hoặc sai, nhưng một nỗ lực xác định để tuân thủ và nhận biết một cách có ý thức ấn tượng đã tiếp nhận sẽ hỗ trợ sự hòa quyện nhóm mà không bị chậm trễ quá mức để trở thành một công cụ của sự thấu hiểu nhạy cảm. Nếu các đệ tử không thể hòa điệu với nhau [38] một cách dễ dàng sau những giai đoạn dài có mối quan hệ chặt chẽ, làm sao họ, với tư cách là một nhóm, có thể hòa điệu với một cá nhân nào đó hoặc một nhóm cá nhân nào đó không được họ biết đến trong phàm ngã của những người đó? Trừ khi sự tương tác như vậy được thiết lập một cách nền tảng và trừ khi có một sự tích hợp chặt chẽ giữa các thành viên cấu thành nhóm, sẽ không thể nào thực hiện và hoàn thành thành công công việc hữu ích mang tính xây dựng, định hướng tinh thần và được kiểm soát. Nhưng đó là một nhiệm vụ mà các bạn có thể hoàn thành nếu các bạn muốn, và sự nỗ lực thực sự trong một khoảng thời gian sẽ cho phép nhóm làm việc trôi chảy và tốt đẹp cùng nhau. Ba Quy luật *(Luận về Chánh Thuật, trang 320)* dành cho người mới bắt đầu, đã được đưa ra trước đó, thể hiện những bước đầu tiên dẫn đến thái độ cần thiết trong công việc thực sự của Thánh đoàn; đây là mục tiêu của đệ tử đã được chấp nhận.

Secondly: Your constant effort—to be carried forward steadily and slowly—must be to bring about a *group love* of such strength that nothing can break it and no barriers rise

Thứ hai: Nỗ lực không ngừng của các bạn—được thực hiện một cách đều đặn và chậm rãi—phải là mang lại một *tình thương nhóm* có sức mạnh đến mức không gì có thể phá vỡ

up between you; to cultivate a *group sensitivity* of such a quality that your diagnosis of conditions will be relatively accurate; to develop and unfold a *group ability to work as a unit*, so that there will be nothing in the inner attitudes of any of the group members which could break into the carefully established rhythm. For it is quite possible for a member of the group to retard the work and to hold back the group because he is so engrossed in his own affairs or in his own ideas of self-development; when some members cease their activity it does affect the inner group vibration; when others become slowed up by definite changes in their outer or inner lives, this requires periods of adjustment and oft of re-organisation of the life. These changes, being externalised, can produce powerful psychological changes and upset the rhythm of the soul's endeavour. A tried and [39] experienced disciple will not let such a change upset his inner rhythm, but a less experienced disciple needs real soul watchfulness to the danger of sidetracking the life interest from spiritual purposes to personality attentions and interests.

nó và không rào cản nào dựng lên giữa các bạn; trau dồi một *sự nhạy cảm nhóm* có phẩm tính sao cho sự chẩn đoán của các bạn về các điều kiện sẽ tương đối chính xác; phát triển và mở ra một *khả năng nhóm để làm việc như một đơn vị*, sao cho không có gì trong các thái độ nội tâm của bất kỳ thành viên nào trong nhóm có thể phá vỡ nhịp điệu đã được thiết lập cẩn thận. Bởi vì hoàn toàn có khả năng một thành viên của nhóm làm chậm trễ công việc và kìm hãm nhóm vì y quá mải mê với công việc riêng của mình hoặc với những ý tưởng của riêng mình về sự tự phát triển; khi một số thành viên ngừng hoạt động, điều đó thực sự ảnh hưởng đến rung động bên trong của nhóm; khi những người khác trở nên chậm chạp bởi những thay đổi xác định trong cuộc sống bên ngoài hoặc bên trong của họ, điều này đòi hỏi các giai đoạn điều chỉnh và thường là tái tổ chức cuộc sống. Những thay đổi này, khi được ngoại hiện, có thể tạo ra những thay đổi tâm lý mạnh mẽ và làm đảo lộn nhịp điệu nỗ lực của linh hồn. Một đệ tử đã được thử thách và [39] có kinh nghiệm sẽ không để sự thay đổi như vậy làm đảo lộn nhịp điệu bên trong của mình, nhưng một đệ tử ít kinh nghiệm hơn cần sự cảnh giác thực sự của linh hồn đối với nguy cơ chuyển hướng mối quan tâm của cuộc sống từ các mục đích tinh thần sang các sự chú ý và lợi ích của phàm ngã.

Thirdly: Any group work of this kind must be most carefully controlled; any group effort which seeks to impress the mind of any subject (whether an individual or a group) must be strenuously guarded as to motive and method; any group endeavour which involves a united applied effort to effect changes in the point of view, an outlook on life, or a technique of living must be *utterly selfless*, most wisely and cautiously undertaken, and must be kept free from any personality emphasis, any personality pressure and any mental pressure which is

Thứ ba: Bất kỳ công việc nhóm nào thuộc loại này cũng phải được kiểm soát cẩn thận nhất; bất kỳ nỗ lực nhóm nào tìm cách gây ấn tượng lên thể trí của bất kỳ đối tượng nào (dù là một cá nhân hay một nhóm) đều phải được bảo vệ nghiêm ngặt về động cơ và phương pháp; bất kỳ nỗ lực nhóm nào liên quan đến một cố gắng áp dụng thống nhất để tạo ra những thay đổi trong quan điểm, cách nhìn về cuộc sống, hoặc kỹ thuật sống đều phải *hoàn toàn vị tha*, được thực hiện một cách khôn ngoan và thận trọng nhất, và phải được giữ không có bất kỳ sự nhấn mạnh

formulated in terms of individual belief, prejudice, dogmatism or ideas. I would ask you to study the above few words most carefully.

nào về phàm ngã, bất kỳ áp lực nào của phàm ngã và bất kỳ áp lực trí tuệ nào được hình thành dưới dạng niềm tin cá nhân, định kiến, giáo điều hoặc ý tưởng. Tôi yêu cầu các bạn nghiên cứu vài từ trên một cách cẩn thận nhất.

The moment that there is the least tendency on the part of a group, or of an individual in a group, to force an issue, to bring so much mental pressure to bear that an individual or group is helpless under the impact of other minds, you have what is called "black magic." Right motive may protect the group from any serious results to themselves, but the effect upon their victim will be definitely serious, rendering him negative, and with a weakened will.

Ngay khi có khuynh hướng nhỏ nhất từ phía một nhóm, hoặc một cá nhân trong nhóm, nhằm cưỡng ép một vấn đề, nhằm mang lại quá nhiều áp lực trí tuệ đến mức một cá nhân hoặc nhóm trở nên bất lực dưới tác động của các thể trí khác, các bạn có cái được gọi là "hắc thuật". Động cơ đúng đắn có thể bảo vệ nhóm khỏi bất kỳ hậu quả nghiêm trọng nào đối với chính họ, nhưng ảnh hưởng lên nạn nhân của họ sẽ thực sự nghiêm trọng, khiến người đó trở nên thụ động và có ý chí suy yếu.

The result of all *true* telepathic work and rightly directed effort to "impress" a subject will be to leave him with a strengthened will to right action, an intensified interior light, an astral body freer from glamour, and a physical body more vital and purer. The potency of a united group activity is incredibly powerful. The occult aphorism that "energy follows thought" is either a statement of a truth or else a meaningless phrase.

Kết quả của mọi công việc viễn cảm *chân chính* và nỗ lực được định hướng đúng đắn để "gây ấn tượng" lên một đối tượng sẽ là để lại cho người đó một ý chí được củng cố đối với hành động đúng đắn, một ánh sáng nội tâm được tăng cường, một thể cảm dục tự do hơn khỏi ảo cảm, và một thể xác đầy sinh lực và tinh khiết hơn. Quyền năng của một hoạt động nhóm thống nhất là vô cùng mạnh mẽ. Câu châm ngôn huyền bí rằng "năng lượng đi theo tư tưởng" hoặc là một phát biểu về một chân lý hoặc là một cụm từ vô nghĩa.

[40]

[40]

Forget not that the method of work of the Hierarchy is that of *impression* upon the minds of Their disciples, of telepathic work carried on with the Master as broadcaster and the disciple as the recipient of impression and of energy. This reception of impression and energy has a dual effect:

Đừng quên rằng phương pháp làm việc của Thánh Đoàn là phương pháp *gây ấn tượng* lên thể trí của các đệ tử của Các Ngài, công việc viễn cảm được thực hiện với Chân sư là người phát và đệ tử là người nhận ấn tượng và năng lượng. Việc tiếp nhận ấn tượng và năng lượng này có tác dụng kép:

1. It brings into activity the latent seeds of action and of habits (good or bad), thus producing revelation, purification, enrichment and usefulness.

1. Nó đưa vào hoạt động các hạt giống tiềm tàng của hành động và thói quen (tốt hay xấu), từ đó tạo ra sự mặc khải, sự thanh lọc, sự làm giàu và tính hữu ích.

2. It vitalises and galvanises the personality into a right relation to the soul, to the environment, and to humanity.

2. Nó tiếp sinh lực và kích thích phàm ngã vào mối quan hệ đúng đắn với linh hồn, với môi trường, và với nhân loại.

It is necessary for you and for all disciples to grasp the correspondence to this hierarchical effort and any effort which you may make in order to work as a group of individuals with groups or individuals. An appreciation of the power which you may let loose, of the dynamic effect which you may succeed in awakening in the subject of your directed thought, and of the impression which you may imprint in the mind and consciousness of the subject should incite you to a guarded purity of life (astral and physical), to a watchfulness over thoughts and ideas, and to a love which will safeguard you from all love of power. Thus you will preserve the integrity of those you seek to help and will be enabled to suggest, to strengthen and to teach subjectively with no undue influence, no forcing, and no infringement of the liberty and spiritual franchise of the person concerned. A difficult task, my brothers, but one to which you are equal, given due attention and obedience to the above three injunctions as to motive, technique and method.

Điều cần thiết cho bạn và cho tất cả các đệ tử là nắm bắt sự tương ứng với nỗ lực này của Thánh đoàn và bất kỳ nỗ lực nào mà các bạn có thể thực hiện để làm việc như một nhóm các cá nhân với các nhóm hoặc các cá nhân khác. Sự đánh giá đúng về quyền năng mà các bạn có thể giải phóng, về tác động năng động mà các bạn có thể thành công trong việc đánh thức ở đối tượng của tư tưởng được định hướng của các bạn, và về ấn tượng mà các bạn có thể in vào thể trí và tâm thức của đối tượng nên thúc đẩy các bạn đến giữ gìn sự tinh khiết của đời sống (cảm dục và hồng trần), đến một sự cảnh giác đối với các tư tưởng và ý tưởng, và đến một tình thương sẽ bảo vệ các bạn khỏi mọi sự ham muốn quyền lực. Như vậy các bạn sẽ bảo tồn sự toàn vẹn của những người các bạn tìm cách giúp đỡ và sẽ có khả năng gợi ý, củng cố và giảng dạy một cách chủ quan mà không có ảnh hưởng thái quá, không cưỡng ép, và không xâm phạm quyền tự do và đặc quyền tinh thần của người liên quan. Một nhiệm vụ khó khăn, các huynh đệ của tôi, nhưng là nhiệm vụ mà các bạn có đủ khả năng, nếu chú ý đúng mức và tuân thủ ba lệnh truyền trên về động cơ, kỹ thuật và phương pháp.

VII. THE SCIENCE OF IMPRESSION—VII. KHOA HỌC VỀ SỰ ẤN TƯỢNG

[41]

[41]

The entire subject of telepathic communication can be approached under a more subjective designation or name, but one which is interpretive of the more universal and prior stage than that of direct telepathic reception. The occultist ever approaches the subject connected with the evolutionary process from the angle of the whole and then the part, from the periphery to the centre, from the universal to the particular. Among Themselves, the Masters do not deal with telepathy as a science warranting consideration, endeavour and impartation; They are concerned primarily with the *Science of Impression*. The term most often employed by Them is the esoteric equivalent of what the average person means when he says, "I have an impression." Impression is the subtlest reaction (more or less accurate) to the vibratory mental activity of some other mind or group of minds, of some whole, as its radiatory influence affects the unit or aggregate of units.

Toàn bộ chủ đề về giao tiếp viễn cảm có thể được tiếp cận dưới một tên gọi hoặc định danh chủ quan hơn, nhưng là một định danh diễn giải giai đoạn phổ quát hơn và có trước so với giai đoạn tiếp nhận viễn cảm trực tiếp. Nhà huyền bí học luôn tiếp cận chủ đề liên quan đến quá trình tiến hóa từ góc độ của cái toàn thể và sau đó là bộ phận, từ ngoại vi đến trung tâm, từ cái phổ quát đến cái đặc thù. Giữa Các Ngài với nhau, các Chân sư không giải quyết viễn cảm như một khoa học cần xem xét, nỗ lực và truyền đạt; Các Ngài quan tâm chủ yếu đến *Khoa học về Sự Ấn tượng*. Thuật ngữ thường được Các Ngài sử dụng nhất là thuật ngữ tương đương trong huyền môn với điều mà người bình thường muốn nói khi y nói, "Tôi có một ấn tượng." Ấn tượng là phản ứng tinh tế nhất (ít nhiều chính xác) đối với hoạt động rung động trí tuệ của một thể trí hoặc nhóm thể trí khác, của một cái toàn thể nào đó, khi ảnh hưởng lan tỏa của nó tác động đến đơn vị hoặc tập hợp các đơn vị.

The first stage of correct telepathic reception is ever the registering of an impression; it is generally vague at the beginning, but as a thought, idea, purpose or intention of the sending agent concretises, it slips into the second stage which appears as a definite thoughtform; finally, that thoughtform makes its impact upon the consciousness of the brain in the location lying just behind the ajna centre and consequently in the area of the pituitary body. It can appear also in the region of the solar plexus centre. But for those Lives Who have surmounted life in the three worlds and Who are not conditioned by the triple mechanism of the personality, *the impression* is the factor of importance; Their consciousness is impressed, and so sensitive is Their response to the higher impression, that They [42] absorb or

Giai đoạn đầu tiên của sự tiếp nhận viễn cảm chính xác luôn là việc ghi nhận một ấn tượng; nó thường mơ hồ lúc bắt đầu, nhưng khi một tư tưởng, ý tưởng, mục đích hoặc ý định của tác nhân gửi đi trở nên cụ thể hóa, nó trượt vào giai đoạn thứ hai xuất hiện như một hình tư tưởng xác định; cuối cùng, hình tư tưởng đó tạo ra tác động của nó lên tâm thức của bộ não tại vị trí nằm ngay phía sau trung tâm ajna và do đó trong khu vực của tuyến yên. Nó cũng có thể xuất hiện trong vùng của trung tâm tùng thái dương. Nhưng đối với những Sự Sống đã vượt qua đời sống trong ba cõi và Những Đấng không chịu sự chi phối của cơ chế tam phân của phàm ngã, *ấn tượng* là yếu tố quan trọng; Tâm thức của Các Ngài tiếp nhận ấn tượng, và sự đáp ứng của Các Ngài đối với ấn tượng cao hơn nhạy cảm đến mức Các Ngài [42] hấp thụ hoặc

appropriate the impression so that it becomes a part of Their own "impulsive energy."

chiếm hữu ấn tượng đó để nó trở thành một phần của chính "năng lượng thúc đẩy" của Các Ngài.

This is by no means an easy subject for me to elucidate, and the reasons are two:

Đây hoàn toàn không phải là một chủ đề dễ dàng để tôi giải thích, và có hai lý do:

1. The members of the Hierarchy (among Whom I have the status of Master) *(Discipleship in the New Age I, 777)* are Themselves in process of learning this Science of Impression. This They do on the levels of the abstract mind, of the intuition, or of manas and buddhi.

1. Các thành viên của Thánh Đoàn (trong đó tôi có địa vị Chân sư) *(Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới I, 777)* Chính Các Ngài đang trong quá trình học hỏi Khoa học về Sự Ấn tượng này. Các Ngài thực hiện điều này trên các cấp độ của trí trừu tượng, của trực giác, hoặc của manas và bồ đề.

2. The science is as yet without a vocabulary. It is not limited at any stage by thoughtforms but it is limited by word forms; and it is therefore a difficult problem for me to pass on any information anent this subtle mode of communication of which telepathy is in fact but an exoteric externalisation.

2. Khoa học này vẫn chưa có từ vựng. Nó không bị giới hạn ở bất kỳ giai đoạn nào bởi các hình tư tưởng nhưng nó bị giới hạn bởi các hình thức từ ngữ; và do đó, đối với tôi là một vấn đề khó khăn để chuyển tải bất kỳ thông tin nào về phương thức giao tiếp tinh tế này mà viễn cảm thực tế chỉ là một sự ngoại hiện bên ngoài.

Sources of Impression to the Three Planetary Centres—Các Nguồn Ấn Tượng Đến Ba Trung Tâm Hành Tinh

Impression, as an art to be mastered both from the angle of the impressing agent and of the impressed recipient, is definitely related to the world of ideas. As far as our planetary Life is concerned, there are certain great sources of impression and one or two of them might here be noted; you will thus gain some idea of the subtlety of the whole subject, of its close relation to energy impacts and of its group reception as differentiated from individual reception, as is the case in any telepathic rapport.

Ấn tượng, như một nghệ thuật cần phải làm chủ cả từ góc độ của tác nhân gây ấn tượng và của người nhận được ấn tượng, có liên quan xác định đến thế giới của các ý tưởng. Xét về Sự Sống hành tinh của chúng ta, có một số nguồn ấn tượng lớn và một hoặc hai trong số đó có thể được ghi chú ở đây; như vậy các bạn sẽ có được một vài ý tưởng về sự tinh tế của toàn bộ chủ đề, về mối quan hệ chặt chẽ của nó với các tác động năng lượng và về sự tiếp nhận nhóm của nó khác biệt với sự tiếp nhận cá nhân, như trường hợp trong bất kỳ mối giao cảm viễn cảm nào.

1. The impression of Shamballa by:

a. Members of the Great White Lodge on Sirius. The recipients of this impression are the highest Members of the Great Council, presided over by the Lord of the World. So subtle is this impression [43] that these Great Lives can only receive it with accuracy when in full joint conference of the entire Council, and also after due preparation.

b. From one or other of the constellations which are at any particular time astrologically en rapport with our planet. This impression can only be received by the Great Council when sitting in conclave with a majority of its Members present. This, I would have you note, does not entail the attendance of the entire Council.

c. From a triangle of circulating energy, emanating from the two planets which—with our planet, the Earth—form a triangle in any particular cycle. This impression is received by the three Buddhas of Activity for distribution to the Hierarchy.

d. From the planet Venus, the Earth's *alter ego*. This makes its entrance via the Lord of the World and three of His Council Who are chosen by Him at any specific time to act as recipients.

These are the major entering impressions, recorded by what is glibly called "the Universal Mind," the mind of God, our planetary Logos. There are other entering impressions, but to them I do not refer, as any reference would be meaningless to you.

1. Shamballa tiếp nhận ấn tượng từ:

a. Các thành viên của Thánh Đoàn trên sao Thiên Lang (Sirius). Những người nhận ấn tượng này là các Thành viên cao nhất của Đại Hội Đồng do Đức Chúa Tể Thế Giới chủ trì. Ấn tượng này tinh tế đến mức [43] những Sự Sống Vĩ Đại này chỉ có thể nhận nó một cách chính xác khi họp chung toàn thể Hội Đồng, và cũng sau khi đã chuẩn bị thích đáng.

b. Từ một chòm sao này hoặc chòm sao khác vốn vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào đang có mối giao cảm về mặt chiêm tinh với hành tinh của chúng ta. Ấn tượng này chỉ có thể được Đại Hội Đồng tiếp nhận khi đang họp kín với đa số các Thành viên hiện diện. Tôi muốn các bạn lưu ý điều này, nó không đòi hỏi sự tham dự của toàn bộ Hội Đồng.

c. Từ một tam giác năng lượng luân chuyển, phát ra từ hai hành tinh vốn—cùng với hành tinh của chúng ta, Trái Đất—tạo thành một tam giác trong bất kỳ chu kỳ cụ thể nào. Ấn tượng này được ba Đức Phật Hoạt Động tiếp nhận để phân phối cho Thánh Đoàn.

d. Từ hành tinh Sao Kim, *đối phần* của Trái Đất. Ấn tượng này đi vào thông qua Đức Chúa Tể Thế Giới và ba vị trong Hội Đồng của Ngài, Những Vị được Ngài chọn vào bất kỳ thời điểm cụ thể nào để hành động như những người tiếp nhận.

Đây là những ấn tượng đi vào chính yếu, được ghi lại bởi cái được gọi một cách dễ dãi là "Vũ Trụ Trí," trí của Thượng đế, Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Có những ấn tượng đi vào khác, nhưng tôi không đề cập đến chúng, vì bất kỳ sự tham chiếu nào cũng sẽ vô nghĩa đối với các bạn.

2. The impression of the Hierarchy by:

a. Shamballa itself through the medium of groups within the Great Council; these step down the impression which they register so that the Hierarchy—as a whole—may cooperate with the purposes intended by those who are forming the needed Plan. [44]

b. Certain great Lives Who, at specific times and according to cyclic rhythm, or in times of emergency, are swung into this type of activity. For instance, one such time would be the Full Moon period, which is a time of reception by the Hierarchy as well as by Humanity; an instance of the second type of activity would be the Wesak Festival, or those acute crises when intervention is required from sources far higher than those with which the recipient is usually en rapport. Such a crisis is fast approaching.

The first type of impression is rhythmic, recurrent and therefore cumulative in its intended effects. The second type of impression is the result of invocation and evocation and is dependent upon both the recipient and the agent.

c. That great group of divine Contemplatives who are trained to act as an intermediate receptive group between Shamballa and the Hierarchy. They receive impression from Shamballa and transmit it to the Hierarchy, thus enabling the Members of the Hierarchy to receive it as "a sharpened impression" and to register it accurately because the emanating impression has passed through an area within the divine Mind where it is enhanced by the trained perception and the determined receptivity of this group. They

2. Thánh Đoàn tiếp nhận ấn tượng từ:

a. Chính Shamballa thông qua phương tiện của các nhóm bên trong Đại Hội Đồng; những nhóm này giảm cấp ấn tượng mà họ ghi nhận để Thánh Đoàn—như một tổng thể—có thể hợp tác với các mục đích được dự định bởi những đấng đang hình thành Thiên Cơ cần thiết. [44]

b. Một số Sự Sống vĩ đại, Những Đấng mà vào những thời điểm cụ thể và theo nhịp điệu chu kỳ, hoặc trong những thời điểm khẩn cấp, được đưa vào loại hoạt động này. Ví dụ, một thời điểm như vậy sẽ là giai đoạn Trăng Tròn, là thời gian tiếp nhận của Thánh Đoàn cũng như của Nhân loại; một ví dụ về loại hoạt động thứ hai sẽ là Lễ Wesak, hoặc những cuộc khủng hoảng cấp bách khi cần sự can thiệp từ các nguồn cao hơn nhiều so với những nguồn mà người nhận thường có giao cảm. Một cuộc khủng hoảng như vậy đang đến rất nhanh.

Loại ấn tượng thứ nhất có tính nhịp điệu, lặp lại và do đó tích lũy trong các tác dụng dự kiến của nó. Loại ấn tượng thứ hai là kết quả của sự khẩn cầu và gợi lên và phụ thuộc vào cả người nhận và tác nhân.

c. Nhóm vĩ đại các Đấng Chiêm Ngưỡng thiêng liêng được huấn luyện để hành động như một nhóm tiếp nhận trung gian giữa Shamballa và Thánh Đoàn. Các Ngài nhận ấn tượng từ Shamballa và truyền nó đến Thánh Đoàn, do đó cho phép các Thành viên của Thánh Đoàn nhận nó như "một ấn tượng được làm sắc nét" và ghi nhận nó một cách chính xác bởi vì ấn tượng phát ra đã đi qua một khu vực bên trong Trí tuệ thiêng liêng nơi nó được tăng cường bởi nhận thức được huấn luyện và khả năng tiếp nhận kiên định

are called, in the East, the divine Nirmanakayas. I only mention Their occult name so that you may learn to recognise Them when you meet reference to Them.

của nhóm này. Ở phương Đông, Các Ngài được gọi là các vị Nirmanakaya thiêng liêng. Tôi chỉ đề cập đến tên huyền bí của Các Ngài để các bạn có thể học cách nhận ra Các Ngài khi gặp tài liệu tham chiếu về Các Ngài.

d. The Buddha at the time when the Wesak Festival is celebrated. He then acts as a focal point or as the "distributor of the impression"; He then has [45] behind Him (little as you may realise it) the entire impressing force of the Buddhas of Activity Who are to Shamballa what the Nirmanakayas are to the Hierarchy.

d. Đức Phật vào thời điểm Lễ Wesak được cử hành. Ngài lúc đó hành động như một tiêu điểm hoặc như "người phân phối ấn tượng"; Ngài lúc đó có [45] phía sau Ngài (các bạn có thể ít nhận ra điều này) toàn bộ lực gây ấn tượng của các Đức Phật Hoạt Động, Những Vị đối với Shamballa cũng giống như các Nirmanakaya đối với Thánh Đoàn.

Let me here interpolate a remark which may prove helpful and illuminating. We are dealing (as you will undoubtedly have noted) with the reception of impression by groups or by aggregations of groups composed of living Beings Who have Their own agents of distribution or impression. The entire evolutionary history of our planet is one of reception and of distribution, of a taking in and of a giving out. The key to humanity's trouble (focussing, as it has, in the economic troubles of the past two hundred years, and in the theological impasse of the orthodox churches) has been to take and not to give, to accept and not to share, to grasp and not to distribute. This is the breaking of the Law which has placed humanity in the position of guilt. The war is the dire penalty which humanity has had to pay for this great sin of separateness. Impressions from the Hierarchy have been received, distorted, misapplied and misinterpreted, and the task of the New Group of World Servers is to offset this evil. These Servers are to humanity what the Buddhas of Activity are to Shamballa, and the group of divine Contemplatives (the Nirmanakayas) are to the Hierarchy. It might be stated therefore that:

Hãy để tôi thêm vào đây một nhận xét có thể chứng minh là hữu ích và soi sáng. Chúng ta đang đề cập đến (như các bạn chắc chắn đã lưu ý) việc tiếp nhận ấn tượng bởi các nhóm hoặc bởi tập hợp các nhóm bao gồm những Sự Sống đang tồn tại, Những Đấng có các tác nhân phân phối hoặc gây ấn tượng riêng của Các Ngài. Toàn bộ lịch sử tiến hóa của hành tinh chúng ta là một lịch sử của sự tiếp nhận và phân phối, của việc lấy vào và đưa ra. Chìa khóa cho rắc rối của nhân loại (tập trung, như nó vốn có, vào các rắc rối kinh tế của hai trăm năm qua, và vào sự bế tắc thần học của các giáo hội chính thống) là lấy mà không cho, chấp nhận mà không chia sẻ, nắm giữ mà không phân phối. Đây là sự phá vỡ Định luật vốn đã đặt nhân loại vào vị trí tội lỗi. Chiến tranh là hình phạt thảm khốc mà nhân loại đã phải trả cho tội lỗi to lớn này của sự chia rẽ. Các ấn tượng từ Thánh Đoàn đã được tiếp nhận, bị bóp méo, áp dụng sai và diễn giải sai, và nhiệm vụ của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian là hóa giải sự xấu xa này. Những Người Phụng Sự này đối với nhân loại cũng giống như các Đức Phật Hoạt Động đối với Shamballa, và nhóm các Đấng Chiêm Ngưỡng thiêng liêng (các Nirmanakaya) đối với Thánh Đoàn. Do đó, có thể nói rằng:

1. The Buddhas of Activity are Themselves impressed by the WILL of God as it energises the entire planetary life.

1. Các Đức Phật Hoạt Động, chính Các Ngài, tiếp nhận ấn tượng từ Ý CHÍ của Thượng đế khi nó tiếp năng lượng cho toàn bộ sự sống hành tinh.

2. The Nirmanakayas are impressed by the LOVE of God as it demonstrates itself as the attractive force which impulses the Plan inspired by the Purpose. In other words, it is the Hierarchy, impelled to action [46] by Shamballa, or the Will-to-Good, externalising itself as goodwill.

2. Các Nirmanakaya tiếp nhận ấn tượng từ TÌNH THƯƠNG của Thượng đế khi nó thể hiện như lực hấp dẫn thúc đẩy Thiên Cơ được gợi cảm hứng bởi Mục Đích. Nói cách khác, đó là Thánh Đoàn, được thúc đẩy hành động [46] bởi Shamballa, hay Ý Chí-hướng Thiện, đang ngoại hiện chính nó thành thiện chí.

3. The New Group of World Servers are impressed by the active INTELLIGENCE of God; they translate this divine impression and step it down in two great stages, therefore, bringing it into concrete manifestation.

3. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian tiếp nhận ấn tượng từ TRÍ TUỆ hoạt động của Thượng đế; họ chuyển dịch ấn tượng thiêng liêng này và giảm cấp nó qua hai giai đoạn lớn, do đó, mang nó vào biểu hiện cụ thể.

We now carry this conception of divine impression down to the level of the human consciousness.

Bây giờ chúng ta mang quan niệm về ấn tượng thiêng liêng này xuống cấp độ của tâm thức con người.

3. The impression of Humanity by:

3. Nhân loại tiếp nhận ấn tượng từ:

a. The Hierarchy, through the stimulating of ideas. These demonstrate through a steadily growing and enlightened public opinion.

a. Thánh Đoàn, thông qua việc kích thích các ý tưởng. Những ý tưởng này thể hiện qua một dư luận công chúng ngày càng phát triển và được soi sáng.

b. The influence of the Ashrams of the Masters as they affect the aspirants of the world, the humanitarians and the idealists. These impressing agencies, being seven in number, constitute seven different streams of impressing energy which affect the seven ray types. The united Ashrams, forming the great Ashram of the Christ, affect humanity as a whole; this great united Ashram works solely through the New Group of World Servers whose members are on all rays, of all

b. Ảnh hưởng của các Ashram của các Chân sư khi chúng tác động đến những người chí nguyện của thế giới, những người theo chủ nghĩa nhân đạo và những người theo lý tưởng. Những tác nhân gây ấn tượng này, với con số bảy, cấu thành bảy dòng năng lượng gây ấn tượng khác nhau ảnh hưởng đến bảy loại cung. Các Ashram thống nhất, hình thành nên Ashram vĩ đại của Đức Christ, ảnh hưởng đến nhân loại như một tổng thể; Ashram thống nhất vĩ đại này hoạt

grades of development, and who work in all the various departments of human living and enterprise.

động duy nhất thông qua Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian mà các thành viên thuộc về tất cả các cung, tất cả các cấp độ phát triển, và những người làm việc trong tất cả các lĩnh vực khác nhau của đời sống và hoạt động con người.

c. The activity of the New Group of World Servers about which I have already written in my various pamphlets; therefore repetition is not necessary. *(A Treatise on the Seven rays,* II, 629-751. *A Treatise on White Magic,* 398-433*)*

c. Hoạt động của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian mà tôi đã viết trong các tập sách nhỏ khác nhau của mình; do đó việc lặp lại là không cần thiết. *(Luận về Bảy Cung,* II, 629-751. *Luận về Chánh Thuật,* 398-433*)*

It will be obvious to you that I have only touched upon a few, a very few, of the impressing forces of the planet, and have [47] enumerated only a few of the major groups which are—in their intrinsic nature—both recipients of impression and agents later of the impressing agent. When we arrive at the human family, this reciprocal activity is blocked by human selfishness; it is this "interruption of impression" and this "interference with the divine circulatory flow" which (as I have said above) is responsible for sin, for disease, and for all the various factors which make humanity today what it is. When the free flow of divine energy, of divine interplay and of spiritual purpose is re-established, then evil will disappear and the will-to-good will become factual goodwill upon the outer physical plane.

Các bạn sẽ thấy rõ rằng Tôi chỉ đề cập đến một vài—rất ít—mãnh lực tạo ấn tượng của hành tinh, và [47] chỉ liệt kê một vài nhóm chủ yếu mà, xét theo bản chất nội tại, vừa tiếp nhận ấn tượng, vừa về sau trở thành tác nhân của chủ thể tạo ấn tượng. Khi xét đến gia đình nhân loại, hoạt động tương hỗ này bị tính ích kỷ của con người ngăn trở; chính sự "gián đoạn ấn tượng" và sự "cản trở dòng lưu chuyển thiêng liêng" này (như Tôi đã nói ở trên) gây nên tội lỗi, bệnh tật và mọi yếu tố khiến nhân loại có tình trạng như ngày nay. Khi dòng lưu chuyển thông suốt của năng lượng thiêng liêng, sự tương tác thiêng liêng và mục đích tinh thần được tái lập, điều ác sẽ biến mất và Ý Chí-hướng Thiện sẽ trở thành thiện chí thực sự trên cõi hồng trần bên ngoài.

In the statements given above in connection with the three great planetary centres you have the basis for the new and coming Approach to Divinity which will be known under the expression: Invocative and Evocative religion. It is this new Science of Impression which forms the subjective basis and the uniting element which binds together the entire realm of knowledge, of

Trong các tuyên bố được đưa ra ở trên liên quan đến ba trung tâm hành tinh lớn, các bạn có cơ sở cho Sự Tiếp Cận Thiên Tính mới và đang đến, sẽ được biết đến dưới cụm từ: Tôn giáo Khẩn cầu và Gợi lên. Chính Khoa học về Sự Ấn tượng mới này hình thành nên cơ sở chủ quan và yếu tố liên kết gắn kết toàn bộ lĩnh vực tri thức, khoa học và tôn giáo lại với nhau. Các ý tưởng cơ bản nằm dưới các

science and of religion. The fundamental ideas which underlie these great areas of human thought all emanate from intuitional levels; they finally condition the human consciousness, evoking man's aspiration to penetrate deeper into the arcana of all wisdom, for which knowledge is the preparatory stage. This Science of Impression is the mode of life of the subjective world which lies between the world of external happenings (the world of appearances and of exoteric manifestation) and the inner world of reality. This is a point which should be most carefully taken into the calculations of the occult investigators. Impressions are received and registered; they form the basis of reflection for those aspirants who are sensitive enough to their impact and wise enough to record carefully in consciousness their emanating source. After due practice, this period of brooding upon the registered [48] impression is followed by another period wherein the impression begins to take form as an idea; from that point it follows the familiar course of translation from an idea into a presented ideal; it then comes under the invocative appeal of the more concrete-minded until it finally precipitates itself into outer manifestation and takes form. You will see, therefore, that what I am doing is to take the student a step further into the world of reception and perception and point him to the more subtle contacts which lie behind those concepts which are regarded as definitely nebulous and to which we give the name of intuitions.

lĩnh vực tư tưởng lớn này của con người đều phát ra từ các cấp độ trực giác; cuối cùng chúng định hình tâm thức con người, gợi lên khát vọng của con người thâm nhập sâu hơn vào những bí ẩn của mọi minh triết, mà tri thức là giai đoạn chuẩn bị. Khoa học về Sự Ấn tượng này là phương thức sinh hoạt của thế giới chủ quan nằm giữa thế giới của các sự kiện bên ngoài (thế giới của các vẻ ngoài và của biểu hiện ngoại môn) và thế giới nội tâm của thực tại. Đây là một điểm nên được các nhà điều tra huyền bí đưa vào tính toán một cách cẩn thận nhất. Các ấn tượng được tiếp nhận và ghi nhận; chúng hình thành cơ sở của sự suy ngẫm cho những người chí nguyện đủ nhạy cảm với tác động của chúng và đủ khôn ngoan để ghi lại cẩn thận trong tâm thức nguồn phát ra của chúng. Sau khi thực hành thích đáng, giai đoạn ấp ủ ấn tượng đã được ghi nhận này [48] được theo sau bởi một giai đoạn khác, trong đó ấn tượng bắt đầu thành hình như một ý tưởng; từ điểm đó, nó đi theo lộ trình quen thuộc của việc chuyển dịch từ một ý tưởng thành một lý tưởng được trình bày; sau đó nó đi vào dưới sự kêu gọi khẩn cầu của những người có trí tuệ cụ thể hơn cho đến khi cuối cùng nó ngưng tụ chính nó vào biểu hiện bên ngoài và mang lấy hình tướng. Do đó, các bạn sẽ thấy rằng những gì tôi đang làm là đưa người học bước thêm một bước vào thế giới của sự tiếp nhận và nhận thức và chỉ cho y những tiếp xúc tinh tế hơn nằm sau những khái niệm được coi là chắc chắn mơ hồ và mà chúng ta đặt tên là trực giác.

The Science of Impression—if studied by the disciples in the world and by the New Group of World Servers—will greatly facilitate the presentation of those ideals which must and will condition the thinking of the New Age and will eventually produce the new culture and the new civilised expression which lies

Khoa học về Sự Ấn tượng—nếu được nghiên cứu bởi các đệ tử trên thế giới và bởi Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian—sẽ tạo điều kiện thuận lợi đáng kể cho việc trình bày những lý tưởng vốn phải và sẽ định hình tư duy của Kỷ Nguyên Mới và cuối cùng sẽ tạo ra nền văn hóa mới và biểu hiện văn minh

ahead of humanity, superseding the present civilisation and providing the next field of expression for mankind. This science is, in fact, the basis of the theory of relationships and will lead to the expansion of the idea of right human relations which has hitherto—as a phrase—been confined to an ideal desire for correct interplay between man and man, group and group, and nation and nation; it has also hitherto been restricted to the human society and interplay, and remains as yet a hope and a wish. When, however, the Science of Impression has been correctly apprehended and has been brought down to the level of an educational objective, it will be found to be closely linked to the emerging teaching anent invocation and evocation and will be expanded to include not only right human relations to the superhuman kingdoms, but right human relations with the subhuman kingdoms also. It will, therefore, be concerned with the sensitive response of the entire natural and supernatural world to the "One in Whom we [49] live and move and have our being"; it will put mankind into a right relationship with all aspects and expressions of the divine nature, deepening subjective contact and bringing about a diviner objective manifestation and one more in line with divine purpose. It will lead to a great shift of the human consciousness off the levels of emotional and physical life (where the bulk of humanity is focussed) on to the levels of mental perception.

mới nằm ở phía trước của nhân loại, thay thế nền văn minh hiện tại và cung cấp trường biểu hiện tiếp theo cho loài người. Khoa học này, thực tế, là cơ sở của lý thuyết về các mối quan hệ và sẽ dẫn đến sự mở rộng ý tưởng về các mối quan hệ đúng đắn của con người vốn cho đến nay—như một cụm từ—đã bị giới hạn trong một mong muốn lý tưởng về sự tương tác đúng đắn giữa người với người, nhóm với nhóm, và quốc gia với quốc gia; cho đến nay nó cũng bị hạn chế trong xã hội và sự tương tác của con người, và vẫn chỉ là một hy vọng và một mong ước. Tuy nhiên, khi Khoa học về Sự Ấn tượng đã được lĩnh hội một cách chính xác và đã được đưa xuống cấp độ của một mục tiêu giáo dục, người ta sẽ thấy nó liên kết chặt chẽ với giáo huấn đang nổi lên về sự khẩn cầu và gợi lên và sẽ được mở rộng để bao gồm không chỉ các mối quan hệ đúng đắn của con người với các giới siêu nhân loại, mà còn các mối quan hệ đúng đắn của con người với các giới dưới nhân loại nữa. Do đó, nó sẽ liên quan đến sự đáp ứng nhạy cảm của toàn bộ thế giới tự nhiên và siêu nhiên đối với "Đấng mà trong Ngài chúng ta [49] sống, hoạt động và hiện hữu"; nó sẽ đưa loài người vào một mối quan hệ đúng đắn với tất cả các phương diện và biểu hiện của bản chất thiêng liêng, làm sâu sắc thêm sự tiếp xúc chủ quan và mang lại một biểu hiện khách quan thiêng liêng hơn và phù hợp hơn với mục đích thiêng liêng. Nó sẽ dẫn đến một sự chuyển dịch lớn của tâm thức con người khỏi các cấp độ của đời sống cảm xúc và vật lý (nơi phần lớn nhân loại đang tập trung) lên các cấp độ của nhận thức trí tuệ.

You will understand, consequently, the reason why the Knowers of the world have ever referred to the dual action of the mind as it is sensitive to the higher impressions and active in the mental creation of the needed thoughtforms. The mind, rightly trained, will seize upon the fugitive

Do đó, các bạn sẽ hiểu lý do tại sao các Thức Giả của thế giới luôn đề cập đến hoạt động kép của thể trí khi nó nhạy cảm với các ấn tượng cao hơn và tích cực trong việc tạo ra các hình tư tưởng cần thiết về mặt trí tuệ. Tâm trí, được huấn luyện đúng cách, sẽ nắm bắt ấn tượng thoáng qua, đưa nó vào tác

impression, subject it to the concretising effect of mental activity, produce the required form, and this, when correctly created and oriented, will finally lead to the externalising of the registered impression, as it took form in an intuition and eventually found its place upon the mental plane. You will see also why disciples and world workers have to function as MINDS, as receptive and perceptive intelligences and as creators in mental matter. It is all related to this Science of Impression with which we have been dealing. You will note also that this whole process is capable of expansion in the processes of meditation, so that the aspirant can be sensitive to impression and (because he is oriented to the world of ideas and is aware of the subtlety and delicacy of the apparatus required to register the "overshadowing cloud of knowable things") is safeguarded from the sensitivity required to register impacts from other minds, good or bad in their orientation, and from the thought currents of that which is in process of taking form as well as from the powerful pull or urge of the emotional and desire reactions of the astral plane and of the emotionally polarised world in which he lives physically.

động cụ thể hóa của hoạt động trí tuệ, tạo ra hình thể cần thiết, và điều này, khi được tạo ra và định hướng chính xác, cuối cùng sẽ dẫn đến việc ngoại hiện ấn tượng đã được ghi nhận, khi nó thành hình trong một trực giác và cuối cùng tìm thấy vị trí của nó trên cõi trí. Các bạn cũng sẽ thấy tại sao các đệ tử và những người làm việc cho thế giới phải hoạt động như những THỂ TRÍ, như những trí năng tiếp nhận và nhận thức và như những nhà sáng tạo trong vật chất cõi trí. Tất cả đều liên quan đến Khoa học về Sự Ấn tượng này mà chúng ta đang giải quyết. Các bạn cũng sẽ lưu ý rằng toàn bộ quá trình này có khả năng mở rộng trong các quá trình tham thiền, để người chí nguyện có thể nhạy cảm với ấn tượng và (vì y được định hướng đến thế giới của các ý tưởng và nhận thức được sự tinh tế và mong manh của bộ máy cần thiết để ghi nhận "đám mây bao phủ của những điều khả tri") được bảo vệ khỏi sự nhạy cảm cần thiết để ghi nhận các tác động từ các thể trí khác, tốt hay xấu trong định hướng của chúng, và khỏi các dòng tư tưởng của cái đang trong quá trình thành hình cũng như khỏi sức lôi kéo hoặc thúc đẩy mạnh mẽ của các phản ứng cảm xúc và dục vọng của cõi cảm dục và của thế giới bị phân cực về mặt cảm xúc mà trong đó y sống về mặt vật lý.

[50]

[50]

More understanding will come also if you grasp the fact that this Science of Impression is concerned with the activity of the head centre as an anchoring centre for the antahkarana, and that the ajna centre is concerned with the process of translating the recorded intuition into a form (through recognition of and reaction to a mental thoughtform) and its subsequent direction, as an ideal objective, into the world of men. In the early stages and until the third

Sự thấu hiểu thêm cũng sẽ đến nếu các bạn nắm bắt thực tế rằng Khoa học về Sự Ấn tượng này liên quan đến hoạt động của trung tâm đầu như một trung tâm neo giữ cho antahkarana, và rằng trung tâm ajna liên quan đến quá trình chuyển dịch trực giác đã được ghi lại thành một hình thể (thông qua sự nhận biết và phản ứng với một hình tư tưởng trí tuệ) và sự hướng dẫn tiếp theo của nó, như một mục tiêu lý tưởng, vào thế giới của con người. Trong các giai

initiation, the Science of Impression is concerned with the establishing of a sensitivity (an invocative sensitivity) between the Spiritual Triad (temporarily expressing itself through the abstract mind and the soul or the Son of Mind) and the concrete mind. This mental triangle is a reflection, in time and space, of the Monad and of the two higher aspects of the Triad, and is reflected (after the process of invocation and a succeeding process of evocation) in another triad—that of the lower mind, the soul and the vital body. When the relation between the lower and the higher mind is correctly and stably established, you have the swinging into activity of the lowest triad connected with the Science of Impression—the head centre, the ajna centre and the throat centre.

đoạn đầu và cho đến lần điểm đạo thứ ba, Khoa học về Sự Ấn tượng liên quan đến việc thiết lập một sự nhạy cảm (một sự nhạy cảm mang tính khẩn cầu) giữa Tam Nguyên Tinh Thần (tạm thời thể hiện chính nó qua trí trừu tượng và linh hồn hay Con của Trí Tuệ) và trí cụ thể. Tam giác trí tuệ này là một phản chiếu, trong thời gian và không gian, của Chân Thần và của hai phương diện cao hơn của Tam Nguyên, và được phản chiếu (sau quá trình khẩn cầu và quá trình gợi lên kế tiếp) trong một bộ ba khác—bộ ba của hạ trí, linh hồn và thể sinh lực. Khi mối quan hệ giữa hạ trí và thượng trí được thiết lập một cách chính xác và ổn định, các bạn có sự chuyển sang hoạt động của bộ ba thấp nhất kết nối với Khoa học về Sự Ấn tượng—trung tâm đầu, trung tâm ajna và trung tâm cổ họng.

In the above I have given you an interesting and brief elucidation of the technique to be applied to the energising of the centres in the human body. I would remind you that what is true of the individual disciple must be and is true of that great disciple—Humanity, the entire human family. It is also true, as an outgrowth of this idea, of all the three planetary centres: Shamballa, the Hierarchy and Humanity. The name *Science of Impression* is that given to the process whereby the establishment of the required relationship in all these units of life takes place. The *Technique of Invocation and Evocation* is the name given to the mode or method whereby the desired relationship is brought about. [51] The *Creative Work* is the name given to the manifestation of the results of the two above processes. The three aspects of the Technique of Invocation and Evocation with which the average disciple should concern himself are those of the building of the antahkarana, the correct use of the lower mind in its two higher functions (the holding of the mind steady in

Trong phần trên, tôi đã đưa ra cho các bạn một sự giải thích ngắn gọn và thú vị về kỹ thuật được áp dụng cho việc tiếp năng lượng cho các trung tâm trong cơ thể con người. Tôi muốn nhắc nhở các bạn rằng những gì đúng với đệ tử cá nhân phải đúng và thực sự đúng đối với đệ tử vĩ đại đó—Nhân loại, toàn thể gia đình nhân loại. Nó cũng đúng, như một sự phát triển của ý tưởng này, đối với tất cả ba trung tâm hành tinh: Shamballa, Thánh Đoàn và Nhân loại. Tên gọi *Khoa học về Sự Ấn tượng* là tên được đặt cho quá trình nhờ đó việc thiết lập mối quan hệ cần thiết trong tất cả các đơn vị sự sống này diễn ra. *Kỹ thuật của Khẩn cầu và Gợi lên* là tên được đặt cho phương thức hoặc phương pháp nhờ đó mối quan hệ mong muốn được mang lại. [51] *Công việc Sáng tạo* là tên được đặt cho biểu hiện của các kết quả của hai quá trình trên. Ba khía cạnh của Kỹ thuật của Khẩn cầu và Gợi lên mà người đệ tử trung bình nên quan tâm là việc xây dựng antahkarana, việc sử dụng đúng đắn hạ trí trong hai chức năng cao hơn của nó (giữ thể trí ổn định trong ánh sáng và tạo ra các hình tư tưởng

the light and the creation of the desired thoughtforms), and the process of precipitation whereby the impression is enabled eventually to take tangible form.

mong muốn), và quá trình ngưng tụ nhờ đó ấn tượng cuối cùng được cho phép mang lấy hình tướng hữu hình.

In the above exegesis I have given you much food for thought in connection with telepathic possibilities; it all fits into the theme of world service as it is to be applied in the expansion of the human consciousness on a large scale. This is one of the major tasks of the New Group of World Servers.

Trong phần giải thích ở trên, tôi đã cung cấp cho các bạn nhiều điều đáng suy ngẫm liên quan đến các khả năng viễn cảm; tất cả đều phù hợp với chủ đề phụng sự thế giới khi nó được áp dụng trong sự mở rộng tâm thức con người trên quy mô lớn. Đây là một trong những nhiệm vụ chính của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian.

VIII. THE SUPREME SCIENCE OF CONTACT—VIII. KHOA HỌC TỐI THƯỢNG VỀ SỰ TIẾP XÚC

[52]

[52]

It would be useful if you attempted to master and to assimilate what I have to impart anent the three great sciences which form the three modes of expression of what we might term the SUPREME SCIENCE OF CONTACT. These three sciences are all equally interdependent and all related to the art of responsiveness. They are:

Sẽ hữu ích nếu các bạn cố gắng làm chủ và đồng hóa những gì tôi phải truyền đạt về ba khoa học vĩ đại vốn hình thành nên ba phương thức biểu hiện của cái mà chúng ta có thể gọi là KHOA HỌC TỐI THƯỢNG VỀ SỰ TIẾP XÚC. Ba khoa học này đều phụ thuộc lẫn nhau như nhau và tất cả đều liên quan đến nghệ thuật của sự đáp ứng. Chúng là:

1. The Science of Impression... The will-to-be.

1. Khoa học về Sự Ấn tượng... Ý chí-hiện hữu.

Relation to the Spiritual Triad.

Mối quan hệ với Tam Nguyên Tinh Thần.

Source of emanation... Shamballa.

Nguồn phát ra... Shamballa.

Connected with the abstract mind.

Kết nối với trí trừu tượng.

2. The Science of Invocation and Evocation... Love or attraction.

2. Khoa học của Khẩn cầu và Gợi lên... Tình thương hay lực hấp dẫn.

Relation to the soul in all forms.

Mối quan hệ với linh hồn trong mọi hình tướng.

Source of emanation (at this time)... The Hierarchy.

Nguồn phát ra (vào lúc này)... Thánh Đoàn.

Connected with the lower mind, as the agent of the soul.

Kết nối với hạ trí, như tác nhân của linh hồn.

3. The Science of Telepathy... Mind. Human intelligence.

3. Khoa học Viễn cảm... Trí tuệ. Trí thông minh con người.

Relation to the personality.

Mối quan hệ với phàm ngã.

Source of emanation... Humanity itself.

Nguồn phát ra... Chính Nhân loại.

Connected with the head centre.

Kết nối với trung tâm đầu.

You will see how all these pairs of opposites play their part, exemplifying the dualistic nature of our planetary Life: [53]

Các bạn sẽ thấy tất cả các cặp đối lập này đóng vai trò của chúng như thế nào, minh họa cho bản chất nhị nguyên của Sự Sống hành tinh của chúng ta: [53]

1. The abstract mind and the lower mind.

1. Trí trừu tượng và hạ trí.

2. The soul and the lower mind.

2. Linh hồn và hạ trí.

3. The lower mind and the head centre.

3. Hạ trí và trung tâm đầu.

Each of them acts as an invocative agent and produces evocation. All act as recipients and as transmitters, and all of them together establish the group inter-relation and the circulation of the energies which are the distinctive characteristic of the entire world of force.

Mỗi cái trong số chúng hành động như một tác nhân khẩn cầu và tạo ra sự gợi lên. Tất cả hành động như những người nhận và như những người truyền phát, và tất cả chúng cùng nhau thiết lập mối tương quan nhóm và sự luân chuyển của các năng lượng vốn là đặc điểm đặc trưng của toàn bộ thế giới của lực.

One point you all need to grasp is that the progressing disciple does not move into new fields or areas of awareness, like a steady

Một điểm mà tất cả các bạn cần nắm bắt là người đệ tử đang tiến bước không di chuyển vào các lĩnh vực hoặc khu vực nhận thức

marching forward from one plane to another (as the visual symbols of the theosophical literature would indicate). What must be grasped is that *all that IS is ever present.* What we are concerned with is the constant awakening to that which eternally IS, and to what is ever present in the environment but of which the subject is unaware, owing to short-sightedness. The aim must be to overcome the undue concentration upon the foreground of daily life which characterises most people, the intense preoccupation with the interior states or moods of the lower self which characterises the spiritually minded people and the aspirants, and the imperviousness or lack of sensitivity which characterises the mass of men. The Kingdom of God is present on Earth today and forever has been, but only a few, relatively speaking, are aware of its signs and manifestations. The world of subtle phenomena (called formless, because unlike the physical phenomena with which we are so familiar) is ever with us and can be seen and contacted and proved as a field for experiment and experience and activity if the mechanism of perception is developed as it surely can be. The sounds and sights of the heavenly world (as the mystics call it) are as clearly perceived by [54] the higher initiate as are the sights and sounds of the physical plane as you contact it in your daily round of duties. The world of energies, with its streams of directed force and its centres of concentrated light is likewise present, and the eye of the see-er can see it, just as the eye of the mental clairvoyant can see the geometrical pattern which thoughts assume upon the mental plane, or as the lower psychic can contact the glamours, the illusions and delusions of the astral world. The subjective realm is vitally more real than is the objective, once it is entered and known. It is simply (how simple to some and how insuperably difficult to others,

mới, giống như một cuộc hành quân đều đặn về phía trước từ cõi này sang cõi khác (như các biểu tượng trực quan của văn học thông thiên học có thể chỉ ra). Điều cần phải nắm bắt là *tất cả những gì HIỆN HỮU luôn hiện diện.* Điều chúng ta quan tâm là sự thức tỉnh liên tục đối với cái vĩnh viễn HIỆN HỮU, và đối với những gì luôn hiện diện trong môi trường nhưng chủ thể không nhận thức được, do sự thiển cận. Mục tiêu phải là vượt qua sự tập trung thái quá vào cận cảnh của cuộc sống hàng ngày vốn đặc trưng cho hầu hết mọi người, sự bận tâm mãnh liệt với các trạng thái nội tâm hoặc tâm trạng của phàm ngã vốn đặc trưng cho những người hướng đến tinh thần và những người chí nguyện, và sự không tiếp nhận hoặc thiếu nhạy cảm vốn đặc trưng cho đại chúng. Thiên Giới đang hiện diện trên Trái Đất hôm nay và đã luôn hiện diện, nhưng chỉ một số ít, nói một cách tương đối, nhận thức được các dấu hiệu và biểu hiện của nó. Thế giới của các hiện tượng tinh tế (được gọi là vô tướng, vì không giống như các hiện tượng vật lý mà chúng ta quá quen thuộc) luôn ở bên chúng ta và có thể được nhìn thấy, tiếp xúc và chứng minh như một lĩnh vực cho thử nghiệm và trải nghiệm và hoạt động nếu cơ chế nhận thức được phát triển như nó chắc chắn có thể được. Những âm thanh và cảnh tượng của thế giới thiên thượng (như các nhà thần bí gọi nó) được nhận thức rõ ràng bởi [54] điểm đạo đồ cao cấp cũng như những cảnh tượng và âm thanh của cõi hồng trần khi bạn tiếp xúc với nó trong vòng quay nhiệm vụ hàng ngày của mình. Thế giới của các năng lượng, với các dòng lực được định hướng và các trung tâm ánh sáng tập trung của nó cũng hiện diện tương tự, và mắt của nhà thông nhãn có thể nhìn thấy nó, cũng giống như mắt của nhà thông nhãn trí tuệ có thể nhìn thấy mô hình hình học mà các tư tưởng đảm nhận trên cõi trí, hoặc như nhà thông linh thấp có thể tiếp xúc với các ảo cảm, ảo tưởng và vọng tưởng của thế giới cảm dục. Lĩnh

apparently!) a question of the acceptance, first of all, of its existence, the development of a mechanism of contact, the cultivation of the ability to use this mechanism at will, and then *inspired interpretation*.

vực chủ quan thực sự thực hơn so với khách quan, một khi nó được thâm nhập và được biết đến. Đơn giản (thật đơn giản đối với một số người và khó khăn không thể vượt qua đối với những người khác, dường như vậy!) chỉ là một vấn đề của sự chấp nhận, trước hết, về sự tồn tại của nó, sự phát triển của một cơ chế tiếp xúc, sự trau dồi khả năng sử dụng cơ chế này theo ý muốn, và sau đó là *sự diễn giải được soi sáng*.

Its Goal in the Evolutionary Life Process—Mục Tiêu Của Nó Trong Quá Trình Sự Sống Tiến Hóa

It might be said that consciousness itself, which is the goal—on this planet—of all the evolutionary process, is simply the demonstrated result of the Science of Contact. It is likewise the goal in some form or other and at some stage or other of all planetary existences within the solar system itself. The unfoldment of this conscious response is, in reality, the growth of the sensitive awareness of the planetary Logos HIMSELF. The human mechanism and its ability to respond to its environment (as science well knows) has been developed in response to an inner urge, present in every human being and in all forms of life, and to the "pull" and magnetic effect of the surrounding environment. Step by step, the forms of life upon the physical plane, down through the ages, have unfolded one sense after another; one form of sensitive response after another becomes possible as the mechanism is produced, until the human being can receive impressions from the physical plane and rightly interpret them; can respond to the emotional contacts of the astral plane and succumb to them or [55] surmount them; and can become telepathic to the world of the mental plane, thus

Có thể nói rằng chính tâm thức, vốn là mục tiêu—trên hành tinh này—của tất cả quá trình tiến hóa, chỉ đơn giản là kết quả biểu hiện của Khoa học về Sự Tiếp xúc. Nó cũng là mục tiêu dưới hình thức này hay hình thức khác và ở giai đoạn này hay giai đoạn khác của tất cả các sự tồn tại hành tinh trong chính hệ mặt trời. Sự mở ra của đáp ứng có ý thức này, trong thực tế, là sự phát triển của nhận thức nhạy cảm của CHÍNH Hành Tinh Thượng Đế. Cơ chế con người và khả năng đáp ứng với môi trường của nó (như khoa học biết rõ) đã được phát triển để đáp ứng với một sự thúc đẩy bên trong, hiện diện trong mỗi con người và trong mọi hình thái sự sống, và với "sức lôi kéo" và tác dụng từ tính của môi trường xung quanh. Từng bước một, các hình thái sự sống trên cõi hồng trần, trải qua các thời đại, đã mở ra hết giác quan này đến giác quan khác; hết hình thức đáp ứng nhạy cảm này đến hình thức khác trở nên khả thi khi cơ chế được tạo ra, cho đến khi con người có thể nhận các ấn tượng từ cõi hồng trần và diễn giải chúng đúng đắn; có thể đáp ứng với các tiếp xúc cảm xúc của cõi cảm dục và khuất phục trước chúng hoặc [55] vượt qua chúng; và có thể trở nên viễn cảm đối với thế giới của cõi trí, do đó

sharing—physically, emotionally and mentally—in the life and contacts of the three worlds which constitute his environment and in which he is submerged whilst in incarnation. What he gets out of this life of constant impression is largely dependent upon his power to invoke his environment and draw from it (in evocative response) what he needs in all the various departments of his being. This, in its turn, forces him—whether he likes it or not—to produce an effect upon other people; this can be far more potent for good or evil, and from the telepathic angle, than he likes to think or can conceive. You see, therefore, how these sciences of Impression, of Invocation and Evocation, and of Telepathy are naturally concerned with what is inherent in man and in his relation to his environment and circumstances.

chia sẻ—về mặt vật lý, cảm xúc và trí tuệ—trong sự sống và các tiếp xúc của ba cõi vốn cấu thành môi trường của y và trong đó y bị chìm ngập khi đang lâm phàm. Những gì y nhận được từ cuộc sống đầy ấn tượng liên tục này phần lớn phụ thuộc vào quyền năng của y để khẩn cầu môi trường của mình và rút ra từ đó (trong sự đáp ứng gợi lên) những gì y cần trong tất cả các bộ phận khác nhau của bản thể mình. Điều này, đến lượt nó, buộc y—dù y có thích hay không—phải tạo ra một tác dụng lên những người khác; điều này có thể mạnh mẽ hơn nhiều cho điều tốt hoặc điều xấu, và từ góc độ viễn cảm, hơn là y thích nghĩ hoặc có thể quan niệm. Do đó, các bạn thấy các khoa học về Sự Ấn tượng, về Khẩn cầu và Gợi lên, và về Viễn cảm này liên quan một cách tự nhiên như thế nào với những gì vốn có trong con người và trong mối quan hệ của y với môi trường và hoàn cảnh của mình.

The germ or embryonic capacity for all types of planetary contact is inherent in every man and *will not be frustrated* in the long run. In this knowledge of goals already achieved in the three worlds lies the guarantee of achievement in the more subjective worlds which are present within the aspirant's surroundings but to which he remains as yet unawakened and unenlightened. I am seeking to make the matter as simple as I can, for much of the abstract formulations of the occult sciences and the academic psychologists are incident to the over-activity of men's minds and emotional natures. If you can grasp certain broad and relatively simple facts and recognise that you possess the key or the clue in your already developed capacities, then you will go forward with simplicity, making no undue intellectual difficulties when dealing with these more subtle phases of your ever-existent environment. It is, in the last analysis, just a question as to what

Mầm mống hay khả năng phôi thai cho mọi loại tiếp xúc hành tinh vốn có trong mỗi người và *sẽ không bị thất bại* về lâu dài. Trong sự hiểu biết về các mục tiêu đã đạt được trong ba cõi này nằm sự đảm bảo cho thành tựu trong các thế giới chủ quan hơn vốn hiện diện trong môi trường xung quanh của người chí nguyện nhưng đối với chúng y vẫn chưa thức tỉnh và chưa được soi sáng. Tôi đang tìm cách làm cho vấn đề trở nên đơn giản nhất có thể, vì phần lớn các công thức trừu tượng của các khoa học huyền bí và các nhà tâm lý học hàn lâm là hệ quả của sự hoạt động thái quá của thể trí và bản chất cảm xúc của con người. Nếu các bạn có thể nắm bắt một số sự kiện rộng lớn và tương đối đơn giản và nhận ra rằng các bạn sở hữu chìa khóa hoặc manh mối trong các khả năng đã phát triển của mình, thì các bạn sẽ tiến tới với sự đơn giản, không tạo ra những khó khăn trí tuệ không đáng có khi giải quyết những giai đoạn tinh tế hơn này của môi trường luôn tồn tại của các bạn. Trong phân

"impresses" you at any given moment, and then in what manner it conditions you. [56]

tích cuối cùng, nó chỉ là một câu hỏi về cái gì "gây ấn tượng" cho bạn tại bất kỳ thời điểm nhất định nào, và sau đó nó ảnh hưởng và định hình bạn theo cách nào. [56]

You will see, therefore, how much that I have already said links up with the teaching I have given upon the Points of Revelation. In the very condensed summation of the Science of Impression, I touched briefly upon the three great groups of Lives that are constantly under "impression" and which, in their turn, become "impressing agents." There is little that can be added to this theme with profit at this time; what has already been given should be studied and related to the teaching on the Points of Revelation. (*Discipleship in the New Age,* Vol II, Section 3)

Do đó, các bạn sẽ thấy bao nhiêu điều tôi đã nói liên kết với giáo huấn tôi đã đưa ra về các Điểm Mặc Khải. Trong phần tóm tắt rất cô đọng của Khoa học về Sự Ấn tượng, tôi đã chạm ngắn gọn vào ba nhóm Sự Sống vĩ đại thường xuyên chịu "sự ấn tượng" và những nhóm này, đến lượt mình, trở thành các "tác nhân gây ấn tượng". Có rất ít điều có thể được thêm vào chủ đề này với lợi ích vào lúc này; những gì đã được đưa ra nên được nghiên cứu và liên hệ với giáo huấn về các Điểm Mặc Khải. (*Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới,* Quyển II, Phần 3)

Revelation is a generic term covering all the responses to the activities of the eye of the mind, the eye of the soul, and the "insight" of the Universal Mind which contact with the Monad gives. Sight is the greatest of all the developments in this world period in which the Logos is seeking to bring the subhuman kingdoms to the point where *human* vision is theirs, to bring humanity to the point where *spiritual* vision is developed and hierarchical insight is the normal quality of the initiate sight, and to bring the Members of the Hierarchy to the point where *universal* perception is Theirs. Therefore, it might be said that:

Mặc khải là một thuật ngữ chung bao gồm tất cả các phản ứng đối với các hoạt động của con mắt của thể trí, con mắt của linh hồn, và "cái nhìn thấu suốt" của Vũ Trụ Trí mà sự tiếp xúc với Chân Thần mang lại. Thị giác là sự phát triển vĩ đại nhất trong tất cả các sự phát triển trong chu kỳ thế giới này, trong đó Thượng đế đang tìm cách đưa các giới dưới nhân loại đến điểm mà tầm nhìn *con người* là của họ, đưa nhân loại đến điểm mà tầm nhìn *tinh thần* được phát triển và cái nhìn thấu suốt của thánh đoàn là phẩm tính bình thường của thị giác điểm đạo đồ, và đưa các Thành viên của Thánh Đoàn đến điểm mà nhận thức *phổ quát* là của Các Ngài. Do đó, có thể nói rằng:

1. *Through the door of individualisation* the subhuman kingdoms pass to human vision, leading to mental contact and intelligent impression.

1. *Qua cửa ngõ biệt ngã hóa* các giới dưới nhân loại đi đến tầm nhìn con người, dẫn đến tiếp xúc trí tuệ và ấn tượng thông minh.

2. *Through the door of initiation* humanity passes to spiritual vision, leading to soul contact and spiritual impression.

2. *Qua cửa ngõ điểm đạo* nhân loại đi đến tầm nhìn tinh thần, dẫn đến tiếp xúc linh hồn và ấn tượng tinh thần.

3. *Through the door of identification* the Hierarchy passes to universal vision, leading to monadic contact and extra-planetary impression.

3. *Qua cửa ngõ đồng nhất hóa* Thánh Đoàn đi đến tầm nhìn phổ quát, dẫn đến tiếp xúc chân thần và ấn tượng ngoài hành tinh.

Each time that there is a fresh vision of a compelling and conditioning nature, it is the result of invocation by the [57] one seeking the new impression. When this invocative spirit is present, the results are inevitable and sure and the response evoked cannot be stopped. This is the basis of all the success of desire (material or otherwise), aspiration, prayer and meditation. Always we get—in time and space—what we invoke; and the knowledge of this fact, scientifically applied, will be one of the great liberating forces for humanity.

Mỗi khi có một tầm nhìn mới mẻ có sức thôi thúc và định hình, đó là kết quả của sự khẩn cầu bởi [57] người đang tìm kiếm ấn tượng mới. Khi tinh thần khẩn cầu này hiện diện, các kết quả là không thể tránh khỏi và chắc chắn và sự đáp ứng được gợi lên không thể bị ngăn chặn. Đây là cơ sở của tất cả sự thành công của dục vọng (vật chất hay cách khác), khát vọng, cầu nguyện và tham thiền. Luôn luôn chúng ta nhận được—trong thời gian và không gian—những gì chúng ta khẩn cầu; và tri thức về thực tế này, được áp dụng một cách khoa học, sẽ là một trong những lực giải phóng vĩ đại cho nhân loại.

IX. EXPANDING AREAS OF CONSCIOUS INTERACTION—IX. CÁC LĨNH VỰC TƯƠNG TÁC CÓ Ý THỨC ĐANG MỞ RỘNG

[58]

[58]

The training given by the Masters in Their Ashrams to Their disciples has one main objective: to increase, develop and enable them to utilise in service their inherent and innate sensitivity. Let us, as we discuss these matters, avoid that much over-worked word “vibration” and use instead the more simple and more easily understood word “impact”. Response to impact is something we all register. Our five senses have opened to all people five great realms from which impact comes, and we are so familiar with them all

Sự huấn luyện được các Chân sư đưa ra trong các Ashram của Các Ngài cho các đệ tử của Các Ngài có một mục tiêu chính: gia tăng, phát triển và cho phép họ sử dụng trong phụng sự sự nhạy cảm vốn có và bẩm sinh của họ. Khi thảo luận về những vấn đề này, chúng ta hãy tránh từ “rung động” bị lạm dụng quá nhiều và thay vào đó sử dụng từ đơn giản hơn và dễ hiểu hơn là “tác động”. Đáp ứng với tác động là điều tất cả chúng ta đều ghi nhận. Năm giác quan của chúng ta đã mở ra cho tất cả mọi người năm lĩnh vực

that our response is now automatic and, though registered, is not consciously so, unless there is a planned reason and direction intended. We respond similarly and as automatically to emotional stimuli, and rapidly (very rapidly) the race is reaching out towards mental telepathy. Some few are beginning to work along the lines of spiritual telepathy. Few do more than register occasionally contacts emanating from a high source, and the result is usually also over-mixed with personality reactions.

lớn từ đó tác động đến, và chúng ta quá quen thuộc với tất cả chúng đến nỗi phản ứng của chúng ta giờ đây là tự động và, mặc dù được ghi nhận, nhưng không phải là một cách có ý thức, trừ khi có một lý do được hoạch định và hướng đi được dự định. Chúng ta đáp ứng tương tự và tự động như vậy đối với các kích thích cảm xúc, và nhanh chóng (rất nhanh chóng) nhân loại đang vươn tới viễn cảm trí tuệ. Một số ít đang bắt đầu làm việc theo các đường lối của viễn cảm tinh thần. Rất ít người làm được nhiều hơn việc thỉnh thoảng ghi nhận các tiếp xúc phát ra từ một nguồn cao cả, và kết quả thường cũng bị pha trộn quá mức với các phản ứng của phàm ngã.

Contact, with resultant impact from the soul, is also quite rapidly developing, hence the necessity for my laying the foundations of further knowledge which will clarify still higher contact, emanating from the Spiritual Triad and opening up areas of interaction hitherto known only to the Hierarchy. I refer here to the teaching which I have given out through a group of my disciples anent the Antahkarana. *(Education in the New Age. A Treatise on the Seven rays, Volume V)* All such developing contacts involve conditions covered by the two words: Contact and Impact. [59]

Sự tiếp xúc, với tác động từ linh hồn phát sinh qua sự tiếp xúc ấy, cũng đang phát triển khá nhanh chóng, do đó sự cần thiết cho việc tôi đặt nền móng của tri thức xa hơn vốn sẽ làm rõ sự tiếp xúc còn cao hơn nữa, phát ra từ Tam Nguyên Tinh Thần và mở ra các lĩnh vực tương tác cho đến nay chỉ được Thánh Đoàn biết đến. Tôi tham chiếu ở đây đến giáo huấn mà tôi đã đưa ra thông qua một nhóm các đệ tử của tôi về Antahkarana. *(Giáo Dục trong Kỷ Nguyên Mới. Luận về Bảy Cung, Quyển V)* Tất cả các tiếp xúc đang phát triển như vậy đều liên quan đến các điều kiện được bao hàm bởi hai từ: Tiếp xúc và Tác động. [59]

1. *Contact* can be defined (for our particular purposes) as recognition of an environment, an area of the hitherto unknown, of that which has somehow been evoked, of a something other which has made its presence felt. This something other than the Perceiver has usually been *earlier sensed*, has been propounded into a *theoretical possibility*, has later been invoked by the directed and conscious attention of the one who has sensed its presence, and finally contact is made.

1. *Tiếp xúc* có thể được định nghĩa (cho các mục đích cụ thể của chúng ta) như sự nhận biết về một môi trường, một khu vực của cái chưa được biết đến cho đến nay, về cái gì đó bằng cách nào đó đã được gợi lên, về một cái gì đó khác đã làm cho sự hiện diện của nó được cảm thấy. Cái gì đó khác này ngoài Người Nhận Thức thường đã được *cảm nhận trước đó*, đã được đề xuất thành một *khả năng lý thuyết*, sau đó đã được khẩn cầu bởi sự chú ý có định hướng và có ý thức của

người đã cảm nhận sự hiện diện của nó, và cuối cùng sự tiếp xúc được thực hiện.

2. *Impact* is something more than simply registering contact. It develops into conscious interaction; it conveys later information; it is revelatory in nature, and can be defined in its initial stages as the guarantee to the one who responds to it of a new area for exploration and for spiritual adventure, and as the indication of a wider field wherein consciousness may expand more and more and register increasingly the divine purpose waiting to be more fully known.

2. *Tác động* là một cái gì đó hơn cả việc đơn thuần ghi nhận sự tiếp xúc. Nó phát triển thành sự tương tác có ý thức; nó truyền tải thông tin sau đó; nó có tính chất mặc khải, và có thể được định nghĩa trong các giai đoạn ban đầu của nó như sự đảm bảo cho người đáp ứng với nó về một khu vực mới cho sự khám phá và cho cuộc phiêu lưu tinh thần, và như chỉ báo về một lĩnh vực rộng lớn hơn trong đó tâm thức có thể mở rộng ngày càng nhiều và ghi nhận ngày càng tăng mục đích thiêng liêng đang chờ đợi để được biết đến đầy đủ hơn.

Therefore, from the more normal field of what we may call ordinary telepathic perception (just now coming to recognition by ordinary science), through a slowly learnt process of invocation and evocation, to a state of consciousness distinguished by a trained sensitivity, the disciple moves. He unfolds a spiritual recognition which is controlled, understood, and directed to useful hierarchical ends. In these words, you have a very simple definition of the process to which we give, technically, the name: The Science of Impression.

Do đó, từ lĩnh vực bình thường hơn của cái mà chúng ta có thể gọi là nhận thức viễn cảm thông thường (ngay bây giờ mới được khoa học thông thường công nhận), thông qua một quá trình khẩn cầu và gợi lên được học hỏi chậm rãi, đến một trạng thái tâm thức được phân biệt bởi một sự nhạy cảm được huấn luyện, người đệ tử tiến bước. Y mở ra một sự nhận biết tinh thần được kiểm soát, thấu hiểu, và hướng đến các mục đích hữu ích của Thánh đoàn. Trong những lời này, các bạn có một định nghĩa rất đơn giản về quá trình mà chúng ta đặt tên, về mặt kỹ thuật, là: Khoa học về Sự Ấn tượng.

Another point to remember is that this science is the basic Science of Sensitivity; it is the art of all responsiveness to phenomena and is peculiarly applied to the reaction, the recognition, the responsiveness, and the registration of all [60] phenomena to be found throughout the cosmic physical plane. This is the plane whereon our entire threefold planetary Life finds expression and which we have subdivided (for the sake of clear thinking) into the seven planes (so called) of our solar

Một điểm khác cần nhớ là khoa học này là Khoa học cơ bản về Tính Nhạy cảm; nó là nghệ thuật của mọi sự đáp ứng đối với các hiện tượng và được áp dụng đặc biệt cho phản ứng, sự nhận biết, sự đáp ứng, và sự ghi nhận của tất cả [60] các hiện tượng được tìm thấy trên khắp cõi hồng trần vũ trụ. Đây là cõi giới mà trên đó toàn bộ Sự Sống hành tinh tam phân của chúng ta tìm thấy biểu hiện và cái mà chúng ta đã chia nhỏ (vì mục đích tư duy rõ ràng) thành bảy cõi (được gọi như vậy) của hệ mặt trời của chúng ta—từ

system—from what we call our lowest physical plane up to our highest plane, the logoic. In the earlier stages of responsiveness to the two phases of contact and impact, the first task is to develop the needed apparatus of contact, the medium of learning, the mechanism of registration, and then learning to use it constructively and intelligently. This work proceeds from cycle to cycle, in the earliest stages, with no conscious intention on the part of the unit of life, thus developing; yet field after field of consciousness is slowly recorded, and area after area of the surrounding physical, mental and spiritual worlds come within the arena of perception, and are mastered and controlled, until eventually the unit of life (I know not what else to call it) becomes the human being, self-directed, an individual. Finally the man becomes the Master, controlling and directing within the periphery of His wide awareness, in consonance with the divine Mind and Plan.

cái chúng ta gọi là cõi hồng trần thấp nhất lên đến cõi cao nhất của chúng ta, cõi thượng đế. Trong các giai đoạn sớm hơn của sự đáp ứng đối với hai giai đoạn tiếp xúc và tác động, nhiệm vụ đầu tiên là phát triển bộ máy tiếp xúc cần thiết, phương tiện học hỏi, cơ chế ghi nhận, và sau đó học cách sử dụng nó một cách xây dựng và thông minh. Công việc này tiến hành từ chu kỳ này sang chu kỳ khác, trong các giai đoạn sớm nhất, không có ý định có ý thức từ phía đơn vị sự sống đang phát triển như vậy; tuy nhiên hết lĩnh vực tâm thức này đến lĩnh vực tâm thức khác được ghi lại một cách chậm rãi, và hết khu vực này đến khu vực khác của các thế giới vật lý, trí tuệ và tinh thần xung quanh đi vào đấu trường của nhận thức, và được làm chủ và kiểm soát, cho đến khi cuối cùng đơn vị sự sống (tôi không biết gọi nó là gì khác) trở thành con người, tự định hướng, một cá thể. Cuối cùng con người trở thành Chân sư, kiểm soát và chỉ đạo trong phạm vi nhận thức rộng lớn của Ngài, phù hợp với Trí tuệ và Thiên Cơ thiêng liêng.

But—and this is a point I seek to impress upon you—humanity, subjected to this constant process of expansion from the emergence of the fourth kingdom in nature, the human, has now reached the stage where it can begin to pass out of the control of what has been called the Law of Triple Response into a new phase of unfoldment where a recognised dualism dominates. This is a most important statement. Let me word it in this way and let me commend to you a very careful consideration of my words. I will express what I seek to impart in certain short sentences and in tabulation form: [61]

Nhưng—và đây là một điểm tôi tìm cách khắc sâu vào các bạn—nhân loại, chịu sự chi phối của quá trình mở rộng liên tục này từ sự xuất hiện của giới thứ tư trong tự nhiên, giới nhân loại, giờ đây đã đạt đến giai đoạn mà nó có thể bắt đầu thoát ra khỏi sự kiểm soát của cái được gọi là Định luật về Sự Đáp Ứng Tam Phân vào một giai đoạn mở ra mới nơi một tính nhị nguyên được công nhận thống trị. Đây là một tuyên bố quan trọng nhất. Hãy để tôi diễn đạt nó theo cách này và để tôi đề nghị các bạn xem xét thật cẩn thận những lời của tôi. Tôi sẽ diễn đạt những gì tôi tìm cách truyền đạt trong những câu ngắn nhất định và dưới dạng bảng biểu: [61]

1. The advanced man in the three worlds is conscious of two inherent triplicities:

1. Con người tiến hóa trong ba cõi có ý thức về hai bộ ba vốn có:

a. The lower man..... Physical body. Astral nature. Mind.

a. Con người phàm tục..... Thể xác. Bản chất cảm dục. Thể trí.

b. The three periodical vehicles..... Monad. Soul. Personality.

b. Ba vận cụ định kỳ..... Chân Thần. Linh hồn. Phàm ngã.

2. Soul and personality have made contact. He is now technically soul-infused. Two periodical vehicles have been at-oned. Three lower vehicles and the soul are united.

2. Linh hồn và phàm ngã đã tiếp xúc. Y giờ đây về mặt kỹ thuật là được linh hồn thấm nhuần. Hai vận cụ định kỳ đã được hợp nhất. Ba thể thấp và linh hồn được hợp nhất.

3. The etheric body is at the point of assuming great power. It can now be consciously used as a transmitter of:

3. Thể dĩ thái đang ở điểm đảm nhận quyền năng lớn lao. Giờ đây nó có thể được sử dụng một cách có ý thức như một thiết bị truyền phát của:

a. Energy and forces, consciously directed.

a. Năng lượng và các lực, được định hướng một cách có ý thức.

b. Impacts from the highest of the periodical vehicles, working through its instrument, the Spiritual Triad.

b. Các tác động từ vận cụ cao nhất trong các vận cụ định kỳ, hoạt động thông qua công cụ của nó, Tam Nguyên Tinh Thần.

4. The etheric body is, therefore, the agent consciously directed, of the rapidly integrating spiritual unity. It can convey into the brain the needed energies and that occult information which together make a man a Master of the Wisdom and eventually a Christ—all-inclusive in HIS developed attractive and magnetic power.

4. Do đó, thể dĩ thái là tác nhân được định hướng một cách có ý thức, của sự thống nhất tinh thần đang tích hợp nhanh chóng. Nó có thể chuyển tải vào bộ não những năng lượng cần thiết và thông tin huyền bí vốn cùng nhau làm cho một người trở thành một Chân sư Minh triết và cuối cùng là một Đấng Christ—bao gồm tất cả trong quyền năng hấp dẫn và từ tính đã phát triển của NGÀI.

Earlier I made the following statement which, as you study it, will summarise the above detailed analysis. I said, defining impression, that it *"concerns the engendering of a magnetic aura on which the highest impressions can play." (See Chart The Constitution of Man.)* This might also serve as a definition of the art of invocation and evocation. As the man (for we will not

Trước đó tôi đã đưa ra tuyên bố sau đây, khi các bạn nghiên cứu nó, sẽ tóm tắt phân tích chi tiết ở trên. Tôi đã nói, khi định nghĩa ấn tượng, rằng nó *"liên quan đến việc tạo ra một hào quang từ tính mà trên đó các ấn tượng cao nhất có thể tác động." (Xem Biểu đồ Cấu tạo của Con người.)* Điều này cũng có thể phục vụ như một định nghĩa về nghệ thuật khẩn cầu và gợi lên. Khi con người (vì chúng ta sẽ

consider this science apart from him, as it would include too vast a field) becomes sensitive to his environment, as the forces of evolution [62] play upon him and lead him on from stage to stage, from point to point, from plane to plane, and from height to height, he becomes enriched and increasingly magnetic. As this attractive or magnetic force increases, he himself becomes invocative; this outgoing demand, emanating from or through the aura which he has engendered brings to him a developing revelation. This revelation, in its turn, enriches the magnetic field of his aura so that he becomes a revealing centre to those whose field of experience and aura need the stimulus of his practised assurance.

không xem xét khoa học này tách biệt khỏi y, vì nó sẽ bao gồm một lĩnh vực quá rộng lớn) trở nên nhạy cảm với môi trường của mình, khi các lực của tiến hóa [62] tác động lên y và dẫn dắt y đi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, từ điểm này sang điểm khác, từ cõi này sang cõi khác, và từ đỉnh cao này sang đỉnh cao khác, y được làm phong phú và ngày càng có từ tính. Khi lực hấp dẫn hoặc từ tính này gia tăng, chính y trở nên có tính khẩn cầu; nhu cầu hướng ra ngoài này, phát ra từ hoặc thông qua hào quang mà y đã tạo ra mang đến cho y một sự mặc khải đang phát triển. Sự mặc khải này, đến lượt nó, làm giàu từ trường hào quang của y để y trở thành một trung tâm mặc khải cho những người mà lĩnh vực kinh nghiệm và hào quang của họ cần sự kích thích từ sự vững tin mà y đã rèn luyện được.

Finally, it might be said that the entire human kingdom will eventually be a major magnetic centre upon our planet, invoking all the higher kingdoms upon the formless planes and evoking all the lower or subhuman kingdoms upon the planes of form. Some day, two-thirds of the human family will be sensitive to impacts coming from the Mind of God, as that Mind fulfils its intentions and carries out its purposes within our planetary ring-pass-not. In its turn, humanity will provide the area of mind within whose ring-pass-not the subhuman kingdoms will find the correspondence of the Universal Mind which they need for their unfoldment; man, as you well know, is the macrocosm for the microcosm of the lower kingdoms in nature. This is the goal of all human service.

Cuối cùng, có thể nói rằng toàn bộ giới nhân loại cuối cùng sẽ là một trung tâm từ tính lớn trên hành tinh của chúng ta, khẩn cầu tất cả các giới cao hơn trên các cõi vô tướng và gợi lên tất cả các giới thấp hơn hoặc dưới nhân loại trên các cõi hình tướng. Một ngày nào đó, hai phần ba gia đình nhân loại sẽ nhạy cảm với các tác động đến từ Trí của Thượng đế, khi Trí đó hoàn thành các ý định của nó và thực hiện các mục đích của nó trong vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta. Đến lượt mình, nhân loại sẽ cung cấp lĩnh vực trí tuệ mà trong vòng-giới-hạn của nó các giới dưới nhân loại sẽ tìm thấy sự tương ứng của Vũ Trụ Trí mà chúng cần cho sự mở ra của chúng; con người, như các bạn biết rõ, là đại thiên địa đối với tiểu thiên địa của các giới thấp hơn trong tự nhiên. Đây là mục tiêu của tất cả sự phụng sự của con người.

What I have said up to this point anent the Science of Impression, if read also in connection with the teaching on the Points of Revelation, *(Discipleship in the New Age,*

Những gì tôi đã nói đến điểm này về Khoa học về Sự Ấn tượng, nếu được đọc cũng trong mối liên hệ với giáo huấn về các Điểm Mặc Khải, *(Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới,*

Volume. II, Section 3) will convey much enlightenment. However, deep reflection is called for. The Science of Impression might be regarded, in the last analysis, as the fundamental science of consciousness itself, for the result of contact and impact leads to the awakening and the unfoldment of consciousness and of that growing awareness which distinguishes every form throughout the manifested [63] world.Every form has its own area of awareness, and evolution is the process whereby forms respond to contact, react to impact, and pass on to greater development, usefulness and effectiveness. The Law of Evolution and the Science of Impression cover the unfoldment of consciousness and bring about adaptability to the immanent soul. Modern science, through its work in the fields of psychology and medicine (to mention only two) and its experiments with forms which have established the modes of constructing and bringing into being the varying mechanisms of contact found in the different kingdoms of nature, has mastered much of the evolutionary development of the exoteric response apparatus. With all this we shall not attempt to deal; it is correct as far as it goes. We shall confine ourselves to a consideration of the contacts and impacts which confront the disciples and initiates of the world today, as they work in the Hierarchy and through an Ashram, and whose path of advance is as a shining light which shineth ever more until full enlightenment has been achieved.

Quyển II, Phần 3) sẽ chuyển tải nhiều sự khai sáng. Tuy nhiên, sự suy ngẫm sâu sắc được yêu cầu. Khoa học về Sự Ấn tượng có thể được coi, trong phân tích cuối cùng, là khoa học cơ bản của chính tâm thức, vì kết quả của sự tiếp xúc và tác động dẫn đến sự thức tỉnh và sự mở ra của tâm thức và của nhận thức ngày càng tăng vốn phân biệt mọi hình tướng trong thế giới [63] biểu hiện. Mọi hình tướng đều có khu vực nhận thức riêng của nó, và tiến hóa là quá trình nhờ đó các hình tướng đáp ứng với tiếp xúc, phản ứng với tác động, và chuyển sang sự phát triển, tính hữu ích và hiệu quả lớn hơn. Định luật Tiến hóa và Khoa học về Sự Ấn tượng bao trùm sự mở ra của tâm thức và mang lại khả năng thích ứng với linh hồn nội tại. Khoa học hiện đại, thông qua công việc của nó trong các lĩnh vực tâm lý học và y học (chỉ kể tên hai lĩnh vực) và các thí nghiệm của nó với các hình tướng vốn đã thiết lập các phương thức xây dựng và đưa vào hiện hữu các cơ chế tiếp xúc khác nhau được tìm thấy trong các giới tự nhiên khác nhau, đã làm chủ được nhiều sự phát triển tiến hóa của bộ máy đáp ứng ngoại môn. Với tất cả những điều này chúng ta sẽ không cố gắng giải quyết; nó là chính xác trong phạm vi của nó. Chúng ta sẽ giới hạn bản thân trong việc xem xét các tiếp xúc và tác động đối mặt với các đệ tử và điểm đạo đồ của thế giới ngày nay, khi họ làm việc trong Thánh Đoàn và thông qua một Ashram, và con đường tiến bước của họ giống như một ánh sáng chói lọi chiếu sáng ngày càng nhiều cho đến khi đạt được sự giác ngộ trọn vẹn.

X. SEQUENTIAL REVELATION OF RELATIONSHIPS—X. SỰ MẶC KHẢI TUẦN TỰ VỀ CÁC MỐI QUAN HỆ

[64]

[64]

I would like to refer you back to page 52 where I outlined this extra-ordinary science which is—inherently in itself—the evidence of evolution, of the essential dualism in manifestation, and the testimony, unalterable and incontrovertible, to the unfoldment of consciousness. At the same time, it proceeds upon the basic premise that the various phases of consciousness which are steadily and sequentially revealed in time and space are (from the point of view of the Eternal Now) the sum total of the states of consciousness of the "One in Whom we live and move and have our being." All these phases of conscious acceptance of existent phenomena and their related reactions are, to Sanat Kumara, what a day's experience and reactions or the current life experiences are to the intelligent man—only vastly more enveloping and comprehensive.

Tôi muốn hướng các bạn trở lại trang 52 nơi tôi đã phác thảo khoa học phi thường này vốn là—vốn có trong chính nó—bằng chứng của sự tiến hóa, của tính nhị nguyên thiết yếu trong biểu hiện, và là lời chứng, không thể thay đổi và không thể chối cãi, cho sự mở ra của tâm thức. Đồng thời, nó tiến hành dựa trên tiền đề cơ bản rằng các giai đoạn khác nhau của tâm thức vốn được mặc khải một cách đều đặn và tuần tự trong thời gian và không gian là (từ quan điểm của Hiện Tại Vĩnh Cửu) tổng cộng các trạng thái tâm thức của "Đấng mà trong Ngài chúng ta sống, hoạt động và hiện hữu." Tất cả các giai đoạn chấp nhận có ý thức về các hiện tượng đang tồn tại và các phản ứng liên quan của chúng, đối với Sanat Kumara, cũng giống như trải nghiệm và phản ứng của một ngày hoặc các trải nghiệm cuộc sống hiện tại đối với người thông minh—chỉ bao trùm và toàn diện hơn rất nhiều.

There were a number of points to which I did not refer then, but which I would like to take up now in the interests of clarity and understanding. I have called this science of rapport and of reaction, the Supreme Science of Contact. That is essentially what it is. The reaction to this contact, whether cosmic as in the case of Sanat Kumara, or planetary as in the case of the Members of the Hierarchy, is nevertheless limited and circumscribed (from the point of view of the informed aspirant), is responsible for the creation of Karma or the setting in motion of causes which must unalterably have their effects—these effects being negated and rendered useless (or innocuous, if you prefer that word) when the entity concerned brings to the engendered circumstances the needed intelligence, wisdom, [65] intuition or will. Ponder on this. Consciousness is inherent in all forms of life. That is an occult platitude. It is an innate potency which forever

Có một số điểm mà tôi đã không đề cập đến lúc đó, nhưng tôi muốn đề cập bây giờ vì lợi ích của sự rõ ràng và thấu hiểu. Tôi đã gọi khoa học về sự giao cảm và phản ứng này là Khoa học Tối thượng về Sự Tiếp xúc. Đó thực chất là những gì nó là. Phản ứng đối với sự tiếp xúc này, dù là vũ trụ như trong trường hợp của Sanat Kumara, hay hành tinh như trong trường hợp của các Thành viên của Thánh Đoàn, tuy nhiên vẫn bị hạn chế và giới hạn (từ quan điểm của người chí nguyện có hiểu biết), chịu trách nhiệm cho việc tạo ra Nghiệp quả hoặc việc khởi động các nguyên nhân vốn phải có các hiệu quả của chúng một cách không thể thay đổi—những hệ quả này được hóa giải và không còn hiệu lực (hoặc vô hại, nếu bạn thích từ đó hơn) khi thực thể liên quan mang đến cho các hoàn cảnh được tạo ra trí thông minh, minh triết, [65] trực giác hoặc ý chí cần thiết. Hãy suy ngẫm về điều này. Tâm thức vốn có trong tất cả các hình thái sự sống. Đó là một

accompanies life in manifestation. These two, related through manifestation, are in reality atma-buddhi, spirit-reason, dedicated for the term of the creative period to a simultaneous functioning; the first result of their relation is the appearance of that which will enable the Lord of the World to express His Own unknown inscrutable purpose.

sự thật hiển nhiên trong huyền môn. Nó là một quyền năng bẩm sinh mãi mãi đi kèm với sự sống trong biểu hiện. Hai cái này, liên quan qua sự biểu hiện, trong thực tế là atma-buddhi, tinh thần-lý trí, được hiến dâng trong thời hạn của chu kỳ sáng tạo cho một sự hoạt động đồng thời; kết quả đầu tiên của mối quan hệ của chúng là sự xuất hiện của cái sẽ cho phép Đức Chúa Tể Thế Giới thể hiện mục đích không thể dò lường chưa được biết đến của Chính Ngài.

During the cycle of manifestation, this combination of life-awareness, spirit-reason, atma-buddhi, is the product of the multiplicity in unity of which we hear so much—demonstrating as activity, quality, ideology, rationality, relationship, unity, and many other expressions of the divine nature. In the earlier part of *A Treatise on the Seven Rays,* I spoke of *life, quality* and *appearance*, mentioning the major triplicity which could be and is already proven and apparent to man. Quality was emphasised as the second aspect, not because on all planes and for all time that is so, but because at the present point in human evolution, quality plus activity *appear* to be the two lower aspects of divine manifestation. Already, however, two others are, if anything, superseding them in the consciousness of thinking humanity—relationship and ideas. Still others will be rapidly added as the consciousness of man is more effectively employed.

Trong chu kỳ biểu hiện, sự kết hợp này của sự sống-nhận thức, tinh thần-lý trí, atma-buddhi, là sản phẩm của sự đa dạng trong tính thống nhất mà chúng ta nghe nói đến rất nhiều—thể hiện như hoạt động, phẩm tính, hệ tư tưởng, tính hợp lý, mối quan hệ, sự thống nhất, và nhiều biểu hiện khác của bản chất thiêng liêng. Trong phần trước của *Luận về Bảy Cung,* tôi đã nói về *sự sống, phẩm tính* và *sắc tướng*, đề cập đến bộ ba chính yếu có thể được và đã được chứng minh và rõ ràng đối với con người. Phẩm tính được nhấn mạnh như phương diện thứ hai, không phải vì trên mọi cõi và trong mọi thời đại điều đó là như vậy, mà bởi vì tại điểm hiện tại trong sự tiến hóa của con người, phẩm tính cộng với hoạt động *có vẻ* là hai phương diện thấp hơn của biểu hiện thiêng liêng. Tuy nhiên, đã có hai cái khác, thậm chí, đang thay thế chúng trong tâm thức của nhân loại biết suy nghĩ—mối quan hệ và các ý tưởng. Những cái khác nữa sẽ nhanh chóng được thêm vào khi tâm thức của con người được sử dụng hiệu quả hơn.

The Science of Contact will not only reveal quality, but is revealing the lines of relationship which underlie all manifestation and of which the etheric body is the symbol. It is also rendering man sensitive to ideas as the unfolding intellect of man permits it. The reaction of humanity

Khoa học Tiếp xúc sẽ không chỉ tiết lộ phẩm tính, mà còn đang tiết lộ các đường lối quan hệ nằm bên dưới mọi biểu hiện và mà thể dĩ thái là biểu tượng. Nó cũng đang làm cho con người nhạy cảm với các ý tưởng khi trí tuệ đang mở ra của con người cho phép điều đó. Phản ứng của nhân loại đối với hai tiết lộ

to these two revelations (which come, if you could but realise it, as the result, the reward, of contact and of the impact of life-reason upon that manifestation which has always been present though unrealised) will bring about vast [66] changes and more far-reaching results than has the reaction to quality. Curiously enough, the discovery of quality as the second aspect in manifestation (later to be superseded), called for, and developed, the critical faculty in man; this critical faculty (so destructive in its present use) will be correctly expressed when the nature of relationship is better grasped and the true function of ideas is properly understood.

này (điều mà, nếu các bạn có thể nhận ra, sẽ đến như là kết quả, là phần thưởng, của sự tiếp xúc và của tác động của sự sống-lý trí lên biểu hiện đó, vốn đã luôn hiện diện mặc dù chưa được nhận biết) sẽ mang lại những thay đổi lớn lao [66] và những kết quả sâu rộng hơn so với phản ứng đối với phẩm tính. Thật kỳ lạ, việc khám phá phẩm tính như là phương diện thứ hai trong biểu hiện (sau này sẽ bị thay thế), đã đòi hỏi và phát triển năng lực phê phán ở con người; năng lực phê phán này (vốn rất mang tính phá hoại trong cách sử dụng hiện nay) sẽ được thể hiện một cách đúng đắn khi bản chất của mối quan hệ được nắm bắt tốt hơn và chức năng thực sự của các ý tưởng được thấu hiểu một cách thích hợp.

This Supreme Science of Contact governs all reactions to impact. This statement includes the cosmic reactions of Sanat Kumara down to the scarcely discernible reactions (invisible almost even to the eye of the seer) of the infinitesimal atom. For the sake of clarity, I divided this science into three major divisions, basing them upon the reactions of the three major planetary centres to their environment. This is a point which I would have you carefully bear in mind. I could write a treatise longer than this one purely on the creation of the response apparatus which each of these three centres of divine life-reason had to form in order to make the needed contact and to interpret correctly. There are many paradoxes in what I am here giving you, and apparently some contradictions where orthodox occultism is concerned, but that is ever the case as the teaching expands in content and the earlier all-inclusive facts are seen to be minor aspects of still greater facts. You can see, therefore, the significance and the importance of the dictum in *The Secret Doctrine* that the Hierarchy and all in the Council Chamber of Sanat Kumara (or

Khoa học Tiếp xúc Tối cao này chi phối mọi phản ứng đối với tác động. Tuyên bố này bao gồm các phản ứng vũ trụ của Sanat Kumara xuống đến các phản ứng khó có thể nhận thấy (hầu như vô hình ngay cả đối với mắt của nhà thông nhãn) của nguyên tử cực nhỏ. Vì sự rõ ràng, tôi đã chia khoa học này thành ba bộ phận chính, dựa trên các phản ứng của ba trung tâm hành tinh chủ yếu đối với môi trường của chúng. Đây là một điểm mà tôi muốn các bạn ghi nhớ kỹ. Tôi có thể viết một luận thuyết dài hơn cuốn này chỉ thuần túy về việc tạo ra bộ máy đáp ứng mà mỗi một trong ba trung tâm sự sống-lý trí thiêng liêng này phải hình thành để thực hiện sự tiếp xúc cần thiết và để diễn giải một cách chính xác. Có nhiều nghịch lý trong những gì tôi đang đưa ra cho các bạn ở đây, và dường như có một số mâu thuẫn khi liên quan đến huyền bí học chính thống, nhưng đó luôn là trường hợp khi sự giảng dạy mở rộng về nội dung và các sự kiện bao hàm tất cả trước đây được nhìn thấy là những khía cạnh nhỏ của các sự kiện còn lớn hơn nữa. Do đó, các bạn có thể thấy ý nghĩa và tầm quan trọng của lời tuyên bố trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* rằng Thánh đoàn và tất cả những ai

Shamballa) have invariably passed through the human stage of evolution, for only human beings can perfectly blend and express life-reason, and only human intellect can consciously create what is needed in order to bring the needed stages of manifested life into being.

trong Phòng Mật Nghị của Sanat Kumara (hay Shamballa) đều đã luôn trải qua giai đoạn tiến hóa của con người, bởi vì chỉ có con người mới có thể hòa quyện và thể hiện sự sống-lý trí một cách hoàn hảo, và chỉ có trí tuệ con người mới có thể tạo ra một cách có ý thức những gì cần thiết để đưa các giai đoạn cần thiết của sự sống biểu hiện vào sự hiện hữu.

[67]

[67]

Here again emerges another reason for the importance of the "centre which we call the race of men"; upon the shoulders of humanity rests unbelievable responsibility. Therefore, whether we are dealing with simple telepathy, or with invocation and evocation, or with impression, we are in reality considering the effect of life-reason as it manifests in relation to the available and suitable environment. Note this phrase. All this takes place through men in process of being made perfect, through men who have attained a relative perfection, and through men who—in the majority of cases—arrived at perfection elsewhere than in this present manifesting cycle. This should indicate to you the potentiality hidden in the very lowest of the human family, and the future of wonder and of usefulness which lies ahead for each and all in due time and after due effort.

Ở đây lại xuất hiện một lý do khác cho tầm quan trọng của "trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người"; trên vai của nhân loại đặt một trách nhiệm không thể tin được. Do đó, dù chúng ta đang bàn về viễn cảm đơn giản, hay về khẩn cầu và gợi lên, hay về ấn tượng, thì trong thực tế chúng ta đang xem xét tác dụng của sự sống-lý trí khi nó biểu hiện trong mối quan hệ với môi trường sẵn có và phù hợp. Hãy lưu ý cụm từ này. Tất cả điều này diễn ra thông qua những con người đang trong quá trình được làm cho hoàn hảo, thông qua những con người đã đạt được một sự hoàn hảo tương đối, và thông qua những con người mà—trong đa số trường hợp—đã đạt đến sự hoàn hảo ở nơi khác không phải trong chu kỳ biểu hiện hiện tại này. Điều này sẽ chỉ cho các bạn thấy tiềm năng ẩn giấu trong những người thấp kém nhất của gia đình nhân loại, và tương lai kỳ diệu và hữu ích đang chờ đợi phía trước cho từng người và tất cả mọi người vào đúng thời điểm và sau nỗ lực thích đáng.

Technically speaking, it is the Hierarchy which is "impressed" from Shamballa, and Humanity which is reached by the Hierarchy via the method of invocation and evocation. Within the human family two things occur as the result of this received and recognised activity of a phase of the Science of Contact.

Nói một cách kỹ thuật, chính Thánh đoàn tiếp nhận "ấn tượng" từ Shamballa, và Nhân loại được Thánh đoàn tiếp cận thông qua phương pháp khẩn cầu và gợi lên. Trong gia đình nhân loại, hai điều xảy ra như là kết quả của hoạt động được tiếp nhận và được công nhận này của một giai đoạn của Khoa học Tiếp xúc.

Linking Groups Within the Planetary Life—Các Nhóm Liên Kết Bên Trong Sự Sống Hành Tinh

1. Telepathic relationship is set up. This, my brother, has ever existed between members of the human family and, as previously explained, is of two kinds: Solar plexus telepathy, instinctual, uncontrolled, widely prevalent and allied to many of the surprising activities of forms of life other than the human, i. e., the instinct of the homing pigeon or the method whereby cats and dogs and horses will find their homes over immense distances. The telepathic interplay between a mother and her children is instinctual and seated in the animal nature. Mental telepathy is now being recognised and studied. This is the activity and rapport established from mind to mind; it also includes the telepathic response to current [68] thoughtforms and thought conditions in the world today. Interest in this is already very great.

1. Mối quan hệ viễn cảm được thiết lập. Điều này, người huynh đệ của tôi, đã luôn tồn tại giữa các thành viên của gia đình nhân loại và, như đã giải thích trước đây, thuộc hai loại: Viễn cảm tùng thái dương, mang tính bản năng, không kiểm soát, phổ biến rộng rãi và liên kết với nhiều hoạt động đáng ngạc nhiên của các hình tướng sự sống khác ngoài con người, nghĩa là, bản năng của chim bồ câu đưa thư hay phương pháp mà nhờ đó mèo, chó và ngựa sẽ tìm thấy nhà của chúng qua những khoảng cách to lớn. Sự tương tác viễn cảm giữa một người mẹ và con cái bà là theo bản năng và nằm ở bản chất thú tính. Viễn cảm trí tuệ hiện nay đang được công nhận và nghiên cứu. Đây là hoạt động và mối giao cảm được thiết lập từ thể trí đến thể trí; nó cũng bao gồm sự đáp ứng viễn cảm đối với các hình tư tưởng [68] và các điều kiện tư tưởng hiện hành trên thế giới ngày nay. Mối quan tâm đến điều này đã rất lớn.

2. Intuitional telepathy begins to manifest increasingly among advanced human beings in all lands and all races. This indicates soul contact and the consequent awakening of group consciousness, for sensitivity to intuitional impressions has to do *only* with group concerns.

2. Viễn cảm trực giác bắt đầu biểu hiện ngày càng tăng trong những con người tiến hóa ở mọi vùng đất và mọi chủng tộc. Điều này chỉ ra sự tiếp xúc linh hồn và sự thức tỉnh tâm thức nhóm theo sau đó, bởi vì sự nhạy cảm với các ấn tượng trực giác *chỉ* liên quan đến các mối quan tâm của nhóm.

This Science of Contact governs relations within our *entire* planetary life and includes, for instance, the rapport being established between humanity and the domesticated animals. These animals are to their own kingdom what the New Group of World Servers is to humanity. The New Group of World Servers is the linking bridge and the

Khoa học Tiếp xúc này chi phối các mối quan hệ bên trong *toàn bộ* sự sống hành tinh của chúng ta và bao gồm, chẳng hạn, mối giao cảm đang được thiết lập giữa nhân loại và các loài vật nuôi trong nhà. Những con vật này đối với giới của riêng chúng cũng giống như Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian đối với nhân loại. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế

mode of communication between the Hierarchy (the fifth kingdom) and Humanity (the fourth kingdom) under *the present* divine Plan; the domesticated animals fulfil, therefore, an analogous function between Humanity (the fourth kingdom) and the animal kingdom (the third). These analogies are often fertile fields of illumination.

Gian là cây cầu liên kết và là phương thức giao tiếp giữa Thánh đoàn (giới thứ năm) và Nhân loại (giới thứ tư) dưới Thiên Cơ *hiện tại*; do đó, các loài vật nuôi trong nhà hoàn thành một chức năng tương tự giữa Nhân loại (giới thứ tư) và giới động vật (giới thứ ba). Những sự tương đồng này thường là những lĩnh vực soi sáng phong phú.

As regards Shamballa, the impression there received is *not* the result of invocation which in due course evokes extra-planetary response, as is the case between the Hierarchy and Shamballa, and the Hierarchy and Humanity, with certain changes during the process of stepping down or of descent. That which impresses Shamballa and is received by the Grand Council of the Lord of the World, comes via Sanat Kumara because HE is in close contact with other planetary Logoi or groups of planetary Logoi, wielding a united, focussed, intelligent Will. It is Sanat Kumara Whose task it is to impress the Lives Who meet periodically in the Council Chamber with the next phase of unfolding Purpose. This Purpose is later "occultly reduced" or stepped down until it emerges as the hierarchical Plan. This Plan is contingent upon imminence, atmic realisation [69] and pure reason, as the Hierarchy has termed these three "aspects of reaction" to impression from Shamballa. Let me make myself clear. The Hierarchy is no group of mystical workers; only those aspects of divine Purpose which can be immediately grasped and developed and which are patently valuable to humanity—when presented in right form by the Hierarchy—are registered by Them. They know what consciously to "repudiate" as it is occultly called, and They act ever in response to a Law of Imminence or of occult prevision which is almost unrecognisable and indefinable by advanced humanity. The

Đối với Shamballa, ấn tượng nhận được ở đó *không phải* là kết quả của sự khẩn cầu mà theo đúng trình tự sẽ gợi lên sự đáp ứng ngoài hành tinh, như trường hợp giữa Thánh đoàn và Shamballa, và giữa Thánh đoàn và Nhân loại, với những thay đổi nhất định trong quá trình giảm cấp hoặc giáng hạ. Điều gây ấn tượng lên Shamballa và được Đại Hội đồng của Đức Chúa Tể Thế Giới tiếp nhận, đến thông qua Sanat Kumara bởi vì NGÀI có sự tiếp xúc chặt chẽ với các Hành Tinh Thượng Đế khác hoặc các nhóm Hành Tinh Thượng Đế, vận dụng một Ý Chí thông tuệ, tập trung và thống nhất. Chính Sanat Kumara Là Đấng có nhiệm vụ gây ấn tượng lên các Sự Sống họp mặt định kỳ trong Phòng Mật Nghị với giai đoạn tiếp theo của Mục Đích đang mở ra. Mục Đích này sau đó được "giảm lược một cách huyền bí" hoặc giảm cấp cho đến khi nó xuất hiện như là Thiên Cơ của thánh đoàn. Thiên Cơ này tùy thuộc vào tính sắp xảy ra, sự chứng nghiệm atma [69] và lý trí thuần khiết, như Thánh đoàn đã gọi ba "phương diện phản ứng" này đối với ấn tượng từ Shamballa. Hãy để tôi làm rõ ý mình. Thánh đoàn không phải là một nhóm những người làm việc thần bí; chỉ những phương diện nào của Mục Đích thiêng liêng có thể được nắm bắt và phát triển ngay lập tức và có giá trị rõ ràng đối với nhân loại—khi được trình bày dưới hình thức đúng đắn bởi Thánh đoàn—mới được Các Ngài ghi nhận. Các Ngài biết phải "từ chối" điều gì một cách có ý thức như cách gọi trong huyền bí học, và Các Ngài luôn hành

words, “atmic realisation” are most interesting, for they refer to the quality and the mass of will energy which could be made available by the pledged and unified Hierarchy to carry out the imminent Plan. Never forget that in considering Shamballa and the Plan, we are thinking entirely within the limits of the expression of the WILL aspect of the Lord of the World, and this—except for advanced initiates—is well-nigh impossible. This factor has to be accepted theoretically, even if not yet understood.

động để đáp ứng với một Định luật về Tính Sắp Xảy Ra hoặc sự tiên kiến huyền bí vốn hầu như không thể nhận biết và không thể định nghĩa bởi nhân loại tiến hóa. Các từ, “sự chứng nghiệm atma” rất thú vị, vì chúng đề cập đến phẩm tính và khối lượng năng lượng ý chí mà Thánh đoàn đã cam kết và thống nhất có thể huy động để thực hiện Thiên Cơ sắp được thực hiện. Đừng bao giờ quên rằng khi xem xét Shamballa và Thiên Cơ, chúng ta đang suy nghĩ hoàn toàn trong giới hạn của sự thể hiện phương diện Ý CHÍ của Đức Chúa Tể Thế Giới, và điều này—ngoại trừ đối với các điểm đạo đồ cấp cao—gần như là không thể. Yếu tố này phải được chấp nhận về mặt lý thuyết, ngay cả khi chưa được thấu hiểu.

To these two unalterable requirements the Hierarchy contributes the faculty of pure reason, which is the governing faculty of the Hierarchy and which brings into activity the quality to which man has erroneously given the name of “love”. This emphasises the sentimental aspect and signifies to the majority, very largely, simply the sentimental and emotional aspect, which is entirely of an astral nature. Pure reason, which is the supreme characteristic of the Members of the Hierarchy, will ever express itself in right action and right human relations, and that will manifest—when present—what love in reality is. Pure love is a quality or effect of pure reason.

Đối với hai yêu cầu bất di bất dịch này, Thánh đoàn đóng góp năng lực lý trí thuần khiết, vốn là năng lực chi phối của Thánh đoàn và mang lại hoạt động cho phẩm tính mà con người đã đặt tên sai lầm là “tình thương”. Điều này nhấn mạnh phương diện tình cảm và đối với đa số, phần lớn chỉ đơn giản biểu thị phương diện tình cảm và cảm xúc, vốn hoàn toàn thuộc bản chất cảm dục. Lý trí thuần khiết, vốn là đặc điểm tối cao của các Thành viên của Thánh đoàn, sẽ luôn tự thể hiện trong hành động đúng đắn và các quan hệ nhân loại đúng đắn, và điều đó sẽ biểu hiện—khi hiện diện—tình thương trong thực tế là gì. Tình thương thuần khiết là một phẩm tính hoặc hệ quả của lý trí thuần khiết.

The pure reason of the hierarchical response is needed for the grasping and the comprehension of the Purpose as [70] it works out through the Plan sponsored at any one time by the Hierarchy, and the quality of pure love is needed and demanded (even if unrealised) by a waiting humanity.

Lý trí thuần khiết của sự đáp ứng thuộc thánh đoàn là cần thiết để nắm bắt và thấu hiểu Mục Đích khi [70] nó được thực hiện thông qua Thiên Cơ được bảo trợ tại bất kỳ thời điểm nào bởi Thánh đoàn, và phẩm tính của tình thương thuần khiết là cần thiết và được đòi hỏi (ngay cả khi chưa được nhận biết) bởi một nhân loại đang chờ đợi.

This “impression” emanating from Shamballa takes the form of a focussed emanation which employs the higher aspect of the antahkarana as its channel of contact. I refer not here to the thread as built by the disciple between the mental unit and the abstract mind. I refer to its continuation through the buddhic and atmic levels of consciousness into the area of magnetised consciousness (I use this word as we have not yet the necessary word to express the exact nature of this higher awareness, and the term “identification” seems somewhat unsuitable) which surrounds and protects the true Shamballa centre. It is essential that you here bear in mind that just as the mass of men do not know, recognise or respond to the Hierarchy, so—within the Hierarchy itself—you have a group analogous to this mass of men. There are many lesser members of the Hierarchy and many, very many, disciples who do not know, recognise or as yet respond to the influence or the potency of Shamballa.

“Sự ấn tượng” này phát xuất từ Shamballa mang hình thức của một sự phát xạ tập trung sử dụng phương diện cao hơn của antahkarana làm kênh tiếp xúc của nó. Tôi không đề cập ở đây đến đường dây được xây dựng bởi đệ tử giữa đơn vị hạ trí và trí trừu tượng. Tôi đề cập đến sự tiếp nối của nó qua các cấp độ tâm thức bồ đề và atma vào khu vực tâm thức được từ hóa (tôi sử dụng từ này vì chúng ta chưa có từ cần thiết để diễn tả bản chất chính xác của nhận thức cao hơn này, và thuật ngữ “đồng nhất hóa” có vẻ hơi không phù hợp) bao quanh và bảo vệ trung tâm Shamballa thực sự. Điều thiết yếu là các bạn phải ghi nhớ ở đây rằng cũng giống như đại chúng không biết, không công nhận hay đáp ứng với Thánh đoàn, thì—trong chính Thánh đoàn—các bạn cũng có một nhóm tương tự như đại chúng này. Có nhiều thành viên thấp hơn của Thánh đoàn và nhiều, rất nhiều, đệ tử không biết, không công nhận hoặc chưa đáp ứng với ảnh hưởng hay quyền lực của Shamballa.

Within the Hierarchy, the Science of Impression conditions the relation between senior and junior members in the various Ashrams. All do not respond in the same way, for in its higher aspects it is a science in process of mastering. It might be said, in order that you may understand more easily, that “impression” governs and conditions all those within the Hierarchy whose abstract mind is highly developed. It is not fully developed in the case of many disciples in the Ashram, and hence only certain Members of the Hierarchy (the Masters, the Adepts and Initiates of the third degree) are permitted to know the details of the Plan; these are protected by means of this very Science [71] of Impression. The remaining members of the Hierarchy take their orders from their seniors.

Trong Thánh đoàn, Khoa học Ấn tượng định hình mối quan hệ giữa các thành viên thâm niên và các thành viên cấp thấp trong các Ashram khác nhau. Không phải tất cả đều đáp ứng theo cùng một cách, vì trong các khía cạnh cao hơn của nó, đó là một khoa học đang trong quá trình được làm chủ. Có thể nói, để các bạn có thể hiểu dễ dàng hơn, rằng “ấn tượng” chi phối và định hình tất cả những ai trong Thánh đoàn có trí trừu tượng phát triển cao. Nó không được phát triển đầy đủ trong trường hợp của nhiều đệ tử trong Ashram, và do đó chỉ một số Thành viên nhất định của Thánh đoàn (các Chân sư, các Chân sư và các Điểm đạo đồ bậc ba) mới được phép biết các chi tiết của Thiên Cơ; những điều này được bảo vệ bằng chính Khoa học [71] Ấn tượng này. Các thành viên còn lại của

Thánh đoàn nhận mệnh lệnh từ các bậc đàn anh của họ.

Mind the Focus of Planetary Development—Trí Tuệ là Tiêu Điểm của Sự Phát Triển Hành Tinh

I would ask you to remember that, in our planetary development, the emphasis of the entire evolutionary process is on the MIND and on the various aspects of the mind—intelligence, mental perception, the Son of Mind, the lower mind, the abstract mind, the mind as will, the Universal Mind. The three which are of major importance and which form an esoteric triangle requiring to be brought into a vital inter-relation are the Son of Mind, the abstract mind, and the Universal Mind. They are, when fully related and active, the factors which engineer divine purpose and step it down into such form that we call it the hierarchical Plan and can act upon it. Only when the initiate has attained, through monadic contact, a touch of the Universal Mind can the Purpose be sensed by him; this involves also the development of the abstract mind, plus the residue of mental perception which the Son of Mind (the soul) has bequeathed to him; through all this unfoldment he can join the group who are the Formulators of the Plan. We are dealing here with most difficult and complex matters, inherent in the initiate consciousness and for which we have as yet no correct terminology. Also, the average aspirant has no idea what is the nature of the awareness or the reactions to contact of Those Who have passed beyond the third initiation; these limitations of the average student must constantly be borne in mind.

Tôi muốn các bạn nhớ rằng, trong sự phát triển hành tinh của chúng ta, sự nhấn mạnh của toàn bộ tiến trình tiến hóa nằm ở TRÍ TUỆ và vào các phương diện khác nhau của trí tuệ—sự thông tuệ, nhận thức trí tuệ, Con của Trí Tuệ, hạ trí, trí trừu tượng, trí tuệ như là ý chí, Vũ Trụ Trí. Ba phương diện có tầm quan trọng chủ yếu và hình thành nên một tam giác huyền bí đòi hỏi phải được đưa vào một mối tương quan thiết yếu là Con của Trí Tuệ, trí trừu tượng và Vũ Trụ Trí. Khi được liên kết đầy đủ và hoạt động, chúng là những yếu tố thiết kế mục đích thiêng liêng và giảm cấp nó thành hình thức mà chúng ta gọi là Thiên Cơ của thánh đoàn và có thể hành động dựa trên đó. Chỉ khi điểm đạo đồ đã đạt được, thông qua sự tiếp xúc chân thần, một sự chạm vào Vũ Trụ Trí thì Mục Đích mới có thể được cảm nhận bởi y; điều này cũng bao hàm sự phát triển của trí trừu tượng, cộng với phần còn lại của nhận thức trí tuệ mà Con của Trí Tuệ (linh hồn) đã để lại cho y; thông qua tất cả sự mở ra này, y có thể gia nhập nhóm những Người Định Hình Thiên Cơ. Chúng ta đang bàn ở đây về những vấn đề khó khăn và phức tạp nhất, vốn có trong tâm thức điểm đạo đồ và chúng ta chưa có thuật ngữ chính xác cho chúng. Ngoài ra, người chí nguyện trung bình không có ý niệm gì về bản chất của nhận thức hay các phản ứng đối với sự tiếp xúc của Những Đấng đã vượt qua lần điểm đạo thứ ba; những hạn chế này của người môn sinh trung bình phải luôn được ghi nhớ.

The Science of Invocation and Evocation—which embodies the technique of interplay within the Hierarchy itself, to a certain degree between Shamballa and the Hierarchy, and to an increasing extent between Humanity and the Hierarchy—is *based entirely on a sense of relation.* Therefore only a certain level of conscious Lives can invoke Shamballa and evoke response, and this because They [72] have Themselves developed some of the aspects of that type of mental understanding which is the hierarchical expression of the Universal Mind. The light and futile talk of certain writers and thinkers anent the cosmic consciousness, and their flippant use of such phrases as "tuning in with the Infinite" or "tapping the Universal Mind" serve only to show how very little is known in reality about the responses and the reactions of those of high initiate rank or of those on the highest levels of hierarchical life.

Khoa học Khẩn Cầu và Gợi Lên—vốn thể hiện kỹ thuật tương tác bên trong chính Thánh đoàn, ở một mức độ nhất định giữa Shamballa và Thánh đoàn, và ở mức độ ngày càng tăng giữa Nhân loại và Thánh đoàn—*hoàn toàn dựa trên ý thức về mối quan hệ.* Do đó, chỉ một cấp độ nhất định của các Sự Sống có ý thức mới có thể khẩn cầu Shamballa và gợi lên sự đáp ứng, và điều này là vì Các Ngài [72] Chính Mình đã phát triển một số phương diện của loại hiểu biết trí tuệ vốn là sự biểu hiện của Thánh đoàn của Vũ Trụ Trí. Những lời nói nhẹ hợt và vô ích của một số nhà văn và nhà tư tưởng về tâm thức vũ trụ, và việc họ sử dụng một cách khiếm nhã những cụm từ như "hòa điệu với Đấng Vô Hạn" hay "khai thác Vũ Trụ Trí" chỉ cho thấy thực tế người ta biết rất ít về các sự đáp ứng và phản ứng của những vị ở cấp bậc điểm đạo đồ cao hay của những vị ở các cấp độ cao nhất của đời sống của Thánh đoàn.

True capacity to invoke and evoke (within initiate ranks) is based upon a mysterious development—impossible before the time of the third initiation—of the esoteric sense. The active use of the esoteric sense in the occult training offered to aspirants, disciples and initiates of lesser degree produces certain changes within the brain, with corresponding changes within the buddhic vehicle; these changes enable one at will (after the third Initiation of Transfiguration) to contact the Being, Life, or the monadic POINT of contact with Whom he will be increasingly affiliated, or the Member of the Hierarchy Whom he may desire to consult. It does not involve the use of speech or words but is simply a technical method whereby an initiate within the Hierarchy or en rapport with Shamballa can make his presence felt and certain *ideas* can be

Khả năng thực sự để khẩn cầu và gợi lên (trong hàng ngũ điểm đạo đồ) dựa trên một sự phát triển bí ẩn—không thể có trước thời điểm điểm đạo lần thứ ba—của giác quan huyền bí. Việc sử dụng tích cực giác quan huyền bí trong sự huấn luyện huyền bí dành cho các người chí nguyện, đệ tử và điểm đạo đồ cấp thấp tạo ra những thay đổi nhất định trong bộ não, với những thay đổi tương ứng trong vận cụ bồ đề; những thay đổi này cho phép một người tùy ý (sau Cuộc Điểm đạo Biến hình lần thứ ba) tiếp xúc với Đấng, Sự Sống, hay ĐIỂM tiếp xúc chân thần mà y sẽ ngày càng liên kết với Ngài, hoặc Thành viên của Thánh đoàn Mà y có thể muốn tham vấn. Nó không bao hàm việc sử dụng lời nói hay từ ngữ mà chỉ đơn giản là một phương pháp kỹ thuật nhờ đó một điểm đạo đồ trong Thánh đoàn hoặc có mối giao cảm với Shamballa có thể làm cho sự hiện diện của mình được cảm nhận và những *ý tưởng* nhất

presented by him. Upon this I will not further enlarge.

định có thể được trình bày bởi y. Về điều này tôi sẽ không nói rộng thêm nữa.

For average humanity, the development of the intuition is the lower correspondence to this type of esoteric sense employed by initiates of high degree—or this mode of perceptive intercourse, as it is sometimes called. Within the Ashrams, advanced disciples are taught how to discover within themselves and to use this new potency and thus develop the needed mechanism. They can know simultaneously both the demand and the answer or response which their invocation application has evoked. All disciples who [73] have taken the third initiation have the power to invoke and to be evoked, and hence this technique is not permitted to those of lower status. A highly developed discriminative faculty is here needed. It is in reality an advanced part of the technique whereby—in the earliest stages—the disciple is permitted to attract the attention of the Master. This he does through the very importunity of his desire; later, through the use of his acquired knowledge, he proceeds to what is called "the regulated nature of his appeal." The appeal is then less regulated by desire and more under the control of will.

Đối với nhân loại trung bình, sự phát triển của trực giác là sự tương ứng thấp hơn với loại giác quan huyền bí này được sử dụng bởi các điểm đạo đồ cấp cao—hay phương thức giao tiếp nhận thức này, như đôi khi nó được gọi. Trong các Ashram, các đệ tử tiến hóa được dạy cách khám phá bên trong chính mình và sử dụng quyền năng mới này và do đó phát triển cơ chế cần thiết. Họ có thể biết đồng thời cả nhu cầu và câu trả lời hoặc sự đáp ứng mà việc ứng dụng sự khẩn cầu của họ đã gợi lên. Tất cả các đệ tử [73] đã nhận cuộc điểm đạo thứ ba đều có quyền năng khẩn cầu và được gợi lên, và do đó kỹ thuật này không được phép đối với những người có địa vị thấp hơn. Một năng lực phân biện phát triển cao độ là cần thiết ở đây. Trong thực tế, đây là một phần nâng cao của kỹ thuật mà nhờ đó—trong các giai đoạn sớm nhất—đệ tử được phép thu hút sự chú ý của Chân sư. Y thực hiện điều này thông qua chính sự khẩn thiết trong mong muốn của mình; sau đó, thông qua việc sử dụng kiến thức đã thu được, y tiến tới cái được gọi là "bản chất được điều chỉnh của lời thỉnh cầu của y." Lời thỉnh cầu khi đó ít bị chi phối bởi dục vọng hơn và nằm dưới sự kiểm soát của ý chí nhiều hơn.

I am not here dealing with invocation and evocation as it is carried on between Humanity and the Hierarchy. I gave much along this line when I made public the various Invocations whereby I have been attempting to substitute the invocative method for the selfish use of prayer and the limiting mode of the average meditation process. It is a slow process by means of which this method of intercourse must be learnt and mastered, and no textbook or information on the subject is of much use. Nor am I going to deal with the ordinary

Tôi không bàn đến ở đây việc khẩn cầu và gợi lên khi nó được thực hiện giữa Nhân loại và Thánh đoàn. Tôi đã đưa ra nhiều điều theo hướng này khi tôi công bố các Bài Khẩn Nguyện khác nhau mà qua đó tôi đã cố gắng thay thế phương pháp khẩn cầu cho việc sử dụng ích kỷ của sự cầu nguyện và phương thức giới hạn của quy trình tham thiền trung bình. Đó là một quá trình chậm chạp mà nhờ đó phương pháp giao tiếp này phải được học hỏi và làm chủ, và không có sách giáo khoa hay thông tin nào về chủ đề này là hữu ích nhiều. Tôi cũng sẽ không đề cập đến

telepathy prevalent among men and natural to so many, as this has been dealt with earlier in this book. But at this point I should like to emphasise something which applies to every human being. When animal-man passed through the door of individualisation and became a human being he came possessed of an innate potency of *sight*; for aeons he has seen in the three worlds, and many have for several lives sought after *the vision* which stabilises the aspirant upon the Path. Through the door of initiation, having attained the mystical vision, each aspirant will become aware of that within himself which permits of a *spiritual perception* of such an expansive nature that he gets his first real and individual glimpse of the divine Plan; from that moment his entire life is altered. Later (and this [74] I cannot expect the student to understand; if he thinks he does, he is being misled by words), he will pass through the door of *identification*. This is a perfectly meaningless phrase, since its significance is most carefully guarded. Symbolically speaking and in order to preserve the concept of this door in the mind of humanity, true esoteric meetings are entered on the password. Only the WORD can enter through this door—this highest and widest of all doors. Once through that door and once eligible to the Council Chamber of the Great Lord, the Initiate will comprehend what is meant by "monadic impression." It is *not* impression by *a* Monad (that meaningless term) upon the brain of a man who has constructed the antahkarana and passed the fourth initiation. It is an innate responsiveness to the Purpose of the Universal Mind of the One in Whom we live and move and have our being.

viễn cảm thông thường phổ biến giữa con người và tự nhiên đối với rất nhiều người, vì điều này đã được đề cập trước đó trong cuốn sách này. Nhưng tại điểm này, tôi muốn nhấn mạnh một điều áp dụng cho mọi con người. Khi người-thú đi qua cánh cửa biệt ngã hóa và trở thành một con người, y đã sở hữu một quyền năng bẩm sinh về *sự thấy*; trong nhiều thời đại, y đã nhìn thấy trong ba cõi, và nhiều người trong vài kiếp sống đã tìm kiếm *linh ảnh* giúp ổn định người chí nguyện trên Đường Đạo. Thông qua cánh cửa điểm đạo, sau khi đạt được linh ảnh thần bí, mỗi người chí nguyện sẽ nhận thức được cái bên trong chính mình cho phép có một *nhận thức tinh thần* có bản chất mở rộng đến mức y có được cái nhìn thoáng qua thực sự và mang tính cá nhân đầu tiên về Thiên Cơ; từ thời điểm đó, toàn bộ cuộc đời y thay đổi. Sau này (và điều này [74] tôi không thể mong đợi đạo sinh hiểu được; nếu y nghĩ mình hiểu, y đang bị lừa dối bởi ngôn từ), y sẽ đi qua cánh cửa của *sự đồng nhất hóa*. Đây là một cụm từ hoàn toàn vô nghĩa, vì thâm nghĩa của nó được bảo vệ cẩn thận nhất. Nói một cách tượng trưng và để bảo tồn khái niệm về cánh cửa này trong tâm trí nhân loại, các cuộc họp mặt huyền bí thực sự được tham dự nhờ mật khẩu. Chỉ có LINH TỪ mới có thể đi qua cánh cửa này—cánh cửa cao nhất và rộng nhất trong tất cả các cánh cửa. Một khi qua cánh cửa đó và một khi đủ điều kiện vào Phòng Mật Nghị của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại, Điểm đạo đồ sẽ hiểu được ý nghĩa của "ấn tượng chân thần". Đó *không phải* là ấn tượng bởi *một* Chân thần (thuật ngữ vô nghĩa đó) lên bộ não của một người đã xây dựng antahkarana và trải qua lần điểm đạo thứ tư. Đó là sự đáp ứng bẩm sinh đối với Mục Đích của Vũ Trụ Trí của Đấng Mà Trong Ngài chúng ta sống, hoạt động và hiện hữu.

XI. RESULTS OF CONTACT AND RECEPTIVITY—XI. CÁC KẾT QUẢ CỦA TIẾP XÚC VÀ TÍNH THU NHẬN

[75]

I am not indicating in any way how an individual can become telepathic. All those developments within the area or region of progressive contacts are only useful and truly available when they are developed normally and naturally and are not the result of premature unfoldment. When the development is premature there is always the danger of wrong, erroneous and self-centred interpretations. The telepathic information can be of purely selfish or personal import and that type of telepathy has no place in what I am seeking to impart. People today frequently evidence a telepathic tendency or capacity. They tune in (a phrase they regard as more euphonious than the words "telepathic rapport") with something or someone, though they know not what it is. Everything that they purport to register is regarded by them as of major importance: it is usually self-related and not due to their high point of spiritual unfoldment which warrants their being the custodians of mysterious spiritual messages —usually of a most unimportant and platitudinous nature. There are many sources of these messages and it might be useful if I here mentioned some of them; what I have to say may prove to be of value to the general occult public.

1. Messages emanating from the relatively nice, well-trained subconscious nature of the recipient. These well up from the subconscious but are regarded by the recipient as coming from an outside source.

[75]

Tôi không chỉ ra theo bất kỳ cách nào làm sao một cá nhân có thể trở nên có khả năng viễn cảm. Tất cả những sự phát triển đó trong khu vực hoặc vùng của các tiếp xúc tiến triển chỉ hữu ích và thực sự sẵn có khi chúng được phát triển một cách bình thường và tự nhiên và không phải là kết quả của sự mở ra sớm. Khi sự phát triển là sớm, luôn có nguy cơ của những diễn giải sai lầm, sai lạc và tập trung vào bản thân. Thông tin viễn cảm có thể mang ý nghĩa hoàn toàn ích kỷ hoặc cá nhân và loại viễn cảm đó không có chỗ trong những gì tôi đang tìm cách truyền đạt. Con người ngày nay thường xuyên biểu lộ một khuynh hướng hoặc năng lực viễn cảm. Họ hòa điệu (một cụm từ họ coi là êm tai hơn các từ "mối giao cảm viễn cảm") với cái gì đó hoặc ai đó, mặc dù họ không biết đó là gì. Mọi thứ mà họ cho là ghi nhận được đều được họ coi là có tầm quan trọng chủ yếu: nó thường liên quan đến bản thân và không phải do điểm mở ra tinh thần cao của họ đảm bảo cho việc họ trở thành những người trông coi các thông điệp tinh thần bí ẩn—thường là có bản chất không quan trọng nhất và sáo rỗng. Có nhiều nguồn của các thông điệp này và có thể hữu ích nếu tôi đề cập đến một số trong chúng ở đây; những gì tôi sắp nói có thể chứng minh là có giá trị đối với công chúng huyền bí nói chung.

1. Các thông điệp phát xuất từ bản chất tiềm thức tương đối tốt đẹp, được huấn luyện tốt của người nhận. Những điều này trào lên từ tiềm thức nhưng được người nhận coi là đến từ một nguồn bên ngoài. Những người hay

Introspective people frequently penetrate into the layer of subconscious recollection and are quite unaware of so doing. Their interest in themselves is so intense. Not knowing that they have done this, [76] they regard what they find as unusual, beautiful and important, and then proceed to formulate it into messages, which they expect their friends and the general public to regard as spiritually based. These messages are normally innocuous, sometimes beautiful, because they are a mixture of what the recipients have read and gathered from the mystical writing or have heard from Christian sources and the Bible. It is really the content of their right thinking along spiritual lines and can do no one any harm, but is of no true importance whatsoever. It accounts, however, for eighty-five percent (85%) of the so-called telepathic or inspired writings so prevalent at this time.

nội tâm thường xuyên thâm nhập vào tầng ký ức tiềm thức và hoàn toàn không biết mình đang làm như vậy. Mối quan tâm của họ đối với bản thân mãnh liệt đến thế. Không biết rằng mình đã làm điều này, [76] họ coi những gì họ tìm thấy là bất thường, đẹp đẽ và quan trọng, và sau đó tiến hành định hình nó thành các thông điệp, mà họ mong đợi bạn bè và công chúng nói chung coi là có nền tảng tinh thần. Những thông điệp này thường vô hại, đôi khi đẹp đẽ, bởi vì chúng là sự pha trộn của những gì người nhận đã đọc và thu thập từ các tác phẩm thần bí hoặc đã nghe từ các nguồn Kitô giáo và Kinh Thánh. Đó thực sự là nội dung của tư duy đúng đắn của họ theo các đường lối tinh thần và không thể gây hại cho ai, nhưng không có tầm quan trọng thực sự nào. Tuy nhiên, nó chiếm tám mươi lăm phần trăm (85%) của cái gọi là các bài viết viễn cảm hoặc được linh hứng quá phổ biến vào thời điểm này.

2. Impressions from the soul, which are translated into concepts and written down by the personality; the recipient is deeply impressed by the relatively high vibration which accompanies them, forgetting that the vibration of the soul is that of a Master, for the soul is a Master on its own plane. These are true soul impressions but usually have in them nothing new or of major importance; they are, again, the result of past ages of soul development (as far as the personality is concerned); they are, therefore, that which an awakening personality has contributed to the soul of the good, the true and the beautiful, plus that which has entered into the personality consciousness as a result of soul contact. This accounts for eight percent (8%) of the writings and communications put before the general public by aspirants today.

2. Các ấn tượng từ linh hồn, được chuyển dịch thành các khái niệm và viết xuống bởi phàm ngã; người nhận bị ấn tượng sâu sắc bởi rung động tương đối cao đi kèm với chúng, quên rằng rung động của linh hồn là rung động của một Chân sư, vì linh hồn là một Chân sư trên cõi riêng của nó. Đây là những ấn tượng linh hồn thực sự nhưng thường không có gì mới hay quan trọng chủ yếu trong chúng; chúng, một lần nữa, là kết quả của các thời đại phát triển linh hồn trong quá khứ (xét về phương diện phàm ngã); do đó, chúng là những gì mà một phàm ngã đang thức tỉnh đã đóng góp cho linh hồn về chân, thiện và mỹ, cộng với những gì đã đi vào tâm thức phàm ngã như là kết quả của tiếp xúc linh hồn. Điều này chiếm tám phần trăm (8%) các bài viết và thông tin liên lạc được đưa ra trước công chúng bởi các người chí nguyện ngày nay.

3. Teachings given by a senior or more advanced disciple on the inner planes to a disciple under training or who has just been admitted into an Ashram. These teachings bear the impress and conclusions of the senior disciple and are frequently of value; they may—and often do—contain information of which the recipient is totally unaware. The criterion here is that nothing (literally nothing) will concern [77] the recipient, either spiritually or mentally or in any other way connected with his personality, nor will they contain the platitudes of the religious background of the recipient. They will account for five percent (5%) of the teaching given, but this is in relation to the entire world and the percentage does not refer to some one occult group, one religious faith or one nation. The recognition of this is of vital importance.

3. Các giáo huấn được đưa ra bởi một đệ tử thâm niên hoặc tiến hóa hơn trên các cõi nội tâm cho một đệ tử đang được huấn luyện hoặc vừa được nhận vào một Ashram. Những giáo huấn này mang dấu ấn và kết luận của đệ tử thâm niên và thường có giá trị; chúng có thể—và thường—chứa thông tin mà người nhận hoàn toàn không biết. Tiêu chí ở đây là không có gì (nghĩa đen là không có gì) liên quan [77] đến người nhận, hoặc về mặt tinh thần hoặc trí tuệ hoặc theo bất kỳ cách nào khác kết nối với phàm ngã của y, cũng như chúng sẽ không chứa đựng những điều sáo rỗng về nền tảng tôn giáo của người nhận. Chúng sẽ chiếm năm phần trăm (5%) giáo huấn được đưa ra, nhưng điều này là trong mối quan hệ với toàn thế giới và tỷ lệ phần trăm không đề cập đến một nhóm huyền bí nào đó, một đức tin tôn giáo hay một quốc gia nào. Việc nhận biết điều này có tầm quan trọng sống còn.

4. Communications from a Master to His disciple. This accounts for two percent (2%) of the entire telepathic receptivity, demonstrated by humanity as a whole throughout the entire world. Western students would here do well to remember that the subjective Eastern student is far more prone to telepathic receptivity than is his Western brother; this has a definite bearing on all the above classifications, which is somewhat humiliating for the Western mystic and occult student. The World Scriptures emanate from another department of the second ray teaching faculty. In this statement I do not include *The Old Testament* except such passages as the Twenty-third Psalm and certain passages out of the Prophets, particularly the Prophet Isaiah. The World Scriptures were written for mystics, occupied with beauty, comfort, and encouragement, and

4. Các giao tiếp từ một Chân sư đến đệ tử của Ngài. Điều này chiếm hai phần trăm (2%) toàn bộ khả năng tiếp thu viễn cảm, được thể hiện bởi nhân loại nói chung trên toàn thế giới. Các môn sinh phương Tây ở đây nên nhớ rằng môn sinh phương Đông hướng nội có thiên hướng tiếp nhận viễn cảm mạnh hơn nhiều so với người anh em phương Tây của mình; điều này có ảnh hưởng xác định đến tất cả các phân loại trên, vốn hơi bẽ bàng đối với nhà thần bí và môn sinh huyền bí phương Tây. Các Kinh Điển Thế Giới phát xuất từ một bộ phận khác của năng lực giảng dạy cung hai. Trong tuyên bố này, tôi không bao gồm *Cựu Ước* ngoại trừ các đoạn như Thánh Vịnh 23 và một số đoạn trích từ các Tiên Tri, đặc biệt là Tiên Tri Isaiah. Các Kinh Điển Thế Giới được viết cho các nhà thần bí, quan tâm đến vẻ đẹp, sự an ủi và khích lệ, và không được viết cho các nhà huyền bí học. Tôi muốn các bạn chú ý điều này.

were not written for occultists. I would call this to your attention.

In this section of the teaching I am dealing with the nature and results of contact, of receptivity. I am giving no rules for individual development, and would not, if I could. Humanity today is developing receivers of every kind of concept, beginning with the lowest of them all—the masses of men who, through demagogues, the newspapers, the radio, books and lectures, are conditioned by many minds, according to their ray type of receptivity. As true intelligence develops and as love begins to permeate human thinking, these conditioning factors will get increasingly [78] less attractive. This means when the soul becomes of greater life importance and man-made ideas (if such a phrase is permissible) of less importance. There are, in reality, no man-made ideas. There are only ideas as grasped by the intelligentsia and then as "stepped down" by humanity's constant reaction to glamour, to emotional or astral conclusions, and to selfish interpretations.

Trong phần giáo huấn này, tôi đang bàn về bản chất và các kết quả của sự tiếp xúc, của tính thu nhận. Tôi không đưa ra quy tắc nào cho sự phát triển cá nhân, và ngay cả nếu có thể, tôi cũng sẽ không làm vậy. Nhân loại ngày nay đang phát triển các bộ thu nhận của mọi loại khái niệm, bắt đầu với loại thấp nhất trong tất cả—đại chúng, những người mà thông qua các kẻ mị dân, báo chí, đài phát thanh, sách vở và bài giảng, chịu ảnh hưởng của nhiều thể trí, tùy theo loại cung thu nhận của họ. Khi trí thông minh thực sự phát triển và khi tình thương bắt đầu thấm nhuần tư duy con người, các yếu tố gây ảnh hưởng này sẽ ngày càng trở nên [78] ít hấp dẫn hơn. Điều này có nghĩa là khi linh hồn trở nên quan trọng hơn đối với sự sống và các ý tưởng do con người tạo ra (nếu cụm từ như vậy được phép dùng) trở nên ít quan trọng hơn. Trong thực tế, không có ý tưởng nào do con người tạo ra. Chỉ có các ý tưởng được nắm bắt bởi giới trí thức và sau đó được "giảm cấp" bởi phản ứng liên tục của nhân loại đối với ảo cảm, đối với các kết luận cảm xúc hay cảm dục, và đối với các diễn giải ích kỷ.

It must be remembered that the activity of all these "impressing agencies" is felt in a wide and general sense throughout the entire planet and the planetary aura. No kingdom in nature escapes this impact, and it is thus that the purpose of the Lord of the World is carried out. Being, Coherence and Activity are thus blended into one created and creative whole; life, quality and appearance respond unitedly to the imposed intention of the planetary Logos and yet, at the same time, remain creatively free as regards their reaction to these contacted impressions; this reaction is necessarily

Cần phải nhớ rằng hoạt động của tất cả các "tác nhân gây ấn tượng" này được cảm nhận theo một nghĩa rộng và chung trên khắp toàn bộ hành tinh và hào quang hành tinh. Không giới nào trong tự nhiên thoát khỏi tác động này, và chính nhờ vậy mà mục đích của Đức Chúa Tể Thế Giới được thực hiện. Bản thể, Sự Gắn kết và Hoạt động do đó được hòa quyện thành một tổng thể được tạo ra và sáng tạo; sự sống, phẩm tính và sắc tướng đáp ứng một cách thống nhất với ý định được áp đặt của Hành Tinh Thượng Đế và tuy nhiên, cùng lúc đó, vẫn tự do một cách sáng tạo đối với phản ứng của chúng với các

dependent upon the type and quality of the mechanism which registers the impression. This mechanism has been developed by the life within the form throughout the creative period and—as far as the time element has been involved—the indwelling entity in any kingdom in nature has been free, and the time has been long or short, and the reaction to impression has been rapid or slow, according to the will of the controlling life. In the mineral kingdom, this reaction is very slow, for inertia or tamas controls the spiritual life within the mineral form; in the vegetable kingdom, it is more rapid, and under the invocative appeal of the lives in that kingdom the deva world is invoked and greatly aids and hastens the unfoldment of the vegetable consciousness; this is one reason for its relative sinlessness and extraordinary purity.

ấn tượng được tiếp xúc này; phản ứng này nhất thiết phụ thuộc vào loại và phẩm tính của cơ chế ghi nhận ấn tượng. Cơ chế này đã được phát triển bởi sự sống bên trong hình tướng trong suốt thời kỳ sáng tạo và—xét về yếu tố thời gian—thực thể nội trú trong bất kỳ giới nào trong tự nhiên đã được tự do, và thời gian đã dài hay ngắn, và phản ứng đối với ấn tượng đã nhanh hay chậm, tùy theo ý chí của sự sống kiểm soát. Trong giới kim thạch, phản ứng này rất chậm, vì quán tính hay tamas kiểm soát sự sống tinh thần bên trong hình tướng kim thạch; trong giới thực vật, nó nhanh hơn, và dưới lời thỉnh cầu khẩn nguyện của các sự sống trong giới đó, thế giới thiên thần được khẩn cầu và hỗ trợ rất nhiều cũng như đẩy nhanh sự mở ra của tâm thức thực vật; đây là một lý do cho sự tương đối vô tội và sự tinh khiết phi thường của nó.

The major impression registered in the second kingdom of nature emanates from the angel worlds and from the [79] deva hierarchy. The angels and devas are to the vegetable kingdom what the spiritual Hierarchy is to humanity. This is, of course, a mystery with which you have no concern. But impressions and reactions are to be found in both these kingdoms, and upon such response depends the evolution of the indwelling consciousness.

Ấn tượng chính được ghi nhận trong giới thứ hai của tự nhiên phát xuất từ các thế giới thiên thần và từ [79] huyền giai thiên thần. Các thiên thần và deva đối với giới thực vật cũng giống như Thánh đoàn đối với nhân loại. Dĩ nhiên, đây là một bí nhiệm mà các bạn không cần quan tâm. Nhưng các ấn tượng và phản ứng được tìm thấy trong cả hai giới này, và sự tiến hóa của tâm thức nội trú phụ thuộc vào sự đáp ứng đó.

The animal kingdom has a peculiar relation to the fourth kingdom in nature, and the unfolding of the animal consciousness proceeds along lines paralleling, yet dissimilar to that of the human being who is beginning to respond to the kingdom of souls, the fifth kingdom. It is the karma and destiny of the fourth kingdom to be the impressing agent for the third; the problem is complicated, however, by the fact that the animal kingdom antedates the human and

Giới động vật có một mối quan hệ đặc biệt với giới thứ tư trong tự nhiên, và sự mở ra của tâm thức động vật tiến triển theo các đường lối song song, nhưng khác biệt với con người, kẻ đang bắt đầu đáp ứng với giới của các linh hồn, giới thứ năm. Nghiệp quả và định mệnh của giới thứ tư là trở thành tác nhân gây ấn tượng cho giới thứ ba; tuy nhiên, vấn đề trở nên phức tạp do thực tế là giới động vật có trước con người và do đó, đã tạo ra một lượng nghiệp quả—cả tốt và xấu

had, therefore, generated a measure of karma—both good and evil—prior to the appearance of mankind. The "impressing process" carried forward by humanity is modified and often negated by two factors:

—trước khi nhân loại xuất hiện. "Quá trình gây ấn tượng" được thực hiện bởi nhân loại bị sửa đổi và thường bị phủ định bởi hai yếu tố:

1. Human ignorance and selfishness, plus inability to work consciously and intelligently with the embryonic minds within animal forms; this is true except in a few (a very few) cases which involve the domestic animals. When humanity is itself further advanced, its intelligent impression upon the consciousness of the animal kingdom will produce planetary results. At present this is not so. It will only come when the animal kingdom (as a result of human understanding) becomes invocative.

1. Sự vô minh và ích kỷ của con người, cộng với sự bất lực trong việc làm việc một cách có ý thức và thông minh với các thể trí ở dạng mầm mống bên trong các hình tướng động vật; điều này đúng ngoại trừ trong một vài (rất ít) trường hợp liên quan đến các loài vật nuôi trong nhà. Khi chính nhân loại tiến bộ hơn nữa, ấn tượng thông minh của họ lên tâm thức của giới động vật sẽ tạo ra các kết quả hành tinh. Hiện tại điều này không phải như vậy. Nó sẽ chỉ đến khi giới động vật (như là kết quả của sự thấu hiểu của con người) trở nên có tính khẩn cầu.

2. The self-generated karma of the animal kingdom which is largely being worked off in its relation to mankind today. The karmic entity—holding a type of rule within the third kingdom—is a part of the planetary Dweller on the Threshold.

2. Nghiệp quả tự tạo của giới động vật vốn phần lớn đang được giải trừ trong mối quan hệ của nó với nhân loại ngày nay. Thực thể nghiệp quả—nắm giữ một loại quyền cai trị trong giới thứ ba—là một phần của Kẻ Chận Ngõ hành tinh.

Planetary Sequence of Impression—Trình Tự Ấn Tượng Hành Tinh

[80]

[80]

You will note, therefore, the amazing planetary sequence of impression—all of it emanating from the highest possible sources, though stepped down and regulated to the receiving factors; all of it concerned to a greater or less degree (according to the quality of the mechanism of reception) with the will and purpose of Sanat Kumara; all of it, during the aeons, achieving a group potency and a responding sensitivity.

Do đó, các bạn sẽ lưu ý trình tự ấn tượng hành tinh đáng kinh ngạc—tất cả đều phát xuất từ các nguồn cao nhất có thể, mặc dù được giảm cấp và điều chỉnh cho các yếu tố tiếp nhận; tất cả đều liên quan ở mức độ lớn hơn hay nhỏ hơn (tùy theo phẩm tính của cơ chế tiếp nhận) với ý chí và mục đích của Sanat Kumara; tất cả, trong suốt các thời đại, đạt được một quyền năng nhóm và một sự nhạy cảm đáp ứng.

The main factor preventing a completely unimpeded sequence of impression from Shamballa straight down into the mineral kingdom, via all the other kingdoms, is the factor of freewill, resulting in karmic responsibility. This can be either good or bad. It is interesting to note here that both the good and the bad karma produce conditions which not only have to be worked out, but that they lead to conditions which delay what we—from our limited point of view—might look upon as the liberation of the planet. The generating of good karma necessitates the "living through" of conditions where everything (for the man responsible or for any other form within its limitations) is good, happy, beneficent and useful. The evil karma generated in any kingdom in relation to the "realm where dwelleth the planetary Dweller on the Threshold" stands between the cosmic Door of Initiation and our planetary Logos. This Dweller represents all the mistakes and errors due to wrong reactions, unrecognised contacts, deliberate choices made in defiance of known good, and mass movements and mass activities which are temporarily not progressive in time and space. I realise that where these facts apply to the subhuman kingdoms in nature you are not aware of what I mean, but that does not alter the law or movements which are in no way related to human evolution. In connection with the planetary Logos I would like to add that in that great planetary struggle and His subsequent [81] initiation, we are all implicated—from the atom of substance up to and including all the Lives which form the Council Chamber of the Lord of the World; it is this titanic effort which is made by the sum total of all the living processes and entities that compose the manifestation of Sanat Kumara which is responsible for the creative evolutionary

Yếu tố chính ngăn cản một trình tự ấn tượng hoàn toàn không bị cản trở từ Shamballa thẳng xuống giới kim thạch, qua tất cả các giới khác, là yếu tố tự do ý chí, dẫn đến trách nhiệm nghiệp quả. Điều này có thể tốt hoặc xấu. Thật thú vị khi lưu ý ở đây rằng cả nghiệp tốt và nghiệp xấu đều tạo ra các điều kiện không chỉ phải được giải quyết, mà chúng còn dẫn đến các điều kiện làm trì hoãn cái mà chúng ta—từ quan điểm hạn hẹp của mình—có thể coi là sự giải thoát của hành tinh. Việc tạo ra nghiệp tốt đòi hỏi phải "sống qua" các điều kiện nơi mà mọi thứ (đối với người chịu trách nhiệm hoặc đối với bất kỳ hình tướng nào khác trong giới hạn của nó) đều tốt đẹp, hạnh phúc, thiện lành và hữu ích. Nghiệp xấu được tạo ra trong bất kỳ giới nào trong mối quan hệ với "vương quốc nơi Kẻ Chận Ngõ hành tinh cư ngụ" đứng giữa Cánh Cửa Điểm Đạo vũ trụ và Hành Tinh Thượng Đế của chúng ta. Kẻ Chận Ngõ này đại diện cho tất cả những sai lầm và lỗi lầm do phản ứng sai, tiếp xúc không được nhận biết, những lựa chọn cố ý được thực hiện bất chấp điều tốt đã biết, và các phong trào đại chúng và hoạt động đại chúng tạm thời không tiến bộ trong không gian và thời gian. Tôi nhận ra rằng khi những thực tế này áp dụng cho các giới dưới nhân loại trong tự nhiên, các bạn không biết ý tôi là gì, nhưng điều đó không thay đổi quy luật hay các chuyển động không liên quan gì đến sự tiến hóa của con người. Liên quan đến Hành Tinh Thượng Đế, tôi muốn thêm rằng trong cuộc đấu tranh hành tinh vĩ đại đó và cuộc điểm đạo [81] tiếp theo của Ngài, tất cả chúng ta đều bị lôi cuốn vào—từ nguyên tử chất liệu lên đến và bao gồm tất cả các Sự Sống hình thành nên Phòng Mật Nghị của Đức Chúa Tể Thế Giới; chính nỗ lực phi thường này được thực hiện bởi tổng số tất cả các quá trình sống và thực thể cấu thành nên biểu hiện của Sanat Kumara chịu trách nhiệm cho các quá trình tiến hóa sáng tạo;

processes; it is also responsible for what we call *time*, with all that that concept involves of events, opportunity, the past, the present and the future, the good and the evil.

nó cũng chịu trách nhiệm cho cái mà chúng ta gọi là *thời gian*, với tất cả những gì khái niệm đó bao hàm về các sự kiện, cơ hội, quá khứ, hiện tại và tương lai, điều thiện và điều ác.

The dynamic impression which emanates from Shamballa reaches forth in great cycles and cyclic waves; these are impulsed from extra-planetary sources, as demanded or invoked by the Lord of the World and His Associates; they emanate in response to the "acclaimed will" of Sanat Kumara in the Council Chamber.

Ấn tượng năng động phát xuất từ Shamballa vươn ra trong các chu kỳ lớn và các sóng chu kỳ; những cái này được thúc đẩy từ các nguồn ngoài hành tinh, khi được yêu cầu hoặc khẩn cầu bởi Đức Chúa Tể Thế Giới và Các Cộng sự của Ngài; chúng phát xuất để đáp ứng với "ý chí được tôn xưng" của Sanat Kumara trong Phòng Mật Nghị.

This high spiritual and ultimate impression moves outward along the seven rays, viewing them as seven streams of spiritual energy, qualified and coloured by the Shamballic impression; this process repeats itself when hierarchical invocation is effective and successfully established.

Ấn tượng tinh thần cao cả và tối hậu này di chuyển ra ngoài dọc theo bảy cung, xem chúng như bảy dòng năng lượng tinh thần, được định tính và nhuộm màu bởi ấn tượng Shamballa; quá trình này tự lặp lại khi sự khẩn cầu của thánh đoàn có hiệu quả và được thiết lập thành công.

This again is repeated between the Hierarchy and Humanity in response to human invocation; this is becoming increasingly intelligent, potent and evocative.

Điều này lại được lặp lại giữa Thánh đoàn và Nhân loại để đáp ứng với sự khẩn cầu của con người; điều này đang trở nên ngày càng thông minh, mạnh mẽ và có khả năng gợi lên sự đáp ứng mạnh hơn.

The problem of the human kingdom is, however, very great. Humanity is the recipient of so many impacts, so many impressions, so many telepathic and mental currents and so many qualified vibratory impressions from all the seven kingdoms in nature that aeons have elapsed in developing the adequate discriminative sensitivity and in establishing the certitude of the point in evolution from which conscious invocation must arise and upon which the evoked impression must be registered. Unconscious invocation proceeds all the time; when it becomes conscious, it becomes exceedingly powerful.

Tuy nhiên, vấn đề của giới nhân loại là rất lớn. Nhân loại là người nhận của rất nhiều tác động, rất nhiều ấn tượng, rất nhiều dòng viễn cảm và tư tưởng và rất nhiều ấn tượng rung động được định tính từ tất cả bảy giới trong tự nhiên đến nỗi nhiều thời đại đã trôi qua để phát triển sự nhạy cảm phân biện thỏa đáng và thiết lập sự chắc chắn về điểm tiến hóa mà từ đó sự khẩn cầu có ý thức phải nảy sinh và trên đó ấn tượng được gợi lên phải được ghi nhận. Sự khẩn cầu vô thức diễn ra mọi lúc; khi nó trở nên có ý thức, nó trở nên cực kỳ mạnh mẽ.

[82]

[82]

The entire human family is today an amazing receiver of impressions, owing to its myriad types of susceptible mechanisms. These impressionable instruments are capable of registering tamasic impressions, coming from the sub-human kingdoms, particularly the third and the first; they record rajasic impressions coming from mental sources of all kinds; they are also—to a much less degree—responsive to sattvic or rhythmic impressions. Their response to these high impressions and their registration of truth, light and quality, coming from the highest sources is, however, growing.

Toàn thể gia đình nhân loại ngày nay là một bộ máy thu nhận các ấn tượng đáng kinh ngạc, nhờ vào vô số loại cơ chế dễ tiếp nhận của nó. Những công cụ dễ bị ấn tượng này có khả năng ghi nhận các ấn tượng thuộc tamas, đến từ các giới dưới nhân loại, đặc biệt là giới thứ ba và thứ nhất; chúng ghi lại các ấn tượng thuộc rajas đến từ các nguồn trí tuệ thuộc mọi loại; chúng cũng—ở mức độ ít hơn nhiều—đáp ứng với các ấn tượng thuộc sattva hoặc nhịp điệu. Tuy nhiên, sự đáp ứng của họ đối với những ấn tượng cao này và sự ghi nhận chân lý, ánh sáng và phẩm tính, đến từ các nguồn cao nhất, đang gia tăng.

It is because of this that the human kingdom (the great middle kingdom whose function it is to mediate between the higher and the lower) is the subject of much divine impression, conveying the Purpose of Sanat Kumara. This you know. I have taught you much along this line in *A Treatise on the Seven Rays* and also in the earlier *A Treatise on Cosmic Fire.* In these present instructions I am dealing with group possibilities, with

Chính vì điều này mà giới nhân loại (giới trung gian vĩ đại có chức năng làm trung gian giữa cái cao hơn và cái thấp hơn) là chủ thể của rất nhiều ấn tượng thiêng liêng, truyền tải Mục Đích của Sanat Kumara. Điều này các bạn đã biết. Tôi đã dạy các bạn nhiều theo hướng này trong *Luận về Bảy Cung* và cũng trong cuốn trước đó *Luận về Lửa Vũ Trụ*. Trong các huấn thị hiện tại này, tôi đang bàn về các khả năng nhóm, với các nhóm có

groups which can be trained to record, register and be impressed by the Hierarchy. Such a group can be in the position of being able to invoke the Hierarchy *with power* if it so choose. I am again bringing these things to your attention as aspirants and disciples, but from an angle different to those in my earlier writings. The responsibility of impressionability, of telepathic registration and of invocative appeal is very great; hence what I have written here.

thể được huấn luyện để ghi chép, ghi nhận và tiếp nhận ấn tượng từ Thánh đoàn. Một nhóm như vậy có thể ở vị thế có thể khẩn cầu Thánh đoàn *với quyền năng* nếu nó chọn như vậy. Tôi một lần nữa mang những điều này đến sự chú ý của các bạn như là những người chí nguyện và đệ tử, nhưng từ một góc độ khác với những gì trong các bài viết trước của tôi. Trách nhiệm về khả năng nhận ấn tượng, về việc ghi nhận viễn cảm và về sự thỉnh cầu khẩn nguyện là rất lớn; do đó tôi đã viết những điều này ở đây.

XII. RELATION OF THE HUMAN TO THE HIERARCHICAL CENTRE—XII. MỐI QUAN HỆ CỦA TRUNG TÂM NHÂN LOẠI VỚI TRUNG TÂM THÁNH ĐOÀN

[83]

[83]

True telepathic rapport is part of the Supreme Science of Contact and has peculiar and definite reference to humanity. Many different terms might be used in the effort to convey some understanding of this subtle, subjective mode of relationship, and I have used among others the following:

Mối giao cảm viễn cảm đích thực là một phần của Khoa học Tiếp xúc Tối cao và có sự tham chiếu đặc biệt và xác định đối với nhân loại. Nhiều thuật ngữ khác nhau có thể được sử dụng trong nỗ lực truyền đạt một số hiểu biết về phương thức quan hệ tinh tế, chủ quan này, và tôi đã sử dụng trong số những thuật ngữ khác những cái sau:

1. The Science of Contact.

1. Khoa học Tiếp xúc.

2. The Science of Impression.

2. Khoa học Ấn tượng.

3. The Science of Invocation and Evocation.

3. Khoa học Khẩn Cầu và Gợi Lên.

4. The Science of Relationship.

4. Khoa học về Mối Quan hệ.

5. The Science of Sensitivity.

5. Khoa học về Tính Nhạy cảm.

All these terms convey different aspects of the reaction of form or forms to contact, to

Tất cả các thuật ngữ này chuyển tải những khía cạnh khác nhau của phản ứng của hình

impression, to impact, to environment, to the thought context of various minds, to ascending and descending energies, to the invocation of agents and the evocation of their response. The whole planetary system is in reality a vast interlocking, inter-dependent and inter-related complexity of vehicles communicating or responsive to communication.

tướng hay các hình tướng đối với sự tiếp xúc, đối với ấn tượng, đối với tác động, đối với môi trường, đối với bối cảnh tư tưởng của các thể trí khác nhau, đối với các năng lượng thăng lên và giáng xuống, đối với sự khẩn cầu các tác nhân và sự gợi lên đáp ứng của họ. Toàn bộ hệ thống hành tinh trong thực tế là một sự phức tạp rộng lớn đan xen, phụ thuộc lẫn nhau và liên quan tương hỗ của các vận cụ đang giao tiếp hoặc đáp ứng với sự giao tiếp.

The moment that this inter-related and communicating system is studied from the angle of relationships, then the processes of evolution and the goal of the spirit of man (which is in reality the Spirit of the planetary Logos) become of vital and supreme importance, but are at the same time most difficult to comprehend. So immense is the theme that it is profitless for us to do more than deal with two factors: [84]

Thời điểm mà hệ thống liên hệ tương hỗ và giao tiếp này được nghiên cứu từ góc độ của các mối quan hệ, thì các quá trình tiến hóa và mục tiêu của tinh thần con người (vốn trong thực tế là Tinh thần của Hành Tinh Thượng Đế) trở nên quan trọng sống còn và tối cao, nhưng đồng thời cũng khó thấu hiểu nhất. Chủ đề này quá mênh mông đến nỗi chúng ta chẳng có lợi ích gì khi làm nhiều hơn là bàn về hai yếu tố: [84]

1. The Science of Impression in relation to mankind.

1. Khoa học Ấn tượng trong mối quan hệ với nhân loại.

2. The impressing Centres, as they affect the understanding of relationship.

2. Các Trung tâm gây ấn tượng, khi chúng ảnh hưởng đến sự thấu hiểu về mối quan hệ.

The many modes of contact between the many subhuman and superhuman forms, groupings, and kingdoms are too intricate in their nature to be grasped at this time by students, and—which is more important—the information would be of small use to them. We will, therefore, confine ourselves to the Science of Impression and the Science of Invocation and Evocation only in so far as they affect humanity. These—from the human angle—cover *reception* of impression and of ideas, and expressions of the consequences of sensitivity at this time and in this particular cycle.

Nhiều phương thức tiếp xúc giữa nhiều hình tướng, nhóm và giới dưới nhân loại và siêu nhân loại quá phức tạp trong bản chất của chúng để các môn sinh có thể nắm bắt vào lúc này, và—điều quan trọng hơn—thông tin sẽ ít hữu ích cho họ. Do đó, chúng ta sẽ tự giới hạn mình vào Khoa học Ấn tượng và Khoa học Khẩn Cầu và Gợi Lên chỉ trong chừng mực chúng ảnh hưởng đến nhân loại. Những điều này—từ góc độ con người—bao hàm *sự tiếp nhận* ấn tượng và ý tưởng, và các biểu hiện của những hệ quả của tính nhạy cảm vào thời điểm này và trong chu kỳ cụ thể này.

We are to consider, therefore, the relation of the human centre to the hierarchical centre and the growing responsiveness of humanity to the "Centre where the Will of God is known". As I said before, it is not my intention to give here the rules governing telepathic intercourse. Such intercourse is found between man and man and groups and groups. The relationship is slowly and normally developed and requires no hastening. It is developing as the other senses of man and his apparatus of perception have developed. Humanity is, however, outstripping telepathic development in the rapid responsiveness of entire groups, and of human beings en masse, to group impression and to group impartation of ideas. The sudden response of groups and nations to mass ideologies has been both unexpected and difficult to handle wisely and constructively. It was not anticipated by either Shamballa or the Hierarchy that mass impression would develop more quickly than that of individual sensitivity, but it has happened that way. The individual within a group and working within a group is far [85] more correctly sensitive than is the man struggling alone to render himself sensitive to impression.

Do đó, chúng ta sẽ xem xét mối quan hệ của trung tâm nhân loại với trung tâm thánh đoàn và sự đáp ứng ngày càng tăng của nhân loại đối với "Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế". Như tôi đã nói trước đây, tôi không có ý định đưa ra ở đây các quy luật chi phối sự giao tiếp viễn cảm. Sự giao tiếp như vậy được tìm thấy giữa người với người và giữa nhóm với nhóm. Mối quan hệ được phát triển chậm chạp và bình thường và không cần thúc đẩy. Nó đang phát triển khi các giác quan khác của con người và bộ máy nhận thức của y đã phát triển. Tuy nhiên, nhân loại đang vượt xa sự phát triển viễn cảm trong sự đáp ứng nhanh chóng của toàn bộ các nhóm, và của con người nói chung, đối với ấn tượng nhóm và sự truyền đạt ý tưởng nhóm. Phản ứng đột ngột của các nhóm và các quốc gia đối với các hệ tư tưởng đại chúng vừa bất ngờ vừa khó xử lý một cách khôn ngoan và mang tính xây dựng. Cả Shamballa lẫn Thánh đoàn đều không dự đoán rằng ấn tượng đại chúng sẽ phát triển nhanh hơn sự nhạy cảm cá nhân, nhưng nó đã xảy ra theo cách đó. Cá nhân bên trong một nhóm và làm việc trong một nhóm nhạy cảm chính xác hơn [85] nhiều so với người đang đấu tranh một mình để làm cho bản thân nhạy cảm với ấn tượng.

One of the factors militating against personal telepathic development lies in the fact that the strong, potent and modern ascension of the spirit in man—as a whole—frequently offsets personality reactions, and telepathy is a personality matter depending upon contact between mind and mind. The moment, however, that man *tries* to be telepathic, he is immediately swept into a vortex of abstract energies which condition him for spiritual impression far more than they fit him for personal relationships telepathically established.

Một trong những yếu tố cản trở sự phát triển viễn cảm cá nhân nằm ở thực tế là sự thăng lên mạnh mẽ, đầy quyền năng và hiện đại của tinh thần nơi con người—như một toàn thể—thường xuyên hóa giải các phản ứng phàm ngã, và viễn cảm là một vấn đề phàm ngã phụ thuộc vào sự tiếp xúc giữa thể trí và thể trí. Tuy nhiên, thời điểm mà con người *cố gắng* trở nên viễn cảm, y ngay lập tức bị cuốn vào một vòng xoáy của các năng lượng trừu tượng định hình y để tiếp nhận ấn tượng tinh thần nhiều hơn là làm cho y phù hợp với các mối quan hệ cá nhân được thiết lập bằng viễn cảm.

This surprising development freed the supervising Masters for some of Their plans and led Them to abandon the training of individual disciples in telepathic rapport and to recognise the opportunity to train and develop invocative groups. Instead of working in lower mental substance with picked aspirants, They changed the medium of contact to that of the soul and launched the relatively new *Science of Invocation and Evocation*. The lower mind then became simply an interpreter of impressions with the emphasis upon the group mind, the group purpose and the group will. This developing system of trained invocatives made the mind a positive acting factor and tuned out all tendency to negativity.

Sự phát triển đáng ngạc nhiên này đã giải phóng các Chân sư giám sát cho một số kế hoạch của Các Ngài và khiến Các Ngài từ bỏ việc huấn luyện các đệ tử cá nhân về mối giao cảm viễn cảm và nhận ra cơ hội để huấn luyện và phát triển các nhóm khẩn cầu. Thay vì làm việc trong chất liệu hạ trí với các người chí nguyện được chọn lọc, Các Ngài đã thay đổi phương tiện tiếp xúc sang linh hồn và khởi xướng *Khoa học Khẩn Cầu và Gợi Lên* tương đối mới mẻ. Hạ trí khi đó trở thành đơn giản là một bộ phận diễn giải các ấn tượng với sự nhấn mạnh vào tâm trí nhóm, mục đích nhóm và ý chí nhóm. Hệ thống phát triển của những người khẩn cầu được huấn luyện này đã biến thể trí thành một yếu tố hoạt động chủ động và loại bỏ mọi khuynh hướng thụ động.

This hierarchical decision then necessarily led to the instituting of the processes of group initiation, thus shifting the area of training and the whole of the teaching process and of preparation for initiation on to higher levels. The experiment of giving mankind the Great Invocation was tried and is proving successful, though much yet remains to be done.

Quyết định này của Thánh đoàn sau đó tất yếu dẫn đến việc thiết lập các quá trình điểm đạo nhóm, do đó chuyển dịch khu vực huấn luyện và toàn bộ quá trình giảng dạy và chuẩn bị cho điểm đạo lên các cấp độ cao hơn. Thử nghiệm trao cho nhân loại Đại Khấn Nguyện đã được thử và đang chứng minh là thành công, mặc dù còn nhiều việc phải làm.

It might be said, therefore, that the four requirements which are needed to aid the disciple to meet the demands of [86] the initiatory process are "the ability to be impressed, the capacity accurately to register the impression, the power to record what has been given, and then to give it word forms in the mind consciousness." On the basis of the information received, the disciple must then properly invoke the needed energies and learn through experience to produce a responsive evocation. My earlier statement on this subject a few pages back was intended to lead up to this teaching and I repeat it here:

Do đó, có thể nói rằng bốn yêu cầu cần thiết để hỗ trợ đệ tử đáp ứng các đòi hỏi của [86] quá trình điểm đạo là "khả năng tiếp nhận ấn tượng, năng lực ghi nhận ấn tượng một cách chính xác, quyền năng ghi lại những gì đã được ban cho, và sau đó trao cho nó các hình thức ngôn ngữ trong tâm thức trí tuệ." Trên cơ sở thông tin nhận được, đệ tử sau đó phải khẩn cầu một cách thích hợp các năng lượng cần thiết và học qua kinh nghiệm để tạo ra một sự gợi lên đáp ứng. Tuyên bố trước đó của tôi về chủ đề này vài trang trước nhằm mục đích dẫn đến giáo huấn này và tôi lặp lại nó ở đây:

"The entire human family is today an amazing receiver of impressions, owing to the myriad types of susceptible mechanisms.... It is because of this that the human kingdom (the great middle kingdom whose function it is to mediate between the higher and the lower) is the subject of so much divine impression, conveying the purpose of Sanat Kumara.... In these present instructions I am dealing with group possibilities, with groups which can be trained to record, register and be impressed by the Hierarchy. Such a group can be in the position of being able to invoke the Hierarchy *with power* if it so choose. I am again bringing these things to your attention as aspirants and disciples, but from an angle different to those in my earlier writings. *The responsibility of impressionability, of telepathic registration and of invocative appeal is very great.*"

"Toàn thể gia đình nhân loại ngày nay là một bộ máy thu nhận các ấn tượng đáng kinh ngạc, nhờ vào vô số loại cơ chế dễ tiếp nhận.... Chính vì điều này mà giới nhân loại (giới trung gian vĩ đại có chức năng làm trung gian giữa cái cao hơn và cái thấp hơn) là chủ thể của rất nhiều ấn tượng thiêng liêng, truyền tải mục đích của Sanat Kumara.... Trong các huấn thị hiện tại này, tôi đang bàn về các khả năng nhóm, với các nhóm có thể được huấn luyện để ghi chép, ghi nhận và tiếp nhận ấn tượng từ Thánh đoàn. Một nhóm như vậy có thể ở vị thế có thể khẩn cầu Thánh đoàn *với quyền năng* nếu nó chọn như vậy. Tôi một lần nữa mang những điều này đến sự chú ý của các bạn như là những người chí nguyện và đệ tử, nhưng từ một góc độ khác với những gì trong các bài viết trước của tôi. *Trách nhiệm về khả năng nhận ấn tượng, về việc ghi nhận viễn cảm và về sự thỉnh cầu khẩn nguyện là rất lớn.*"

Sources of Impression for the Disciple—Các Nguồn Ấn Tượng cho Đệ Tử

For the aspirant and particularly for the conscious disciple, the impression to be considered comes from four sources:

1. From the disciple's own soul.

2. From the Ashram with which he is to be affiliated.

3. Directly from the Master.

4. From the Spiritual Triad, via the antahkarana.

[87]

The first two stages cover the period of the first two initiations; the third precedes the third initiation and persists until the disciple is himself a Master; the fourth type of informative impression can be registered after the third initiation and reach the disciple *in the Ashram*; he then has the task himself of impressing his mind with what he has been told and known within the Ashram; eventually, as a Master of an Ashram, he starts upon one of the major hierarchical tasks of mastering the Science of Impression. There are therefore, two aspects to this work of impression: one deals with the capacity to be impressed; the other with the ability to be an impressing agent. The disciple is not permitted to practise the art of impressing until he himself is among those who receive Triadal impression and therefore impression from Shamballa, within the protective area or aura of the Ashram with which he is affiliated. It must be remembered that this Science of Impression is in reality the science of thoughtform-making, thoughtform vitalisation and thoughtform direction; and only a disciple who has passed through the

Đối với người chí nguyện và đặc biệt là đối với đệ tử có ý thức, ấn tượng cần xem xét đến từ bốn nguồn:

1. Từ chính linh hồn của đệ tử.

2. Từ Ashram mà y sẽ liên kết.

3. Trực tiếp từ Chân sư.

4. Từ Tam Nguyên Tinh Thần, thông qua antahkarana.

[87]

Hai giai đoạn đầu bao trùm thời kỳ của hai cuộc điểm đạo đầu tiên; giai đoạn thứ ba đi trước cuộc điểm đạo thứ ba và kéo dài cho đến khi đệ tử tự mình là một Chân sư; loại ấn tượng thông tin thứ tư có thể được ghi nhận sau cuộc điểm đạo thứ ba và đến với đệ tử *trong Ashram*; sau đó y tự mình có nhiệm vụ ghi khắc vào thể trí của mình những gì y đã được bảo và biết bên trong Ashram; cuối cùng, với tư cách là Chân sư của một Ashram, y bắt đầu thực hiện một trong những nhiệm vụ lớn của thánh đoàn là làm chủ Khoa học Ấn tượng. Do đó, có hai khía cạnh đối với công việc ấn tượng này: một liên quan đến năng lực tiếp nhận ấn tượng; khía cạnh kia liên quan đến khả năng trở thành một tác nhân gây ấn tượng. Đệ tử không được phép thực hành nghệ thuật gây ấn tượng cho đến khi chính y nằm trong số những người nhận ấn tượng từ Tam Nguyên và do đó ấn tượng từ Shamballa, bên trong khu vực hoặc hào quang bảo vệ của Ashram mà y liên kết. Cần nhớ rằng Khoa học Ấn tượng này thực tế là khoa học về việc tạo hình tư tưởng, tiếp sinh lực cho hình tư tưởng và hướng dẫn hình tư tưởng; và chỉ một đệ tử đã trải qua các quá trình Biến hình

processes of Transfiguration and is no longer the victim of his own personality can be entrusted with so dangerous a cycle of powers. As long as there exists any desire for selfish power, for unspiritual control and for influence over the minds of other human beings or over groups, the disciple cannot be trusted, under the hierarchical rules, with the deliberate creation of thoughtforms designed to produce specific effects, and with their dispersal to men and groups. After he has passed the tests of the Transfiguration Initiation he may do so.

và không còn là nạn nhân của phàm ngã của chính mình mới có thể được giao phó một chu kỳ quyền năng nguy hiểm như vậy. Chừng nào còn tồn tại bất kỳ ham muốn nào về quyền lực ích kỷ, về sự kiểm soát phi tinh thần và về ảnh hưởng đối với thể trí của những người khác hoặc đối với các nhóm, đệ tử không thể được tin tưởng, theo các quy luật của thánh đoàn, với việc cố ý tạo ra các hình tư tưởng được thiết kế để tạo ra các hiệu quả cụ thể, và với việc phân tán chúng đến con người và các nhóm. Sau khi y đã vượt qua các thử thách của Cuộc Điểm đạo Biến hình, y có thể làm như vậy.

The Science of Impression is the bedrock or the foundation for the practice of telepathy. If a major world test were to be made, those receptive to impression would be found to fall into two groups: [88]

Khoa học Ấn tượng là nền tảng hay cơ sở cho việc thực hành viễn cảm. Nếu một bài kiểm tra lớn của thế giới được thực hiện, những người dễ tiếp nhận ấn tượng sẽ được tìm thấy rơi vào hai nhóm: [88]

1. Those possessing unconscious receptivity to telepathic impression. They at present constitute a majority wherein the impression is received via the solar plexus, and the thoughtforms thus generated are dispatched from the throat centre of the one who is the impressing agent.

1. Những người sở hữu khả năng tiếp thu vô thức đối với ấn tượng viễn cảm. Họ hiện nay cấu thành một đa số trong đó ấn tượng được nhận qua tùng thái dương, và các hình tư tưởng được tạo ra như vậy được gửi đi từ trung tâm cổ họng của người là tác nhân gây ấn tượng.

2. Those who are developing or have developed a conscious receptivity wherein the impression is, first of all, received by the mind and then imparted to and registered by the brain. The one who is the impressing agent in this case works via the centre between the eyebrows, the ajna centre.

2. Những người đang phát triển hoặc đã phát triển một khả năng tiếp thu có ý thức trong đó ấn tượng, trước hết, được thể trí tiếp nhận, rồi truyền đến bộ não để bộ não ghi nhận. Người là tác nhân gây ấn tượng trong trường hợp này làm việc qua trung tâm giữa hai lông mày, trung tâm ajna.

The first group of recipients are purely personality grounded or focussed. In some cases they are only physically aware of the life processes and of some contact which remains for them unrecognised and unchecked or uncontrolled in any way. Under this group we must, therefore, class

Nhóm người nhận đầu tiên hoàn toàn dựa trên nền tảng hoặc tập trung vào phàm ngã. Trong một số trường hợp, họ chỉ nhận thức về mặt vật lý về các quá trình sống và về một sự tiếp xúc nào đó vẫn còn đối với họ là không được nhận biết và không được kiểm tra hoặc không được kiểm soát theo bất kỳ

all mediumistic phenomena, even those of the highest astral or spiritual nature, plus the messages received from the usually beautiful subconscious of the average person upon the Probationary Path. Messages from the disciple's own soul are intermediate between those mediumistic expressions and those which are definitely mental in nature.

cách nào. Dưới nhóm này, do đó, chúng ta phải phân loại tất cả các hiện tượng đồng tử, ngay cả những hiện tượng có bản chất cảm dục hoặc tinh thần cao nhất, cộng với các thông điệp nhận được từ tiềm thức thường đẹp đẽ của người bình thường trên Con Đường Dự Bị. Các thông điệp từ chính linh hồn đệ tử là trung gian giữa các biểu hiện đồng tử đó và những biểu hiện hoàn toàn mang tính trí tuệ.

With this last mentioned type of communication, there will be found mixed certain messages or impressions from the Ashram which the disciple will be apt to confuse with group telepathy, soul communication and direct relation with the Master—a relationship at this stage non-existent. This will not greatly matter, because when the disciple begins to realise certain differences, a new type of registration will awaken and guide the disciple's consciousness.

Với loại giao tiếp được đề cập cuối cùng này, sẽ tìm thấy sự pha trộn của một số thông điệp hoặc ấn tượng từ Ashram mà đệ tử sẽ dễ nhầm lẫn với viễn cảm nhóm, giao tiếp linh hồn và mối quan hệ trực tiếp với Chân sư—một mối quan hệ ở giai đoạn này là không tồn tại. Điều này sẽ không quan trọng lắm, bởi vì khi đệ tử bắt đầu nhận ra những khác biệt nhất định, một loại ghi nhận mới sẽ thức tỉnh và hướng dẫn tâm thức của đệ tử.

This stage, which embraces the second type of impression in its earliest forms, can be quite a long one, for it [89] covers a very definite period of transition from the astral plane to the mental plane. The *time equation* varies according to ray and the age of the soul. Sixth ray people, for instance, are very slow in making this transition, owing to the pronounced factor of glamour; first and second ray people are relatively quick. Third ray people are also slow, for they are lost in the threads of their own glamorous manipulations and their devious thinking, and hardly know where truth begins and delusion ends; illusion, which is the problem of the mental types on all rays, is far more temporary in its effects than is delusion.

Giai đoạn này, bao gồm loại ấn tượng thứ hai trong các hình thức sớm nhất của nó, có thể khá dài, vì nó [89] bao trùm một thời kỳ chuyển tiếp rất xác định từ cõi cảm dục sang cõi trí. *Phương trình thời gian* thay đổi tùy theo cung và tuổi của linh hồn. Chẳng hạn, những người cung sáu rất chậm trong việc thực hiện sự chuyển tiếp này, do yếu tố rõ rệt của ảo cảm; những người cung một và cung hai tương đối nhanh. Những người cung ba cũng chậm, vì họ lạc lối trong những sợi dây của các thao tác đầy ảo cảm của chính họ và tư duy quanh co của họ, và hầu như không biết đâu là sự thật bắt đầu và đâu là vọng tưởng kết thúc; ảo tưởng, vốn là vấn đề của các loại trí tuệ trên tất cả các cung, mang tính tạm thời hơn nhiều trong các tác động của nó so với vọng tưởng.

When the disciple has mastered to some degree the significant difference between messages from his own subconscious or the subconscious of other people with whom he may be en rapport, and the messages coming from his own soul, his life then becomes more self-directed and organised, more fruitful from the angle of service, and therefore of definite use to the Hierarchy. He learns to distinguish the messages coming from his own soul from those which are hierarchical; his life becomes more clearly directed; he next distinguishes definitely and accurately the communications which come to him from the Ashram and which are sent out to make impression upon the minds of aspirants and disciples of all degrees and of all ray types. When he can distinguish between these various communications, then and only then does the third type of communication become possible—direct messages which are due to contact with the Master of his Ashram in person. He, by that time, possesses what has been called "the freedom of the Ashram" and "the keys to the Kingdom of God"; he can then be trusted with some of the directive potency of the Ashram itself. His thinking will then affect and reach others. This developing effectiveness grows with rapidity when the fourth type of impression is familiar to the disciple: [90] that coming from the Spiritual Triad, and therefore from the Monad and Shamballa. There are consequently (to this final stage of impression) three lesser though definite states, each marking an expansion in the realm of service and each related to the last three initiations of the total possible nine initiations which confront developing humanity. The sixth initiation, in which only Masters can participate, marks a transition from the first three stages of impressibility required by the disciples as preludes to the fifth initiation—

Khi đệ tử đã làm chủ ở một mức độ nào đó sự khác biệt đáng kể giữa các thông điệp từ tiềm thức của chính mình hoặc tiềm thức của người khác mà y có thể có mối giao cảm, và các thông điệp đến từ chính linh hồn mình, cuộc sống của y khi đó trở nên tự định hướng và có tổ chức hơn, hiệu quả hơn từ góc độ phụng sự, và do đó có ích lợi xác định đối với Thánh đoàn. Y học cách phân biệt các thông điệp đến từ chính linh hồn mình với những thông điệp thuộc thánh đoàn; cuộc sống của y trở nên được định hướng rõ ràng hơn; tiếp theo y phân biệt một cách dứt khoát và chính xác các thông tin liên lạc đến với y từ Ashram và được gửi đi để tạo ấn tượng lên thể trí của các người chí nguyện và đệ tử ở mọi cấp độ và mọi loại cung. Khi y có thể phân biệt giữa các thông tin liên lạc khác nhau này, thì và chỉ khi đó, loại giao tiếp thứ ba mới trở nên khả thi—các thông điệp trực tiếp do trực tiếp tiếp xúc với chính Chân sư của Ashram y. Đến lúc đó, y sở hữu cái được gọi là "sự tự do của Ashram" và "chìa khóa vào Thiên Giới"; khi đó y có thể được tin tưởng với một số quyền năng chỉ đạo của chính Ashram. Tư duy của y khi đó sẽ ảnh hưởng và tiếp cận những người khác. Tính hiệu quả đang phát triển này tăng lên nhanh chóng khi loại ấn tượng thứ tư trở nên quen thuộc với đệ tử: [90] loại đến từ Tam Nguyên Tinh Thần, và do đó từ Chân thần và Shamballa. Do đó (đến giai đoạn ấn tượng cuối cùng này) có ba trạng thái nhỏ hơn nhưng xác định, mỗi trạng thái đánh dấu một sự mở rộng trong lĩnh vực phụng sự và mỗi trạng thái liên quan đến ba cuộc điểm đạo cuối cùng trong tổng số chín cuộc điểm đạo có thể có đối mặt với nhân loại đang phát triển. Cuộc điểm đạo thứ sáu, trong đó chỉ các Chân sư mới có thể tham gia, đánh dấu sự chuyển tiếp từ ba giai đoạn đầu tiên của khả năng nhận ấn tượng được yêu cầu bởi các đệ tử như là khúc dạo đầu cho cuộc điểm đạo thứ năm—hoặc thực tế là cho cuộc

or in reality to the third, fourth and fifth—and are related to the three stages of Triadal communication, each of which is related to the seventh, the eighth and the ninth initiations.

điểm đạo thứ ba, thứ tư và thứ năm—và liên quan đến ba giai đoạn giao tiếp Tam Nguyên, mỗi giai đoạn liên quan đến cuộc điểm đạo thứ bảy, thứ tám và thứ chín.

Never does the geometrical pattern, the numerical progression or the Law of Correspondences break down in the understanding of the purpose and the plans of the planetary Logos—established before the worlds were created and finding their prototypes upon the cosmic mental planes. These points are peculiarly difficult for men to grasp at this time wherein their state of consciousness is concentratedly individualised.

Mô hình hình học, sự tiến triển về số học hoặc Định luật Tương ứng không bao giờ bị phá vỡ trong sự thấu hiểu mục đích và các kế hoạch của Hành Tinh Thượng Đế—được thiết lập trước khi các thế giới được tạo ra và tìm thấy nguyên mẫu của chúng trên các cõi trí vũ trụ. Những điểm này đặc biệt khó khăn cho con người nắm bắt vào lúc này khi trạng thái tâm thức của họ được cá nhân hóa một cách tập trung.

Nevertheless, there is on man's part a steadily growing responsiveness to an expanding environment, as for instance man's recognition of the distinction between nationalism and inter-nationalism. This responsiveness is naturally conditioned by human freewill, *effective peculiarly in the timing process.* He may learn rapidly and fast or he may go the slow way, but his state of consciousness remains one of a developing reaction to his environment, as registered by his consciousness, and in which he (stage by stage) becomes an integral factor. This integration into his environment, his absorption of its atmosphere and his potency in progression are all related to the fact that he is created to receive impression and that he possesses a mechanism of response to all [91] the facets of the divine expression in manifestation. It is for that reason that the truly illumined man and all who have taken the three highest initiations are always referred to as "the diamond souled"; they, in their totality constitute the "jewel in the lotus"—that twelve-petalled

Tuy nhiên, về phía con người, có một sự đáp ứng ngày càng tăng đều đặn đối với một môi trường đang mở rộng, chẳng hạn như sự nhận biết của con người về sự phân biệt giữa chủ nghĩa quốc gia và chủ nghĩa quốc tế. Sự đáp ứng này tự nhiên chịu ảnh hưởng của tự do ý chí của con người, *có hiệu lực đặc biệt trong tiến trình thời gian.* Y có thể học nhanh và mau lẹ hoặc y có thể đi theo con đường chậm chạp, nhưng trạng thái tâm thức của y vẫn là một phản ứng đang phát triển đối với môi trường của mình, như được ghi nhận bởi tâm thức y, và trong đó y (từng giai đoạn) trở thành một yếu tố không thể tách rời. Sự tích hợp này vào môi trường của y, sự hấp thụ bầu không khí của nó và quyền năng của y trong sự tiến triển đều liên quan đến thực tế là y được tạo ra để nhận ấn tượng và y sở hữu một cơ chế đáp ứng với tất cả [91] các khía cạnh của biểu hiện thiêng liêng trong sự hiện hình. Chính vì lý do đó mà người thực sự giác ngộ và tất cả những ai đã nhận ba cuộc điểm đạo cao nhất luôn được gọi là "linh hồn kim cương"; trong tổng thể của mình, họ cấu thành "ngọc trong hoa sen"—hoa sen mười hai cánh vốn là biểu tượng và

lotus which is the symbol and expression of the potency of the planetary Logos.

sự thể hiện quyền năng của Hành Tinh Thượng Đế.

You can see, therefore, how the theme of revelation runs throughout the entire evolutionary process; it must never be forgotten that step by step, stage by stage, expansion after expansion, initiation after initiation, the divine WHOLE is realised by man. The method is impressed from a hitherto unrecognised environment; this only becomes possible in this particular form when "the Sons of Mind who are the Sons of God and whose nature is at-one with His began to move on Earth". The Science of Impression is in reality the technique whereby Humanity has been taught by the Spiritual Hierarchy from the moment of its first appearance upon Earth; it is the technique which all disciples have to learn (no matter which of the Seven Paths they may eventually choose) and it is also the sublime art which every Master practises on inspiration from Shamballa; it is a technique which is implemented by the Will, and its consummation is the complete assimilation of the "little wills of men" into the divine Purpose; it is the acceptance on their part of the promotion of that Purpose through right impression on all forms of life at any particular point of evolution. Disciples then become agents of the divine will and are entrusted with the direction of energies, with the plan and with the secrets and the inspiration which are hidden in the Mind of God.

Do đó, các bạn có thể thấy chủ đề về sự mặc khải chạy xuyên suốt toàn bộ quá trình tiến hóa như thế nào; không bao giờ được quên rằng từng bước, từng giai đoạn, mở rộng này đến mở rộng khác, điểm đạo này đến điểm đạo khác, TOÀN THỂ thiêng liêng được con người nhận ra. Phương pháp được truyền qua ấn tượng từ một môi trường chưa được nhận biết cho đến nay; điều này chỉ trở nên khả thi trong hình thức cụ thể này khi "các Con của Trí Tuệ, vốn là các Con của Thượng Đế và bản chất hợp nhất với Ngài bắt đầu di chuyển trên Trái Đất". Khoa học Ấn tượng thực tế là kỹ thuật nhờ đó Nhân loại đã được dạy bởi Thánh đoàn từ thời điểm xuất hiện đầu tiên trên Trái Đất; đó là kỹ thuật mà tất cả các đệ tử phải học (bất kể họ chọn con đường nào trong Bảy Con Đường cuối cùng) và nó cũng là nghệ thuật cao cả mà mọi Chân sư thực hành dựa trên cảm hứng từ Shamballa; đó là một kỹ thuật được thực thi bởi Ý Chí, và sự hoàn thành của nó là sự đồng hóa hoàn toàn các "ý chí nhỏ bé của con người" vào Mục Đích thiêng liêng; đó là sự chấp nhận về phía họ đối với việc thúc đẩy Mục Đích đó thông qua ấn tượng đúng đắn lên mọi hình tướng sự sống tại bất kỳ điểm tiến hóa cụ thể nào. Các đệ tử sau đó trở thành tác nhân của ý chí thiêng liêng và được giao phó sự chỉ đạo các năng lượng, với kế hoạch và với các bí mật và cảm hứng được ẩn giấu trong Trí Tuệ của Thượng Đế.

His Contribution to the Divine Plan—Sự Đóng Góp của Y cho Thiên Cơ

To that knowledge—germinated and formed in the solar system previous to this—they add that which the present solar system has

Vào kiến thức đó—được nảy mầm và hình thành trong hệ mặt trời trước hệ này—họ thêm vào những gì hệ mặt trời hiện tại phải

to give and to mature; the magnetic [92] attractiveness of the second Ray of Love-Wisdom in one of its three major forms or Rays of Aspect, implemented by the four Rays of Attribute. This power to use the ray energies to attract and impress the constantly expanding revelation is the clue to all the work going forward today, and to this activity we give the name of the Science of Impression. It involves the constant opening up of a new environment—an environment which reaches all the way from the lowest grade of daily living, undertaken by the least developed of human beings, to that point upon the ladder of evolution when the aspirant becomes consciously susceptible to what we call spiritual impression. At that point he becomes capable of being more sensitive to a higher range of impression and—at the same time—he himself begins to learn the art of impressing the minds of others, to master the understanding of the level from which he works as an impressing agent, and to know who are the sons of men he can impress. He has to master also the secondary lesson of adapting his environment in such a manner that he can impress others and the impression can find its way through his environing circumstances and into the usually inattentive minds for whom he feels a responsibility.

ban cho và làm cho trưởng thành; sức thu hút [92] từ tính của Cung hai của Bác Ái-Minh Triết trong một trong ba hình thức chính của nó hay Các Cung Trạng Thái, được thực thi bởi bốn Cung Thuộc Tính. Quyền năng sử dụng các năng lượng cung này để thu hút và ấn tượng sự mặc khải không ngừng mở rộng là đầu mối cho tất cả công việc đang diễn ra ngày nay, và đối với hoạt động này chúng ta đặt tên là Khoa học Ấn tượng. Nó bao hàm việc liên tục mở ra một môi trường mới—một môi trường vươn dài từ cấp độ thấp nhất của cuộc sống hàng ngày, được thực hiện bởi những con người kém phát triển nhất, đến điểm đó trên nấc thang tiến hóa khi người chí nguyện trở nên nhạy cảm một cách có ý thức với cái mà chúng ta gọi là ấn tượng tinh thần. Tại điểm đó, y trở nên có khả năng nhạy cảm hơn với một phạm vi ấn tượng cao hơn và—đồng thời—chính y bắt đầu học nghệ thuật truyền ấn tượng vào thể trí của người khác, làm chủ sự hiểu biết về cấp độ mà từ đó y làm việc như một tác nhân gây ấn tượng, và biết ai là những người con của nhân loại mà y có thể truyền ấn tượng cho. Y cũng phải làm chủ bài học thứ yếu về việc thích ứng môi trường của mình theo cách mà y có thể truyền ấn tượng cho người khác và ấn tượng có thể tìm đường qua các hoàn cảnh môi trường của y và vào những thể trí thường không chú ý mà y cảm thấy có trách nhiệm.

This he does through a growing knowledge of himself and through learning the *art of registering*. The clearer and the more deeply apprehending is his capacity to register the impression to which he is subjected and to which he is sensitive, the more easily will he reach those he must aid towards a wider and deeper insight. This registering of his own expanding environment—with all its implications of a new vision, a new goal, a wider field of service—leads to the inflowing energies (arriving on the wings of

Y thực hiện điều này thông qua kiến thức ngày càng tăng về bản thân và thông qua việc học *nghệ thuật ghi nhận*. Khả năng ghi nhận ấn tượng mà y chịu tác động và nhạy cảm càng rõ ràng và thấu hiểu sâu sắc bao nhiêu, y sẽ càng dễ dàng tiếp cận những người y phải giúp đỡ hướng tới một cái nhìn sâu sắc và rộng lớn hơn bấy nhiêu. Việc ghi nhận môi trường đang mở rộng của chính y—với tất cả những hàm ý của nó về một tầm nhìn mới, một mục tiêu mới, một lĩnh vực phụng sự rộng lớn hơn—dẫn đến việc các

inspiration) becoming a reservoir of thought-substance, to the use of which he must accustom himself.

năng lượng đang tuôn đổ vào (đến trên đôi cánh của cảm hứng) trở thành một hồ chứa chất liệu tư tưởng, mà y phải làm quen với việc sử dụng nó.

[93]

[93]

The first step then is *the fact of recording* and of reducing into correct and available concepts, ideas and thoughtforms, that which he has registered. This marks the first stage in his truly occult service, and to this new type of service he will be increasingly *dedicated*. From the reservoir of thought-substance he learns to project those forms, those magnetic ideas, which will invoke the attention of those he seeks to help; this is called the stage of *resultant invocation*. It is an invocative act, an invocative way of living, which will find its way into the minds of men, and which will call forth or evoke from them a response and a widening consciousness; the processes of spiritual impression are thereby set up; it is also an invocation—on the part of the disciple—for further and greater impression and inspiration in order to increase his ability to serve.

Bước đầu tiên sau đó là *việc ghi chép* và chuyển thành các khái niệm, ý tưởng và hình tư tưởng chính xác và sẵn có, những gì y đã ghi nhận. Điều này đánh dấu giai đoạn đầu tiên trong sự phụng sự thực sự huyền bí của y, và đối với loại phụng sự mới này, y sẽ ngày càng *tận hiến*. Từ hồ chứa chất liệu tư tưởng, y học cách phóng chiếu những hình tướng đó, những ý tưởng đầy từ tính đó, vốn sẽ khẩn cầu sự chú ý của những người y tìm cách giúp đỡ; điều này được gọi là giai đoạn *sự khẩn cầu hệ quả*. Đó là một hành động mang tính khẩn cầu, một lối sống mang tính khẩn cầu, vốn sẽ tìm đường vào thể trí con người, và sẽ gọi ra hoặc gợi lên từ họ một sự đáp ứng và một tâm thức mở rộng; các quá trình ấn tượng tinh thần nhờ đó được thiết lập; đó cũng là một sự khẩn cầu—về phía đệ tử—cho ấn tượng và cảm hứng xa hơn và lớn hơn để gia tăng khả năng phụng sự của y.

XIII. TELEPATHIC SENSITIVITY A NORMAL UNFOLDMENT—XIII. SỰ NHẠY CẢM VIỄN CẢM MỘT SỰ MỞ RA BÌNH THƯỜNG

[94]

[94]

You will have noticed that I have given no instructions as to the art of developing telepathic sensitivity. The reason is, as I told you before, that this sensitivity should be, and always is, a normal unfoldment when the disciple is correctly oriented, completely dedicated and learning decentralisation. If it is a forced process, then the sensitivity

Các bạn sẽ nhận thấy rằng tôi đã không đưa ra hướng dẫn nào về nghệ thuật phát triển sự nhạy cảm viễn cảm. Lý do là, như tôi đã nói với các bạn trước đây, sự nhạy cảm này nên là, và luôn là, một sự mở ra bình thường khi đệ tử được định hướng chính xác, hoàn toàn tận hiến và đang học cách không lấy bản thân làm trung tâm. Nếu đó là một quá

developed is not normal and carries with it much difficulty and future danger. Where the disciple is concerned, release from the constant consideration of personal circumstances and problems leads inevitably to a clear mental release; this then provides *those areas of free mental perception which make the higher sensitivity possible.* Gradually, as the disciple acquires true freedom of thought and the power to be receptive to the impression of the abstract mind, he creates for himself a reservoir of thought which becomes available at need for the helping of other people and for the necessities of his growing world service. Later, he becomes sensitive to impression from the Hierarchy. This is at first purely ashramic, but is later transformed into total hierarchical impression by the time the disciple is a Master; *the Plan is then the dynamic substance providing the content of the reservoir of thought upon which he can draw.* This is a statement of unique and unusual importance. Later still, he becomes sensitive to impression from Shamballa, and the quality of the Will which implements planetary Purpose is added to the content of his available knowledge. The point which I seek to make here, however, is the fact of the existence of a growing reservoir of thought which the disciple has created in response to the many [95] varying impressions to which he is becoming increasingly sensitive; the ideas, concepts and spiritual objectives of which he is becoming aware are steadily being formulated by him into thoughts with their appropriated thoughtforms, and upon these he learns to draw as he seeks to serve his fellowmen. He finds himself in possession of a reservoir or pool of thought-substance which is the result of his own mental activity, of his innate receptivity, and which provides the material for teaching and the "fount of knowledge" upon which he can draw when he seeks to aid other people.

trình cưỡng ép, thì sự nhạy cảm phát triển không bình thường và mang theo nó nhiều khó khăn và nguy hiểm trong tương lai. Đối với đệ tử, sự giải thoát khỏi việc liên tục xem xét các hoàn cảnh và vấn đề cá nhân chắc chắn dẫn đến một sự giải thoát trí tuệ rõ ràng; điều này sau đó cung cấp *những vùng nhận thức trí tuệ tự do giúp cho sự nhạy cảm cao hơn trở nên khả thi.* Dần dần, khi đệ tử đạt được tự do tư tưởng thực sự và quyền năng để tiếp thu ấn tượng của trí trừu tượng, y tạo ra cho mình một hồ chứa tư tưởng vốn trở nên sẵn sàng khi cần thiết cho việc giúp đỡ người khác và cho những nhu cầu của sự phụng sự thế gian đang phát triển của y. Sau đó, y trở nên nhạy cảm với ấn tượng từ Thánh đoàn. Điều này ban đầu hoàn toàn thuộc ashram, nhưng sau đó được chuyển đổi thành ấn tượng từ toàn thể Thánh đoàn vào thời điểm đệ tử là một Chân sư; *Thiên Cơ khi đó là chất liệu năng động cung cấp nội dung cho hồ chứa tư tưởng mà y có thể lấy từ đó.* Đây là một tuyên bố có tầm quan trọng độc đáo và bất thường. Sau này nữa, y trở nên nhạy cảm với ấn tượng từ Shamballa, và phẩm tính của Ý Chí thực thi Mục Đích hành tinh được thêm vào nội dung kiến thức sẵn có của y. Tuy nhiên, điểm mà tôi tìm cách đưa ra ở đây là thực tế về sự tồn tại của một hồ chứa tư tưởng đang phát triển mà đệ tử đã tạo ra để đáp ứng với nhiều [95] ấn tượng khác nhau mà y đang trở nên ngày càng nhạy cảm; y đều đặn định hình các ý tưởng, khái niệm và mục tiêu tinh thần mà y đang nhận biết thành các tư tưởng với các hình tư tưởng thích hợp của chúng, và dựa vào đó y học cách rút ra khi y tìm cách phụng sự đồng loại. Y thấy mình sở hữu một hồ chứa hoặc bể chứa chất liệu tư tưởng là kết quả của hoạt động trí tuệ của chính y, của khả năng tiếp thu bẩm sinh của y, và cung cấp vật liệu cho việc giảng dạy và "nguồn kiến thức" mà y có thể rút ra khi tìm cách hỗ trợ người khác.

The essential point to be grasped is that sensitivity to impression is a normal and natural unfoldment, paralleling spiritual development. I gave you a clue to the entire process when I said that

Điểm cốt yếu cần nắm bắt là sự nhạy cảm với ấn tượng là một sự mở ra bình thường và tự nhiên, song hành với sự phát triển tinh thần. Tôi đã cho các bạn một đầu mối cho toàn bộ quá trình khi tôi nói rằng

"Sensitivity to impression involves the engendering of a magnetic aura upon which the highest impressions can play."

"Sự nhạy cảm với ấn tượng bao hàm việc tạo ra một hào quang từ tính mà trên đó các ấn tượng cao nhất có thể tác động."

I would have you give the deepest consideration to these words. As the disciple begins to demonstrate soul quality, and the second divine aspect takes possession of him and controls and colours his entire life, automatically the higher sensitivity is developed; he becomes a magnet for spiritual ideas and concepts; he attracts into his field of consciousness the outline, and later the details, of the hierarchical Plan; he becomes aware eventually of the planetary Purpose; all these impressions are not things which he must seek out and learn laboriously to ascertain, to hold and seize upon. They drop into his field of consciousness *because* he has created a magnetic aura which invokes them and brings them "into his mind". This magnetic aura begins to form itself from the first moment he makes a contact with his soul; it deepens and grows as those contacts increase in frequency and become eventually an habitual state of consciousness; [96] then, at will and at all times, he is en rapport with his soul, the second divine aspect.

Tôi muốn các bạn suy ngẫm sâu sắc về những lời này. Khi đệ tử bắt đầu thể hiện phẩm tính linh hồn, và phương diện thiêng liêng thứ hai chiếm hữu y và kiểm soát cũng như nhuộm màu toàn bộ cuộc sống y, sự nhạy cảm cao hơn được phát triển một cách tự động; y trở thành một nam châm cho các ý tưởng và khái niệm tinh thần; y thu hút vào trường tâm thức của mình phác thảo, và sau đó là các chi tiết, của Thiên Cơ của Thánh đoàn; cuối cùng y trở nên nhận thức được Mục Đích hành tinh; tất cả các ấn tượng này không phải là những thứ y phải tìm kiếm và học hỏi một cách vất vả để xác định, nắm giữ và chộp lấy. Chúng rơi vào trường tâm thức của y *bởi vì* y đã tạo ra một hào quang từ tính khẩn cầu chúng và đưa chúng "vào thể trí y". Hào quang từ tính này bắt đầu tự hình thành từ thời điểm đầu tiên y thực hiện sự tiếp xúc với linh hồn mình; nó sâu sắc hơn và phát triển khi những tiếp xúc đó tăng tần suất và cuối cùng trở thành một trạng thái tâm thức thường xuyên; [96] sau đó, tùy ý và mọi lúc, y có mối giao cảm với linh hồn mình, phương diện thiêng liêng thứ hai.

Paralleling Spiritual Development—Song Hành Với Sự Phát Triển Tinh Thần

It is this aura which is in reality the reservoir of thought-substance upon which he can spiritually rely. His point of focus is upon the mental plane. He is no longer controlled by the astral nature; he is successfully constructing the antahkarana along which the higher impressions can flow; he learns not to dissipate this inflow but to accumulate within the aura (with which he has surrounded himself) the knowledge and the wisdom which he realises his service to his fellowmen requires. A disciple is a magnetic centre of light and knowledge just in so far as the magnetic aura is held by him in a state of receptivity. It is then constantly invocative of the higher range of impressions; it can be evoked and set into "distributing activity" by that which is lower and which is demanding aid. The disciple therefore, in due time, becomes a tiny or minute correspondence of the Hierarchy—invocative as it is to Shamballa and easily evoked by human demand. These are points warranting careful consideration. They involve a primary recognition of points of tension and their consequent expansion into magnetic auras or areas, capable of invocation and evocation.

Chính hào quang này thực sự là hồ chứa chất liệu tư tưởng mà y có thể dựa vào về mặt tinh thần. Điểm tập trung của y nằm trên cõi trí. Y không còn bị kiểm soát bởi bản chất cảm dục; y đang xây dựng thành công antahkarana dọc theo đó các ấn tượng cao hơn có thể tuôn chảy; y học cách không làm tiêu tan dòng chảy vào này mà tích lũy bên trong hào quang (mà y đã bao quanh mình) kiến thức và minh triết mà y nhận ra sự phụng sự của y đối với đồng loại đòi hỏi. Một đệ tử là một trung tâm từ tính của ánh sáng và kiến thức chỉ trong chừng mực hào quang từ tính được y giữ trong trạng thái tiếp thu. Khi đó, nó liên tục khẩn cầu phạm vi ấn tượng cao hơn; nó có thể được gợi lên và đưa vào "hoạt động phân phối" bởi cái thấp hơn và đang đòi hỏi sự trợ giúp. Do đó, đệ tử, vào đúng thời điểm, trở thành một sự tương ứng nhỏ bé hay vi mô của Thánh đoàn—có tính khẩn cầu đối với Shamballa và dễ dàng được gợi lên bởi nhu cầu của con người. Đây là những điểm cần được cân nhắc cẩn thận. Chúng bao hàm sự nhận biết sơ khởi về các điểm tập trung nhất tâm và sự mở rộng hệ quả của chúng thành các hào quang hay khu vực từ tính, có khả năng khẩn cầu và gợi lên.

These areas of sensitivity pass through three stages, upon which it is not my intention to enlarge:

Các vùng nhạy cảm này trải qua ba giai đoạn mà tôi không có ý định trình bày rộng thêm:

1. Sensitivity to impression from other human beings. This sensitivity becomes of use in service *when* the needed magnetic aura has been engendered and is brought under scientific control.

1. Sự nhạy cảm với ấn tượng từ những con người khác. Sự nhạy cảm này trở nên hữu ích trong phụng sự *khi* hào quang từ tính cần thiết đã được tạo ra và được đưa vào sự kiểm soát khoa học.

2. Sensitivity to group impression—the passage of ideas from group to group. The disciple can become a receptive agent within

2. Sự nhạy cảm với ấn tượng nhóm—sự chuyển giao ý tưởng từ nhóm này sang nhóm khác. Đệ tử có thể trở thành một tác nhân tiếp nhận bên trong bất kỳ nhóm nào

any group of which he is a part, and this ability indicates progress in his part. [97]

mà y là một phần, và khả năng này chỉ ra sự tiến bộ của y. [97]

3. Sensitivity to hierarchical impressions, reaching the disciple via the antahkarana and—later—from the Hierarchy as a whole, when he has attained some of the higher initiations. This indicates ability to register impression from Shamballa.

3. Sự nhạy cảm với các ấn tượng từ Thánh đoàn, đến với đệ tử qua antahkarana và—sau này—từ toàn thể Thánh đoàn, khi y đã đạt được một số cuộc điểm đạo cao hơn. Điều này chỉ ra khả năng ghi nhận ấn tượng từ Shamballa.

It would be of value if we now considered three points which are concerned with sensitivity to impression, with the construction of the resultant reservoir of thought, and with responsiveness to subsequent invocative appeals. These three points are:

Sẽ có giá trị nếu bây giờ chúng ta xem xét ba điểm liên quan đến sự nhạy cảm với ấn tượng, đến việc xây dựng hồ chứa tư tưởng hình thành từ đó, và đến sự đáp ứng với các thỉnh cầu khẩn nguyện tiếp theo. Ba điểm này là:

1. Processes of Registration.

1. Các Quy trình Ghi nhận.

2. Processes of Recording Interpretations.

2. Các Quy trình Ghi lại Những Diễn giải.

3. Processes of Resultant Invocative Response.

3. Các Quy trình Đáp ứng Khẩn cầu Hệ quả.

I would recall to your minds the knowledge that the aura which each of you has created around the central nucleus of your incarnated self or soul is a fragment of the over-shadowing soul which brought you into manifestation. This aura is (as you well know) composed of the emanations of the etheric body, and this in its turn embodies three types of energy for which you are individually responsible. These three types are (when added to the energy of prana which composes the etheric vehicles):

Tôi muốn gợi lại trong tâm trí các bạn kiến thức rằng hào quang mà mỗi người trong các bạn đã tạo ra xung quanh hạt nhân trung tâm của bản ngã nhập thể hay linh hồn là một mảnh của linh hồn phủ bóng đã đưa các bạn vào biểu hiện. Hào quang này (như các bạn đều biết) được cấu thành từ các sự phát xạ của thể dĩ thái, và đến lượt nó thể hiện ba loại năng lượng mà các bạn chịu trách nhiệm cá nhân. Ba loại này là (khi cộng với năng lượng prana cấu thành các hiện thể dĩ thái):

1. The health aura. This is essentially physical.

1. Hào quang sức khỏe. Đây chủ yếu là về mặt vật lý.

2. The astral aura, which is usually by far the most dominant factor, extensive and controlling.

2. Hào quang cảm dục, thường là yếu tố vượt trội nhất, rộng lớn và kiểm soát.

3. The mental aura, which is in most cases relatively small but which develops rapidly once the disciple takes his own development *consciously* in hand, or once the polarisation of the personality is upon the mental plane. The time will eventually come when [98] the mental aura will obliterate (if I may use such an inadequate term) the emotional or astral aura, and then the soul quality of love will create a substitute, so that the needed sensitivity does not entirely disappear but is of a higher and far more acute nature.

3. Hào quang trí tuệ, trong hầu hết các trường hợp tương đối nhỏ nhưng phát triển nhanh chóng một khi đệ tử chủ động đảm trách sự phát triển của chính mình *một cách có ý thức,* hoặc một khi sự phân cực của phàm ngã nằm trên cõi trí. Thời điểm cuối cùng sẽ đến khi [98] hào quang trí tuệ sẽ xóa bỏ (nếu tôi có thể sử dụng một thuật ngữ không đầy đủ như vậy) hào quang cảm xúc hay cảm dục, và sau đó phẩm tính tình thương của linh hồn sẽ tạo ra một sự thay thế, để sự nhạy cảm cần thiết không hoàn toàn biến mất mà có bản chất cao hơn và sắc bén hơn nhiều.

In this threefold aura (or more correctly, fourfold, if you count the etheric vehicle) every individual lives and moves and has his being; it is this living, vital aura which is the recording agent of all impressions, both objective and subjective. It is this "agent of sensitive response" which the indwelling self has to control and use in order to register impression or to direct etheric or mental impression out into the world of men. Astral impression is purely selfish and individual and, though it may affect a man's surroundings, is not directed as are the other energies registered. It is the aura which predominantly creates the effects which a person has upon his associates; it is not primarily his words which produce reactions even though they are supposed to embody his reactions and his thinking but which are, in reality, usually expressions of his emotional desires.

Trong hào quang tam phân này (hoặc chính xác hơn là tứ phân, nếu các bạn tính cả vận cụ dĩ thái), mọi cá nhân sống, hoạt động và hiện hữu; chính hào quang sống động, đầy sinh lực này là tác nhân ghi lại mọi ấn tượng, cả khách quan và chủ quan. Chính "tác nhân của sự đáp ứng nhạy cảm" này mà bản ngã nội trú phải kiểm soát và sử dụng để ghi nhận ấn tượng hoặc hướng ấn tượng dĩ thái hay trí tuệ ra thế giới của con người. Ấn tượng cảm dục hoàn toàn ích kỷ và cá nhân và, mặc dù nó có thể ảnh hưởng đến môi trường xung quanh của một người, nhưng không được định hướng như các năng lượng khác được ghi nhận. Chính hào quang chủ yếu tạo ra những tác động mà một người có đối với các cộng sự của mình; chủ yếu không phải lời nói của y tạo ra phản ứng mặc dù chúng được cho là thể hiện các phản ứng và tư duy của y nhưng thực tế, thường là biểu hiện của những ham muốn cảm xúc của y.

All of us, therefore, carry around with us a subjective mechanism which is a true and perfect picture of our peculiar point in

Vì vậy, tất cả chúng ta đều mang theo bên mình một bộ máy chủ quan, vốn là một bức tranh trung thực và hoàn hảo về điểm tiến

evolution. It is the aura which a Master watches, and this is a factor of major importance in the life of the disciple. The light of the soul within the aura and the condition of the various aspects of the aura indicate whether or not the disciple is nearing the Path of Discipleship. As the emotional reactions lessen, and as the mental apparatus clarifies, the progress of the aspirant can be exactly noted. I would have you distinguish carefully between the astral and the mental bodies and that which they emanate. The bodies (so called) are substantial in nature; the aura is essentially radiatory and extends from each substantial [99] vehicle in every direction. This is a point which should be most carefully noted.

hóa riêng biệt của chúng ta. Đó là hào quang mà một Chân sư quan sát, và đây là yếu tố quan trọng hàng đầu trong đời sống của người đệ tử. Ánh sáng của linh hồn bên trong hào quang và tình trạng của các phương diện khác nhau của hào quang cho biết liệu người đệ tử có đang đến gần Con Đường Đệ Tử hay không. Khi các phản ứng cảm xúc giảm bớt, và khi bộ máy trí tuệ trở nên trong sáng, sự tiến bộ của người chí nguyện có thể được ghi nhận chính xác. Tôi muốn các bạn phân biệt cẩn thận giữa thể cảm dục và thể trí với những gì mà chúng phóng xuất ra. Thể cảm dục và thể trí (được gọi như vậy) có bản chất là chất liệu; hào quang về cơ bản có tính bức xạ và mở rộng từ mỗi vận cụ [99] cấu thành từ chất liệu theo mọi hướng. Đây là điểm cần được lưu ý cẩn thận nhất.

The problem of the aspirant as he "engenders" his magnetic aura is himself to withdraw, and thus lessen the extent and the power of the astral aura, and extend and increase the potency of the mental aura. It should be remembered that the large majority of aspirants are definitely polarised in the astral nature, and that therefore their problem is to achieve a different polarisation and to become focussed upon the mental plane. This takes time and vast effort. Eventually—as mentioned above—the radiation of the soul is substituted in place of the hitherto present emotional activity of the aspirant; this emanation is, in reality, a radiation from the love petals of the egoic lotus.

Vấn đề của người chí nguyện khi y "tạo ra" hào quang từ tính của mình là tự y phải rút lui, và do đó làm giảm phạm vi và sức mạnh của hào quang cảm dục, đồng thời mở rộng và gia tăng tiềm lực của hào quang trí tuệ. Cần nhớ rằng đại đa số những người chí nguyện đều phân cực rõ rệt trong bản chất cảm dục, và vì vậy vấn đề của họ là đạt được một sự phân cực khác và trở nên tập trung vào cõi trí. Điều này cần thời gian và nỗ lực to lớn. Cuối cùng—như đã đề cập ở trên—bức xạ của linh hồn được thay thế cho hoạt động cảm xúc hiện diện cho đến lúc đó của người chí nguyện; sự phóng xuất này, trong thực tế, là một bức xạ từ các cánh hoa bác ái của hoa sen chân ngã.

The moment an aspirant begins to work *consciously* at his own unfoldment and to consider and deal with the aura with which he is equipped, he then passes through three stages during his progress upon the Path of Return. These are:

Ngay khi một người chí nguyện bắt đầu làm việc *một cách có ý thức* cho sự mở mang của chính mình, cũng như xem xét và xử lý hào quang mà y được trang bị, y sẽ trải qua ba giai đoạn trong quá trình tiến bước trên Con Đường Trở Về. Đó là:

1. The stage wherein he discovers the potency and the quality of his astral aura. Owing to the fact that this is (in this second solar system) the quality of love and its distortion into the astral nature, the development of emotional sensitivity is peculiarly and almost unnaturally strong. It is stronger than the mental body and its mental direction.

1. Giai đoạn trong đó y khám phá ra tiềm lực và phẩm tính của hào quang cảm dục của mình. Do thực tế rằng đây là (trong hệ mặt trời thứ hai này) phẩm tính của tình thương và sự biến dạng của nó vào trong bản chất cảm dục, nên sự phát triển của tính nhạy cảm cảm xúc mạnh mẽ một cách đặc biệt và gần như không tự nhiên. Nó mạnh hơn thể trí và sự định hướng của trí tuệ.

2. The stage wherein the mental vehicle increases its potency and produces, finally, a mental radiation which is so strong that it dominates and controls the astral aura.

2. Giai đoạn trong đó hiện thể trí gia tăng tiềm lực của nó và cuối cùng tạo ra một bức xạ trí tuệ mạnh đến nỗi nó chế ngự và kiểm soát hào quang cảm dục.

3. The stage wherein the soul expresses its essential nature of love and begins to pour its radiation into the astral aura, via the astral body. Eventually the [100] sensitivity of love is substituted for emotional sensitivity and desire.

3. Giai đoạn trong đó linh hồn biểu lộ bản chất tình thương cốt yếu của nó và bắt đầu tuôn đổ bức xạ của nó vào hào quang cảm dục, thông qua thể cảm dục. Cuối cùng, sự [100] nhạy cảm của tình thương được thay thế cho sự nhạy cảm cảm xúc và dục vọng.

Aspirants are to be found at all these three stages of sensitivity. There comes a moment during the second initiation when the soul of the initiate sweeps into activity and fundamental force (if I might use such a term) submerges the astral nature, vitalising and inspiring the astral body, changing temporarily the quality of the astral aura, and establishing a control which will lead finally to the substitution which I have mentioned above. This is an aspect of the truth which underlies the doctrine of "vicarious atonement"—a doctrine which has been woefully distorted by Christian theology.

Những người chí nguyện được tìm thấy ở tất cả ba giai đoạn nhạy cảm này. Đến một thời điểm trong cuộc điểm đạo thứ hai, khi linh hồn của vị điểm đạo đồ bừng lên hoạt động và mãnh lực cơ bản (nếu tôi có thể dùng thuật ngữ như vậy) làm ngập tràn bản chất cảm dục, tiếp sinh lực và truyền cảm hứng cho thể cảm dục, thay đổi tạm thời phẩm tính của hào quang cảm dục, và thiết lập một sự kiểm soát mà cuối cùng sẽ dẫn đến sự thay thế như tôi đã đề cập ở trên. Đây là một khía cạnh của chân lý nằm bên dưới giáo lý về "sự chuộc tội thay"—một giáo lý đã bị thần học Cơ Đốc giáo bóp méo một cách tồi tệ.

Registration, Recording and Interpretation—Sự Ghi Nhận, Ghi Lại và Diễn Giải

Let us now deal with the aforementioned "Processes of Registration, of Recording Interpretations, and the Resultant Invocative Response." We must bear in mind always that I am stating general rules and that I am not dealing either with the ideal or with the undesirable; the *sources of impression* change as the disciple makes progress, though always the larger and the greater source will include all lesser sources.

Giờ đây chúng ta hãy đề cập đến "Các Quá trình Ghi Nhận, Ghi Lại các Diễn Giải, và Sự Đáp Ứng Khẩn Cầu Theo Sau" đã nói ở trên. Chúng ta phải luôn ghi nhớ rằng tôi đang nêu lên các quy luật chung và tôi không đề cập đến điều lý tưởng hay điều không mong muốn; các *nguồn ấn tượng* thay đổi khi người đệ tử tiến bộ, mặc dù nguồn lớn hơn và vĩ đại hơn sẽ luôn bao gồm tất cả các nguồn nhỏ hơn.

The fact that a man is sensitive to hierarchical impression in his mental aura will not prevent his being sensitive in his astral nature to the invocative and emotional call of human beings. The two together are most useful in effect, if the disciple sees to it that they are related. Forget this not, brother of mine. The *capacity to interpret* recorded impressions is likewise learnt as the mental aura develops under the influence of the "mind held steady in the light" of the soul; the disciple learns that all recorded truth is susceptible to many interpretations, and that these unfold with increasing clarity as he takes one initiation after another, and as he develops conscious responsiveness. The *ability to invoke* demonstrates from life to life and involves [101] the invocation of conscious response from the anima mundi or from the subconscious soul of all things, as well as from the human consciousness and from the world of super-conscious contact.

Việc một người nhạy cảm với ấn tượng của Thánh đoàn trong hào quang trí tuệ của mình sẽ không ngăn cản việc y nhạy cảm trong bản chất cảm dục đối với tiếng gọi khẩn cầu và cảm xúc của con người. Hai điều này cùng nhau mang lại hiệu quả hữu ích nhất, nếu người đệ tử đảm bảo rằng chúng có liên quan với nhau. Đừng quên điều này, hỡi người huynh đệ của tôi. *Khả năng diễn giải* các ấn tượng được ghi lại cũng được học hỏi khi hào quang trí tuệ phát triển dưới ảnh hưởng của "thể trí được giữ vững vàng trong ánh sáng" của linh hồn; người đệ tử học được rằng mọi chân lý được ghi lại đều có thể có nhiều cách diễn giải, và những cách diễn giải này mở ra với sự rõ ràng ngày càng tăng khi y trải qua hết cuộc điểm đạo này đến cuộc điểm đạo khác, và khi y phát triển khả năng đáp ứng có ý thức. *Khả năng khẩn cầu* thể hiện từ kiếp sống này sang kiếp sống khác và bao hàm [101] sự khẩn cầu sự đáp ứng có ý thức từ anima mundi hay từ linh hồn tiềm thức của vạn vật, cũng như từ tâm thức con người và từ thế giới của tiếp xúc siêu thức.

This ability develops steadily as the aspirant treads the Path of Discipleship; it is frequently prefaced in the earlier stages by much confusion, much astral psychism and frequent wrong interpretations. There is no need at this stage, however, for undue distress, because all that is needed is

Khả năng này phát triển đều đặn khi người chí nguyện bước đi trên Con Đường Đệ Tử; trong các giai đoạn đầu, nó thường được mở đầu bằng nhiều sự nhầm lẫn, nhiều thông linh cảm dục và thường xuyên diễn giải sai. Tuy nhiên, không cần phải đau khổ quá mức ở giai đoạn này, bởi vì tất cả những gì cần

experience, and that experience is gained through experiment and its expression in the daily life. In no case is the truism of learning through a system of trial and error proved more correct than it is in the life and experience of the accepting disciple. When he is an accepted disciple, the errors decrease in number even though the trials (or the experimental use of the many varying energies) become more extensive and, therefore, cover a much wider range of activities.

thiết là kinh nghiệm, và kinh nghiệm đó có được thông qua thực nghiệm và sự thể hiện của nó trong đời sống hàng ngày. Không trường hợp nào mà chân lý về việc học hỏi qua hệ thống thử và sai lại được chứng minh là đúng đắn hơn trong cuộc đời và trải nghiệm của người đệ tử đang chấp nhận. Khi y là một đệ tử được chấp nhận, các sai lầm giảm đi về số lượng mặc dù các lần thử nghiệm (hay việc sử dụng thực nghiệm nhiều loại năng lượng khác nhau) trở nên rộng lớn hơn và do đó, bao trùm một phạm vi hoạt động rộng lớn hơn nhiều.

The *Processes of Registration* are founded upon what I might call invocative approaches from a wide area of possible contacts. The disciple has to learn to distinguish between these many impacts upon his sensitive aura. In the early stages the majority of them are unconsciously registered, though the registration is acute and accurate; the goal, nevertheless, is *conscious* registration; this is brought about through the constant and steady holding of the attitude of the Observer. It is developed through the attainment of detachment—the detachment of the Observer from all desires and longings which concern the separated self. It will therefore be obvious to you that the use of the word "observer" involves the concept of duality and, therefore, of separation. In this case, however, the motive prompting observation is not self-interest, but the determination to clarify the aura so that it can register only [102] that which will be illuminating and related to the divine Plan, which will be to the benefit of humanity and, therefore, to the creation of a new server within the Ashrams of the Hierarchy.

Các Quá trình Ghi Nhận được thiết lập dựa trên cái mà tôi có thể gọi là các tiếp cận khẩn cầu từ một vùng rộng lớn các tiếp xúc khả dĩ. Người đệ tử phải học cách phân biệt giữa nhiều tác động này lên hào quang nhạy cảm của mình. Trong các giai đoạn đầu, phần lớn chúng được ghi nhận một cách vô thức, mặc dù sự ghi nhận đó nhạy bén và chính xác; tuy nhiên, mục tiêu là sự ghi nhận *có ý thức*; điều này được mang lại thông qua việc giữ vững liên tục và đều đặn thái độ của Người Quan Sát. Nó được phát triển thông qua việc đạt được sự tách rời—sự tách rời của Người Quan Sát khỏi mọi dục vọng và khao khát liên quan đến cái ngã tách biệt. Do đó, các bạn sẽ thấy rõ rằng việc sử dụng từ "người quan sát" bao hàm khái niệm về nhị nguyên tính và vì thế, về sự chia rẽ. Tuy nhiên, trong trường hợp này, động cơ thúc đẩy sự quan sát không phải là tư lợi, mà là quyết tâm làm trong sáng hào quang để nó chỉ có thể ghi nhận [102] những gì soi sáng và liên quan đến Thiên Cơ, những gì mang lại lợi ích cho nhân loại và do đó, cho việc tạo ra một người phụng sự mới bên trong các Ashram của Thánh đoàn.

The divisions made by certain psychologists of the consciousness of man into

Sự phân chia của một số nhà tâm lý học về tâm thức của con người thành tiềm thức, ý

subconscious, conscious or self-conscious, and superconscious have a real measure of value here. It must be remembered, however, that the disciple, first of all, becomes a truly conscious unit of humanity and thus develops a true self-consciousness. This he arrives at by discriminating between the lower self and the higher self, and this renders his magnetic aura sensitive to an aspect of himself which has not hitherto been a controlling factor. From that achieved point he begins to register impressions with increasing clarity and accuracy. Usually, in the early stages, the one desire of the disciple is to register impressions from the Hierarchy; he much prefers that idea to the idea of registering impressions from his own soul or from the surrounding human factors, his fellowmen and the environment and the circumstances which they create. He longs for what might be called "vertical impression." This motive, being very largely self-centredness, turns the disciple introspectively in upon himself, and it is in this stage that many aspirants become prisoners, astrally speaking, because they register in their magnetic aura the many astrally motivated thoughtforms of what they believe and hope "vertical impression" supposedly would convey. They contact with facility the astral counterparts of the higher worlds, which are reflected (and thereby distorted) into the astral plane; the world there registered is glamoured by wrong and selfish desires and by the wishful thinking of well-meaning devotees. Upon this I need not enlarge. All disciples—at some point or another of their training—have to work through this phase of glamour; in so doing they [103] clarify and intensify the magnetic aura and, simultaneously, clarify the surrounding astral world with which they are in contact. They learn also that the longing to register impressions from the Hierarchy *must* give place to the

thức hay tự ý thức, và siêu thức có một giá trị thực sự ở đây. Tuy nhiên, cần phải nhớ rằng, trước hết, người đệ tử trở thành một đơn vị thực sự có ý thức của nhân loại và do đó phát triển một ngã thức chân thực. Y đạt được điều này bằng cách phân biện giữa phàm ngã và chân ngã, và điều này làm cho hào quang từ tính của y nhạy cảm với một khía cạnh của chính y vốn chưa từng là một yếu tố kiểm soát cho đến nay. Từ điểm đạt được đó, y bắt đầu ghi nhận các ấn tượng với sự rõ ràng và chính xác ngày càng tăng. Thông thường, trong các giai đoạn đầu, mong muốn duy nhất của người đệ tử là ghi nhận các ấn tượng từ Thánh đoàn; y thích ý tưởng đó hơn nhiều so với ý tưởng ghi nhận các ấn tượng từ chính linh hồn mình hay từ các yếu tố con người xung quanh, từ đồng loại và môi trường cùng hoàn cảnh mà họ tạo ra. Y khao khát cái có thể được gọi là "ấn tượng theo chiều dọc". Động cơ này, phần lớn là sự tập trung vào bản thân, khiến người đệ tử hướng nội vào chính mình, và chính trong giai đoạn này mà nhiều người chí nguyện trở thành tù nhân, nói theo khía cạnh cảm dục, bởi vì họ ghi nhận trong hào quang từ tính của mình nhiều hình tư tưởng được thúc đẩy bởi cảm dục về những gì họ tin và hy vọng "ấn tượng theo chiều dọc" được cho là sẽ truyền tải. Họ tiếp xúc một cách dễ dàng với các đối phần cảm dục của các thế giới cao hơn, vốn được phản chiếu (và qua đó bị bóp méo) vào cõi cảm dục; thế giới được ghi nhận ở đó bị bao phủ bởi ảo cảm do những dục vọng sai lầm và ích kỷ cũng như bởi tư duy mơ mộng của những người sùng tín có ý tốt. Tôi không cần phải nói thêm về điều này. Tất cả các đệ tử—tại một thời điểm nào đó trong quá trình huấn luyện của họ—đều phải làm việc xuyên qua giai đoạn ảo cảm này; khi làm như vậy, họ [103] làm trong sáng và tăng cường hào quang từ tính, và đồng thời, làm trong sáng thế giới cảm dục xung quanh mà họ tiếp xúc. Họ cũng học được rằng khao khát ghi nhận

determination to place their magnetic aura at the disposal of humanity; they then learn to register human need and to understand thereby where help is possible and their fellowmen can be served. By means of this conscious registration of invocative appeals from the world of horizontal contacts, the magnetic aura of the disciple is cleared of the hindering and engrossing thoughtforms, and from the aspirational desires and longings which have hitherto prevented right registration. The disciple then ceases to create them, and those which have been created die out or atrophy for lack of attention.

các ấn tượng từ Thánh đoàn *phải* nhường chỗ cho quyết tâm đặt hào quang từ tính của họ vào việc phục vụ nhân loại; sau đó, họ học cách ghi nhận nhu cầu của con người và qua đó hiểu được nơi nào có thể giúp đỡ và đồng loại của họ có thể được phụng sự. Bằng cách ghi nhận có ý thức các lời kêu gọi khẩn cầu từ thế giới của các tiếp xúc theo chiều ngang, hào quang từ tính của người đệ tử được làm sạch khỏi các hình tư tưởng cản trở và thu hút sự chú ý, cũng như khỏi những dục vọng và khao khát đầy khát vọng vốn đã ngăn cản sự ghi nhận đúng đắn cho đến nay. Khi đó, người đệ tử ngừng tạo ra chúng, và những thứ đã được tạo ra sẽ chết dần hoặc teo đi vì thiếu sự chú ý.

Later on, when the accepting disciple becomes the accepted disciple and is permitted to participate in ashramic activity, he adds the ability to register hierarchical impression; this however is only possible *after* he has learnt to register impression coming to him from his own soul (the vertical impression) and from the surrounding world of men (the horizontal impression). When he has taken certain important initiations, his magnetic aura will be capable of registering impression from the subhuman kingdoms in nature. Again, later on, when he is a Master of the Wisdom and, therefore, a full member of the fifth kingdom in nature, the world of hierarchical life and activity will be the world from which *horizontal* impression will be made upon his magnetic aura, and *vertical* impression will come from the higher levels of the Spiritual Triad and, still later, from Shamballa. Then the world of humanity will be to him what the subhuman kingdoms were when the fourth kingdom, the human, was the field of his registered horizontal impression. [104] You have here the true

Về sau, khi đệ tử đang chấp nhận trở thành đệ tử được chấp nhận và được phép tham gia vào hoạt động ashram, y thêm vào khả năng ghi nhận ấn tượng từ Thánh đoàn; tuy nhiên, điều này chỉ có thể thực hiện được *sau khi* y đã học cách ghi nhận ấn tượng đến với y từ chính linh hồn mình (ấn tượng theo chiều dọc) và từ thế giới con người xung quanh (ấn tượng theo chiều ngang). Khi y đã trải qua một số cuộc điểm đạo quan trọng, hào quang từ tính của y sẽ có khả năng ghi nhận ấn tượng từ các giới dưới nhân loại trong tự nhiên. Một lần nữa, về sau, khi y là một Chân sư Minh triết và do đó là một thành viên đầy đủ của giới thứ năm trong tự nhiên, thế giới của sự sống và hoạt động của Thánh đoàn sẽ là thế giới từ đó ấn tượng *theo chiều ngang* sẽ được tạo ra trên hào quang từ tính của y, và ấn tượng *theo chiều dọc* sẽ đến từ các cấp độ cao hơn của Tam Nguyên Tinh Thần và, sau này nữa, từ Shamballa. Khi đó, thế giới nhân loại đối với y sẽ giống như các giới dưới nhân loại khi giới thứ tư, giới nhân loại, là trường ghi nhận ấn tượng theo chiều ngang của y. [104] Ở đây, các bạn có thâm nghĩa thực sự của Thập Giá nhân loại được tiết lộ rõ ràng.

significance of the Cross of humanity clearly revealed.

The fact of registration is no unusual phenomenon. Sensitive people are constantly being impressed from some level of consciousness or other, and are receptive to these impressions according to the level of consciousness upon which they normally function; mediums, for instance, are exceedingly prone to receive impressions from etheric or astral levels, as are the vast majority of astral psychics—and their name is legion. Impressions from mental levels (concrete, abstract or of a more exalted nature) make their impress upon the minds of those who have attained a true measure of focus upon the mental plane. Scientists, mystics, mathematicians, occult students, aspirants and disciples, educators and humanitarians and all who love their fellowmen are all susceptible to such impression, and one of the outstanding needs of the disciple is to develop adequate sensitivity to ashramic impression and contact. Then he moves out of the group of mental sensitives listed above.

Thực tế của sự ghi nhận không phải là hiện tượng bất thường. Những người nhạy cảm liên tục tiếp nhận ấn tượng từ cấp độ tâm thức này hay cấp độ khác, và dễ tiếp nhận những ấn tượng này tùy theo cấp độ tâm thức mà họ hoạt động bình thường; ví dụ, các đồng tử cực kỳ dễ nhận ấn tượng từ các cấp độ dĩ thái hoặc cảm dục, cũng như đại đa số các nhà thông linh cảm dục—và số lượng của họ là vô kể. Các ấn tượng từ các cấp độ trí tuệ (cụ thể, trừu tượng hoặc có bản chất cao siêu hơn) tạo dấu ấn lên thể trí của những người đã đạt được một mức độ tập trung thực sự trên cõi trí. Các nhà khoa học, nhà thần bí, nhà toán học, môn sinh huyền bí, người chí nguyện và đệ tử, các nhà giáo dục và nhà nhân đạo cũng như tất cả những ai yêu thương đồng loại đều dễ tiếp nhận ấn tượng như vậy, và một trong những nhu cầu nổi bật của người đệ tử là phát triển sự nhạy cảm đầy đủ đối với ấn tượng và tiếp xúc ashram. Khi đó, y bước ra khỏi nhóm những người nhạy cảm trí tuệ được liệt kê ở trên.

The problem with which I now deal is far deeper and concerns the interpretation and the clear and correct recording of the impression, which is a far more difficult matter. The subject who is impressed must know the source of the impression; he must be able to relate it to some field of demanded information, correction, instruction, or energy distribution. He must be able to state clearly on what aspect of his recording mechanism (the mind, the astral body, the energy body, or the brain) the imparted and registered impression has made impact. One of the difficulties, for instance, facing the aspiring disciple and the earnest occult student is to record directly *in the brain*

Vấn đề mà tôi đề cập bây giờ sâu sắc hơn nhiều và liên quan đến việc diễn giải cũng như ghi lại rõ ràng và chính xác ấn tượng, vốn là một vấn đề khó khăn hơn nhiều. Chủ thể tiếp nhận ấn tượng phải biết nguồn gốc của ấn tượng; y phải có khả năng liên hệ nó với một lĩnh vực thông tin, sự sửa chữa, chỉ dẫn hoặc phân phối năng lượng được yêu cầu nào đó. Y phải có khả năng nêu rõ khía cạnh nào trong cơ chế ghi lại của mình (thể trí, thể cảm dục, thể năng lượng hay bộ não) mà ấn tượng được truyền đạt và ghi nhận đã tác động đến. Ví dụ, một trong những khó khăn đối với người đệ tử đầy khát vọng và môn sinh huyền bí tha thiết là ghi lại trực tiếp *trong bộ não* các ấn tượng từ Tam

impressions from the Spiritual Triad (and later from the Monad), via the antahkarana.

[105]

This impression must be a direct descent from mental levels to the brain, avoiding all contact with the astral body; only in so far as this direct descent is attained will the recorded impression be devoid of error. It will not then be tinctured with any emotional complex whatsoever, for it is the astral level of consciousness which is the great distorter of essential truth. Impressions from the Ashram or from the Spiritual Triad (which are the only type of impressions with which I am here concerned) pass through three stages:

1. *The stage of mental recording*. The clarity and the accuracy of this recording will be dependent upon the condition of the channel of reception, the antahkarana; in this recording, curiously enough, a certain *element of time* enters in. It is not time as you know it upon the physical plane, which is but the registration by the brain of passing "events"; it is the higher mental correspondence to time. Into this, I cannot here enter as the theme is too abstruse; for time, in this connection, is related to distance, to descent, to focus, and to the power to record.

2. *The stage of brain reception*. The accuracy of this reception will be dependent upon the quality of the physical brain cells, upon the polarisation of the thinking man in the head centre, and the freedom of the brain cells from all emotional impression. The difficulty lies here, that the receiving aspirant or the focussed thinker is always aware emotionally of the descent of the higher impression and of the consequent

Nguyên Tinh Thần (và sau này là từ Chân thần), thông qua antahkarana.

[105]

Ấn tượng này phải là một sự giáng hạ trực tiếp từ các cấp độ trí tuệ xuống bộ não, tránh mọi tiếp xúc với thể cảm dục; chỉ khi nào đạt được sự giáng hạ trực tiếp này thì ấn tượng được ghi lại mới không có sai sót. Khi đó, nó sẽ không bị nhuốm màu bởi bất kỳ phức cảm cảm xúc nào, vì cấp độ tâm thức cảm dục chính là kẻ bóp méo vĩ đại đối với chân lý cốt yếu. Các ấn tượng từ Ashram hoặc từ Tam Nguyên Tinh Thần (vốn là loại ấn tượng duy nhất mà tôi quan tâm ở đây) trải qua ba giai đoạn:

1. *Giai đoạn ghi lại bằng trí tuệ*. Sự rõ ràng và chính xác của việc ghi lại này sẽ phụ thuộc vào tình trạng của kênh tiếp nhận, antahkarana; thật kỳ lạ, trong việc ghi lại này, một *yếu tố thời gian* nhất định tham gia vào. Nó không phải là thời gian như các bạn biết trên cõi hồng trần, vốn chỉ là sự ghi nhận của bộ não về các "sự kiện" trôi qua; nó là sự tương ứng về mặt thượng trí với thời gian. Tôi không thể đi sâu vào điều này ở đây vì chủ đề quá trừu tượng; bởi vì thời gian, trong mối liên hệ này, liên quan đến khoảng cách, đến sự giáng hạ, đến sự tập trung và đến khả năng ghi lại.

2. *Giai đoạn tiếp nhận của bộ não*. Sự chính xác của việc tiếp nhận này sẽ phụ thuộc vào chất lượng của các tế bào não vật lý, vào sự phân cực của người tư duy trong trung tâm đầu, và sự tự do của các tế bào não khỏi mọi ấn tượng cảm xúc. Khó khăn nằm ở đây, rằng người chí nguyện tiếp nhận hoặc nhà tư tưởng đang tập trung luôn nhận thức về mặt cảm xúc đối với sự giáng hạ của ấn tượng cao hơn và sự làm sáng tỏ theo sau của chủ đề

clarification of the theme of his thought. This must, however, be recorded by a perfectly quiescent astral vehicle, and therefore you will see one of the main objectives of true meditation. [106]

suy nghĩ của mình. Tuy nhiên, điều này phải được ghi lại bởi một hiện thể cảm dục hoàn toàn tĩnh lặng, và do đó các bạn sẽ thấy một trong những mục tiêu chính của sự tham thiền chân chính. [106]

3. *The stage of recognised interpretation.* This is an exceedingly difficult phase. Interpretation is dependent upon many factors: the educational background, the point reached in evolution, the mystical or the occult approach of the disciple to the centre of truth, his freedom from the lower psychism, his essential humility (which plays a major part in proper understanding), and his personality decentralisation. In fact, the character in its entirety is involved in this important matter of correct interpretation.

3. *Giai đoạn diễn giải được nhận biết.* Đây là một giai đoạn cực kỳ khó khăn. Sự diễn giải phụ thuộc vào nhiều yếu tố: nền tảng giáo dục, điểm đạt được trong tiến hóa, cách tiếp cận thần bí hay huyền bí của người đệ tử đối với trung tâm chân lý, sự tự do của y khỏi thông linh thấp kém, sự khiêm tốn cốt yếu của y (vốn đóng vai trò chính trong sự thấu hiểu đúng đắn), và việc phàm ngã y không còn lấy bản thân làm trung tâm. Thực tế, toàn bộ tính cách đều tham gia vào vấn đề quan trọng về sự diễn giải chính xác này.

In this aspect of impression the subject of SYMBOLS must necessarily be involved. All impressions must necessarily be translated and interpreted in symbols, in word forms or in pictorial representations; these the aspirant cannot avoid; and it is in the word forms (which are, needless to point out, in the nature of symbols) that he is apt to go astray. They are the media through which the registered impression is conveyed to the brain consciousness, i.e., to the physical plane awareness of the disciple, thus making possible his useful comprehension of abstract ideas or of those aspects of the Path which it is his duty to understand and teach.

Trong khía cạnh ấn tượng này, chủ đề về CÁC BIỂU TƯỢNG nhất thiết phải tham gia vào. Mọi ấn tượng nhất thiết phải được chuyển dịch và diễn giải thành các biểu tượng, thành các hình thức ngôn ngữ hoặc các hình ảnh đại diện; người chí nguyện không thể tránh khỏi những điều này; và chính trong các hình thức ngôn ngữ (vốn có bản chất là các biểu tượng, không cần phải chỉ ra) mà y dễ đi lạc lối. Chúng là phương tiện qua đó ấn tượng được ghi nhận được truyền tải đến tâm thức não bộ, tức là đến nhận thức cõi hồng trần của người đệ tử, do đó giúp y có thể lĩnh hội hữu ích các ý tưởng trừu tượng hoặc những khía cạnh của Con Đường mà y có bổn phận phải thấu hiểu và giảng dạy.

There is no need for me to elaborate this theme. The true disciple is ever aware of the possibility of error, of the intervention of psychic intrusions and distortions; he knows well that true and effective interpretation of the imparted impression is

Tôi không cần phải nói chi tiết thêm về chủ đề này. Người đệ tử chân chính luôn nhận thức được khả năng sai lầm, về sự can thiệp của những xâm nhập và biến dạng thông linh; y biết rõ rằng sự diễn giải trung thực và hiệu quả đối với ấn tượng được truyền đạt

dependent largely upon the purity of the receiving channel and upon the freedom of his nature from all aspects of the lower psychism—a point oft forgotten. A thick veil of concrete thoughtforms can also distort the true interpretation, as can astral intervention; the teaching upon the Path and the spiritual impression can be interfered with by glamour from the astral plane or by separative and concrete [107] ideas emanating from mental levels. In this case it can be truly said that "the mind is the slayer of the real." There is a deep occult significance to the words "an open mind"; it is as essential to correct interpretation as is freedom from glamour and the psychic expressions to be found upon the astral plane.

phụ thuộc phần lớn vào sự tinh khiết của kênh tiếp nhận và vào sự tự do của bản chất y khỏi mọi khía cạnh của thông linh thấp kém—một điểm thường bị lãng quên. Một lớp màn dày đặc của các hình tư tưởng cụ thể cũng có thể làm sai lệch sự diễn giải đúng đắn, cũng như sự can thiệp của cảm dục; giáo huấn trên Con Đường và ấn tượng tinh thần có thể bị can thiệp bởi ảo cảm từ cõi cảm dục hoặc bởi các ý tưởng [107] chia rẽ và cụ thể phát xuất từ các cấp độ trí tuệ. Trong trường hợp này, có thể nói một cách xác thực rằng "tâm trí là kẻ sát hại cái thực". Có một ý nghĩa huyền bí sâu sắc trong các từ "một tâm trí cởi mở"; nó thiết yếu cho sự diễn giải chính xác cũng như sự tự do khỏi ảo cảm và các biểu hiện thông linh được tìm thấy trên cõi cảm dục.

Here again you can grasp the necessity of *a factual alignment* so that a direct channel is created, along which the impression (directed by some higher source than the personality) can descend into the brain. At first, this channel and alignment must be established between the brain and the soul; this will involve all the three aspects of the personality—the etheric body, the astral vehicle and the mind nature; basically, this aligning process should be started and developed upon the Probationary Path and brought to a relatively high state of effectiveness upon the earlier stages of the Path of Discipleship. Later, as the disciple consciously creates the antahkarana and becomes a functioning part of the Ashram, he learns (whilst practising alignment) to by-pass—if I may use such a word—two aspects of himself which have hitherto been of major importance: the astral vehicle and the soul body or causal body. The astral body is thus by-passed before the fourth initiation, and the soul body before the fifth; the entire process of "by-passing" takes much time and must be worked at with

Một lần nữa, ở đây các bạn có thể nắm bắt sự cần thiết của *một sự chỉnh hợp thực tế* để tạo ra một kênh trực tiếp, dọc theo đó ấn tượng (được chỉ đạo bởi một nguồn cao hơn phàm ngã) có thể giáng hạ vào bộ não. Lúc đầu, kênh và sự chỉnh hợp này phải được thiết lập giữa bộ não và linh hồn; điều này sẽ liên quan đến cả ba phương diện của phàm ngã—thể dĩ thái, hiện thể cảm dục và bản chất thể trí; về cơ bản, quá trình chỉnh hợp này nên được bắt đầu và phát triển trên Con Đường Dự Bị và đưa đến một trạng thái hiệu quả tương đối cao trong các giai đoạn đầu của Con Đường Đệ Tử. Về sau, khi người đệ tử tạo ra antahkarana một cách có ý thức và trở thành một phần hoạt động của Ashram, y học (trong khi thực hành chỉnh hợp) cách đi vòng qua—nếu tôi có thể dùng từ như vậy—hai khía cạnh của bản thân vốn có tầm quan trọng lớn lao cho đến nay: hiện thể cảm dục và thể linh hồn hay thể nguyên nhân. Thể cảm dục do đó bị đi vòng qua trước cuộc điểm đạo thứ tư, và thể linh hồn trước cuộc điểm đạo thứ năm; toàn bộ quá trình "đi vòng qua" này mất nhiều thời gian và phải được thực hiện với cường độ cao, trước hết

intensity, first of all with the focus upon the emotional nature through conscious discrimination, and finally upon the soul nature under the inspiration of the Spiritual Triad which is eventually substituted for the soul. All this will take many incarnations. For the registration and the interpretation of the higher impressions is a basic occult science and takes much learning and application to perfect.

với sự tập trung vào bản chất cảm xúc thông qua sự phân biện có ý thức, và cuối cùng vào bản chất linh hồn dưới cảm hứng của Tam Nguyên Tinh Thần vốn cuối cùng sẽ thay thế cho linh hồn. Tất cả điều này sẽ mất nhiều kiếp sống. Bởi vì sự ghi nhận và diễn giải các ấn tượng cao hơn là một khoa học huyền bí cơ bản và đòi hỏi nhiều học hỏi cùng sự áp dụng để hoàn thiện.

As the two processes are slowly developed, the third stage automatically becomes increasingly effective. The received [108] and interpreted impression brings about fundamental changes in the life and the state of consciousness of the aspirant and, *above all, in his orientation. He becomes an evocative and invocative centre of energy.* That which he has received through the medium of his aligning channel becomes a potent factor in invoking a fresh flood of higher impression; it also makes him evocative upon the physical plane, so that the magnetic aura which he has engendered becomes increasingly sensitive to these spiritual inflowing impressions, and also increasingly sensitive to that which he evokes from his surrounding physical environment and from humanity. He becomes a power station en rapport with the Hierarchy and he receives and distributes (in response to the evocative call of humanity and human need) the energy received. He also becomes a "receiver of light" and of spiritual illumination, and a distributor of light in the dark places of the world and into human hearts. He is, therefore, an invocative and evocative centre for use by the Hierarchy in the three worlds of human evolution.

Khi hai quá trình này được phát triển chậm rãi, giai đoạn thứ ba tự động trở nên ngày càng hiệu quả. Ấn tượng được tiếp nhận [108] và diễn giải mang lại những thay đổi cơ bản trong cuộc sống và trạng thái tâm thức của người chí nguyện và, *trên hết, trong sự định hướng của y. Y trở thành một trung tâm năng lượng có tính gợi lên và khẩn cầu.* Cái mà y đã nhận được thông qua phương tiện kênh chỉnh hợp của mình trở thành một yếu tố mạnh mẽ trong việc khẩn cầu một luồng ấn tượng cao hơn mới mẻ; nó cũng làm cho y có tính gợi lên trên cõi hồng trần, để hào quang từ tính mà y đã tạo ra trở nên ngày càng nhạy cảm với các ấn tượng tinh thần đang tuôn chảy vào này, và cũng ngày càng nhạy cảm với những gì y gợi lên từ môi trường vật lý xung quanh và từ nhân loại. Y trở thành một trạm năng lượng có mối tương giao với Thánh đoàn và y tiếp nhận cũng như phân phối (để đáp ứng tiếng gọi gợi lên của nhân loại và nhu cầu con người) năng lượng đã nhận được. Y cũng trở thành một "người tiếp nhận ánh sáng" và sự soi sáng tinh thần, và một người phân phối ánh sáng vào những nơi tăm tối của thế giới và vào trái tim con người. Do đó, y là một trung tâm có tính khẩn cầu và gợi lên để Thánh đoàn sử dụng trong ba cõi tiến hóa của con người.

XIV. HIGHER ASPECTS OF RELATIONSHIP—XIV. CÁC KHÍA CẠNH CAO HƠN CỦA MỐI QUAN HỆ

[109]

The word *telepathy* has been used primarily to cover the many phases of mental contact and the exchange of thought without the use of the spoken or written word or sign. However, what is thus understood in this modern usage does not cover the higher aspects of "relationship within the Universal Mind." The third aspect, that of intelligence, is involved when interpretation of contact occurs; the second aspect, that of love-wisdom, is the factor which makes the higher impression possible, and this it does whilst that aspect is developing or in process of coming into functioning activity. During this developing process, only straight telepathy is possible and this is of two kinds:

1. *Sympathetic telepathy* or immediate understanding, awareness of events, apprehensions of happenings, and identification with personality reactions. This is all connected with the solar plexus activity of the personality and this—when the love nature or second aspect is unfolded or unfolding—becomes the "seed or germ" of the intuitive faculty. The entire process is, therefore, astral-buddhic and involves the lower aspects of the Universal Mind as an agent.

2. *Mental telepathy* or the interplay of transmitted thought. Though this is a constant phenomenon among advanced intellectual people, it is still scarcely recognised, its laws and modes of expression are as yet unknown, and the best minds and

[109]

Từ *viễn cảm* đã được sử dụng chủ yếu để bao gồm nhiều giai đoạn tiếp xúc trí tuệ và sự trao đổi tư tưởng mà không sử dụng lời nói hoặc chữ viết hay ký hiệu. Tuy nhiên, những gì được hiểu theo cách sử dụng hiện đại này không bao gồm các khía cạnh cao hơn của "mối quan hệ bên trong Vũ Trụ Trí". Phương diện thứ ba, phương diện thông tuệ, tham gia vào khi sự diễn giải về tiếp xúc xảy ra; phương diện thứ hai, phương diện bác ái-minh triết, là yếu tố làm cho ấn tượng cao hơn trở nên khả thi, và nó thực hiện điều này trong khi phương diện đó đang phát triển hoặc đang trong quá trình đi vào hoạt động chức năng. Trong quá trình phát triển này, chỉ có viễn cảm trực tiếp là khả thi và nó có hai loại:

1. *Viễn cảm giao cảm* hay sự thấu hiểu tức thời, nhận thức về các sự kiện, nắm bắt những điều đang xảy ra, và đồng nhất hóa với các phản ứng của phàm ngã. Tất cả điều này liên quan đến hoạt động tùng thái dương của phàm ngã và điều này—khi bản chất tình thương hay phương diện thứ hai được mở ra hoặc đang mở ra—trở thành "hạt giống hay mầm mống" của năng lực trực giác. Do đó, toàn bộ quá trình là cảm dục-bồ đề và liên quan đến các khía cạnh thấp hơn của Vũ Trụ Trí như một tác nhân.

2. *Viễn cảm trí tuệ* hay sự tương tác của tư tưởng được truyền đi. Mặc dù đây là một hiện tượng thường xuyên giữa những người trí thức tiến bộ, nó vẫn hiếm khi được công nhận, các quy luật và phương thức biểu hiện của nó vẫn chưa được biết đến, và những bộ

interpreters on subjective levels still confuse it with solar plexus reactions. It is a relatively new and unexplored science, [110] but the range of its activities is *not* astral and, therefore, related to the solar plexus centre, for the substance in which this science is carried forward is not astral substance but mental substance, and therefore another vehicle is involved and employed, that of the mental body. It is the "seed or germ" of higher contacts and of impressions coming from levels higher than the buddhic or intuitional plane. It is related to the higher aspect of the Universal Mind, to the intelligent Will. In both cases, the lower aspect of love (emotional and sensitive astral response) and the pure love of the soul are involved.

óc cũng như những nhà diễn giải tốt nhất trên các cấp độ chủ quan vẫn nhầm lẫn nó với các phản ứng tùng thái dương. Nó là một khoa học tương đối mới và chưa được khám phá, [110] nhưng phạm vi hoạt động của nó *không* thuộc cảm dục và, do đó, không liên quan đến trung tâm tùng thái dương, bởi vì chất liệu mà khoa học này được thực hiện trong đó không phải là chất liệu cảm dục mà là chất liệu trí tuệ, và do đó một hiện thể khác tham gia và được sử dụng, đó là thể trí. Nó là "hạt giống hay mầm mống" của các tiếp xúc cao hơn và của các ấn tượng đến từ các cấp độ cao hơn cõi bồ đề hay cõi trực giác. Nó liên quan đến khía cạnh cao hơn của Vũ Trụ Trí, đến Ý Chí thông tuệ. Trong cả hai trường hợp, khía cạnh thấp của tình thương (phản ứng cảm dục đầy cảm xúc và nhạy cảm) và tình thương thuần khiết của linh hồn đều tham gia vào.

Astral, sympathetic sensitivity is fallible and frequently erroneous in its conjectures and interpretations. The higher telepathy—also a form of sensitivity, and which is as an entering door or concept—becomes eventually infallible; in its earlier stages (where methods of interpretation and of deduction are concerned) it may prove frequently at fault.

Sự nhạy cảm giao cảm, cảm dục dễ sai lầm và thường xuyên sai lệch trong các phỏng đoán và diễn giải của nó. Viễn cảm cao hơn—cũng là một hình thức nhạy cảm, và giống như một cánh cửa hay khái niệm dẫn vào—cuối cùng trở nên không thể sai lầm; trong các giai đoạn đầu (nơi liên quan đến các phương pháp diễn giải và suy luận), nó có thể thường xuyên mắc lỗi.

Straight mental telepathy is one of the highest demonstrations of the personality; it is in the nature of a bridging faculty, for it is one of the major steps towards the higher impression; it always presupposes a relatively high stage of mental development, and that is one reason why it is not yet regarded as a reputable, proved and provable capacity of the human being. In this case, the mind is truly "the slayer of the Real," and the sources and modes of subjective knowledge still remain in a dark area of the human consciousness. The normal

Viễn cảm trí tuệ trực tiếp là một trong những biểu hiện cao nhất của phàm ngã; nó có bản chất của một năng lực bắc cầu, vì nó là một trong những bước chính hướng tới ấn tượng cao hơn; nó luôn giả định một giai đoạn phát triển trí tuệ tương đối cao, và đó là một lý do tại sao nó chưa được coi là một năng lực đáng tin cậy, đã được chứng minh và có thể chứng minh của con người. Trong trường hợp này, tâm trí thực sự là "kẻ sát hại cái Thực", và các nguồn cũng như phương thức của kiến thức chủ quan vẫn nằm trong một vùng tối của tâm thức con người. Tuy

processes of evolution will, however, prove incontrovertibly the existence of faculties which make the higher spiritual and subjective impressions possible, and eventually normal.

nhiên, các quá trình tiến hóa bình thường sẽ chứng minh một cách không thể chối cãi sự tồn tại của các năng lực làm cho các ấn tượng tinh thần và chủ quan cao hơn trở nên khả thi, và cuối cùng là bình thường.

This "Supreme Science of Contact" can be—as already explained—broken up into the following phases which are [111] all progressively developed from each other. Forget not the inevitable continuity which is the outstanding characteristic of the evolutionary process.

"Khoa học Tối cao về Sự Tiếp Xúc" này có thể được—như đã giải thích—chia thành các giai đoạn sau đây, tất cả [111] đều phát triển dần dần từ nhau. Đừng quên tính liên tục tất yếu vốn là đặc điểm nổi bật của quá trình tiến hóa.

1. *Astral sensitive awareness.* This is based upon the reactions of the solar plexus, and the entire process is carried forward upon the astral plane and with astral substance. This, in its highest form, becomes the factor which later makes intuitive awareness and intuitive sensitivity possible; then the process is carried forward in buddhic substance. Aspirants are, at one stage of their development, strongly astral-buddhic in nature. This should be remembered.

1. *Nhận thức nhạy cảm cảm dục.* Điều này dựa trên các phản ứng của tùng thái dương, và toàn bộ quá trình được thực hiện trên cõi cảm dục và với chất liệu cảm dục. Điều này, ở hình thức cao nhất của nó, trở thành yếu tố sau này làm cho nhận thức trực giác và sự nhạy cảm trực giác trở nên khả thi; khi đó quá trình được thực hiện trong chất liệu bồ đề. Những người chí nguyện, ở một giai đoạn phát triển nào đó, có bản chất cảm dục-bồ đề mạnh mẽ. Điều này cần được ghi nhớ.

2. *Mental telepathy.* This involves naturally two minds or several minds, and the process is carried forward in the substance of the mental plane. It is the factor which makes possible the activity which we call "impression." This impression comes largely from certain aspects of the mental plane, such as:

2. *Viễn cảm trí tuệ.* Điều này tự nhiên liên quan đến hai thể trí hoặc nhiều thể trí, và quá trình được thực hiện trong chất liệu của cõi trí. Nó là yếu tố làm cho hoạt động mà chúng ta gọi là "ấn tượng" trở nên khả thi. Ấn tượng này phần lớn đến từ các khía cạnh nhất định của cõi trí, chẳng hạn như:

a. The soul of the telepathic individual, using the knowledge petals of the egoic lotus—a high form of mental intelligence.

a. Linh hồn của cá nhân có khả năng viễn cảm, sử dụng các cánh hoa tri thức của hoa sen chân ngã—một hình thức cao của sự thông tuệ thuộc trí.

b. The abstract mind, so called. This aspect of mental substance is largely used by the Hierarchy in order to reach the minds of disciples. It is only within the last few

b. Trí trừu tượng, được gọi như vậy. Khía cạnh chất liệu trí tuệ này được Thánh đoàn sử dụng phần lớn để tiếp cận thể trí của các đệ tử. Chỉ trong vài thế kỷ qua, Thánh đoàn

centuries that the Hierarchy has shifted the focus of its living attention on to the buddhic plane and away from the mental plane. This has become possible *because* the aspirants of the world are now sensitive to contacts which are founded upon an astral-buddhic consciousness but which are strictly carried on within mental [112] substance. This necessarily involves the three aspects of the mind, found therein: the concrete mind, the Son of Mind, and the abstract sensitivity or reaction. This involves (on the physical plane) an activity of the pituitary body (as you can readily see) and also the use of the ajna centre.

mới chuyển trọng tâm sự chú ý sống động của mình sang cõi bồ đề và rời khỏi cõi trí. Điều này đã trở nên khả thi *bởi vì* những người chí nguyện trên thế giới hiện nay nhạy cảm với các tiếp xúc được thiết lập dựa trên một tâm thức cảm dục-bồ đề nhưng được thực hiện nghiêm ngặt bên trong chất liệu [112] trí tuệ. Điều này nhất thiết liên quan đến ba phương diện của tâm trí, được tìm thấy trong đó: trí cụ thể, Con của Trí Tuệ, và sự nhạy cảm hay phản ứng trừu tượng. Điều này bao hàm (trên cõi hồng trần) một hoạt động của tuyến yên (như các bạn có thể dễ dàng thấy) và cả việc sử dụng trung tâm ajna.

3. *The occult Science of Impression*. This becomes possible when the other two forms of telepathic rapport are present and are developing to a certain point of accuracy. It is dependent also upon the construction of the antahkarana and upon the steady orientation of the aspirant or disciple toward the Spiritual Triad; it also becomes possible when the abstract mind is developed and sensitive, and can thus become the seed or germ of the spiritual Will; this will involve responsiveness to divine purpose. The higher aspect of this abstract mind is the atmic plane. It is useful to realise the substantial nature of these two levels of consciousness. It is within the substance of the atmic plane that the activity is set up which can impress the abstract mind, which then becomes the seat of the consciousness of the spiritual man; at the same time, he remains in active possession and use of his personality and continues to employ the concrete mind; astral sensitivity, however, then begins to fall *below the threshold of consciousness* and thus joins the great array of instincts and of instinctual reactions of which the human being is possessed and which admit him into the life and conditioned awareness of all

3. *Khoa học Huyền bí về Sự Ấn Tượng*. Điều này trở nên khả thi khi hai hình thức tương giao viễn cảm kia hiện diện và đang phát triển đến một điểm chính xác nhất định. Nó cũng phụ thuộc vào việc xây dựng antahkarana và vào sự định hướng kiên định của người chí nguyện hoặc đệ tử về phía Tam Nguyên Tinh Thần; nó cũng trở nên khả thi khi trí trừu tượng được phát triển và nhạy cảm, và do đó có thể trở thành hạt giống hay mầm mống của Ý Chí tinh thần; điều này sẽ bao hàm sự đáp ứng với mục đích thiêng liêng. Khía cạnh cao hơn của trí trừu tượng này là cõi atma. Sẽ hữu ích khi nhận ra bản chất chất liệu của hai cấp độ tâm thức này. Chính trong chất liệu của cõi atma mà hoạt động được thiết lập, có thể truyền ấn tượng vào trí trừu tượng, vốn sau đó trở thành trụ sở tâm thức của con người tinh thần; đồng thời, y vẫn sở hữu và sử dụng tích cực phàm ngã của mình và tiếp tục sử dụng trí cụ thể; tuy nhiên, sự nhạy cảm cảm dục khi đó bắt đầu rơi xuống *dưới ngưỡng của tâm thức* và do đó gia nhập vào hàng ngũ to lớn của các bản năng và phản ứng bản năng mà con người sở hữu, vốn cho phép y đi vào cuộc sống và nhận thức bị quy định của tất cả những gì tồn tại trong ba cõi, bao gồm cả ba giới dưới nhân loại của tự nhiên. Chính với

that exists in the three worlds, including the three subhuman kingdoms of nature. It is with these subliminated and [113] controlled instincts that those Masters and disciples work whose task it is to oversee the evolution of the forms of life in the subhuman kingdoms.

những bản năng được thăng hoa và [113] được kiểm soát này mà các Chân sư và đệ tử làm việc, những người có nhiệm vụ giám sát sự tiến hóa của các hình hài sự sống trong các giới dưới nhân loại.

The higher forms of mental telepathy, involving the soul and the abstract mind are concerned solely with the divine Plan—as the Hierarchy works it out in the three worlds. The Science of Impression is concerned, therefore, primarily, with the divine Purpose as Shamballa is working it out, and also with those higher aspects of hierarchical work which are not concerned with work in the three worlds. This is a point upon which I would ask you to ponder.

Các hình thức viễn cảm trí tuệ cao hơn, liên quan đến linh hồn và trí trừu tượng, chỉ quan tâm đến Thiên Cơ—khi Thánh đoàn thực hiện nó trong ba cõi. Do đó, Khoa học về Sự Ấn Tượng chủ yếu quan tâm đến Thiên Ý khi Shamballa đang thực hiện nó, và cũng quan tâm đến những khía cạnh cao hơn của công việc thuộc Thánh đoàn vốn không liên quan đến công việc trong ba cõi. Đây là một điểm mà tôi muốn các bạn suy ngẫm.

Today, owing to the curious evolutionary stage reached in the human kingdom, an intermediate aspect of the three above forms of impression has been instituted; it is like an interim period between full human expression and the full expression of the kingdom of souls. This we call:

Ngày nay, do giai đoạn tiến hóa kỳ lạ đạt được trong giới nhân loại, một khía cạnh trung gian của ba hình thức ấn tượng trên đã được thiết lập; nó giống như một giai đoạn tạm thời giữa sự biểu hiện trọn vẹn của con người và sự biểu hiện trọn vẹn của giới linh hồn. Chúng ta gọi điều này là:

4. *The Science of Invocation and Evocation.* This science can and does use the unintelligent urges and the higher (yet inchoate) longings of the masses of men in an invocative form; it does so in order to bridge the gap existing in consciousness between the life of the ordinary man, the life of the integrated personality and the life of the soul. Through the use of this invocative demand—oft speechless and not consciously expressed—the disciples of the world can focus; they can employ it and thus generate an energy which will be strong enough to make a true impact and a definite impression upon Beings and Lives found on levels higher than those in the three worlds.

4. *Khoa học về Khẩn Cầu và Gợi Lên.* Khoa học này có thể và thực sự sử dụng những thôi thúc không thông tuệ và những khao khát cao hơn (nhưng chưa định hình) của quần chúng con người dưới một hình thức khẩn cầu; nó làm như vậy để bắc cầu qua khoảng cách tồn tại trong tâm thức giữa cuộc sống của người bình thường, cuộc sống của phàm ngã tích hợp và cuộc sống của linh hồn. Thông qua việc sử dụng nhu cầu khẩn cầu này—thường không lời và không được diễn đạt một cách có ý thức—các đệ tử của thế giới có thể tập trung; họ có thể sử dụng nó và do đó tạo ra một năng lượng đủ mạnh để tạo ra một tác động thực sự và một ấn tượng xác định lên các Đấng và các Sự Sống được tìm

This impact evokes a reaction from these higher Beings, and then a spiritual and intelligent interplay is set up which is of great value in promoting [114] an added stimulus and an increased vitalisation of the normal and usually slow evolutionary process. This is happening today in an acute form and accounts for much that is taking place in the world of human affairs at this time. The spreading stimulation is of a very intense nature. The invocative cry of humanity is not only the voiceless appeal which the hierarchical workers are everywhere mobilising, but it finds expression also in all the plans and schemes, the formulated platforms, and the many groups and organisations which are dedicated to the betterment of human living.

thấy trên các cấp độ cao hơn so với ba cõi thấp. Tác động này gợi lên một phản ứng từ các Đấng cao cả này, và sau đó một sự tương tác tinh thần và thông tuệ được thiết lập, có giá trị to lớn trong việc thúc đẩy [114] một sự kích thích gia tăng và sự tiếp sinh lực tăng cường cho quá trình tiến hóa bình thường và thường chậm chạp. Điều này đang xảy ra ngày nay dưới một hình thức cấp thiết và giải thích cho nhiều điều đang diễn ra trong thế giới của các vấn đề con người vào lúc này. Sự kích thích lan rộng có bản chất rất mãnh liệt. Tiếng kêu khẩn cầu của nhân loại không chỉ là lời kêu gọi không lời mà các nhân viên của Thánh đoàn đang huy động ở khắp mọi nơi, mà nó còn tìm thấy sự biểu hiện trong tất cả các kế hoạch và dự án, các nền tảng được hình thành, và nhiều nhóm cũng như tổ chức được cống hiến cho sự tốt đẹp hơn của đời sống con người.

Certain basic concepts underlie every phase of the Science of Contact, and without them there would be no basis for any effort to master this science. Please grasp this fact. There are three which must always be borne in mind:

Một số khái niệm cơ bản nằm bên dưới mọi giai đoạn của Khoa học về Sự Tiếp Xúc, và nếu không có chúng thì sẽ không có cơ sở cho bất kỳ nỗ lực nào để làm chủ khoa học này. Hãy nắm bắt thực tế này. Có ba điều phải luôn được ghi nhớ:

1. *The medium through which the thought currents or impressions* (from no matter what source) *must pass* in order to make an impact upon the human brain *is the planetary etheric body*. This is fundamental in its implications. This etheric vehicle makes all relationships possible, because the individual etheric body is an integral part of the vital body of the planet. This vital body is the medium also of all instinctual reactions, such as an animal will evidence when danger is around. The closer that this etheric body is interwoven (if I may use such a word) with the dense physical vehicle, the clearer will be the instinctual reaction—as in the illustration which I have given and

1. *Phương tiện mà qua đó các dòng tư tưởng hay ấn tượng* (từ bất kỳ nguồn nào) *phải đi qua* để tạo ra tác động lên bộ não con người *là thể dĩ thái hành tinh*. Điều này là cơ bản trong các hàm ý của nó. Hiện thể dĩ thái này làm cho mọi mối quan hệ trở nên khả thi, bởi vì thể dĩ thái cá nhân là một phần không thể tách rời của thể sinh lực của hành tinh. Thể sinh lực này cũng là phương tiện của tất cả các phản ứng bản năng, chẳng hạn như một con vật sẽ biểu lộ khi nguy hiểm ở xung quanh. Thể dĩ thái này càng đan xen chặt chẽ (nếu tôi có thể dùng từ như vậy) với hiện thể vật lý đậm đặc, thì phản ứng bản năng sẽ càng rõ ràng—như trong minh họa mà tôi đã đưa ra và vốn dựa trên hàng thiên niên kỷ

which is based upon millennia of such reactions; the greater also will be the sensitivity and the more aptitude will there be for telepathic [115] contact and recognition of the higher impressions. It might also be added that the etheric body of a disciple or even of an advanced person can be so handled and dealt with that it can reject much that might otherwise impinge upon it, pass through it or use it as a channel. This training is automatic; evidence of it can also be seen in the ability which the human mechanism possesses to tune out all contacts and impressions that it may not need, to which it is so accustomed that they do not even register, and all that it deems undesirable or not fit for consideration. The reason that true telepathic contact between minds is not more prevalent is due to the fact that few people think with an adequate clarity or with the energy required; they do not create true, concise or powerful thoughtforms or—if they do—these thoughtforms are not correctly directed towards the intended objective. When a man is a disciple and deliberately seeks to be impressed by his soul, by the Master or by the Spiritual Triad, the task of the impressing agent is relatively simple; all the disciple has to do is to develop right receptivity, plus an intuitive intelligence which will enable him to make correct interpretations, and to recognise also the source of the communication or impression.

của các phản ứng như vậy; sự nhạy cảm cũng sẽ càng lớn hơn và sẽ có năng khiếu nhiều hơn đối với tiếp xúc [115] viễn cảm và sự nhận biết các ấn tượng cao hơn. Cũng có thể nói thêm rằng thể dĩ thái của một đệ tử hoặc thậm chí của một người tiến bộ có thể được xử lý và giải quyết sao cho nó có thể từ chối nhiều điều mà nếu không sẽ va chạm vào nó, đi qua nó hoặc sử dụng nó như một kênh dẫn. Sự huấn luyện này là tự động; bằng chứng về nó cũng có thể được thấy trong khả năng mà cơ chế con người sở hữu để điều chỉnh nhằm loại bỏ tất cả các tiếp xúc và ấn tượng mà nó có thể không cần, mà nó đã quá quen thuộc đến mức chúng thậm chí không được ghi nhận, và tất cả những gì mà nó cho là không mong muốn hoặc không đáng xem xét. Lý do mà sự tiếp xúc viễn cảm thực sự giữa các thể trí không phổ biến hơn là do thực tế rằng ít người suy nghĩ với sự rõ ràng đầy đủ hoặc với năng lượng cần thiết; họ không tạo ra các hình tư tưởng chân thực, súc tích hoặc mạnh mẽ, hoặc—nếu họ làm vậy—những hình tư tưởng này không được hướng dẫn chính xác tới mục tiêu dự định. Khi một người là một đệ tử và cố ý tìm cách để tiếp nhận ấn tượng từ linh hồn mình, từ Chân sư hoặc từ Tam Nguyên Tinh Thần, nhiệm vụ của tác nhân gây ấn tượng tương đối đơn giản; tất cả những gì người đệ tử phải làm là phát triển khả năng tiếp nhận đúng đắn, cộng với một trí thông minh trực giác cho phép y thực hiện các diễn giải chính xác, và cũng nhận biết nguồn gốc của sự giao tiếp hoặc ấn tượng.

This brings us to the second basic concept:

Điều này đưa chúng ta đến khái niệm cơ bản thứ hai:

2. *Sensitivity to impression involves the engendering of a magnetic aura upon which the highest impressions can play*. This I dealt with (in some measure) in the preceding section. It should be borne in mind that the

2. *Sự nhạy cảm với ấn tượng bao hàm việc tạo ra một hào quang từ tính mà trên đó các ấn tượng cao nhất có thể tác động*. Điều này tôi đã đề cập (ở một mức độ nào đó) trong phần trước. Cần ghi nhớ rằng tiềm lực của hào

potency of the magnetic aura which envelops all human beings is to be found at present in four [116] areas of substance; these four areas are close to four major centres. When the individual is strictly low grade and is predominantly animal in nature, then the majority of impacting impressions will reach him automatically through the sacral centre; such impacting impressions (as you can well imagine) will be heavy and yet dynamic; they will have reference to all that concerns his physical being, his physical appetites, and his physical comfort or discomfort. There are however, today, relatively few persons in proportion to the planetary population who use the sacral centre as the major registering organ. The magnetic aura (when this is the case) is relatively small; all the tendencies of this tiny aura are downward in nature, and all impressions (which cannot possibly come from a higher source than the man himself) work *down* through the aura of the sacral centre. Most of the impressions are therefore purely instinctual in nature and little or no thought is involved; there is evidence, however, of what can be understood as aspiration even if it is not what a true aspirant might regard as spiritual in nature.

quang từ tính bao bọc tất cả con người được tìm thấy hiện nay trong bốn [116] khu vực của chất liệu; bốn khu vực này gần với bốn trung tâm chính. Khi cá nhân hoàn toàn ở cấp thấp và chủ yếu có bản chất thú tính, thì phần lớn các ấn tượng tác động sẽ đến với y một cách tự động thông qua trung tâm xương cùng; những ấn tượng tác động như vậy (như các bạn có thể hình dung rõ) sẽ nặng nề nhưng năng động; chúng sẽ liên quan đến tất cả những gì thuộc về con người vật lý của y, những ham muốn vật lý của y, và sự thoải mái hay khó chịu về thể xác của y. Tuy nhiên, ngày nay, có tương đối ít người so với dân số hành tinh sử dụng trung tâm xương cùng làm cơ quan ghi nhận chính. Hào quang từ tính (khi trường hợp này xảy ra) tương đối nhỏ; tất cả các khuynh hướng của hào quang nhỏ bé này đều có bản chất hướng xuống, và tất cả các ấn tượng (vốn không thể đến từ một nguồn cao hơn chính con người đó) hoạt động *xuống* qua hào quang của trung tâm xương cùng. Do đó, hầu hết các ấn tượng hoàn toàn có bản chất bản năng và rất ít hoặc không có suy nghĩ nào tham gia vào; tuy nhiên, có bằng chứng về cái có thể được hiểu là khát vọng ngay cả khi nó không phải là cái mà một người chí nguyện chân chính có thể coi là có tính tinh thần.

The average, though still unthinking, human being works through his astral body and, because he is there polarised, works through his solar plexus centre—etherically and primarily. All impressions find entrance into the aura via the area around that part of the etheric vehicle. It is through this major centre that the ordinary medium works, receiving impressions and communications from astral entities or from the animated astral forms to be found in the glamours created by humanity.

Con người trung bình, mặc dù vẫn chưa tư duy, làm việc thông qua thể cảm dục của mình và, vì y phân cực ở đó, nên làm việc thông qua trung tâm tùng thái dương của mình—về mặt dĩ thái và chủ yếu. Mọi ấn tượng tìm thấy lối vào hào quang thông qua khu vực xung quanh phần đó của hiện thể dĩ thái. Chính thông qua trung tâm chính này mà đồng tử bình thường làm việc, tiếp nhận các ấn tượng và thông tin liên lạc từ các thực thể cảm dục hoặc từ các hình tướng cảm dục được hoạt hóa được tìm thấy trong các ảo cảm do nhân loại tạo ra.

Forget not, nevertheless, that true aspiration is essentially an astral product or reaction; all aspirants—[117] in the early stages of their slow re-orientation—work through the solar plexus centre, and thus only gradually focus the lower energies there, prior to their transmutation and elevation to the higher centre, the heart centre. There are certain disciples who work deliberately upon the astral plane, under instruction from the Master of their Ashram, in order to reach such neophytes and thus to impress them with the knowledge and the subtle information needed for their progress. No Master works in this manner, and the Masters have therefore to use certain of Their disciples in this service. Such disciples direct the desired impression to the solar plexus area of the magnetic aura. This magnetic aura has another point of entry in the region of the throat centre, utilising it as the recipient of higher impressions. This centre or area of energy is largely used and vitally activated by those who are the creative workers of the world; they have necessarily made a direct contact with the soul and are therefore wide open to those intuitive ideas which are the source of their creative work. According to the success they have in such creative production, and according to the beauty of their work, will be the impression they thereby convey to other men. Curiously enough, the new and peculiar forms of art which delight some people and which outrage the sense of beauty in others are largely solar plexus creations and are therefore *not* of a truly high order. In a few of them—a very few—the throat centre is involved.

Tuy nhiên, đừng quên rằng khát vọng chân chính về cơ bản là một sản phẩm hoặc phản ứng của cảm dục; tất cả những người chí nguyện—[117] trong các giai đoạn đầu của sự tái định hướng chậm chạp của họ—làm việc thông qua trung tâm tùng thái dương, và do đó chỉ dần dần tập trung các năng lượng thấp hơn tại đó, trước khi chuyển hóa và nâng cao chúng lên trung tâm cao hơn, trung tâm tim. Có một số đệ tử làm việc một cách cố ý trên cõi cảm dục, dưới sự chỉ dẫn từ Chân sư của Ashram họ, để tiếp cận những người sơ cơ như vậy và do đó truyền cho họ ấn tượng về kiến thức và thông tin tinh tế cần thiết cho sự tiến bộ của họ. Không Chân sư nào làm việc theo cách này, và do đó các Chân sư phải sử dụng một số đệ tử của Các Ngài trong công việc phụng sự này. Những đệ tử như vậy hướng ấn tượng mong muốn đến khu vực tùng thái dương của hào quang từ tính. Hào quang từ tính này có một điểm xâm nhập khác trong vùng của trung tâm cổ họng, sử dụng nó như là nơi tiếp nhận các ấn tượng cao hơn. Trung tâm hay khu vực năng lượng này được sử dụng phần lớn và được kích hoạt một cách mạnh mẽ bởi những người là những người làm việc sáng tạo của thế giới; họ nhất thiết phải tạo ra một sự tiếp xúc trực tiếp với linh hồn và do đó hoàn toàn mở rộng đối với những ý tưởng trực giác vốn là nguồn gốc cho công việc sáng tạo của họ. Tùy theo sự thành công mà họ có được trong việc sản xuất sáng tạo như vậy, và tùy theo vẻ đẹp trong công việc của họ, sẽ là ấn tượng mà qua đó họ truyền tải đến những người khác. Thật kỳ lạ, những hình thức nghệ thuật mới và lạ lùng làm vui lòng một số người và xúc phạm ý thức về cái đẹp ở những người khác phần lớn là các sáng tạo của tùng thái dương và do đó *không* thực sự thuộc trật tự cao. Trong một vài trường hợp—rất ít—trung tâm cổ họng có tham gia vào.

The magnetic aura around the head is that which is truly sensitive to the highest impressions and is the point of entry to the head centre. Upon this I need not enlarge; all that I have taught you is related [118] to the awakening of this highest centre, prior to the aspirant's becoming a member of the Kingdom of God. The ajna centre is *not* involved and it will remain for several more centuries the agent of directed impression and not the objective of such impressions.

Hào quang từ tính quanh đầu là cái thực sự nhạy cảm với các ấn tượng cao nhất và là điểm xâm nhập vào trung tâm đầu. Tôi không cần phải nói chi tiết về điều này; tất cả những gì tôi đã dạy các bạn đều liên quan [118] đến việc đánh thức trung tâm cao nhất này, trước khi người chí nguyện trở thành một thành viên của Thiên Giới. Trung tâm ajna *không* tham gia và nó sẽ vẫn là tác nhân của ấn tượng được định hướng trong vài thế kỷ nữa chứ không phải là mục tiêu của những ấn tượng như vậy.

The next key-thought which is of importance is found in the words:

Tư tưởng chủ đạo tiếp theo có tầm quan trọng được tìm thấy trong các từ:

3. "The Plan is the dynamic *substance*, providing the content of the reservoir upon which the impressing agent can draw and to which the recipient of the impression must become sensitive."

3. "Thiên Cơ là *chất liệu* năng động, cung cấp nội dung của kho chứa mà tác nhân gây ấn tượng có thể rút ra và người tiếp nhận ấn tượng phải trở nên nhạy cảm với nó."

This sentence requires probably a quite serious readjustment in the thinking of most students. The concept of *the Plan as Substance* will assuredly be new to them, and new perhaps also to you. It is nevertheless a concept which they must endeavour to grasp. Let me phrase it somewhat differently: *The Plan constitutes or is composed of the substance in which the Members of the Hierarchy consistently work.* Let us take this important concept and break it up into its component parts for the sake of clarity. I am strongly emphasising these words because this concept is of an importance almost beyond human comprehension, and because its understanding may revise and re-vitalise your entire approach to the Plan, and you will therefore be enabled to work in a fresh and in an entirely new manner:

Câu này có lẽ đòi hỏi một sự điều chỉnh khá nghiêm túc trong suy nghĩ của hầu hết các môn sinh. Khái niệm về *Thiên Cơ như là Chất Liệu* chắc chắn sẽ mới mẻ đối với họ, và có lẽ cũng mới mẻ đối với các bạn. Tuy nhiên, đó là một khái niệm mà họ phải nỗ lực nắm bắt. Hãy để tôi diễn đạt nó hơi khác một chút: *Thiên Cơ cấu thành hoặc được cấu tạo bởi chất liệu mà trong đó các Thành Viên của Thánh đoàn làm việc một cách kiên định.* Chúng ta hãy lấy khái niệm quan trọng này và chia nhỏ nó thành các bộ phận hợp thành của nó để cho rõ ràng. Tôi đang nhấn mạnh mạnh mẽ những từ này bởi vì khái niệm này có một tầm quan trọng gần như vượt quá sự lĩnh hội của con người, và bởi vì sự thấu hiểu nó có thể sửa đổi và tiếp sinh lực lại cho toàn bộ cách tiếp cận của các bạn đối với Thiên Cơ, và do đó các bạn sẽ được cho phép làm việc theo một cách thức mới mẻ và hoàn toàn mới:

1. The Plan IS substance. It is essentially substantial energy. And energy is substance and nothing else.

2. The substance (which is the Plan) is dynamic in nature, and is therefore impregnated with the energy of WILL. [119]

3. The Plan constitutes a reservoir of energised substance, held in solution by the WILL of Sanat Kumara and *embodying* His intangible purpose (intangible to us but *not* intangible to Him).

4. It is this planetary Substance upon which the "impressing agents" must draw—the Nirmanakayas, the Members of the Hierarchy and the working disciples of the world, plus all spiritual sensitives of a certain degree.

5. Recipients of the desired impression must become sensitive to this substantial energy.

This entire proposition can be referred back to the originating Thinker Who brought our manifested world into being, and Who sequentially and under the Law of Evolution is bringing to fruition the objective of His thinking. In the larger and wider sense, it is that sum total of the ocean of energies in which "we live and move and have our being." This is the sevenfold body of the planetary Logos.

1. Thiên Cơ LÀ chất liệu. Nó về cơ bản là năng lượng chất liệu. Và năng lượng là chất liệu và không gì khác.

2. Chất liệu (vốn là Thiên Cơ) có bản chất năng động, và do đó được thấm nhuần với năng lượng của Ý CHÍ. [119]

3. Thiên Cơ cấu thành một kho chứa chất liệu được nạp năng lượng, được giữ ở trạng thái hòa tan bởi Ý CHÍ của Sanat Kumara và *hiện thân* cho mục đích vô hình của Ngài (vô hình đối với chúng ta nhưng *không* vô hình đối với Ngài).

4. Chính Chất Liệu hành tinh này mà các "tác nhân gây ấn tượng" phải rút ra từ đó—các vị Nirmanakaya, các Thành Viên của Thánh đoàn và các đệ tử đang làm việc của thế giới, cộng với tất cả những người nhạy cảm tinh thần ở một mức độ nhất định.

5. Những người tiếp nhận ấn tượng mong muốn phải trở nên nhạy cảm với năng lượng chất liệu này.

Toàn bộ mệnh đề này có thể được tham chiếu trở lại Tư Tưởng Gia khởi nguyên, Đấng đã đưa thế giới biểu hiện của chúng ta vào sự hiện hữu, và Đấng theo trình tự và dưới Định luật Tiến hóa đang đưa mục tiêu suy nghĩ của Ngài đến sự thành tựu. Theo nghĩa rộng lớn hơn và bao quát hơn, đó là tổng thể của đại dương năng lượng mà trong đó "chúng ta sống, hoạt động và hiện hữu". Đây là thể thất phân của Hành Tinh Thượng Đế.

The Impressing Agents of the Divine Will—Các Tác Nhân Truyền Ấn Tượng của Ý Chí Thiêng Liêng

We are not here, however, considering the larger Whole, but *we are* dealing with a specific and focussed area of the planetary consciousness. This is found midway between the highest plane whereon the Council Chamber of the Great Lord is found and the three planes which form the active arena for hierarchical work—the three levels of consciousness of the Spiritual Triad. This "focussed area" has been precipitated by the Agents of the divine Will; They know the ultimate purpose of Sanat Kumara and hold it steadfastly in view, making it available to those Masters of the Wisdom Who can act as the "impressing Agents of Sanat Kumara's Will." These are the Manu, the Christ, and the Mahachohan, the Lord of Civilisation.

Tuy nhiên, chúng ta không xem xét ở đây về Tổng Thể rộng lớn hơn, mà *chúng ta đang* đề cập đến một khu vực cụ thể và tập trung của tâm thức hành tinh. Khu vực này được tìm thấy ở giữa cõi cao nhất nơi có Phòng Mật Nghị của Đấng Chúa Tể Vĩ Đại và ba cõi tạo nên vũ đài hoạt động cho công việc của Thánh đoàn—ba cấp độ tâm thức của Tam Nguyên Tinh Thần. "Khu vực tập trung" này đã được kết tụ bởi các Tác Nhân của Ý Chí thiêng liêng; Các Ngài biết mục đích tối hậu của Sanat Kumara và giữ nó kiên định trong tầm nhìn, làm cho nó sẵn sàng cho các Chân sư Minh triết, Những Vị có thể hành động như là "các Tác Nhân gây ấn tượng của Ý Chí Sanat Kumara". Đó là Đức Manu, Đức Christ, và Đức Mahachohan, Đấng Chúa Tể của Nền Văn Minh.

It might be said here that the three Buddhas of Activity are the prime impressing Agents and that the three Great [120] Lords are the "impressed Recipients" at an exceedingly high level; this is the atmic level of awareness, which is the area energised by the divine Will.

Có thể nói ở đây rằng ba Đức Phật Hoạt Động là các Tác Nhân gây ấn tượng chính yếu và ba [120] Đấng Chúa Tể Vĩ Đại là những "Vị Tiếp Nhận ấn tượng" ở một cấp độ cực kỳ cao; đây là cấp độ nhận thức atma, vốn là khu vực được nạp năng lượng bởi Ý Chí thiêng liêng.

When dealing with the fifth Point of Revelation *(Discipleship in the New Age, Vol II)* I said that it concerned itself with the highest aspect of the Will—with that which produces the highest synthesis, the *final* synthesis. The planetary Purpose is the eventual synthesis of the initial thought of the planetary Logos, and to this thought we give always the unmeaning name of "GLORY"; this stands for all that we can conceive of the divine purpose; it is, for us, a "blaze of glory." The human mind is at this stage (in time and space) unable to register any aspect of the Purpose; all that we can do is to cooperate with the efforts of the Hierarchy to activate those things and events which will make the manifestation of

Khi đề cập đến Điểm Mặc Khải thứ năm *(Đường Đạo Trong Kỷ Nguyên Mới, Tập II)*, tôi đã nói rằng nó liên quan đến khía cạnh cao nhất của Ý Chí—với cái tạo ra sự tổng hợp cao nhất, sự tổng hợp *cuối cùng*. Thiên Ý hay Mục Đích hành tinh là sự tổng hợp rốt ráo của tư tưởng ban đầu của Hành Tinh Thượng Đế, và đối với tư tưởng này, chúng ta luôn đặt cái tên vô nghĩa là "VINH QUANG"; điều này đại diện cho tất cả những gì chúng ta có thể quan niệm về mục đích thiêng liêng; đối với chúng ta, nó là một "luồng vinh quang rực rỡ". Thể trí con người ở giai đoạn này (trong thời gian và không gian) không thể ghi nhận bất kỳ khía cạnh nào của Mục Đích; tất cả những gì chúng ta có thể làm là hợp tác với những nỗ lực của Thánh

the Purpose eventually possible. This purpose will constitute the ultimate revelation to the final root-race of men; it therefore lies a very long way ahead of our present point in evolution.

đoàn để kích hoạt những sự việc và sự kiện vốn sẽ làm cho sự biểu lộ của Mục Đích cuối cùng trở nên khả thi. Mục đích này sẽ cấu thành sự mặc khải tối hậu cho giống dân gốc cuối cùng của con người; do đó, nó nằm ở một chặng đường rất dài phía trước điểm tiến hóa hiện tại của chúng ta.

I will here make a statement which will probably convey nothing to the intelligence of the average disciple, but which may constitute a fruitful seed thought to the initiate who may read these words:

Ở đây tôi sẽ đưa ra một tuyên bố có lẽ sẽ không truyền tải điều gì đến trí thông minh của người đệ tử trung bình, nhưng có thể cấu thành một tư tưởng hạt giống phong phú cho vị điểm đạo đồ có thể đọc những lời này:

The Purpose of Sanat Kumara is created at present by the synthesis which the nature of the final seven Paths reveals. It is adapted in time and space to human intelligence by the presented Plan, and—in the glory of consummation—the completed Plan will reveal the Purpose on all the seven planes of evolution. Then evolution, as formulated and imposed by the Hierarchy, will end and a greater dynamic expansion will take its place.

Mục Đích của Sanat Kumara hiện được tạo ra bởi sự tổng hợp mà bản chất của bảy Con Đường cuối cùng tiết lộ. Nó được thích nghi trong thời gian và không gian với trí thông minh của con người bằng Thiên Cơ được trình bày, và—trong vinh quang của sự hoàn tất—Thiên Cơ trọn vẹn sẽ tiết lộ Mục Đích trên tất cả bảy cõi tiến hóa. Khi đó sự tiến hóa, như được Thánh đoàn xây dựng công thức và áp đặt, sẽ kết thúc và một sự mở rộng năng động vĩ đại hơn sẽ thay thế nó.

You will note that all along the lines of teaching there comes an eventual merging and blending, and that, at a [121] certain point in the development of consciousness, the many lines of spiritual approach become the few lines of conscious spiritual awareness. So it is in relation to the detail of the evolutionary process, with the formulation of the hierarchical Plan, and with the recognition of the Purpose. Speaking practically (and that is always of major importance), it might be said that evolution controls the *form* of the Purpose; the Plan concerns the hierarchical *recognition* of the Purpose, whilst the Purpose is the *synthetic Thought* which pours into the supernal consciousness of the Lord

Các bạn sẽ lưu ý rằng dọc theo các dòng giáo huấn luôn đi đến một sự hợp nhất và hòa quyện rốt ráo, và rằng, tại một [121] điểm nhất định trong sự phát triển tâm thức, nhiều dòng tiếp cận tinh thần trở thành một vài dòng nhận thức tinh thần có ý thức. Điều này cũng đúng trong mối quan hệ với chi tiết của quá trình tiến hóa, với sự hình thành Thiên Cơ của Thánh đoàn, và với sự nhận biết Mục Đích. Nói một cách thực tế (và điều đó luôn có tầm quan trọng hàng đầu), có thể nói rằng sự tiến hóa kiểm soát *hình thức* của Mục Đích; Thiên Cơ liên quan đến *sự nhận biết* Mục Đích của Thánh đoàn, trong khi Mục Đích là *Tư Tưởng tổng hợp* tuôn đổ vào tâm thức thiên thượng của Đức Chúa Tể Thế Giới dọc theo bảy Con Đường mà các Chân sư

of the World along the seven Paths of which the Masters become aware at a certain very high initiation.

trở nên nhận biết tại một cuộc điểm đạo rất cao nào đó.

The seven great energies flow into our manifested world along the lines of the seven Paths; these are not the direct energies of the seven Rays, because these concern consciousness in a most specific manner; they are the substantial energies of material expression and their origin concerns a great mystery. These two lines of energy—material energy and the energy of consciousness—when brought together by divine Purpose, constitute the essential dualism of our manifested life.

Bảy năng lượng vĩ đại tuôn chảy vào thế giới biểu hiện của chúng ta dọc theo các dòng của bảy Con Đường; đây không phải là các năng lượng trực tiếp của bảy Cung, bởi vì chúng liên quan đến tâm thức theo một cách thức cụ thể nhất; chúng là các năng lượng chất liệu của biểu hiện vật chất và nguồn gốc của chúng liên quan đến một bí nhiệm vĩ đại. Hai dòng năng lượng này—năng lượng vật chất và năng lượng tâm thức—khi được mang lại với nhau bởi Mục Đích thiêng liêng, cấu thành nhị nguyên tính cốt yếu của cuộc sống biểu hiện của chúng ta.

All that we are able to recognise of that Purpose is the hierarchical Plan, and this only disciples and advanced aspirants can judge and recognise. This Plan is based upon knowledge of divine guidance in the Past, the recognition of progress out of that Past into the Present, plus the effort to become sensitive to the right emergence of that Plan (embodying ever an aspect of the Purpose) in the immediate Future. The Purpose is related to the Past, the Present and the Future; the Agents of the Plan are impressed from Shamballa, via the Nirmanakayas; the process is then repeated, and advanced humanity become the recipients, the sensitive recipients, of the Plan as transmitted to them by the impressing Agents, the Masters, working through the [122] New Group of World Servers. This group is the lower correspondence of the Nirmanakayas, the recipients of impression from Shamballa. See you, therefore, the beauty and the synthesis, the inter-dependence and the cooperative interplay which is demonstrated right through the chain of Hierarchy from the very highest

Tất cả những gì chúng ta có thể nhận biết về Mục Đích đó là Thiên Cơ của Thánh đoàn, và điều này chỉ có các đệ tử và những người chí nguyện tiến bộ mới có thể đánh giá và nhận biết. Thiên Cơ này dựa trên kiến thức về sự dẫn dắt thiêng liêng trong Quá khứ, sự nhận biết về sự tiến bộ từ Quá khứ đó vào Hiện tại, cộng với nỗ lực để trở nên nhạy cảm với sự xuất hiện đúng đắn của Thiên Cơ đó (luôn hiện thân cho một khía cạnh của Mục Đích) trong Tương lai gần. Mục Đích liên quan đến Quá khứ, Hiện tại và Tương lai; các Tác Nhân của Thiên Cơ tiếp nhận ấn tượng từ Shamballa, thông qua các vị Nirmanakaya; quá trình này sau đó được lặp lại, và nhân loại tiến bộ trở thành những người tiếp nhận, những người tiếp nhận nhạy cảm, đối với Thiên Cơ khi được truyền tống đến họ bởi các Tác Nhân gây ấn tượng, các Chân sư, làm việc thông qua [122] Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian. Nhóm này là sự tương ứng thấp hơn của các vị Nirmanakaya, những người tiếp nhận ấn tượng từ Shamballa. Do đó, các bạn hãy thấy vẻ đẹp và sự tổng hợp, sự phụ thuộc lẫn nhau và sự tương tác hợp tác được thể hiện ngay xuyên suốt chuỗi Thánh đoàn

Agent to the very lowest recipient of divine impression.

từ Tác Nhân cao nhất đến người tiếp nhận thấp nhất của ấn tượng thiêng liêng.

The key to all this is energy. Energy is substance, and this substance is qualified by divine dynamic WILL. There is much to be learnt anent the Will. Will as dynamic energy is not yet understood in its true sense by human beings. Mankind usually recognises will as fixed determination; this is in reality their individual effort to impress substance (personal or environing) with their own self-will or with their well-intended effort to conform to what they believe to be the will of God, speaking symbolically. But men know nothing yet of the process of *working with* dynamic energised substance, for it basically impresses them and uses them as they become aware of the Plan and thus come under the influence of the Spiritual Triad. They are used and not using that which is available for the furtherance of the Plan—the dynamic energy of the divine Will. This dynamic Will cannot become available nor can disciples truly work with the Plan *until* the antahkarana is to some measure adequately constructed, though not yet perfected.

Chìa khóa cho tất cả điều này là năng lượng. Năng lượng là chất liệu, và chất liệu này được định tính bởi Ý CHÍ năng động thiêng liêng. Có nhiều điều cần học hỏi về Ý Chí. Ý Chí như là năng lượng năng động vẫn chưa được con người hiểu theo đúng nghĩa của nó. Nhân loại thường nhận biết ý chí như là sự quyết tâm cố định; đây thực tế là nỗ lực cá nhân của họ để ghi dấu lên chất liệu (cá nhân hoặc môi trường) bằng ý chí riêng của họ hoặc bằng nỗ lực có thiện ý của họ để tuân theo những gì họ tin là ý chí của Thượng đế, nói theo cách tượng trưng. Nhưng con người vẫn chưa biết gì về quá trình *làm việc với* chất liệu được nạp năng lượng năng động, vì về cơ bản nó truyền ấn tượng cho họ và sử dụng họ khi họ trở nên nhận thức về Thiên Cơ và do đó đi vào dưới ảnh hưởng của Tam Nguyên Tinh Thần. Họ được sử dụng chứ không phải đang sử dụng cái có sẵn cho sự thúc đẩy của Thiên Cơ—năng lượng năng động của Ý Chí thiêng liêng. Ý Chí năng động này không thể trở nên sẵn có cũng như các đệ tử không thể thực sự làm việc với Thiên Cơ *cho đến khi* antahkarana được xây dựng đầy đủ ở một mức độ nào đó, mặc dù chưa hoàn thiện.

It becomes of service, therefore, for the aspirant and the disciple to know the nature of the Agents Who can locate their magnetic aura and impress upon it Their understanding of the Plan; these Agents may be accepted disciples or initiates and Masters; then the aspirant or disciple must find those to whom he can personally act as an impressing agent. He has consequently to study himself as *a recipient* and also as *an agent*, as a responsive factor and also as an [123] originating and impressing factor. This might be regarded as the scientific

Do đó, việc người chí nguyện và đệ tử biết bản chất của các Tác Nhân có thể định vị hào quang từ tính của họ và truyền vào đó ấn tượng về sự thấu hiểu của Các Ngài về Thiên Cơ trở nên hữu ích; những Tác Nhân này có thể là các đệ tử được chấp nhận hoặc các điểm đạo đồ và Chân sư; sau đó người chí nguyện hoặc đệ tử phải tìm những người mà y có thể đích thân hành động như một tác nhân gây ấn tượng. Do đó, y phải nghiên cứu bản thân như là *một người tiếp nhận* và cũng như là *một tác nhân*, như một yếu tố đáp ứng và cũng như một [123] yếu tố khởi nguyên

approach to the spiritual life, and it is of value because the necessity of service is implicit in the necessity for receptivity; all is, therefore, related to Invocation and Evocation.

và gây ấn tượng. Điều này có thể được coi là cách tiếp cận khoa học đối với đời sống tinh thần, và nó có giá trị bởi vì sự cần thiết của việc phụng sự là ngầm định trong sự cần thiết đối với khả năng tiếp nhận; do đó, tất cả đều liên quan đến Khẩn Cầu và Gợi Lên.

It is in our next basic theme, the nature of the etheric body, that we shall find again the higher relationships and the interdependence of many allied factors. This interdependence emerges acutely the higher one progresses into the scheme of correspondences. Eventually, a point of fusion is reached.

Chính trong chủ đề cơ bản tiếp theo của chúng ta, bản chất của thể dĩ thái, mà chúng ta sẽ tìm thấy lại các mối quan hệ cao hơn và sự phụ thuộc lẫn nhau của nhiều yếu tố liên kết. Sự phụ thuộc lẫn nhau này biểu lộ rõ nét khi người ta càng tiến cao vào sơ đồ của các sự tương ứng. Cuối cùng, một điểm dung hợp đạt được.

XV. INTER-PLANETARY AND EXTRA-PLANETARY RELATIONSHIPS—XV. CÁC MỐI QUAN HỆ LIÊN HÀNH TINH VÀ NGOẠI HÀNH TINH

[124]

[124]

The subject of the etheric body of all forms and of the etheric body of the planetary Logos is necessarily of major importance in any consideration of the *Supreme Science of Contact.* It is this concept of sensitive contact which I seek to emphasise as we study the three points or the three basic concepts outlined in the preceding section. All such terms as planes, groups, creative Hierarchies, and centres are simply word modes of inferring relationship, interplay and mutual impression between the beings or the lives who make up the sum total of our manifested universe; they are nevertheless signs of our leading up to a planetary synthesis or a planetary integrity of a nature hitherto not even visioned by man.

Chủ đề về thể dĩ thái của tất cả các hình tướng và về thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế nhất thiết có tầm quan trọng lớn lao trong bất kỳ sự xem xét nào về *Khoa học Tối cao về Sự Tiếp Xúc.* Chính khái niệm về tiếp xúc nhạy cảm này là điều tôi tìm cách nhấn mạnh khi chúng ta nghiên cứu ba điểm hoặc ba khái niệm cơ bản được phác thảo trong phần trước. Tất cả các thuật ngữ như cõi giới, nhóm, các Huyền Giai sáng tạo, và các trung tâm chỉ đơn giản là các phương thức từ ngữ để suy luận về mối quan hệ, sự tương tác và ấn tượng lẫn nhau giữa các đấng hoặc các sự sống tạo nên tổng thể vũ trụ biểu hiện của chúng ta; tuy nhiên, chúng là những dấu hiệu dẫn chúng ta đến một sự tổng hợp hành tinh hoặc một sự toàn vẹn hành tinh có bản chất chưa từng được con người hình dung tới.

The subject is necessarily one of immense difficulty, for all human beings think in terms of their own contacts and relationships, which are strictly limited and are not expressed in terms of the One Life, flowing through all forms and all kingdoms, or through all the diverse planetary evolutions (of which you know nothing) and thus creating in time and space a living intelligent planetary Entity of systemic maturity, qualified by immense attractive and integrating energies, motivated by a supreme Purpose—a Purpose which is part of the vast purpose of the solar Logos, working through the planetary Logoi, and therefore responsible for the well-being and progressive evolution of all lives and groups of lives within the framework and the essential structure of our planet.

Chủ đề này nhất thiết là một chủ đề vô cùng khó khăn, vì tất cả con người đều suy nghĩ theo khía cạnh các tiếp xúc và mối quan hệ của riêng họ, vốn bị giới hạn nghiêm ngặt và không được diễn đạt theo khía cạnh của Sự Sống Duy Nhất, tuôn chảy qua tất cả các hình tướng và tất cả các giới, hoặc qua tất cả các cuộc tiến hóa hành tinh đa dạng (mà các bạn không biết gì về chúng) và do đó tạo ra trong thời gian và không gian một Thực Thể hành tinh thông tuệ sống động, đã trưởng thành ở cấp thái dương hệ, được định tính bởi các năng lượng thu hút và tích hợp to lớn, được thúc đẩy bởi một Mục Đích tối cao —một Mục Đích vốn là một phần của mục đích rộng lớn của Thái Dương Thượng đế, hoạt động thông qua các Hành Tinh Thượng Đế, và do đó chịu trách nhiệm cho sự an sinh và tiến hóa lũy tiến của tất cả các sự sống và nhóm các sự sống bên trong khuôn khổ và cấu trúc thiết yếu của hành tinh chúng ta.

The relation evoked is, as you can well imagine, inter-planetary and extra-planetary; these terms mean little to [125] the average disciple and he has to wait until the initiatory process puts him in a position where he can frankly evaluate the situation. Of the latter stages, we can know nothing; only in the Council Chamber of Shamballa are these extra-planetary contacts and relationships recognisable. But one basic fact must be grasped, and that is that the medium of relationship and of contact is SUBSTANCE; and the effect of these relationships, carried on through this medium, is the gradual development and progressive unfoldment of the three divine Aspects which all esotericists recognise, and of others which the coming millennia will reveal. The contributing factor, therefore, within and upon our planet is what we might regard as the three major centres of the planetary Logos:

Mối quan hệ được gợi lên, như các bạn có thể hình dung rõ, là liên hành tinh và ngoại hành tinh; những thuật ngữ này ít có ý nghĩa đối với [125] người đệ tử trung bình và y phải chờ đợi cho đến khi quy trình điểm đạo đặt y vào một vị trí nơi y có thể đánh giá tình huống một cách thẳng thắn. Về các giai đoạn sau, chúng ta không thể biết gì; chỉ trong Phòng Mật Nghị của Shamballa thì những tiếp xúc và mối quan hệ ngoại hành tinh này mới có thể nhận biết được. Nhưng một thực tế cơ bản phải được nắm bắt, và đó là phương tiện của mối quan hệ và của sự tiếp xúc là CHẤT LIỆU; và hiệu quả của những mối quan hệ này, được thực hiện thông qua phương tiện này, là sự phát triển dần dần và sự mở ra lũy tiến của ba Phương diện thiêng liêng mà tất cả các nhà bí truyền đều công nhận, và của những phương diện khác mà các thiên niên kỷ sắp tới sẽ tiết lộ. Do đó, yếu tố đóng góp bên trong và trên hành tinh của chúng ta là cái mà chúng ta có

thể coi là ba trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế:

1. *The Head Centre*, the dynamic Agent of the extra-planetary Purpose, the expression of the divine planetary Will as focussed in Shamballa. This is the energy of Synthesis, the source of all planetary life; it connotes essential Being.

1. *Trung tâm Đầu*, Tác Nhân năng động của Mục Đích ngoại hành tinh, sự biểu hiện của Ý Chí hành tinh thiêng liêng được tập trung tại Shamballa. Đây là năng lượng của Sự Tổng hợp, nguồn gốc của mọi sự sống hành tinh; nó bao hàm Bản Thể cốt yếu.

2. *The Heart Centre*, the Agent of the Plan of evolution. This is the expression of divine Love or pure Reason, the Hierarchy. It is essentially the energy of Attraction, the kingdom of souls.

2. *Trung tâm Tim*, Tác Nhân của Thiên Cơ tiến hóa. Đây là sự biểu hiện của Tình Thương thiêng liêng hay Lý trí thuần khiết, Thánh đoàn. Về cơ bản, nó là năng lượng của Sự Thu hút, giới của các linh hồn.

3. *The Throat Centre,* the Agent of all the three Aspects in relation to the three subhuman kingdoms in nature, the expression also of the divine Intelligence, Humanity. This is the energy of active Mind and makes humanity the macrocosm of the microcosm, the three subhuman kingdoms. Humanity is to these kingdoms what the Hierarchy is to the fourth kingdom in nature, the human kingdom.

3. *Trung tâm Cổ họng,* Tác Nhân của tất cả ba Phương diện trong mối quan hệ với ba giới dưới nhân loại trong tự nhiên, cũng là sự biểu hiện của Trí Tuệ thiêng liêng, Nhân loại. Đây là năng lượng của Trí Tuệ hoạt động và làm cho nhân loại trở thành đại thiên địa của tiểu thiên địa, ba giới dưới nhân loại. Nhân loại đối với các giới này giống như Thánh đoàn đối với giới thứ tư trong tự nhiên, giới nhân loại.

These are the elements of the occult science and—for students such as you—contain nothing new. Nevertheless, they [126] need to be seen in their triple relationship if the mode of working of the One Life is to be grasped more clearly than is now the case. The aim of the entire evolutionary scheme is to bring these three Centres into such a close relationship that the synthesis of the divine Purpose can work out harmoniously on every possible (note that phrase) level of consciousness. If this can take place, then the basic Thought, the fundamental Proposition of the planetary Logos can eventually be disclosed to man.

Đây là những yếu tố của khoa học huyền bí và—đối với các môn sinh như các bạn—không chứa đựng điều gì mới mẻ. Tuy nhiên, chúng [126] cần được nhìn nhận trong mối quan hệ giữa cả ba của chúng nếu phương thức hoạt động của Sự Sống Duy Nhất được nắm bắt rõ ràng hơn so với hiện nay. Mục tiêu của toàn bộ sơ đồ tiến hóa là đưa ba Trung tâm này vào một mối quan hệ gần gũi đến mức sự tổng hợp của Mục Đích thiêng liêng có thể diễn ra hài hòa trên mọi cấp độ tâm thức khả dĩ (lưu ý cụm từ đó). Nếu điều này có thể diễn ra, thì Tư Tưởng cơ bản, Mệnh Đề nền tảng của Hành Tinh Thượng Đế cuối cùng có thể được tiết lộ cho con người.

May I remind you of the occult statement that every living being or manifested life—from the planetary Logos down to the tiniest atom—either has been, is, or will be a man. This has reference to the past, to the present and to the future of every manifested life. Therefore, the fact of humanity and of that for which humanity stands is probably the primary and major aspect of the divine purpose. Pause and think about this statement. It is, therefore, the first clear fact which indicates the measure and the magnitude of a human being; and until two other facts are sequentially revealed to us, it will not be possible correctly to gauge the wider aspects of the purpose of Sanat Kumara. Everything subhuman is slowly moving towards a definite human experience; it is also passing through the phase of human effort and consequent experience, or else it has moved out of that phase of limitation and—through initiation—is drafting human nature into a state of divinity (to use a most inadequate phrase).

Tôi xin nhắc các bạn về tuyên bố huyền bí rằng mọi sinh linh hay sự sống biểu hiện—từ Hành Tinh Thượng Đế xuống đến nguyên tử nhỏ bé nhất—hoặc đã từng, đang là, hoặc sẽ là một con người. Điều này có tham chiếu đến quá khứ, hiện tại và tương lai của mọi sự sống biểu hiện. Vì vậy, thực tế về nhân loại và về những gì nhân loại đại diện có lẽ là khía cạnh chính yếu và quan trọng của mục đích thiêng liêng. Hãy dừng lại và suy nghĩ về tuyên bố này. Do đó, đây là thực tế rõ ràng đầu tiên chỉ ra thước đo và tầm vóc của một con người; và cho đến khi hai thực tế khác được tiết lộ theo trình tự cho chúng ta, sẽ không thể đánh giá chính xác các khía cạnh rộng lớn hơn của mục đích của Sanat Kumara. Mọi thứ dưới nhân loại đang di chuyển chậm chạp hướng tới một trải nghiệm con người xác định; nó cũng đang trải qua giai đoạn nỗ lực của con người và kinh nghiệm theo sau, hoặc nếu không thì nó đã di chuyển ra khỏi giai đoạn giới hạn đó và—thông qua điểm đạo—đang đưa bản chất con người vào trạng thái thiên tính (sử dụng một cụm từ không đầy đủ nhất).

Humanity's Key Role—Vai Trò Then Chốt của Nhân Loại

The keynote, therefore, of the Lord of the World is HUMANITY for it is the basis, the goal and the essential inner structure of all being. Humanity itself is the key to all evolutionary processes and to all correct understanding of the divine Plan, expressing in time and space the divine Purpose. Why HE chose that this should be so, we know not; but it is a point to be accepted and remembered in all study of [127] the Science of Impression because it is the factor that makes relationship and contact possible and it is also the source of all understanding. These are most difficult things to express

Do đó, chủ âm của Đức Chúa Tể Thế Giới là NHÂN LOẠI vì đó là cơ sở, mục tiêu và cấu trúc nội tại thiết yếu của mọi sự hiện hữu. Chính nhân loại là chìa khóa cho tất cả các quá trình tiến hóa và cho tất cả sự thấu hiểu đúng đắn về Thiên Cơ, biểu hiện trong thời gian và không gian Thiên Ý hay Mục Đích thiêng liêng. Tại sao NGÀI chọn điều này phải như vậy, chúng ta không biết; nhưng đó là một điểm cần được chấp nhận và ghi nhớ trong mọi nghiên cứu về [127] Khoa học về Sự Ấn Tượng bởi vì đó là yếu tố làm cho mối quan hệ và sự tiếp xúc trở nên khả thi và đó cũng là nguồn gốc của mọi sự thấu hiểu. Đây

and to enlarge upon, my brothers, and only the penetrating intuition can make these matters clearer to your avid and active intelligence.

là những điều khó diễn đạt và trình bày rộng thêm nhất, các huynh đệ của tôi, và chỉ có trực giác sắc bén mới có thể làm cho những vấn đề này rõ ràng hơn đối với trí thông minh khao khát và tích cực của các bạn.

You will note, therefore, that though we call one of the major centres HUMANITY, yet—in the last analysis—all the centres are constituted of lives progressing towards the human stage, of those units of life who are at the human stage, and those who have left that stage far behind but who are endowed with all the faculties and all the knowledges wrought out into human expression in earlier planetary schemes or solar systems, or through our own definite and characteristic planetary life.

Do đó, các bạn sẽ lưu ý rằng mặc dù chúng ta gọi một trong các trung tâm chính là NHÂN LOẠI, nhưng—trong phân tích cuối cùng—tất cả các trung tâm đều được cấu thành từ các sự sống đang tiến tới giai đoạn con người, từ những đơn vị sự sống đang ở giai đoạn con người, và những người đã bỏ lại giai đoạn đó xa phía sau nhưng được phú bẩm với tất cả các năng lực và tất cả các kiến thức được rèn luyện thành biểu hiện con người trong các hệ hành tinh hoặc thái dương hệ trước đó, hoặc thông qua đời sống hành tinh xác định và đặc trưng của chính chúng ta.

Because of this uniformity of experience, the art of contact and the science of impression become entirely possible and normally effective. The great and omnipotent Lives in Shamballa can impress the omniscient Lives and lesser lives in the Hierarchy *because* They share a common humanity; the hierarchical Workers or Masters and Initiates can consequently impress humanity because of shared experience and understanding; then the lives that compose the human family present the goal to the subhuman kingdoms and can, and do, impress them because of basic instinctual tendencies which are expressed in the human group but which are latent instinctual tendencies and potential assets in the three subhuman groups.

Nhờ sự đồng nhất về kinh nghiệm này, nghệ thuật tiếp xúc và khoa học về ấn tượng trở nên hoàn toàn khả thi và hiệu quả một cách bình thường. Các Sự Sống vĩ đại và toàn năng trong Shamballa có thể truyền ấn tượng cho các Sự Sống toàn tri và các sự sống nhỏ bé hơn trong Thánh đoàn *bởi vì* Các Ngài chia sẻ một nhân tính chung; các Nhân viên của Thánh đoàn hoặc các Chân sư và Điểm đạo đồ do đó có thể truyền ấn tượng cho nhân loại nhờ kinh nghiệm và sự thấu hiểu được chia sẻ; sau đó, các sự sống cấu thành gia đình nhân loại trình bày mục tiêu cho các giới dưới nhân loại và có thể, và thực sự, truyền ấn tượng cho chúng nhờ các khuynh hướng bản năng cơ bản được thể hiện trong nhóm con người nhưng là các khuynh hướng bản năng tiềm tàng và tài sản tiềm năng trong ba nhóm dưới nhân loại.

This teaching has always been implicit in the esoteric doctrines but has not been sufficiently emphasised, owing to the point

Giáo huấn này luôn ngầm định trong các học thuyết huyền môn nhưng chưa được nhấn mạnh đầy đủ, do điểm tiến hóa của nhân

in evolution of mankind. Today, mankind has made such progress that these points can be made effectively. I would call to your attention that this was the keynote of the Gospel story: the human-divine nature of the Christ, [128] relating Him to the Father through His essential divinity, and also to man through His essential humanity. The Christian Church gave a wrong slant to the teaching by making Christ appear as unique, though the higher criticism (deemed so shocking fifty years ago) has done much to correct this false impression.

loại. Ngày nay, nhân loại đã đạt được sự tiến bộ đến mức những điểm này có thể được trình bày một cách hiệu quả. Tôi muốn các bạn chú ý rằng đây là chủ âm của câu chuyện Tin Mừng: bản chất nhân-thần của Đức Christ, [128] liên hệ Ngài với Cha thông qua thiên tính cốt yếu của Ngài, và cũng với con người thông qua nhân tính cốt yếu của Ngài. Giáo hội Cơ Đốc đã đưa ra một cái nhìn lệch lạc về giáo huấn bằng cách làm cho Đức Christ có vẻ như là duy nhất, mặc dù sự phê bình cao cấp (được coi là quá sốc năm mươi năm trước) đã làm nhiều điều để sửa chữa ấn tượng sai lầm này.

The outstanding characteristic of humanity is intelligent sensitivity to impression. Ponder on this definite and emphatic statement. The work of science is, after all, simply the development of the knowledge of substance and of form; this knowledge will make it possible for humanity eventually to act as the major impressing agent in relation to the three subhuman kingdoms in nature; that is humanity's primary responsibility. This work of relationship is practically the work of developing or the mode of unfoldment of human sensitivity. I refer here to sensitivity to impression from or by the Hierarchy.

Đặc điểm nổi bật của nhân loại là sự nhạy cảm thông tuệ đối với ấn tượng. Hãy suy ngẫm về tuyên bố xác định và dứt khoát này. Rốt cuộc, công việc của khoa học chỉ đơn giản là sự phát triển kiến thức về chất liệu và hình tướng; kiến thức này cuối cùng sẽ giúp nhân loại có khả năng hành động như là tác nhân gây ấn tượng chính trong mối quan hệ với ba giới dưới nhân loại trong tự nhiên; đó là trách nhiệm hàng đầu của nhân loại. Công việc của mối quan hệ này thực tế là công việc phát triển hoặc phương thức mở ra sự nhạy cảm của con người. Tôi đề cập ở đây đến sự nhạy cảm đối với ấn tượng từ hoặc bởi Thánh đoàn.

The work done through the processes of initiation is intended to fit disciples and initiates to receive impression from Shamballa; the initiate is essentially a blend of scientific and religious training; he has been re-oriented to certain phases of divine existence which are not yet recognised by the average human being. I am endeavouring to make clear to you the basic synthesis underlying all manifested life upon our planet, and also the close interplay or relationship which forever exists and

Công việc được thực hiện thông qua các quá trình điểm đạo nhằm mục đích làm cho các đệ tử và điểm đạo đồ thích hợp để nhận ấn tượng từ Shamballa; vị điểm đạo đồ về cơ bản là một sự pha trộn của sự huấn luyện khoa học và tôn giáo; y đã được tái định hướng đối với các giai đoạn nhất định của sự tồn tại thiêng liêng vốn chưa được con người bình thường nhận biết. Tôi đang nỗ lực làm rõ cho các bạn sự tổng hợp cơ bản nằm bên dưới tất cả sự sống biểu hiện trên hành tinh của chúng ta, và cũng là sự tương tác hoặc mối quan hệ chặt chẽ vĩnh viễn tồn tại và

expresses itself through the supreme science of contact or of impression.

thể hiện chính nó thông qua khoa học tối cao về sự tiếp xúc hay ấn tượng.

The three great Centres are in close relationship at all times, even if this is not yet recognised by the intelligent disciple; an unbroken series of impressions is ever present, relating one centre to another and bringing about an evolutionary unity of objective, and developing (with exceeding rapidity at this time) a secondary science, that of Invocation [129] and Evocation. This science is in reality the science of impression in activity and not simply in theory.

Ba Trung tâm vĩ đại luôn ở trong mối quan hệ chặt chẽ, ngay cả khi điều này chưa được người đệ tử thông tuệ nhận biết; một chuỗi các ấn tượng không đứt đoạn luôn hiện diện, liên kết trung tâm này với trung tâm khác và mang lại một sự thống nhất về mục tiêu tiến hóa, và phát triển (với tốc độ cực nhanh vào lúc này) một khoa học thứ cấp, đó là Khẩn Cầu [129] và Gợi Lên. Khoa học này trong thực tế là khoa học về ấn tượng đang hoạt động chứ không chỉ đơn giản là trên lý thuyết.

The first great *Invocation* was uttered by the planetary Logos when He expressed the desire to manifest and thus invoked and brought to Himself the substance needed for His designed expression. That started the chain of being or of hierarchy; inter-relation was then set up between all "substantial" units; the more potent and the more dynamic and greater could then impress the lesser and the weaker until gradually—as the aeons swept by—the seven Centres were created and were in close impressionable relationship. Of these seven we are at this time considering only three; the others we know very little about, for they are largely composed of units of the deva evolutions (and I would ask you to note the plurality there) and of subhuman lives, working under impression from the head, the heart and the throat centres of the planetary Logos.

Lời Khẩn Cầu vĩ đại đầu tiên được thốt ra bởi Hành Tinh Thượng Đế khi Ngài bày tỏ mong muốn biểu hiện và do đó đã khẩn cầu và mang đến cho Chính Ngài chất liệu cần thiết cho sự biểu hiện được thiết kế của Ngài. Điều đó bắt đầu chuỗi hiện hữu hay thứ bậc; sự tương giao sau đó được thiết lập giữa tất cả các đơn vị "chất liệu"; cái mạnh mẽ hơn và năng động hơn và vĩ đại hơn sau đó có thể truyền ấn tượng cho cái nhỏ hơn và yếu hơn cho đến khi dần dần—khi các thời đại dài đằng đẵng trôi qua—bảy Trung tâm được tạo ra và ở trong mối quan hệ ấn tượng chặt chẽ. Trong bảy trung tâm này, vào lúc này chúng ta chỉ xem xét ba; những cái khác chúng ta biết rất ít, vì chúng phần lớn được cấu tạo bởi các đơn vị của các cuộc tiến hóa thiên thần (và tôi muốn các bạn lưu ý số nhiều ở đó) và của các sự sống dưới nhân loại, làm việc dưới ấn tượng từ trung tâm đầu, trung tâm tim và trung tâm cổ họng của Hành Tinh Thượng Đế.

Students are apt to make their thinking unduly complicated when they seek to itemise and define, to separate into academic groups and brackets the multiplicity of energies with which they feel

Các môn sinh có khuynh hướng làm cho suy nghĩ của họ trở nên phức tạp quá mức khi họ tìm cách liệt kê chi tiết và định nghĩa, phân chia thành các nhóm học thuật và các dấu ngoặc cho vô số năng lượng mà họ cảm thấy

confronted when considering the planetary and the human centres. I would advise you that you think simply and (certainly, at first) in terms of the three major energies as they emanate from some centre, become impressing agents, and then are again transmitted or stepped down:

phải đối mặt khi xem xét các trung tâm hành tinh và con người. Tôi khuyên các bạn nên suy nghĩ đơn giản và (chắc chắn, lúc đầu) theo khía cạnh ba năng lượng chính khi chúng xuất lộ từ một trung tâm nào đó, trở thành các tác nhân gây ấn tượng, và sau đó lại được truyền đi hoặc giảm cấp:

1. *The dynamic electrical energy of Life itself* or divine potency, of embodied Purpose, expressing through evolutionary manifestation the divine Will. It might be well to realise that *purpose* emanates from the cosmic mental plane and is the all-inclusive, synthetic, motivating principle which expresses itself as the divine will upon the cosmic physical plane—the seven planes of our planetary Life. This dynamic energy focuses itself through the Lives or Beings [130] Who control and dominate Shamballa. Until the divine purpose has been achieved, the planetary Logos holds all in manifestation through the potency of His Will, and animates all forms with electric fire. Knowledge of this Will and Purpose comes to the student who is constructing the antahkarana and who is, therefore, coming under the control of the Spiritual Triad, the threefold expression of the Monad.

1. *Năng lượng điện năng động của chính Sự Sống* hay tiềm lực thiêng liêng, của Mục Đích hiện thân, biểu hiện thông qua sự biểu lộ tiến hóa Ý Chí thiêng liêng. Có lẽ nên nhận ra rằng *mục đích* xuất lộ từ cõi trí vũ trụ và là nguyên khí thúc đẩy, tổng hợp, bao gồm tất cả, vốn biểu hiện chính nó như là ý chí thiêng liêng trên cõi hồng trần vũ trụ—bảy cõi của Sự Sống hành tinh của chúng ta. Năng lượng năng động này tập trung chính nó thông qua các Sự Sống hay các Đấng [130] kiểm soát và chế ngự Shamballa. Cho đến khi mục đích thiêng liêng đạt được, Hành Tinh Thượng Đế giữ tất cả trong biểu hiện thông qua tiềm lực Ý Chí của Ngài, và làm cho tất cả các hình tướng trở nên sống động với lửa điện. Kiến thức về Ý Chí và Mục Đích này đến với người môn sinh đang xây dựng antahkarana và do đó, đang đi vào dưới sự kiểm soát của Tam Nguyên Tinh Thần, biểu hiện tam phân của Chân thần.

2. *The attractive magnetic solar energy* to which we give the quite unsuitable name of Love. It is this energy which constitutes the cohering, unifying force which holds the manifested universe or planetary form together and is responsible for all relationships; it is this energy which is the soul of all things or of all forms, beginning with the anima mundi and reaching its highest point of expression in the human soul which is the constituent factor in the fifth kingdom in nature, the Kingdom of God or of Souls. An understanding of this human

2. *Năng lượng thái dương từ tính thu hút* mà chúng ta đặt cho cái tên khá không phù hợp là Tình Thương. Chính năng lượng này cấu thành lực gắn kết, thống nhất giữ cho vũ trụ biểu hiện hoặc hình tướng hành tinh lại với nhau và chịu trách nhiệm cho tất cả các mối quan hệ; chính năng lượng này là linh hồn của vạn vật hoặc của tất cả các hình tướng, bắt đầu với anima mundi và đạt đến điểm biểu hiện cao nhất của nó trong linh hồn con người vốn là yếu tố cấu thành trong giới thứ năm của tự nhiên, Thiên Giới hay Vương quốc của các Linh hồn. Sự thấu hiểu về tiềm

potency comes as a man makes contact with his own soul and sets up a stable relationship with that soul; then he becomes a soul-infused personality. As you well know, the threefold personality is to the soul what the Spiritual Triad is to the Monad: a clear medium of expression. Most students are or should be today occupied with this attractive energy, for until they have mastered the desire nature and have transmuted it into aspiration and soul control, they cannot hope to comprehend the dynamic energy of electric fire. This attractive magnetism is the energy dominating and controlling the Hierarchy.

lực con người này đến khi một người thực hiện tiếp xúc với linh hồn của chính mình và thiết lập một mối quan hệ ổn định với linh hồn đó; khi đó y trở thành một phàm ngã được linh hồn thấm nhuần. Như các bạn đã biết rõ, phàm ngã tam phân đối với linh hồn giống như Tam Nguyên Tinh Thần đối với Chân thần: một phương tiện biểu hiện rõ ràng. Hầu hết các môn sinh ngày nay đang hoặc nên bận rộn với năng lượng thu hút này, vì cho đến khi họ làm chủ được bản chất dục vọng và chuyển hóa nó thành khát vọng và sự kiểm soát của linh hồn, họ không thể hy vọng lĩnh hội được năng lượng năng động của lửa điện. Từ tính thu hút này là năng lượng chế ngự và kiểm soát Thánh đoàn.

3. *The intelligent activity of fire by friction*. Students would be well advised to re-read *A Treatise on Cosmic Fire* where I deal at length with these three conditioning energies. This third energy is the basic energy expressing itself in the three worlds and in the four kingdoms in nature, climaxing its expression in the creative energy of the human kingdom. [131] This energy emanated originally (as far as our solar system and our planetary scheme are concerned) in the first solar system and is the best proven and the best known energy in manifestation. It is the medium for activity in all forms through which the planetary Logos expresses Himself; it is the result of the activity of the divine Mind, as that peculiar type of divine energy plays upon and through all atoms and upon all atomic forms. The fission of the nucleus of the atom in the past few years is the outer sign or demonstration that humanity has "encompassed" the divine Mind and can now move on to "encompass" the love or the attractive nature of divinity. Ponder upon this statement. I know not what word to use but *encompass* and it is entirely inadequate.

3. *Hoạt động thông tuệ của lửa do ma sát*. Các môn sinh nên đọc lại *Luận về Lửa Vũ Trụ* nơi tôi đề cập chi tiết đến ba năng lượng định hình này. Năng lượng thứ ba này là năng lượng cơ bản biểu hiện chính nó trong ba cõi và trong bốn giới của tự nhiên, đạt đến đỉnh điểm biểu hiện của nó trong năng lượng sáng tạo của giới nhân loại. [131] Năng lượng này bắt nguồn ban đầu (theo như hệ mặt trời của chúng ta và hệ hành tinh của chúng ta có liên quan) trong hệ mặt trời thứ nhất và là năng lượng được chứng minh rõ nhất và được biết đến nhiều nhất trong sự biểu hiện. Nó là phương tiện cho hoạt động trong tất cả các hình tướng mà qua đó Hành Tinh Thượng Đế biểu hiện chính Ngài; nó là kết quả của hoạt động của Trí Tuệ thiêng liêng, khi loại năng lượng thiêng liêng đặc biệt đó tác động lên và xuyên qua tất cả các nguyên tử và lên tất cả các hình tướng nguyên tử. Sự phân hạch hạt nhân của nguyên tử trong vài năm qua là dấu hiệu bên ngoài hay sự chứng minh rằng nhân loại đã "bao trùm" Trí Tuệ thiêng liêng và bây giờ có thể tiếp tục "bao trùm" tình thương hay bản chất thu hút của thiên tính. Hãy suy ngẫm về tuyên bố này. Tôi không biết dùng từ nào ngoài từ *bao trùm* và nó hoàn toàn không

A new and deeper esoteric terminology is badly needed.

đầy đủ. Một thuật ngữ huyền môn mới và sâu sắc hơn đang rất cần thiết.

If you will work with and reflect upon these three fundamental energies and search for their expression within yourself, you will greatly simplify your occult thinking. Let me here make a few more statements which you have perforce to accept hypothetically, but which can nevertheless be substantiated by you if you arrive at an understanding of the Law of Analogy or of Correspondences, and if you will also accept the truism that the microcosm reflects the macrocosm and, therefore, each human being is related to Deity through *essential similarity*.

Nếu các bạn làm việc với và suy ngẫm về ba năng lượng nền tảng này và tìm kiếm sự biểu hiện của chúng bên trong chính mình, các bạn sẽ đơn giản hóa rất nhiều tư duy huyền bí của mình. Hãy để tôi đưa ra ở đây thêm một vài tuyên bố mà các bạn buộc phải chấp nhận theo giả thuyết, nhưng tuy nhiên có thể được chứng minh bởi các bạn nếu các bạn đạt đến một sự thấu hiểu về Định luật Tương đồng hay Tương ứng, và nếu các bạn cũng chấp nhận chân lý rằng tiểu thiên địa phản chiếu đại thiên địa và, do đó, mỗi con người liên hệ với Thượng đế thông qua *sự tương đồng cốt yếu*.

Seven Statements Depicting the Pattern of the Present Planetary Work—Bảy Mệnh Đề Mô Tả Mô Hình của Công Việc Hành Tinh Hiện Tại

Statement One.

Mệnh Đề Một.

Dynamic electric energy entered into our planetary sphere from extra-planetary sources and from a point of definite focus upon the cosmic mental plane; this energy was paralleled by a secondary energy from the sun Sirius, thus accounting for the dualism of manifestation.

Năng lượng điện năng động đã đi vào bầu hành tinh của chúng ta từ các nguồn ngoại hành tinh và từ một điểm tập trung xác định trên cõi trí vũ trụ; năng lượng này được song hành bởi một năng lượng thứ cấp từ mặt trời Sirius, do đó giải thích cho nhị nguyên tính của sự biểu hiện.

Statement Two.

Mệnh Đề Hai.

This energy expanded outward from its central focus (the centre called Shamballa) and in this expansion became [132] the agency which *impressed* the Plan upon the serving Hierarchy. The Plan is that measure of possibility of immediate importance which the divine Purpose can present at any given moment in time and space.

Năng lượng này mở rộng ra bên ngoài từ tiêu điểm trung tâm của nó (trung tâm được gọi là Shamballa) và trong sự mở rộng này đã trở thành [132] tác nhân truyền ấn tượng về Thiên Cơ cho Thánh Đoàn đang phụng sự. Thiên Cơ là thước đo về khả năng có tầm quan trọng tức thời mà Thiên Ý có thể trình

bày tại bất kỳ thời điểm nào trong không gian và thời gian.

Statement Three.

Phát biểu Thứ Ba.

This process of expansion set up another focal point of energy, and the heart centre of the planet, the Hierarchy came into being; thus two centres were created and en rapport, which constitutes a major event upon the involutionary arc; to this, little attention has hitherto been paid. It coincided with" the advent or the arrival of the Lords of Flame from the alter ego of our Earth, the planet Venus. They created the nucleus of the Hierarchy which—in that far, very distant time—consisted of only forty-nine members; these were advanced human beings and not souls awaiting incarnation in human form on Earth, as was the case with the vast majority of these visiting Solar Angels.

Quá trình mở rộng này thiết lập một tiêu điểm năng lượng khác, và trung tâm tim của hành tinh, Thánh Đoàn, đã ra đời; do đó hai trung tâm đã được tạo ra và có mối giao cảm, điều này cấu thành một sự kiện trọng đại trên vòng cung giáng hạ; cho đến nay, rất ít sự chú ý được dành cho điều này. Nó trùng hợp với sự xuất hiện hay sự đến của các Đấng Chúa Tể của Lửa từ đối phần của Trái Đất chúng ta, hành tinh Sao Kim. Các Ngài đã tạo ra hạt nhân của Thánh Đoàn mà—vào thời gian xa xưa, rất xa đó—chỉ bao gồm bốn mươi chín thành viên; đây là những con người tiến hóa cao chứ không phải là những linh hồn đang chờ đợi tái sinh trong hình hài con người trên Trái Đất, như trường hợp của đại đa số các Thái dương Thiên Thần viếng thăm này.

Statement Four.

Phát biểu Thứ Tư.

Alignment between the head centre and the heart centre upon the involutionary arc was thus set up; another expansion took place which resulted, as you know well, in the creation of a new kingdom in nature, the fourth or human kingdom. This kingdom was destined to become and is today the third major centre in the planetary life. Then another alignment, but one which is still contained upon the involutionary arc, took place.

Do đó sự chỉnh hợp giữa trung tâm đầu và trung tâm tim trên cung giáng hạ đã được thiết lập; một sự mở rộng khác đã diễn ra mà kết quả là, như các bạn biết rõ, sự tạo thành một giới mới trong tự nhiên, giới thứ tư hay giới nhân loại. Giới này được định mệnh trở thành và ngày nay là trung tâm chính thứ ba trong sự sống hành tinh. Sau đó một sự chỉnh hợp khác, nhưng là sự chỉnh hợp vẫn còn nằm trên cung giáng hạ, đã diễn ra.

Statement Five.

Phát biểu Thứ Năm.

Today, an evolutionary alignment is taking place. The planetary centre which we call Humanity is active and vibrant, and it is

Ngày nay, một sự chỉnh hợp thăng thượng đang diễn ra. Trung tâm hành tinh mà chúng ta gọi là Nhân loại đang hoạt động và

now possible to “progress along the Upward Way and create the line which links the lesser with the higher, permitting thus an interplay.” Men are rapidly moving out of the human centre into [133] the hierarchical centre; the mass of men *are* responding to spiritual impression.

rung động, và giờ đây có thể “tiến bước trên Con Đường Đi Lên và tạo ra đường dây liên kết cái thấp hơn với cái cao hơn, do đó cho phép một sự tác động qua lại.” Con người đang nhanh chóng di chuyển ra khỏi trung tâm nhân loại để đi vào [133] trung tâm của thánh đoàn; quần chúng nhân loại *đang* đáp ứng với ấn tượng tinh thần.

Statement Six.

Phát biểu Thứ Sáu.

At the same time, the heart centre of the planetary Logos, the Hierarchy, whilst it is being responsive to the invocation of the throat centre, Humanity, is becoming increasingly evocative and is itself attaining a much higher contact and alignment with the head centre of the planetary Logos; it is, therefore, capable of receiving a constantly developing dynamic *impression* from Shamballa.

Đồng thời, trung tâm tim của Hành Tinh Thượng Đế, Thánh Đoàn, trong khi đang đáp ứng với sự khẩn cầu của trung tâm cổ họng, Nhân loại, thì ngày càng trở nên có tính gợi lên và bản thân nó đang đạt tới một sự tiếp xúc và chỉnh hợp cao hơn nhiều với trung tâm đầu của Hành Tinh Thượng Đế; do đó, nó có khả năng tiếp nhận một *ấn tượng* năng động đang phát triển không ngừng từ Shamballa.

Statement Seven.

Phát biểu Thứ Bảy.

Thus a great alignment is being achieved through the relationship and the interplay going on between these three major planetary centres; this produces a constant inflow of energies from several different sources, and these energies galvanise these three centres into a new and increased activity. Invocation is arising all the time between these centres and producing a consequent evocation of impressing energies.

Như thế một sự chỉnh hợp vĩ đại đang đạt được thông qua mối quan hệ và sự tác động qua lại đang diễn ra giữa ba trung tâm hành tinh chính này; điều này tạo ra một dòng năng lượng tuôn chảy liên tục từ một vài nguồn khác nhau, và những năng lượng này kích hoạt ba trung tâm này thành một hoạt động mới và gia tăng. Sự khẩn cầu đang khởi lên mọi lúc giữa các trung tâm này và tạo ra một sự gợi lên tương ứng của các năng lượng ấn tượng.

In these seven statements, you have depicted a PATTERN of the present planetary work or the present logoic thesis. An involutionary alignment (the guarantee of future successful alignments) constitutes most ancient history; an evolutionary alignment in which all three centres are involved is constantly producing an

Trong bảy phát biểu này, các bạn đã mô tả một MÔ HÌNH của công việc hành tinh hiện nay hoặc luận đề thượng đế hiện nay. Một sự chỉnh hợp giáng hạ (sự đảm bảo cho các sự chỉnh hợp thành công trong tương lai) cấu thành lịch sử cổ xưa nhất; một sự chỉnh hợp thăng thượng trong đó cả ba trung tâm đều tham gia đang liên tục tạo ra một sự tác

interplay of energies as well as a constantly successful impression of one centre upon another. Humanity, as the throat centre of the planetary Logos and the prime planetary creative agency (which modern science demonstrates), invokes the heart centre, the Hierarchy, and then receives the needed impression which will result in the developing civilisations and cultures as well as the eventual appearance on Earth of the fifth or spiritual [134] kingdom. The Hierarchy or the planetary heart centre invokes Shamballa, the planetary head centre, and the Plan—as an expression of the Purpose—is impressed upon the hierarchical consciousness. If there is redundancy in these various comments of mine, it is entirely intentional; repetition serves the purposes of accurate presentation where esotericism is concerned.

động qua lại của các năng lượng cũng như một sự ấn tượng thành công liên tục của trung tâm này lên trung tâm khác. Nhân loại, với tư cách là trung tâm cổ họng của Hành Tinh Thượng Đế và là cơ quan sáng tạo hành tinh chủ yếu (điều mà khoa học hiện đại chứng minh), khẩn cầu trung tâm tim, Thánh Đoàn, và sau đó tiếp nhận ấn tượng cần thiết vốn sẽ dẫn đến các nền văn minh và văn hóa đang phát triển cũng như sự xuất hiện cuối cùng trên Trái Đất của giới thứ năm hay giới tinh thần [134]. Thánh Đoàn hay trung tâm tim hành tinh khẩn cầu Shamballa, trung tâm đầu hành tinh, và Thiên Cơ—như một sự biểu lộ của Thiên Ý—được truyền bằng ấn tượng vào tâm thức của Thánh đoàn. Nếu có sự thừa thãi trong các bình luận khác nhau này của tôi, thì điều đó hoàn toàn là cố ý; sự lặp lại phục vụ cho các mục đích của việc trình bày chính xác khi liên quan đến khoa học nội môn.

As the invocative system spreads and a greater alignment is attained, Shamballa—the planetary head centre—invokes energies outside the planetary life and the inflow of cosmic and solar energies will be very much greater; for this the esotericists of the world must be prepared. It will also produce the advent or appearance of many AVATARS, bringing with Them many and very different kinds of energies to those which hitherto have controlled human affairs and the events and evolution of the other, the subhuman kingdoms in nature. With the reappearance of the Christ as the focal point or the supreme Agent of the planetary heart centre, a new era or "divine epoch" will be instituted. The Avatar of Synthesis will draw very close to humanity and He will inaugurate the "reign of Avatars" Who will be embodied Purpose and spiritual Will; They will initiate both the Hierarchy and Humanity into phases of the divine character of which, at present, nothing is

Khi hệ thống khẩn cầu lan rộng và một sự chỉnh hợp lớn hơn đạt được, Shamballa—trung tâm đầu hành tinh—khẩn cầu các năng lượng bên ngoài sự sống hành tinh và dòng tuôn chảy của các năng lượng vũ trụ và thái dương sẽ lớn hơn rất nhiều; đối với điều này các nhà bí truyền trên thế giới phải được chuẩn bị. Nó cũng sẽ tạo ra sự đến hay sự xuất hiện của nhiều ĐẤNG HÓA THÂN, mang theo Các Ngài nhiều loại năng lượng rất khác biệt so với những năng lượng cho đến nay vẫn kiểm soát các công việc của con người và các sự kiện cũng như sự tiến hóa của các giới khác, các giới dưới nhân loại trong tự nhiên. Với sự tái xuất hiện của Đức Christ như là tiêu điểm hay Tác Nhân tối cao của trung tâm tim hành tinh, một kỷ nguyên mới hay "thời đại thiêng liêng" sẽ được thiết lập. Đấng Hóa Thân của Sự Tổng Hợp sẽ đến rất gần với nhân loại và Ngài sẽ khai mạc "triều đại của các Đấng Hóa Thân", Những Vị sẽ là hiện thân của Thiên Ý và Ý Chí tinh thần; Các Ngài sẽ điểm đạo cả

known and for which we have no terminology that could convey the exact facts and nature. All that I am attempting to do here is to give you a general outline of events which may lie centuries ahead but which will inevitably occur—once the Christ is again in physical Presence and recognition on Earth.

Thánh Đoàn và Nhân loại vào các giai đoạn của tính cách thiêng liêng mà hiện nay chưa được biết đến và chúng ta không có thuật ngữ nào có thể chuyển tải các sự kiện và bản chất chính xác của nó. Tất cả những gì tôi đang cố gắng làm ở đây là cung cấp cho các bạn một phác thảo chung về các sự kiện có thể nằm ở phía trước hàng thế kỷ nhưng chắc chắn sẽ xảy ra—một khi Đức Christ lại hiện diện về mặt vật lý và được công nhận trên Trái Đất.

H.P.B. speaks in *The Secret Doctrine* of the "three periodical vehicles," referring as he does so to the Monad, the Soul and the Personality; he is dealing, therefore, with the nine aspects of divinity which connote the nine major initiations and those divine characteristics through which [135] the three major aspects of divinity reflect themselves. In this connection, it is well known to students that the Monad expresses itself through the Spiritual Triad, the Soul through the three aspects of the Egoic Lotus, and the Personality through the three mechanical vehicles. It will be obvious to you surely that these three periodical vehicles are under the influence or impression of the three major planetary centres and are, therefore, finally conditioned by the three major energies to which I referred earlier in this section. I do not feel it to be necessary to enlarge upon this basic relation; it is that which integrates the human soul into the vast general whole and makes the individual an intrinsic part of the sum total.

H.P.B. nói trong *Giáo Lý Bí Nhiệm* về "ba hiện thể định kỳ", khi nói như vậy là ám chỉ đến Chân Thần, Linh hồn và Phàm ngã; vì thế, bà đang đề cập đến chín phương diện của thiên tính vốn bao hàm chín cuộc điểm đạo chính và những đặc tính thiêng liêng đó mà qua đó [135] ba phương diện chính của thiên tính phản ánh chính chúng. Trong mối liên hệ này, các đạo sinh đều biết rõ rằng Chân Thần biểu lộ chính nó thông qua Tam Nguyên Tinh Thần, Linh hồn thông qua ba phương diện của Hoa Sen Chân Ngã, và Phàm ngã thông qua ba hiện thể cơ giới. Chắc chắn các bạn sẽ thấy rõ rằng ba hiện thể định kỳ này chịu ảnh hưởng hay ấn tượng của ba trung tâm hành tinh chính và, do đó, cuối cùng chịu sự định hình của ba năng lượng chính mà tôi đã đề cập trước đó trong phần này. Tôi không cảm thấy cần thiết phải trình bày rộng thêm về mối quan hệ cơ bản này; chính điều đó tích hợp linh hồn con người vào cái toàn thể chung rộng lớn và làm cho cá nhân trở thành một phần nội tại của tổng thể.

The Centres and the Ray Energies—Các Trung Tâm và Năng Lượng Cung

There is one aspect of the *Science of Impression* upon which I have not yet

Có một khía cạnh của *Khoa học về Sự Ấn tượng* mà tôi chưa đề cập đến và đó là vị trí

touched and that is the place of the centres as focal points, as transmitters or as agencies for the seven ray energies. It is known to esotericists that each of the seven centres comes under the influence or is the recipient of some ray energy, and there is a general acceptance of the fact that the head centre is the agent of the first Ray of Will or Power, the heart centre is the custodian of second Ray energy of Love-Wisdom, whilst the third Ray of active creative Intelligence passes through and energises the throat centre. These Rays of Aspect do find expression through the three centres above the diaphragm, and—on the larger scale—through Shamballa, the Hierarchy and Humanity. It is, however, equally true that Shamballa is primarily second ray as it is expressed, because that is the ray of the present solar system of which Shamballa is a part; and that the first ray, or its dynamic life aspect, is focused in the heart, for the heart is the centre of life. The great centre which we call Humanity is predominantly governed by the third Ray of Active Intelligence. This ray energy arrives at the throat centre via the head and the heart centres. I [136] am pointing this out for two reasons which must form part of your thinking as you study this science:

của các trung tâm như là các tiêu điểm, như là các bộ phát hay như là các cơ quan cho bảy năng lượng cung. Các nhà bí truyền biết rằng mỗi một trong bảy trung tâm đều chịu ảnh hưởng hoặc là nơi tiếp nhận của một năng lượng cung nào đó, và có một sự chấp nhận chung về thực tế rằng trung tâm đầu là tác nhân của Cung một của Ý Chí hay Quyền Năng, trung tâm tim là người giám hộ của năng lượng Cung hai của Bác Ái-Minh Triết, trong khi Cung ba của Trí Tuệ Sáng Tạo hoạt động đi qua và tiếp năng lượng cho trung tâm cổ họng. Các Cung Trạng Thái này thực sự tìm thấy sự biểu lộ thông qua ba trung tâm bên trên cơ hoành, và—trên quy mô lớn hơn—thông qua Shamballa, Thánh Đoàn và Nhân loại. Tuy nhiên, cũng đúng là Shamballa chủ yếu là cung hai như nó được biểu lộ, bởi vì đó là cung của hệ mặt trời hiện tại mà Shamballa là một phần; và rằng cung một, hay phương diện sự sống năng động của nó, được tập trung trong tim, vì tim là trung tâm của sự sống. Trung tâm vĩ đại mà chúng ta gọi là Nhân loại chủ yếu được cai quản bởi Cung ba của Trí Tuệ Hoạt Động. Năng lượng cung này đi đến trung tâm cổ họng thông qua các trung tâm đầu và tim. Tôi [136] đang chỉ ra điều này vì hai lý do vốn phải hình thành một phần trong tư duy của các bạn khi các bạn nghiên cứu khoa học này:

1. All the centres come under the influence of all the rays, and this must surely be obvious in relation to average and undeveloped human beings. Were this not so, such human beings would he unable to respond to first ray, second ray and third ray energy, for the centres above the diaphragm are, in their case, inactive.

1. Tất cả các trung tâm đều chịu ảnh hưởng của tất cả các cung, và điều này chắc chắn phải hiển nhiên đối với những con người trung bình và chưa phát triển. Nếu không như vậy, những con người như thế sẽ không thể đáp ứng với năng lượng cung một, cung hai và cung ba, vì các trung tâm bên trên cơ hoành, trong trường hợp của họ, là không hoạt động.

2. In time and space and during the evolutionary process, it is not possible to say

2. Trong không gian và thời gian và trong suốt quá trình tiến hóa, không thể nói trung

which centre is expressing the energy of any particular ray, for there is a constant movement and activity. The centre at the base of the spine is frequently the expression of first ray energies. This is apt to be confusing. The human mind seeks to make everything precise, stable, to bracket certain relations or to assign certain centres to certain ray energies. This cannot be done.

tâm nào đang biểu lộ năng lượng của bất kỳ cung cụ thể nào, vì có một sự chuyển động và hoạt động liên tục. Trung tâm tại đáy cột sống thường là sự biểu lộ của các năng lượng cung một. Điều này dễ gây nhầm lẫn. Thể trí con người tìm cách làm cho mọi thứ trở nên chính xác, ổn định, để đóng khung các mối quan hệ nhất định hoặc gán các trung tâm nhất định cho các năng lượng cung nhất định. Điều này không thể làm được.

At the end of the world cycle, when divine purpose is fulfilled and the evolutionary process has brought about the changes and adjustments needed for the full expression of the Will of Sanat Kumara, then the situation will be different and men will know (as the Members of the Hierarchy know) which centres express the seven ray energies. It must be remembered also that the Rays of Attribute shift and change constantly; for instance, humanity as the planetary throat centre is under the constant influence of the seventh ray, as is the solar plexus centre of the planet. To that sub-diaphragmatic centre I give no name. Though the human throat centre is primarily expressing the third ray, there is an interesting situation to be noted in this connection: two ray energies control this centre *at this time.*

Vào cuối chu kỳ thế giới, khi thiên ý được hoàn thành và quá trình tiến hóa đã mang lại những thay đổi và điều chỉnh cần thiết cho sự biểu lộ trọn vẹn Ý Chí của Sanat Kumara, thì tình hình sẽ khác và con người sẽ biết (như các Thành viên của Thánh Đoàn biết) trung tâm nào biểu lộ bảy năng lượng cung. Cũng cần nhớ rằng các Cung Thuộc Tính thay đổi và biến đổi liên tục; ví dụ, nhân loại như là trung tâm cổ họng hành tinh chịu ảnh hưởng liên tục của cung bảy, cũng như trung tâm tùng thái dương của hành tinh. Đối với trung tâm dưới cơ hoành đó tôi không đặt tên. Mặc dù trung tâm cổ họng của con người chủ yếu biểu lộ cung ba, nhưng có một tình huống thú vị cần lưu ý trong mối liên hệ này: hai năng lượng cung kiểm soát trung tâm này *vào lúc này.*

[137]

[137]

The throat centre of the average integrated personality is governed by the third ray and is strongly energised by third ray energies (again seven in number), whilst the throat centre of the spiritual aspirant, of disciples and initiates below the third initiation is responding primarily to seventh ray influence, and this is peculiarly the case now as the seventh ray is in incarnation. The rays which are manifesting at any particular

Trung tâm cổ họng của phàm ngã tích hợp trung bình được cai quản bởi cung ba và được tiếp năng lượng mạnh mẽ bởi các năng lượng cung ba (cũng là bảy về số lượng), trong khi trung tâm cổ họng của người chí nguyện tinh thần, của các đệ tử và các điểm đạo đồ dưới cấp bậc điểm đạo thứ ba thì đáp ứng chủ yếu với ảnh hưởng của cung bảy, và đây là trường hợp đặc biệt hiện nay khi cung bảy đang lâm phàm. Các cung đang biểu lộ

time affect powerfully all the other centres as well as the one through which they are normally expressing. This is a point oft forgotten.

tại bất kỳ thời điểm cụ thể nào cũng ảnh hưởng mạnh mẽ đến tất cả các trung tâm khác cũng như trung tâm mà qua đó chúng thường biểu lộ. Đây là một điểm thường bị lãng quên.

It is needless for me to point out that—as man progresses upon the Path of Return—he consistently comes under the impression of the centre of which he is an integral part: that is, first of all, the planetary throat centre, the human family; then, as a soul, he comes under the impression of the Hierarchy, the planetary heart centre, and at that point he begins to express the combined energies of the intelligence and of love; finally, on the Path of Initiation, he comes under the impression of Shamballa, the planetary head centre, and becomes a participant in the divine Purpose and an Agent of the divine Plan.

Tôi không cần phải chỉ ra rằng—khi con người tiến bộ trên Con Đường Trở Về—y liên tục chịu sự ấn tượng của trung tâm mà y là một phần thiết yếu: nghĩa là, trước hết, trung tâm cổ họng hành tinh, gia đình nhân loại; sau đó, như là một linh hồn, y chịu sự ấn tượng của Thánh Đoàn, trung tâm tim hành tinh, và tại điểm đó y bắt đầu biểu lộ các năng lượng kết hợp của trí tuệ và của tình thương; cuối cùng, trên Con Đường Điểm Đạo, y chịu sự ấn tượng của Shamballa, trung tâm đầu hành tinh, và trở thành một người tham dự vào Thiên Ý và một Tác Nhân của Thiên Cơ.

Separateness: the Great Illusion—Sự Chia Rẽ: Đại Ảo Tưởng

It is therefore literally and eternally true that the same energetic Life pours through the planetary centres, into and through the three periodical vehicles of the incarnated Monad, and finally into and through the three centres in the human etheric body which correspond to the three major centres of the planetary Logos. There is, therefore, nowhere to be found any basis for separation or any possible point of separation or of essential division. Any sense of separateness is due simply to ignorance and to the fact that certain energies are as yet unable to make adequate impression upon the human consciousness, functioning in time and space. The essential synthesis exists and the end is sure and [138] inevitable; unity *is*

Do đó, hoàn toàn đúng theo nghĩa đen và vĩnh viễn là cùng một Sự Sống đầy năng lượng tuôn chảy qua các trung tâm hành tinh, đi vào và xuyên qua ba hiện thể định kỳ của Chân Thần đã nhập thể, và cuối cùng đi vào và xuyên qua ba trung tâm trong thể dĩ thái con người vốn tương ứng với ba trung tâm chính của Hành Tinh Thượng Đế. Do đó, không tìm thấy ở đâu bất kỳ cơ sở nào cho sự chia rẽ hay bất kỳ điểm chia rẽ khả dĩ nào hay sự phân chia cốt yếu nào. Bất kỳ cảm giác chia rẽ nào cũng chỉ đơn giản là do vô minh và do thực tế là các năng lượng nhất định vẫn chưa thể tạo ra ấn tượng đầy đủ lên tâm thức con người đang hoạt động trong không gian và thời gian. Sự tổng hợp cốt yếu tồn tại và kết cục là chắc chắn và [138] không thể tránh khỏi; sự hợp nhất *là* có thể

attainable because unity exists and the sense of separateness is simply the Great Illusion.

đạt được bởi vì sự hợp nhất tồn tại và cảm giác chia rẽ chỉ đơn giản là Đại Ảo Tưởng.

It was in order to hasten the dispelling of this great illusion of separateness in the minds of men, and to bring about the emergence of the basic existing unity, that the new world prayer was given to men and its use on a world-wide scale inaugurated. Elsewhere *(The Reapperarance of the Christ)* I have told you of the origin and the impulsing of the Great Invocation. Here I am simply placing it before you as a fitting conclusion to this portion of my labour of love in the presentation of truth, and as a possible starting point in yours.

Chính là để đẩy nhanh việc xua tan đại ảo tưởng về sự chia rẽ này trong thể trí con người, và để mang lại sự xuất hiện của sự hợp nhất cơ bản đang hiện hữu, mà bài cầu nguyện thế giới mới đã được trao cho con người và việc sử dụng nó trên quy mô toàn thế giới đã được khai mạc. Ở nơi khác *(Sự Tái Xuất Hiện của Đức Christ)* tôi đã nói với các bạn về nguồn gốc và sự thôi thúc của Đại Khấn Nguyện. Ở đây tôi chỉ đơn giản đặt nó trước các bạn như một kết luận phù hợp cho phần này trong công việc của tôi vì tình thương trong việc trình bày chân lý, và như một điểm khởi đầu khả dĩ trong công việc của các bạn.

From the point of Light within the Mind of God

Từ điểm Ánh sáng trong Trí Thượng Đế

Let light stream forth into the minds of men.

Cầu xin Ánh sáng tràn vào Trí Con người

Let Light descend on Earth.

Cầu xin Ánh sáng giáng xuống trần gian

From the point of Love within the Heart of God

Từ điểm Tình thương trong Tâm Thượng đế

Let love stream forth into the hearts of men.

Cầu xin Tình thương tràn vào Tâm Con người

May Christ return to Earth.

Cầu xin Đức Christ trở lại trần gian

From the centre where the Will of God is known

Từ Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế

Let purpose guide the little wills of men—

Cầu xin Thiên Ý dẫn dắt ý chí nhỏ bé của Con người

The Purpose which the Masters know and serve.

Thiên Ý mà các Chân sư đều biết và phụng sự

From the centre which we call the race of men	Từ trung tâm mà chúng ta gọi là Loài người
Let the Plan of Love and Light work out.	Cầu xin Thiên Cơ của Tình thương và Ánh sáng được thực thi
And may it seal the door where evil dwells.	Và cầu mong Thiên cơ đóng kín cửa vào nẻo ác
Let Light and Love and Power restore the Plan on Earth.	Cầu xin Ánh sáng, Tình thương và Quyền năng phục hồi Thiên cơ trên Trần gian

SECTION TWO — TEACHING ON THE ETHERIC VEHICLE—PHẦN HAI — HUẤN THỊ VỀ THỂ DĨ THÁI

I. THE NATURE OF THE ETHERIC BODY—I. BẢN CHẤT CỦA THỂ DĨ THÁI

(See Chart Evolution of a Solar Logos)

(Xem Biểu đồ Sự Tiến hóa của một Thái dương Thượng đế)

[139]

[139]

Much that I may say here may be familiar to a certain extent, because there is a vast amount of information anent the etheric body scattered throughout my various books. It will have its value however if students can receive in a few pages a general idea and the basic concepts which underlie the teaching—or should I say, the fact? If they have the time, students would find it of profit to re-read what I said; run their eyes rapidly through the books and papers in search of the word "etheric." They will never regret it. Life itself, the training to be given in the future, the conclusions of science and a new mode of civilisation will all increasingly be focussed on this unique substance which is the true form to which all physical bodies in every kingdom in nature conform. Note that phraseology.

Nhiều điều mà tôi có thể nói ở đây có thể quen thuộc ở một mức độ nhất định, bởi vì có một lượng thông tin khổng lồ về thể dĩ thái nằm rải rác trong các cuốn sách khác nhau của tôi. Tuy nhiên, nó sẽ có giá trị nếu các đạo sinh có thể nhận được trong một vài trang một ý tưởng chung và các khái niệm cơ bản làm nền tảng cho sự giảng dạy—hay tôi nên nói là, sự thật? Nếu họ có thời gian, các đạo sinh sẽ thấy có lợi khi đọc lại những gì tôi đã nói; lướt nhanh mắt qua các cuốn sách và bài viết để tìm kiếm từ "dĩ thái". Họ sẽ không bao giờ hối tiếc điều đó. Chính sự sống, sự huấn luyện sẽ được đưa ra trong tương lai, các kết luận của khoa học và một phương thức văn minh mới, tất cả sẽ ngày càng tập trung vào chất liệu độc đáo này vốn là hình thể thực sự mà mọi thể xác trong mọi giới trong tự nhiên đều tuân theo. Hãy lưu ý cách diễn đạt đó.

The attitude of occultism is, at this time, relatively negative to the fact and the nature of the etheric body. People are ready to admit its existence, but the dominant factors in their consciousness are the fact of the physical body (around whose comfort, security and care all life seems woven) and the fact of the astral or emotional nature. Not one among them, or among occult students generally, pays any attention to the

Thái độ của huyền bí học, vào lúc này, tương đối tiêu cực đối với thực tế và bản chất của thể dĩ thái. Mọi người sẵn sàng thừa nhận sự tồn tại của nó, nhưng các yếu tố thống trị trong tâm thức của họ là thực tế của thể xác (mà quanh sự thoải mái, an toàn và chăm sóc của nó, mọi cuộc sống dường như được dệt nên) và thực tế của bản chất cảm dục hay cảm xúc. Không một ai trong số họ, hay trong số các đạo sinh huyền môn nói chung,

etheric body, and there is a great hiatus or gap in consciousness today (only this time normally and rightly) between the personality and the Spiritual Triad. This gap will be bridged by the building of the antahkarana, and this can only be built by advanced students. There is no such planned bridge for the gap in [140] consciousness between the physical body and the etheric counterpart. The etheric body exists in subtle etheric matter, and factually there is no true gap; there is simply the ignoring by humanity of an aspect of the physical body which is of far more importance than is the dense physical vehicle. The consciousness of men today is physical-astral, and the factor of conditioning energies is ignored, overlooked, and—from the angle of consciousness—non-existent.

chú ý đến thể dĩ thái, và có một sự gián đoạn hay khoảng cách lớn trong tâm thức ngày nay (chỉ là lần này là bình thường và đúng đắn) giữa phàm ngã và Tam Nguyên Tinh Thần. Khoảng cách này sẽ được bắc cầu bằng việc xây dựng antahkarana, và điều này chỉ có thể được xây dựng bởi các đạo sinh cao cấp. Không có cây cầu được hoạch định như vậy cho khoảng cách trong [140] tâm thức giữa thể xác và đối phần dĩ thái. Thể dĩ thái tồn tại trong vật chất dĩ thái tinh tế, và trên thực tế không có khoảng cách thực sự nào; chỉ đơn giản là việc nhân loại lờ đi một phương diện của thể xác vốn quan trọng hơn nhiều so với hiện thể vật lý đậm đặc. Tâm thức của con người ngày nay là vật lý-cảm dục, và yếu tố của các năng lượng định hình bị lờ đi, bỏ qua, và—từ góc độ tâm thức—là không tồn tại.

One of the main obligations of occult students today is to testify to the fact of the etheric body; modern science is already thus testifying because its researches have now landed it in the realm of energy. Electro-therapy, the growing recognition that man is electrical in nature, and the realisation that even the atom in apparently inanimate objects is a living vibrant entity substantiate this occult point of view. Generally speaking, science has preceded esotericism in its recognition of energy as a dominant factor in all form expression. Theosophists and others pride themselves on being ahead of human thinking, but such is not the case. H.P.B., an initiate of high standing, presented views ahead of science, but that does not apply to the exponents of the theosophical teaching. The fact of all manifested forms being forms of energy, and that the true human form is no exception, is the gift of science to humanity and not the gift of occultism. The demonstration that light and matter are synonymous terms is also a scientific

Một trong những nghĩa vụ chính của các đạo sinh huyền môn ngày nay là làm chứng cho thực tế của thể dĩ thái; khoa học hiện đại đã làm chứng như vậy vì các nghiên cứu của nó giờ đây đã đưa nó vào lĩnh vực năng lượng. Liệu pháp điện, sự thừa nhận ngày càng tăng rằng con người có bản chất điện, và sự chứng nghiệm rằng ngay cả nguyên tử trong các vật thể dường như vô tri vô giác cũng là một thực thể sống động rung động, chứng minh cho quan điểm huyền môn này. Nói chung, khoa học đã đi trước khoa học nội môn trong việc công nhận năng lượng là một yếu tố thống trị trong mọi biểu lộ hình tướng. Các nhà Thông Thiên Học và những người khác tự hào về việc đi trước tư duy của con người, nhưng thực tế không phải như vậy. H.P.B., một điểm đạo đồ cấp cao, đã trình bày những quan điểm đi trước khoa học, nhưng điều đó không áp dụng cho những người giải thích giáo lý thông thiên học. Thực tế về việc mọi hình tướng biểu hiện đều là các hình thức của năng lượng, và rằng hình thể con người thực sự không phải là ngoại lệ, là món quà của khoa học dành cho nhân loại chứ

conclusion. Esotericists have always known this, but their aggressive and foolish presentations of the truth have greatly handicapped the Hierarchy. Frequently the Masters have deplored the technique of the theosophists and other occult groups. When the new presentation of the occult teaching made its appearance through the inspired activity of H.P.B., a number (an increasing number as the years slipped by) of theosophical members presented the occult [141] teaching in such a manner that it travestied the true teaching and outraged the intellectual perception of the mass of enquiring and intelligent men. The teaching on the etheric body is an instance of this. H.P.B. was largely responsible, because of utilising the word "astral" to cover a mass of information anent the etheric as well as the astral. This was due to the realisation of the fact that the astral body was doomed in a few generations (relatively speaking) to disappear, and for H.P.B. in particular was already nonexistent, owing to the advanced point in evolution reached by this disciple.

không phải món quà của huyền bí học. Việc chứng minh rằng ánh sáng và vật chất là các thuật ngữ đồng nghĩa cũng là một kết luận khoa học. Các nhà bí truyền luôn biết điều này, nhưng những sự trình bày hùng hổ và ngu ngốc của họ về chân lý đã gây trở ngại lớn cho Thánh Đoàn. Thường thì các Chân sư đã than phiền về kỹ thuật của các nhà thông thiên học và các nhóm huyền môn khác. Khi sự trình bày mới về giáo lý huyền môn xuất hiện thông qua hoạt động đầy cảm hứng của H.P.B., một số lượng (số lượng ngày càng tăng khi những năm tháng trôi qua) các thành viên thông thiên học đã trình bày giáo lý [141] huyền môn theo cách khiến nó xuyên tạc giáo lý chân chính và xúc phạm nhận thức trí tuệ của đại chúng những người tìm hiểu và thông minh. Giáo lý về thể dĩ thái là một ví dụ về điều này. H.P.B. chịu trách nhiệm lớn, vì đã sử dụng từ "cảm dục" để bao hàm một khối lượng thông tin về dĩ thái cũng như cảm dục. Điều này là do sự chứng nghiệm thực tế rằng thể cảm dục đã bị định đoạt sẽ biến mất trong một vài thế hệ (nói một cách tương đối), và đối với riêng H.P.B. thì đã không tồn tại, do điểm tiến hóa cao mà đệ tử này đạt được.

Realising that the etheric body was an expression always of the dominant energy controlling mankind in any particular cycle, H.P.B. used the term "astral body" as interchangeable with the etheric body. The etheric body, in the vast majority of cases is the vehicle or the instrument of astral energy. The mass of men are still Atlantean or astral in their natures, and this means a far larger percentage than the average occultist is willing to admit. H.P.B. was, however, truthful and knew that at that time and for several hundred years afterwards (probably about three hundred years) the astral body would continue to govern the mass of human reactions and their consequent daily life expression. Hence

Nhận ra rằng thể dĩ thái luôn là một sự biểu lộ của năng lượng thống trị kiểm soát nhân loại trong bất kỳ chu kỳ cụ thể nào, H.P.B. đã sử dụng thuật ngữ "thể cảm dục" như là hoán đổi được với thể dĩ thái. Thể dĩ thái, trong đại đa số các trường hợp, là hiện thể hay công cụ của năng lượng cảm dục. Quần chúng nhân loại vẫn là người Atlantis hay thuộc về cảm dục trong bản chất của họ, và điều này có nghĩa là một tỷ lệ phần trăm lớn hơn nhiều so với mức mà nhà huyền bí học trung bình sẵn sàng thừa nhận. Tuy nhiên, H.P.B. là người trung thực và biết rằng vào thời điểm đó và trong vài trăm năm sau đó (có lẽ khoảng ba trăm năm), thể cảm dục sẽ tiếp tục chi phối phần lớn các phản ứng của con người và sự biểu lộ đời sống hàng ngày

the apparent confusion in the writings between these two "bodies."

theo sau của họ. Do đó có sự nhầm lẫn rõ ràng trong các bài viết giữa hai "thể" này.

Here is a basic statement—one that is so basic that it governs and controls all thinking anent the etheric body:

Đây là một phát biểu cơ bản—một phát biểu cơ bản đến mức nó chi phối và kiểm soát mọi suy nghĩ về thể dĩ thái:

The etheric body is primarily composed of the dominant energy or energies to which the man, the group, the nation, or the world reacts in any particular time cycle or world period.

Thể dĩ thái chủ yếu được cấu tạo bởi năng lượng hoặc các năng lượng thống trị mà con người, nhóm, quốc gia, hoặc thế giới phản ứng lại trong bất kỳ chu kỳ thời gian hoặc giai đoạn thế giới cụ thể nào.

If you are to understand clearly, it is essential that I lay down certain propositions anent the etheric body which [142] should govern all the student's thinking; if they do not, he will be approaching the truth from the wrong angle; this, modern science does not do. The limitation of modern science is its lack of vision; the hope of modern science is that it does recognise truth when proven. Truth in all circumstances is essential and in this matter science gives a desirable lead, even though it ignores and despises occultism. Occult scientists handicap themselves either because of their presentation of the truth or because of a false humility. Both are equally bad.

Nếu các bạn muốn hiểu rõ ràng, điều thiết yếu là tôi phải đặt ra một số mệnh đề về thể dĩ thái mà [142] nên chi phối mọi suy nghĩ của đạo sinh; nếu không, y sẽ tiếp cận chân lý từ một góc độ sai lầm; điều này, khoa học hiện đại không làm. Hạn chế của khoa học hiện đại là sự thiếu tầm nhìn của nó; hy vọng của khoa học hiện đại là nó công nhận chân lý khi được chứng minh. Chân lý trong mọi hoàn cảnh là thiết yếu và trong vấn đề này khoa học đưa ra một sự dẫn dắt đáng mong muốn, mặc dù nó phớt lờ và coi thường huyền bí học. Các nhà khoa học huyền môn tự gây trở ngại cho mình hoặc vì cách trình bày chân lý của họ hoặc vì một sự khiêm tốn giả tạo. Cả hai đều tệ như nhau.

There are six major propositions which govern all consideration of the etheric body, and I would like to present them to students as a first step:

Có sáu mệnh đề chính chi phối mọi sự xem xét về thể dĩ thái, và tôi muốn trình bày chúng cho các đạo sinh như một bước đầu tiên:

1. There is nothing in the manifested universe—solar, planetary or the various kingdoms in nature—which does not possess an energy form, subtle and intangible yet substantial, which controls, governs and conditions the outer physical body. This is the etheric body.

1. Không có gì trong vũ trụ biểu hiện—thái dương, hành tinh hay các giới khác nhau trong tự nhiên—mà không sở hữu một hình thể năng lượng, tinh tế và vô hình nhưng có thực chất, vốn kiểm soát, cai quản và định hình thể xác bên ngoài. Đây là thể dĩ thái.

2. This energy form—underlying the solar system, the planets and all forms within their specific rings-pass-not—is itself conditioned and governed by the dominant solar or planetary energy which ceaselessly and without break in time, creates it, changes and qualifies it. The etheric body is subject to ceaseless change. This, being true of the Macrocosm, is equally true of man, the microcosm, and—through the agency of humanity—will eventually and mysteriously prove true of all the subhuman kingdoms in nature. Of this, the animal kingdom and the vegetable kingdom are already evidences.

2. Hình thể năng lượng này—nằm bên dưới hệ mặt trời, các hành tinh và tất cả các hình tướng bên trong các vòng-giới-hạn cụ thể của chúng—bản thân nó chịu sự định hình và cai quản của năng lượng thái dương hoặc hành tinh thống trị vốn không ngừng và không gián đoạn trong thời gian, tạo ra nó, thay đổi và định tính nó. Thể dĩ thái chịu sự thay đổi không ngừng. Điều này, đúng với Đại thiên địa, cũng đúng như vậy đối với con người, tiểu thiên địa, và—thông qua tác động của nhân loại—cuối cùng và một cách bí ẩn sẽ chứng minh là đúng đối với tất cả các giới dưới nhân loại trong tự nhiên. Về điều này, giới động vật và giới thực vật đã là những bằng chứng.

3. The etheric body is composed of interlocking and circulating lines of force emanating from one or [143] other, or from one or many, of the seven planes or areas of consciousness of our planetary Life.

3. Thể dĩ thái được cấu tạo bởi các dòng lực đan kết và luân chuyển phát ra từ cõi này hoặc [143] cõi khác, hoặc từ một hay nhiều cõi, trong bảy cõi hay khu vực tâm thức của Sự Sống hành tinh chúng ta.

4. These lines of energy and this closely interlocking system of streams of force are related to seven focal points or centres to be found within the etheric body. These centres are related, each of them, to certain types of incoming energy. When the energy reaching the etheric body is not related to a particular centre, then that centre remains quiescent and unawakened; when it is related and the centre is sensitive to its impact, then that centre becomes vibrant and receptive and develops as a controlling factor in the life of the man on the physical plane.

4. Các dòng năng lượng này và hệ thống các luồng lực đan kết chặt chẽ này có liên quan đến bảy tiêu điểm hoặc trung tâm được tìm thấy bên trong thể dĩ thái. Các trung tâm này có liên quan, mỗi trung tâm, đến các loại năng lượng đi vào nhất định. Khi năng lượng đến thể dĩ thái không liên quan đến một trung tâm cụ thể, thì trung tâm đó vẫn yên tĩnh và chưa thức tỉnh; khi nó có liên quan và trung tâm nhạy cảm với tác động của nó, thì trung tâm đó trở nên rung động và tiếp nhận và phát triển như một yếu tố kiểm soát trong cuộc sống của con người trên cõi trần.

5. The dense physical body, composed of atoms—each with its own individual life, light and activity—is held together by and is expressive of the energies which compose the etheric body. These, as will be apparent, are of two natures:

5. Thể xác đậm đặc, bao gồm các nguyên tử—mỗi nguyên tử có sự sống, ánh sáng và hoạt động cá biệt của riêng nó—được giữ lại với nhau bởi và là biểu hiện của các năng lượng cấu thành thể dĩ thái. Các năng lượng này, như sẽ thấy rõ, có hai bản chất:

a. The energies which form (through interlocked "lines of forceful energy") the underlying etheric body, as a whole and in relation to all physical forms. This form is qualified then by the *general* life and vitality of the plane on which the Dweller in the body functions, and therefore where his consciousness is normally focussed.

a. Các năng lượng hình thành (thông qua các "dòng năng lượng mạnh mẽ" đan kết) thể dĩ thái nằm bên dưới, như một tổng thể và trong mối liên hệ với tất cả các hình thể vật lý. Hình thể này sau đó được định tính bởi sự sống và sức sống *chung* của cõi mà Người Ngụ trong thể xác hoạt động trên đó, và do đó nơi tâm thức của y thường tập trung.

b. The particularised or specialised energies by which the individual (at this particular point in evolution, through the circumstances of his daily life and his heredity) *chooses* to govern his daily activities.

b. Các năng lượng được cá biệt hóa hoặc chuyên biệt hóa mà cá nhân (tại điểm tiến hóa cụ thể này, thông qua hoàn cảnh sống hàng ngày và di truyền của mình) *lựa chọn* để cai quản các hoạt động hàng ngày của mình.

6. The etheric body has many centres of force, responsive to the manifold energies of our planetary Life, but we shall consider only the seven major [144] centres which respond to the inflowing energies of the seven rays. All lesser centres are conditioned by the seven major centres; this is a point which students are apt to forget. It is here that knowledge of the egoic and of the personality rays is of prime usefulness.

6. Thể dĩ thái có nhiều trung tâm lực, đáp ứng với các năng lượng đa dạng của Sự Sống hành tinh chúng ta, nhưng chúng ta sẽ chỉ xem xét bảy trung tâm [144] chính đáp ứng với các năng lượng đang tuôn vào của bảy cung. Tất cả các trung tâm nhỏ hơn đều chịu sự định hình của bảy trung tâm chính; đây là một điểm mà các đạo sinh dễ quên. Chính ở đây mà kiến thức về các cung chân ngã và cung phàm ngã có ích lợi chủ yếu.

It can be seen, therefore, how exceedingly important this subject of energy becomes, because it controls and makes the man what he is at any given moment, and likewise indicates the plane on which he should function, and the method whereby he should govern his environment, circumstances and relationships. If this is grasped by him, it will enable him to realise that he will have to shift his whole attention from the physical or the astral planes on to the etheric levels of awareness; his objective will then be to determine what energy should control his daily expression (or energies, if he is an advanced disciple). He will realise also that as his attitude, attainment and comprehension shift to ever

Do đó, có thể thấy chủ đề năng lượng này trở nên cực kỳ quan trọng như thế nào, bởi vì nó kiểm soát và tạo nên con người như y đang là tại bất kỳ thời điểm nào, và cũng chỉ ra cõi mà trên đó y nên hoạt động, và phương pháp mà nhờ đó y nên cai quản môi trường, hoàn cảnh và các mối quan hệ của mình. Nếu điều này được y nắm bắt, nó sẽ cho phép y nhận ra rằng y sẽ phải chuyển toàn bộ sự chú ý của mình từ cõi trần hoặc cõi cảm dục sang các cấp độ nhận biết dĩ thái; mục tiêu của y sau đó sẽ là xác định năng lượng nào nên kiểm soát sự biểu lộ hàng ngày của mình (hoặc các năng lượng, nếu y là một đệ tử cao cấp). Y cũng sẽ nhận ra rằng khi thái độ, thành tựu và sự thấu hiểu của y chuyển sang các cấp độ cao hơn bao giờ hết, thể dĩ thái của y sẽ liên

higher levels, his etheric body will be constantly changing and responding to the newer energies. These energies he will be *will-fully* bringing in; this is the right use of the word "will-full."

tục thay đổi và đáp ứng với các năng lượng mới hơn. Những năng lượng này y sẽ mang vào một cách *đầy ý chí*; đây là cách sử dụng đúng của từ "đầy ý chí".

It is not easy for the average seer or clairvoyant to distinguish the etheric body from its environment or to isolate its particular type of energy or livingness, for the reason that its automaton, the physical body—being composed of vibrant energetic atoms—is itself in constant movement, and such movement involves a necessary radiation as a consequence; animal magnetism is an illustration of this radiation. This emanation from the dense physical body normally and naturally mingles with the energies of the etheric body, and thus only the trained seer can differentiate between the two, particularly within the physical body itself.

Không dễ dàng cho nhà thông nhãn hay người thấy trung bình phân biệt thể dĩ thái với môi trường của nó hoặc tách biệt loại năng lượng hay sức sống cụ thể của nó, vì lý do là bộ máy tự động của nó, thể xác—vốn bao gồm các nguyên tử năng lượng rung động—bản thân nó đang chuyển động liên tục, và chuyển động như vậy bao hàm một sự bức xạ tất yếu như một hệ quả; từ khí động vật là một minh họa cho sự bức xạ này. Sự phát xạ này từ thể xác đậm đặc thường và tự nhiên hòa lẫn với các năng lượng của thể dĩ thái, và do đó chỉ có nhà thông nhãn được huấn luyện mới có thể phân biệt giữa hai loại này, đặc biệt là bên trong chính thể xác.

[145]

[145]

From one point of view the etheric body can be looked at in two ways: first, as it interpenetrates, underlies and occupies the entire physical organism and, secondly, as it extends beyond the physical form and surrounds it like an aura. According to the point in evolution will be the extent of the area which the etheric body covers beyond the outside of the physical body. It may extend for a few or many inches. It is only in this area that the vital body can be studied with relative ease, once the emanatory activity of the physical atoms is offset or allowed for.

Từ một quan điểm, thể dĩ thái có thể được nhìn theo hai cách: thứ nhất, khi nó thâm nhập, nằm bên dưới và chiếm giữ toàn bộ cơ thể vật lý và, thứ hai, khi nó mở rộng ra bên ngoài hình thể vật lý và bao quanh nó như một hào quang. Tùy theo điểm tiến hóa sẽ là mức độ của khu vực mà thể dĩ thái bao phủ bên ngoài thể xác. Nó có thể mở rộng một vài hoặc nhiều inch. Chỉ trong khu vực này, thể sinh lực mới có thể được nghiên cứu tương đối dễ dàng, một khi hoạt động phát xạ của các nguyên tử vật lý được hóa giải hoặc được tính đến.

Within the physical body, the network of the etheric body is to be found permeating every single part. It is peculiarly associated at this time with the nervous system, which is fed,

Bên trong thể xác, mạng lưới của thể dĩ thái được tìm thấy thẩm thấu mọi bộ phận. Vào lúc này, nó đặc biệt liên kết với hệ thần kinh, vốn được nuôi dưỡng, bồi bổ, kiểm soát và

nourished, controlled and galvanised by its etheric counterpart. This counterpart is present in millions of tiny streams or lines of energy, to which the Eastern occultist has given the name "nadis." These nadis are the carriers of energy. They are in fact the energy itself and carry the quality of energy from some area of consciousness in which the "dweller in the body" may happen to be focussed. This may be the astral plane or the planes of the Spiritual Triad, for none of the energies can control the physical body from any plane, no matter how high, except in this manner. According to the focus of the consciousness, the psychic state of awareness, the potency of aspiration or desire, and the point in evolution or the spiritual status, so will be the type of energy carried by the nadis, passing from them to the outer nervous system. This general proposition must be accepted, for the whole subject is as yet too intricate, and the mechanism of observation of the student too undeveloped, for me to enter into greater detail. This will suffice as an initial hypothesis upon which to work.

kích hoạt bởi đối phần dĩ thái của nó. Đối phần này hiện diện trong hàng triệu dòng hoặc tuyến năng lượng nhỏ li ti, mà nhà huyền bí học phương Đông đã đặt tên là "các nadi". Các nadi này là những vật mang năng lượng. Thực tế chúng chính là năng lượng và mang phẩm tính của năng lượng từ một khu vực tâm thức nào đó mà "người ngụ trong thể xác" có thể tình cờ tập trung tại đó. Đây có thể là cõi cảm dục hoặc các cõi của Tam Nguyên Tinh Thần, vì không có năng lượng nào có thể kiểm soát thể xác từ bất kỳ cõi nào, dù cao đến đâu, ngoại trừ theo cách này. Tùy theo tiêu điểm của tâm thức, trạng thái nhận biết thông linh, tiềm năng của khát vọng hay dục vọng, và điểm tiến hóa hay địa vị tinh thần, sẽ là loại năng lượng được mang bởi các nadi, đi từ chúng đến hệ thần kinh bên ngoài. Mệnh đề chung này phải được chấp nhận, vì toàn bộ chủ đề vẫn còn quá phức tạp, và cơ chế quan sát của đạo sinh còn quá kém phát triển, để tôi có thể đi vào chi tiết hơn. Điều này sẽ đủ như một giả thuyết ban đầu để dựa vào đó mà làm việc.

The amount of energy and the type of energy controlling any aspect of the nervous system is conditioned by the centre [146] in its immediate area. A centre is a distributing agency, in the last analysis. Even though that energy will affect the entire body, the centre most responsive to the quality and type will potently affect the nadis, and therefore the nerves, in its immediate environment.

Lượng năng lượng và loại năng lượng kiểm soát bất kỳ khía cạnh nào của hệ thần kinh đều chịu sự định hình của trung tâm [146] trong khu vực trực tiếp của nó. Xét cho cùng, một trung tâm là một cơ quan phân phối. Mặc dù năng lượng đó sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ cơ thể, trung tâm đáp ứng nhanh nhạy nhất với phẩm tính và loại hình sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến các nadi, và do đó đến các dây thần kinh, trong môi trường trực tiếp của nó.

It must always be remembered that the seven centres are *not* within the dense physical body. They exist *only* in etheric matter and in the etheric so-called aura, outside the physical body. They are closely

Luôn phải nhớ rằng bảy trung tâm *không* nằm trong thể xác đậm đặc. Chúng *chỉ* tồn tại trong vật chất dĩ thái và trong cái gọi là hào quang dĩ thái, bên ngoài thể xác. Chúng liên quan chặt chẽ với thể xác đậm đặc bằng

related to the dense physical body by the network of nadis. Five of the centres are to be found in the etheric counterpart of the spinal column, and the energy passes (through large and responsive nadis) through the vertebrae of the spine and circulates then throughout the etheric body as it is interiorly active within the physical vehicle. The three head centres exist, one just above the top of the head, another just in front of the eyes and forehead, and the third at the back of the head, just above where the spinal column ends. This makes eight centres but is in reality seven, as the centre at the back of the head is not counted in the initiation process, any more than is the spleen.

mạng lưới các nadi. Năm trong số các trung tâm được tìm thấy trong đối phần dĩ thái của cột sống, và năng lượng đi qua (thông qua các nadi lớn và nhạy bén) qua các đốt sống và sau đó lưu chuyển khắp thể dĩ thái khi nó hoạt động bên trong hiện thể vật lý. Ba trung tâm đầu tồn tại, một ở ngay trên đỉnh đầu, một ở ngay trước mắt và trán, và trung tâm thứ ba ở phía sau đầu, ngay phía trên nơi cột sống kết thúc. Điều này tạo thành tám trung tâm nhưng thực tế là bảy, vì trung tâm ở phía sau đầu không được tính trong quá trình điểm đạo, cũng như lá lách vậy.

The powerful effect of the inflow of energy, via the energy body, has itself automatically created these centres or these reservoirs of force, these focal points of energy, which the spiritual man must learn to use and through the means of which he can direct energy where needed. Each of these seven centres has appeared in the course of human evolution in response to energy from one or other, or from several, of the seven rays. The impact of these rays upon the etheric body, emanating as they do periodically and ceaselessly from the seven rays, is so potent that the seven areas in the etheric body become more highly sensitised than the rest of the vehicle, and these in due time develop into responsive distributing centres. The effect of these seven centres upon the physical body in due time produces a condensation or a [147] state of what is called “attracted response” from dense matter, and thus the seven major sets of endocrine glands slowly came into functioning activity. It must here be remembered that the whole development of

Hiệu quả mạnh mẽ của dòng năng lượng tuôn vào, thông qua thể năng lượng, đã tự động tạo ra các trung tâm này hay các hồ chứa lực này, các tiêu điểm năng lượng này, mà con người tinh thần phải học cách sử dụng và thông qua đó y có thể hướng năng lượng đến nơi cần thiết. Mỗi một trong bảy trung tâm này đã xuất hiện trong quá trình tiến hóa của con người để đáp ứng với năng lượng từ cung này hoặc cung khác, hoặc từ một số trong bảy cung. Tác động của các cung này lên thể dĩ thái, phát ra một cách định kỳ và không ngừng từ bảy cung, mạnh đến mức bảy khu vực trong thể dĩ thái trở nên nhạy cảm hơn phần còn lại của hiện thể, và đến đúng thời điểm, những khu vực này phát triển thành các trung tâm phân phối nhạy bén. Hiệu quả của bảy trung tâm này lên thể xác đến đúng thời điểm tạo ra một sự cô đặc hoặc một [147] trạng thái được gọi là “đáp ứng thu hút” từ vật chất đậm đặc, và do đó bảy bộ tuyến nội tiết chính dần dần đi vào hoạt động chức năng. Ở đây phải nhớ rằng toàn bộ sự phát triển của thể dĩ thái rơi vào hai giai đoạn lịch sử:

the etheric body falls into two historical stages:

1. That in which the etheric energy, flowing through responsive centres and creating the endocrine glands as a consequence, gradually began to have a definite effect upon the blood stream; the energy worked through that medium solely for a very long time. This still remains true, for the life aspect of energy animates the blood, through the medium of the centres and their agents, the glands. Hence the words in the Bible that "the blood is the life."

1. Giai đoạn trong đó năng lượng dĩ thái, tuôn chảy qua các trung tâm nhạy bén và tạo ra các tuyến nội tiết như một hệ quả, dần dần bắt đầu có tác động rõ rệt lên dòng máu; năng lượng hoạt động qua môi trường đó duy nhất trong một thời gian rất dài. Điều này vẫn còn đúng, vì phương diện sự sống của năng lượng làm sinh động máu, thông qua môi trường của các trung tâm và các tác nhân của chúng, các tuyến. Do đó có những lời trong Kinh Thánh rằng "máu là sự sống".

2. As the race of men developed, and consciousness grew greater and certain great expansions took place, the centres began to extend their usefulness and to use the nadis, and thus to work upon and through the nervous system; this produced conscious and planned activity upon the physical plane, commensurate to the man's place in evolution.

2. Khi giống dân của con người phát triển, và tâm thức phát triển lớn hơn và những sự mở rộng lớn lao nào đó diễn ra, các trung tâm bắt đầu mở rộng sự hữu ích của chúng và sử dụng các nadi, và do đó tác động lên và thông qua hệ thần kinh; điều này tạo ra hoạt động có ý thức và có kế hoạch trên cõi trần, tương xứng với vị trí của con người trong quá trình tiến hóa.

Thus the incoming energy forming the etheric body created a needed etheric mechanism with its corresponding dense physical counterparts; it therefore, as will be noted from its relationship to the blood via the glands, and to the nervous system via the nadis (both through the medium of the seven centres), became the transmitter of two aspects of energy: one of which was kama-manasic (desire-lower mind) and the other atmic-buddhic (spiritual will—spiritual love) in the case of advanced humanity. Herein lies full opportunity for all, as the Law of Evolution proceeds to dominate all manifestation. What is true of the Macrocosm is true also of the microcosm. [148]

Như vậy năng lượng đi vào hình thành nên thể dĩ thái đã tạo ra một cơ chế dĩ thái cần thiết với các đối phần vật lý đậm đặc tương ứng của nó; do đó, như sẽ được lưu ý từ mối quan hệ của nó với máu thông qua các tuyến, và với hệ thần kinh thông qua các nadi (cả hai đều thông qua môi trường của bảy trung tâm), nó trở thành bộ phát của hai phương diện năng lượng: một là trí-cảm (dục vọng-hạ trí) và cái kia là atma-bồ đề (ý chí tinh thần—tình thương tinh thần) trong trường hợp của nhân loại tiến hóa cao. Ở đây nằm cơ hội trọn vẹn cho tất cả, khi Định luật Tiến hóa tiến hành thống trị mọi biểu hiện. Những gì đúng với Đại thiên địa cũng đúng với tiểu thiên địa. [148]

II. THE BASIS OF NON-SEPARATENESS—II. CƠ SỞ CỦA TÍNH KHÔNG CHIA RẼ

The use of the creative imagination is of value here. It may not give a true picture on all points, but it will convey one great reality. The reality to which I refer is that there is no possible separateness in our manifested planetary life—or elsewhere for that matter, even beyond our planetary ring-pass-not. The concept of separateness, of individual isolation, is an illusion of the unillumined human mind. Everything—every form, every organism within all forms, all aspects of manifested life in every kingdom in nature—is intimately related each to each through the planetary etheric body (of which all etheric bodies are integral parts) which substands all that is. Little as it may mean, and useless as it may appear, the table at which you write, the flower you hold in your hand, the horse on which you ride, the man to whom you talk, are sharing with you the vast circulatory life of the planet as it streams into, through and out of every aspect of the form nature. The only differences which exist are those in consciousness, and peculiarly so in the consciousness of man and of the Black Lodge. There is only the ONE LIFE, pouring through the mass of forms which, in their sum total, constitute our planet—as we know it.

Việc sử dụng sự tưởng tượng sáng tạo có giá trị ở đây. Nó có thể không đưa ra một bức tranh chân thực về mọi điểm, nhưng nó sẽ chuyển tải một thực tại lớn lao. Thực tại mà tôi đề cập đến là không có sự chia rẽ khả dĩ nào trong sự sống hành tinh biểu hiện của chúng ta—hoặc ở nơi nào khác về vấn đề đó, ngay cả bên ngoài vòng-giới-hạn hành tinh của chúng ta. Khái niệm về sự chia rẽ, về sự cô lập cá nhân, là một ảo tưởng của thể trí con người chưa được soi sáng. Mọi thứ—mọi hình tướng, mọi sinh vật bên trong tất cả các hình tướng, mọi phương diện của sự sống biểu hiện trong mọi giới trong tự nhiên—đều liên quan mật thiết với nhau thông qua thể dĩ thái hành tinh (mà tất cả các thể dĩ thái là những phần không thể tách rời) vốn làm nền tảng cho tất cả những gì đang hiện hữu. Dù nó có thể có ít ý nghĩa, và dù nó có vẻ vô ích, cái bàn nơi bạn viết, bông hoa bạn cầm trên tay, con ngựa bạn cưỡi, người mà bạn nói chuyện, đang chia sẻ với bạn sự sống luân chuyển rộng lớn của hành tinh khi nó tuôn chảy vào, qua và ra khỏi mọi phương diện của bản chất hình tướng. Những sự khác biệt duy nhất tồn tại là những khác biệt trong tâm thức, và đặc biệt là trong tâm thức của con người và của Hắc đoàn. Chỉ có SỰ SỐNG DUY NHẤT, tuôn chảy qua khối lượng các hình tướng mà, trong tổng thể của chúng, cấu thành hành tinh của chúng ta—như chúng ta biết về nó.

All forms are related, inter-related and interdependent; the planetary etheric body holds them together so that a cohesive, coherent, expressive Whole is presented to the eye of man, or one great unfolding consciousness to the perception of the Hierarchy. Lines of light pass from form to

Tất cả các hình tướng đều liên quan, tương quan và phụ thuộc lẫn nhau; thể dĩ thái hành tinh giữ chúng lại với nhau để một Tổng Thể kết dính, mạch lạc, đầy biểu cảm được trình bày trước mắt con người, hoặc một tâm thức đang mở ra vĩ đại đối với nhận thức của Thánh Đoàn. Những dòng ánh sáng

form. Some are bright and some are dim; some move or circulate with rapidity, others are lethargic and slow in their [149] interplay; some seem to circulate with facility in some particular kingdom in nature and some in another; some come from one direction and some from a different one, but all are in movement all the time; it is a constant circulation. All are passing on and into and through, and there is not one single atom in the body which is not the recipient of this living, moving energy; there is no single form that is not "kept in shape and livingness" by this determined inflow and outflow, and there is therefore no part of the body of manifestation (which is an integral part of the planetary vehicle of the Lord of the World) which is not in complex but complete touch with HIS divine intention—through the medium of HIS three major centres: Shamballa, the Hierarchy, and Humanity. In the multiplicity of the forms of which His great composite vehicle is composed, there is no need for Him to be in conscious touch. It is, however, possible, should He so desire it, but it would profit Him not, any more than it would profit you to be in conscious touch with some atom in some organ of your physical body. He works, however, through His three major centres: Shamballa, the planetary head centre; the Hierarchy, the planetary heart centre; and Humanity, the planetary throat centre. The play of the energies elsewhere (controlled from these three centres) is automatic. The objective of the circulating energies—as it appears to us when we seek to penetrate divine purpose—is to vivify all parts of His body, with the view of promoting the unfoldment of consciousness therein.

đi từ hình tướng này sang hình tướng khác. Một số sáng và một số mờ; một số di chuyển hoặc lưu chuyển nhanh chóng, những cái khác thì lờ đờ và chậm chạp trong [149] sự tác động qua lại của chúng; một số dường như lưu chuyển dễ dàng trong một giới cụ thể nào đó trong tự nhiên và một số trong giới khác; một số đến từ một hướng và một số từ một hướng khác, nhưng tất cả đều chuyển động mọi lúc; đó là một sự luân chuyển liên tục. Tất cả đều đang đi tiếp và đi vào và đi qua, và không có một nguyên tử đơn lẻ nào trong cơ thể không phải là người nhận lãnh năng lượng sống động, chuyển động này; không có hình tướng đơn lẻ nào không được "giữ trong hình dáng và sự sống động" bởi dòng tuôn vào và tuôn ra kiên quyết này, và do đó không có phần nào của cơ thể biểu hiện (vốn là một phần thiết yếu của hiện thể hành tinh của Đức Chúa Tể Thế Giới) không có sự tiếp xúc phức tạp nhưng hoàn toàn với ý định thiêng liêng của NGÀI—thông qua môi trường của ba trung tâm chính của NGÀI: Shamballa, Thánh Đoàn, và Nhân loại. Trong sự đa dạng của các hình tướng mà hiện thể hỗn hợp vĩ đại của Ngài được cấu thành, Ngài không cần phải tiếp xúc một cách có ý thức. Tuy nhiên, điều đó là có thể, nếu Ngài muốn như vậy, nhưng điều đó sẽ không mang lại lợi ích cho Ngài, cũng như việc bạn tiếp xúc một cách có ý thức với một nguyên tử nào đó trong một cơ quan nào đó của thể xác bạn sẽ không mang lại lợi ích cho bạn. Tuy nhiên, Ngài làm việc thông qua ba trung tâm chính của Ngài: Shamballa, trung tâm đầu hành tinh; Thánh Đoàn, trung tâm tim hành tinh; và Nhân loại, trung tâm cổ họng hành tinh. Sự hoạt động của các năng lượng ở nơi khác (được kiểm soát từ ba trung tâm này) là tự động. Mục tiêu của các năng lượng luân chuyển—như nó xuất hiện với chúng ta khi chúng ta tìm cách thâm nhập vào thiên ý—là làm sinh động tất cả các bộ phận trong cơ thể của

Ngài, với mục đích thúc đẩy sự mở rộng tâm thức trong đó.

This is basically true from the angle of Shamballa "where the Will of God is known"; it is partially true of those Members of the Hierarchy Who sense the Purpose and formulate the Plan and then present it in an understandable form to the lesser initiates and disciples and aspirants. These two groups work entirely on the consciousness side, which motivates and directs (as needed) the moving, [150] circulating energies. This is not true of the bulk of humanity, who are conscious but only conscious within their ring-pass-not, and are therefore fundamentally separated off by their emphasis upon form as it exists in the three worlds—the dense physical levels of the cosmic physical plane. On the lowest of these levels, the outer physical form reacts and responds to the circulating energies through the medium of the etheric energy which comes from the lowest of the four levels of the etheric plane.

Điều này về cơ bản là đúng từ góc độ của Shamballa "nơi biết được Ý chí của Thượng đế"; nó đúng một phần đối với những Thành viên của Thánh Đoàn, Những Vị cảm nhận được Thiên Ý và hình thành Thiên Cơ và sau đó trình bày nó dưới một hình thức dễ hiểu cho các điểm đạo đồ thấp hơn và các đệ tử và người chí nguyện. Hai nhóm này làm việc hoàn toàn ở khía cạnh tâm thức, vốn thúc đẩy và chỉ đạo (khi cần thiết) các năng lượng đang di chuyển, [150] luân chuyển. Điều này không đúng với đại đa số nhân loại, những người có ý thức nhưng chỉ có ý thức bên trong vòng-giới-hạn của họ, và do đó về cơ bản bị tách biệt bởi sự nhấn mạnh của họ vào hình tướng khi nó tồn tại trong ba cõi—các cấp độ vật lý đậm đặc của cõi trần vũ trụ. Trên cấp độ thấp nhất của các cấp độ này, hình tướng vật lý bên ngoài phản ứng và đáp ứng với các năng lượng luân chuyển thông qua môi trường của năng lượng dĩ thái đến từ cấp độ thấp nhất trong bốn cấp độ của cõi dĩ thái.

Gradually the consciousness within these forms reacts to the nature of the outer vehicle as it is impulsed from etheric levels, and a profoundly significant development takes place. This development—to make a wide generalisation—falls into three categories:

Dần dần tâm thức bên trong các hình tướng này phản ứng với bản chất của hiện thể bên ngoài khi nó được thôi thúc từ các cấp độ dĩ thái, và một sự phát triển vô cùng quan trọng diễn ra. Sự phát triển này—để đưa ra một khái quát rộng rãi—rơi vào ba loại:

1. The outer form changes under the impact of the etheric energies entering in, passing through and disappearing from (ceaselessly aeon after aeon) the form. The energy that is there one minute is gone the next.

1. Hình tướng bên ngoài thay đổi dưới tác động của các năng lượng dĩ thái đi vào, đi qua và biến mất khỏi (không ngừng nghỉ thời đại này sang thời đại khác) hình tướng. Năng lượng ở đó phút này thì phút sau đã đi mất.

2. This ceaseless play of energy varies in time and space, and moves lethargically,

2. Sự hoạt động không ngừng của năng lượng này thay đổi trong không gian và thời

rapidly or rhythmically according to the type or nature of the form through which it is at any moment passing.

gian, và di chuyển lờ đờ, nhanh chóng hoặc nhịp nhàng tùy theo loại hoặc bản chất của hình tướng mà qua đó nó đang đi qua vào bất kỳ thời điểm nào.

3. The energy of the etheric plane changes considerably as the aeons pass away, according to the direction or the source from which it comes. The directing energy alters significantly as evolution proceeds.

3. Năng lượng của cõi dĩ thái thay đổi đáng kể khi các thời đại trôi qua, tùy theo hướng hoặc nguồn mà nó đến. Năng lượng chỉ đạo thay đổi đáng kể khi sự tiến hóa tiếp diễn.

Students have been apt to speak simply of the etheric body as an entire integral entity and as constituted solely of etheric substance, forgetting that the etheric body is the medium for the transfer of many types of energy. They forget the following facts: [151]

Các đạo sinh đã có khuynh hướng nói đơn giản về thể dĩ thái như một thực thể trọn vẹn và được cấu thành duy nhất bởi chất liệu dĩ thái, quên rằng thể dĩ thái là môi trường cho sự chuyển dịch của nhiều loại năng lượng. Họ quên các thực tế sau: [151]

1. That the etheric body is itself composed of four types of substance, each of which is definitely specialised and found on one or other of the etheric levels.

1. Rằng bản thân thể dĩ thái được cấu tạo bởi bốn loại chất liệu, mỗi loại được chuyên biệt hóa một cách xác định và được tìm thấy trên cấp độ dĩ thái này hoặc cấp độ dĩ thái khác.

2. That these substances, functioning actively in any particular etheric body, create a network of channels; they produce fine tubes (if I may use so inappropriate a word) which take the general form of the dense material or tangible form with which they may be associated. This form underlies every part of the physical body and can be seen extending for a certain distance outside of the recognisable form. This etheric body is not in reality an ovoid (as the older occult books teach) but usually takes the form or general outline of the physical vehicle with which it is associated. When, however, the head centre is awakened and functioning, then the ovoid appearance is far more frequent.

2. Rằng các chất liệu này, hoạt động tích cực trong bất kỳ thể dĩ thái cụ thể nào, tạo ra một mạng lưới các kênh; chúng tạo ra các ống nhỏ (nếu tôi có thể dùng một từ không thích hợp như vậy) mang hình dạng chung của hình tướng vật chất đậm đặc hoặc hữu hình mà chúng có thể liên kết. Hình tướng này nằm bên dưới mọi bộ phận của thể xác và có thể được nhìn thấy mở rộng ra một khoảng cách nhất định bên ngoài hình tướng có thể nhận biết được. Thể dĩ thái này thực tế không phải là một hình trứng (như các sách huyền môn cũ dạy) mà thường mang hình dạng hoặc đường nét chung của hiện thể vật lý mà nó liên kết. Tuy nhiên, khi trung tâm đầu được thức tỉnh và hoạt động, thì hình dáng quả trứng thường xuyên hơn nhiều.

3. These channels or tubes—according to the type of energy they carry—pass to certain areas of the body, via three main stations:

3. Các kênh hoặc ống này—tùy theo loại năng lượng chúng mang—đi đến các khu vực nhất định của cơ thể, thông qua ba trạm chính:

a. The seven major centres, of which you have heard much.

a. Bảy trung tâm chính, mà các bạn đã nghe nói nhiều.

b. The twenty-one minor centres, which I outlined for you earlier. *(A Treatise on the Seven Rays, Volume IV, pp 72-73)*

b. Hai mươi mốt trung tâm phụ, mà tôi đã phác thảo cho các bạn trước đó. *(Luận về Bảy Cung, Tập IV, tr 72-73)*

c. The forty-nine focal points, scattered all over the body.

c. Bốn mươi chín tiêu điểm, nằm rải rác khắp cơ thể.

4. All these centres and focal points for the transmission of energy are connected each with each by larger channels than the mass of channels which constitute the etheric body as a whole, because many lesser channels and lines of force or energy merge and blend as they near a centre or a focal point. [152]

4. Tất cả các trung tâm và tiêu điểm này cho việc truyền năng lượng được kết nối với nhau bằng các kênh lớn hơn những kênh thuộc tập hợp kênh cấu thành thể dĩ thái như một tổng thể, bởi vì nhiều kênh và dòng lực hoặc năng lượng nhỏ hơn hợp nhất và hòa trộn khi chúng đến gần một trung tâm hoặc một tiêu điểm. [152]

5. The mass of the smaller channels or the channelling tubes of energy eventually create in all forms that layer of corresponding nerves which are not yet recognised by medical science but which are like an intermediary web or network. These relate the etheric body as a whole to the entire two-fold nervous system (cerebro-spinal and the sympathetic nervous systems) which science does recognise. It is this system underlying the nerves which is the true response apparatus and which—via the brain—telegraphs information to the mind or, via the brain and the mind, keeps the soul informed. It is this system of nadis which is used in full consciousness by the initiate who has related the Spiritual Triad and the soul-infused personality, and has therefore seen the soul-body, the causal body

5. Khối lượng các kênh nhỏ hơn hoặc các ống dẫn năng lượng cuối cùng tạo ra trong tất cả các hình tướng lớp dây thần kinh tương ứng chưa được y học công nhận nhưng giống như một mạng lưới trung gian. Những dây thần kinh này liên kết thể dĩ thái như một tổng thể với toàn bộ hệ thống thần kinh kép (hệ thần kinh não-tủy và hệ thần kinh giao cảm) mà khoa học có công nhận. Chính hệ thống nằm bên dưới các dây thần kinh này là bộ máy đáp ứng thực sự và—thông qua bộ não—truyền tin tức đến thể trí hoặc, thông qua bộ não và thể trí, giữ cho linh hồn được thông báo. Chính hệ thống các nadi này được sử dụng trong tâm thức trọn vẹn bởi điểm đạo đồ đã liên kết Tam Nguyên Tinh Thần và phàm ngã được linh hồn thấm nhuần, và do đó đã thấy thể linh hồn, thể nguyên nhân hay hoa sen chân ngã hoàn toàn biến mất,

or the egoic lotus totally disappear, being no longer of any true importance. There is a peculiar and at present inexplicable relation between this system of nadis and the antahkarana when it is in process of creation or is created.

không còn quan trọng thực sự nữa. Có một mối quan hệ đặc biệt và hiện tại chưa thể giải thích được giữa hệ thống các nadi này và antahkarana khi nó đang trong quá trình tạo lập hoặc đã được tạo lập.

6. The physical body, therefore, like so much else in nature, is itself triple in design. There is:

6. Do đó, thể xác, giống như nhiều thứ khác trong tự nhiên, bản thân nó là tam phân trong thiết kế. Có:

a. The etheric body.

a. Thể dĩ thái.

b. The substantial nadis.

b. Các nadi có thực chất.

c. The dense physical body.

c. Thể xác đậm đặc.

These form one unit and in incarnation are inseparable.

Những thứ này hình thành một đơn vị và trong lúc lâm phàm là không thể tách rời.

7. The centres in their totality and the many focal points of contact found in the etheric body are responsible for the creation and preservation of the endocrine glandular system in a form either limited and inadequate, or representative of the spiritual man and entirely adequate. The nadis, in their turn, [153] are responsible for the creation and precipitation of the twofold nervous system. This is a point most carefully to be borne in mind and is the clue to the problem of creativity.

7. Các trung tâm trong tổng thể của chúng và nhiều tiêu điểm tiếp xúc được tìm thấy trong thể dĩ thái chịu trách nhiệm cho việc tạo ra và bảo tồn hệ thống tuyến nội tiết trong một hình thức hoặc là hạn chế và không đầy đủ, hoặc là đại diện cho con người tinh thần và hoàn toàn đầy đủ. Các nadi, đến lượt chúng, [153] chịu trách nhiệm cho việc tạo ra và ngưng tụ hệ thống thần kinh kép. Đây là một điểm cần phải ghi nhớ cẩn thận nhất và là manh mối cho vấn đề sáng tạo.

8. The type of the etheric substance "substanding" any form is dependent upon two factors:

8. Loại chất liệu dĩ thái "làm nền tảng" cho bất kỳ hình tướng nào phụ thuộc vào hai yếu tố:

a. The kingdom of nature concerned. Basically the four kingdoms draw their pranic life each from one or other of the four levels of etheric substance, counting upwards from the lowest:

a. Giới tự nhiên có liên quan. Về cơ bản, bốn giới rút lấy sự sống prana của chúng mỗi giới từ cấp độ này hoặc cấp độ khác trong bốn cấp độ của chất liệu dĩ thái, tính từ dưới lên:

1. The mineral kingdom is sustained from plane 1.

1. Giới kim thạch được duy trì từ cõi 1.

2. The vegetable kingdom is sustained from plane 2.

2. Giới thực vật được duy trì từ cõi 2.

3. The animal kingdom is sustained from plane 3.

3. Giới động vật được duy trì từ cõi 3.

4. The human kingdom is sustained from plane 4.

4. Giới nhân loại được duy trì từ cõi 4.

That was the original condition; but as evolution proceeded and there was an inter-acting emanation established between all the kingdoms, this automatically changed. It was this "esoteric emanating change" which, aeons ago, produced animal-man. I give this as an illustration and a key to a great mystery.

Đó là điều kiện ban đầu; nhưng khi sự tiến hóa tiếp diễn và có một sự phát xạ tương tác được thiết lập giữa tất cả các giới, điều này tự động thay đổi. Chính "sự thay đổi phát xạ huyền môn" này, từ nhiều thời đại xa xưa, đã tạo ra người-thú. Tôi đưa ra điều này như một minh họa và một chìa khóa cho một bí nhiệm lớn.

b. Curiously enough, in the human kingdom (and only in the human kingdom) the etheric body is now composed of all four types of etheric substance. The reason for this is that eventually (when mankind is spiritually developed) each of these four planes or types of etheric substance will be responsive to the [154] four higher levels of the cosmic physical plane—the etheric levels, to which we give the names: the logoic level, the monadic, the atmic level and the buddhic. This will happen as a result of *conscious* growth and initiation.

b. Khá kỳ lạ, trong giới nhân loại (và chỉ trong giới nhân loại) thể dĩ thái hiện nay được cấu tạo bởi cả bốn loại chất liệu dĩ thái. Lý do cho điều này là cuối cùng (khi nhân loại phát triển về mặt tinh thần) mỗi một trong bốn cõi hay bốn loại chất liệu dĩ thái này sẽ đáp ứng với [154] bốn cấp độ cao hơn của cõi trần vũ trụ—các cấp độ dĩ thái, mà chúng ta đặt tên là: cấp độ thượng đế, cấp độ chân thần, cấp độ atma và cấp độ bồ đề. Điều này sẽ xảy ra như một kết quả của sự tăng trưởng và điểm đạo *có ý thức*.

9. It must also be remembered that the substance of which these etheric channels or channelling tubes are composed is planetary prana, the life-giving, health-giving energy of the planet itself. Through these tubes, however, may flow all or any of the possible energies—emotional, mental, egoic, manasic, buddhic or atmic, according to the

9. Cũng phải nhớ rằng chất liệu cấu thành các kênh dĩ thái hay các ống dẫn này là prana hành tinh, năng lượng ban sự sống, ban sức khỏe của chính hành tinh. Tuy nhiên, qua các ống này, tất cả hoặc bất kỳ năng lượng khả dĩ nào cũng có thể chảy qua—cảm xúc, trí tuệ, chân ngã, manas, bồ đề hoặc atma, tùy theo điểm tiến hóa mà con người liên

point in evolution which the man concerned has reached. This always means that several energies are pouring through these tubes, unless the point in evolution is exceedingly low or unless one is dealing with a cleavage; these various energies are fused and blended together but find their own focal points in the etheric body when entering directly within the circumference of the dense physical body. Just as it can be said of the soul or of the Deity, so it can be said of the energetic or vital etheric body or entity: "Having pervaded this whole universe with a fragment of myself, I remain."

quan đã đạt tới. Điều này luôn có nghĩa là một vài năng lượng đang tuôn chảy qua các ống này, trừ khi điểm tiến hóa cực kỳ thấp hoặc trừ khi người ta đang đối phó với một sự chia rẽ; các năng lượng khác nhau này được dung hợp và hòa quyện với nhau nhưng tìm thấy các tiêu điểm riêng của chúng trong thể dĩ thái khi đi trực tiếp vào chu vi của thể xác đậm đặc. Cũng giống như có thể nói về linh hồn hay về Thượng đế, thì cũng có thể nói về thể dĩ thái hay thực thể đầy năng lượng hoặc sinh lực: "Sau khi thâm nhập toàn bộ vũ trụ này bằng một mảnh của chính mình, ta vẫn tồn tại."

The word "prana" is almost as much misunderstood as are the words "etheric" or "astral." It is this loose connotation which is responsible for the great ignorance prevalent in occult circles.

Từ "prana" hầu như bị hiểu lầm nhiều như các từ "dĩ thái" hay "cảm dục". Chính ý nghĩa lỏng lẻo này chịu trách nhiệm cho sự vô minh lớn đang thịnh hành trong các giới huyền môn.

Prana might be defined as the life-essence of every plane in the sevenfold area which we call the cosmic physical plane. It is the LIFE of the planetary Logos, reduced within limits, animating, vivifying and correlating all the seven [155] planes (in reality the seven subplanes of the cosmic physical plane) and all that is to be found within and upon them. The cosmic sutratma or life-thread of the planetary Logos enters His manifestation on the highest of our planes (the logoic plane) and, through the instrumentality of the informing Lives to be found in Shamballa (which, I must remind you, is *not* the name of a locality) is brought into contact with, or is related to, the matter of which the manifested worlds are made—formless, as on the cosmic etheric planes (our highest four planes), or tangible and objective, as on the lower three planes. The fact that we call only that tangible which we can see or touch and contact through the medium of the five senses is entirely wrong.

Prana có thể được định nghĩa là tinh chất sự sống của mọi cõi trong khu vực thất phân mà chúng ta gọi là cõi trần vũ trụ. Nó là SỰ SỐNG của Hành Tinh Thượng Đế, được giảm thiểu trong các giới hạn, làm sinh động, tiếp sinh lực và liên kết tất cả bảy [155] cõi (thực tế là bảy cõi phụ của cõi trần vũ trụ) và tất cả những gì được tìm thấy bên trong và trên chúng. Sutratma vũ trụ hay sợi dây sự sống của Hành Tinh Thượng Đế đi vào sự biểu hiện của Ngài trên cõi cao nhất trong các cõi của chúng ta (cõi thượng đế) và, thông qua phương tiện của các Sự Sống thấm nhuần được tìm thấy trong Shamballa (mà tôi phải nhắc nhở các bạn, *không* phải là tên của một địa phương) được đưa vào tiếp xúc với, hoặc được liên hệ với, vật chất mà các thế giới biểu hiện được tạo ra—vô sắc tướng, như trên các cõi dĩ thái vũ trụ (bốn cõi cao nhất của chúng ta), hoặc hữu hình và khách quan, như trên ba cõi thấp hơn. Việc chúng ta chỉ gọi cái hữu hình là cái chúng ta có thể nhìn thấy hoặc chạm vào và tiếp xúc thông

All is regarded as belonging to the world of form which is found on the physical plane, the astral plane and the levels of the lower mind. This lower mental plane, referred to above, includes the level on which the causal body is found—the plane in which "the lotus of love is floating," as the *Old Commentary* puts it. All that lies above that on mental levels, and on up to the highest of the cosmic physical planes, is formless. These distinctions must be most carefully borne in mind.

qua môi trường của năm giác quan là hoàn toàn sai lầm. *Tất cả* những gì được tìm thấy trên cõi trần, cõi cảm dục và các cấp độ của hạ trí đều được coi là thuộc về thế giới hình tướng. Cõi hạ trí này, được đề cập ở trên, bao gồm cấp độ mà trên đó thể nguyên nhân được tìm thấy—cõi mà trong đó "hoa sen của tình thương đang trôi nổi", như *Cổ Luận* diễn đạt. Tất cả những gì nằm trên đó trên các cấp độ trí tuệ, và lên đến cao nhất của các cõi trần vũ trụ, là vô sắc tướng. Những sự phân biệt này phải được ghi nhớ cẩn thận nhất.

There is within the human body a wonderful symbol of distinction between the higher etheric levels and the lower so-called physical levels. The diaphragm exists, separating that part of the body which contains the heart, throat and head, plus the lungs, from all the rest of the organs of the body; these are all of them of the utmost importance from the angle of LIFE, and that which is determined in the head, impulsed from the heart, sustained by the breath and expressed through the apparatus of the throat determines what the man IS.

Có bên trong cơ thể con người một biểu tượng tuyệt vời về sự phân biệt giữa các cấp độ dĩ thái cao hơn và các cấp độ thấp hơn được gọi là vật lý. Cơ hoành tồn tại, ngăn cách phần cơ thể chứa tim, cổ họng và đầu, cộng với phổi, khỏi tất cả các cơ quan còn lại của cơ thể; tất cả những cơ quan này đều có tầm quan trọng tối đa từ góc độ của SỰ SỐNG, và cái được xác định trong đầu, được thúc đẩy từ tim, được duy trì bởi hơi thở và được biểu lộ thông qua bộ máy của cổ họng xác định con người LÀ gì.

Below the diaphragm are found organs whose use is far more objective even if of great importance; though each [156] of these lower organs has a life and purpose of its own, their existence and functioning is impulsed, determined and conditioned by the life and rhythm emanating from the higher part of the vehicle. This is not easy for the average man to comprehend, but any serious limitation or physical disease above the diaphragm has a compelling and serious effect on all that is found below the diaphragm. The reverse is not the case to the same extent.

Bên dưới cơ hoành tìm thấy các cơ quan mà việc sử dụng chúng khách quan hơn nhiều ngay cả khi có tầm quan trọng lớn; mặc dù mỗi [156] cơ quan thấp hơn này có một sự sống và mục đích riêng của nó, sự tồn tại và hoạt động của chúng được thúc đẩy, xác định và định hình bởi sự sống và nhịp điệu phát ra từ phần cao hơn của hiện thể. Điều này không dễ để người bình thường hiểu được, nhưng bất kỳ sự hạn chế nghiêm trọng hoặc bệnh tật vật lý nào bên trên cơ hoành đều có ảnh hưởng mạnh mẽ và nghiêm trọng đến tất cả những gì được tìm thấy bên dưới cơ hoành. Điều ngược lại không đúng ở cùng mức độ.

This symbolises the potency and essentiality of the etheric body, both microcosmic and macrocosmic, and the macrocosmic expression of the fourfold Life conditions all living forms.

Điều này tượng trưng cho tiềm năng và tính thiết yếu của thể dĩ thái, cả tiểu thiên địa và đại thiên địa, và sự biểu lộ đại thiên địa của Sự Sống tứ phân định hình tất cả các hình tướng sống.

The Function of the Four Ethers Each of the four ethers, as they are sometimes called, is intended—as far as man is concerned—to be a channel or expression of the four cosmic ethers. At present this is very far from being the case. It can only truly be so when the antahkarana is built and acts, therefore, as a direct channel for the cosmic ethers to which we have given the names of universal life, monadic intensity, divine purpose and pure reason. Ponder for a while on these types of energy and creatively imagine their effect when, in due course of time and spiritual unfoldment, they can pour unrestrictedly into and through the etheric body of a human being. At present, the etheric body is responsive to energies from:

Chức Năng của Bốn Dĩ Thái. Mỗi một trong bốn dĩ thái, như chúng đôi khi được gọi, được dự định—về phía con người—là một kênh hoặc biểu hiện của bốn dĩ thái vũ trụ. Hiện tại điều này còn rất xa mới đúng. Nó chỉ có thể thực sự như vậy khi antahkarana được xây dựng và do đó hoạt động như một kênh trực tiếp cho các dĩ thái vũ trụ mà chúng ta đã đặt tên là sự sống phổ quát, cường độ chân thần, mục đích thiêng liêng và lý trí thuần khiết. Hãy suy ngẫm một lúc về các loại năng lượng này và tưởng tượng một cách sáng tạo hiệu quả của chúng khi, trong quá trình thời gian và sự mở ra về tinh thần, chúng có thể tuôn chảy không hạn chế vào và xuyên qua thể dĩ thái của một con người. Hiện tại, thể dĩ thái đáp ứng với các năng lượng từ:

1. The physical world. These are not principles but are the feeders and controllers of the animal appetites.

1. Thế giới vật lý. Đây không phải là các nguyên khí mà là những năng lượng nuôi dưỡng và kiểm soát các sự thèm khát thú tính.

2. The astral world, determining the desires, emotions and aspirations which the man will express and go after upon the physical plane.

2. Thế giới cảm dục, xác định những dục vọng, cảm xúc và khát vọng mà con người sẽ biểu lộ và theo đuổi trên cõi trần.

3. The lower mental plane, the lower mind, developing self-will, selfishness, separateness and the direction and trend of the life upon the physical plane. It is [157] this directive instinct which, when turned to higher matters, eventually opens the door to the higher cosmic etheric energies.

3. Cõi hạ trí, hạ trí, phát triển ý chí cá nhân, sự ích kỷ, sự chia rẽ và phương hướng và xu hướng của cuộc sống trên cõi trần. Chính [157] bản năng chỉ đạo này, khi hướng tới những vấn đề cao hơn, cuối cùng sẽ mở cánh cửa cho các năng lượng dĩ thái vũ trụ cao hơn.

4. The soul, the principle of individualism, the reflection in the microcosm of the divine intention and—speaking symbolically—being to the entire monadic expression that which "stands at the midway point," the instrument of true sensitivity, of responsive ability, the spiritual counterpart of the solar plexus centre which is found at the midway point between that which lies above the diaphragm and that which is found below it.

4. Linh hồn, nguyên khí cá thể hóa, sự phản ánh trong tiểu thiên địa của ý định thiêng liêng và—nói một cách tượng trưng—là đối với toàn bộ biểu lộ chân thần cái "đứng tại điểm ở giữa", công cụ của sự nhạy cảm thực sự, của khả năng đáp ứng, đối phần tinh thần của trung tâm tùng thái dương được tìm thấy tại điểm ở giữa cái nằm trên cơ hoành và cái được tìm thấy bên dưới nó.

When the antahkarana is constructed and the higher three are directly related to the lower three, then the soul is no longer needed. Then, reflecting this event, the four etheric levels become simply the transmitters of the energy emanating from the four cosmic etheric levels. The channel is then direct, completed and unimpeded; the etheric network of light is then of great brilliance, and all the centres in the body are awakened and functioning in unison and rhythm. Then—corresponding to the directly related Monad and Personality—the head centre, the thousand-petalled lotus, the brahmarandra, is as directly related to the centre at the base of the spine. Thus complete dualism, in place of the previous triple nature of the divine manifestation, is established:

Khi antahkarana được xây dựng và ba cái cao hơn liên hệ trực tiếp với ba cái thấp hơn, thì linh hồn không còn cần thiết nữa. Khi đó, phản ánh sự kiện này, bốn cấp độ dĩ thái trở thành đơn giản là các bộ phát của năng lượng phát ra từ bốn cấp độ dĩ thái vũ trụ. Kênh dẫn khi đó là trực tiếp, hoàn chỉnh và không bị cản trở; mạng lưới ánh sáng dĩ thái khi đó rực rỡ tuyệt vời, và tất cả các trung tâm trong cơ thể được thức tỉnh và hoạt động trong sự hòa hợp và nhịp điệu. Khi đó—tương ứng với Chân Thần và Phàm ngã liên hệ trực tiếp—trung tâm đầu, hoa sen ngàn cánh, brahmarandra, liên hệ trực tiếp với trung tâm tại đáy cột sống. Do đó tính nhị nguyên hoàn chỉnh, thay cho bản chất tam phân trước đây của biểu hiện thiêng liêng, được thiết lập:

1. Monad..... Personality.

With the threefold soul no longer needed.

1. Chân Thần..... Phàm ngã.

Với linh hồn tam phân không còn cần thiết nữa.

2. Head centre..... Centre at base of spine.

With the intermediate five centres no longer required.

2. Trung tâm đầu..... Trung tâm tại đáy cột sống.

Với năm trung tâm trung gian không còn cần thiết nữa.

[158]

The *Old Commentary* says, in this connection:

"Then the three that ranked as all that was, functioning as one and controlling all the seven, no longer are. The seven who responded to the three, responding to the One, no longer hear the triple call which determined all that was. Only the two remain to show the world the beauty of the living God, the wonder of the Will-to-Good, the Love which animates the Whole. These two are One, and thus the work, completed, stands. And then the Angels sing." [159]

III. PLANETARY AND HUMAN CENTRES

There is a factor bearing upon the etheric body to which very little reference has ever been made, the reason being that it would have been utterly useless information. Let me embody it in a tabulated statement, beginning with a few points earlier imparted but which should here be repeated for clarity and placed in proper sequence:

1. The planetary Logos works through the medium of the three major centres:

a. The Centre where the will of God is known: Shamballa.

b. The Centre where the love of God is manifest: the Hierarchy.

[158]

Cổ Luận nói, trong mối liên hệ này:

"Khi đó ba cái được xếp hạng là tất cả những gì đã là, hoạt động như một và kiểm soát tất cả bảy cái, không còn nữa. Bảy cái đã đáp ứng với ba, đáp ứng với Một, không còn nghe tiếng gọi tam phân đã xác định tất cả những gì đã là. Chỉ còn hai cái ở lại để cho thế giới thấy vẻ đẹp của Thượng Đế sống động, sự kỳ diệu của Ý Chí-hướng Thiện, Tình Thương làm sinh động Tổng Thể. Hai cái này là Một, và như thế công việc, hoàn tất, đứng vững. Và rồi các Thiên Thần hát ca." [159]

III. CÁC TRUNG TÂM HÀNH TINH VÀ CON NGƯỜI

Có một yếu tố liên quan đến thể dĩ thái mà rất ít tham chiếu từng được đưa ra, lý do là nó sẽ là thông tin hoàn toàn vô ích. Hãy để tôi thể hiện nó trong một phát biểu dạng bảng, bắt đầu với một vài điểm đã được truyền đạt trước đó nhưng nên được lặp lại ở đây cho rõ ràng và đặt theo trình tự thích hợp:

1. Hành Tinh Thượng Đế làm việc thông qua môi trường của ba trung tâm chính:

a. Trung tâm biết được Ý chí của Thượng đế: Shamballa.

b. Trung tâm nơi tình thương của Thượng Đế được biểu lộ: Thánh Đoàn.

c. The Centre where the intelligence of God is producing the evolutionary process: Humanity.

c. Trung tâm nơi trí tuệ của Thượng Đế đang tạo ra quá trình tiến hóa: Nhân loại.

2. The three major centres, both planetary and human, exist in etheric substance and they may or may not produce physical correspondences. All the Masters, for instance, do not work through a physical vehicle. They nevertheless have an etheric body composed of the substance of the cosmic etheric levels—buddhic, atmic, monadic and logoic levels—and these levels are the four cosmic ethers, the higher correspondence of our etheric planes; these higher levels are the four levels of the cosmic physical plane. Until They choose, at the sixth Initiation of Decision, one of the seven Paths of Ultimate Destiny, the Masters function in Their cosmic etheric bodies.

2. Ba trung tâm chính, cả hành tinh và con người, tồn tại trong chất liệu dĩ thái và chúng có thể hoặc không thể tạo ra các tương ứng vật lý. Chẳng hạn, không phải tất cả các Chân sư đều làm việc thông qua một hiện thể vật lý. Tuy nhiên, Các Ngài có một thể dĩ thái bao gồm chất liệu của các cấp độ dĩ thái vũ trụ—các cấp độ bồ đề, atma, chân thần và thượng đế—và các cấp độ này là bốn dĩ thái vũ trụ, sự tương ứng cao hơn của các cõi dĩ thái của chúng ta; các cấp độ cao hơn này là bốn cấp độ của cõi trần vũ trụ. Cho đến khi Các Ngài chọn, tại cuộc Điểm Đạo thứ sáu của Sự Quyết Định, một trong bảy Con Đường của Định Mệnh Tối Hậu, các Chân sư hoạt động trong các thể dĩ thái vũ trụ của Các Ngài.

These three major energy centres are closely related to each other, and through his own individual major centres (the head, the heart and the throat) [160] the disciple is in relation with the three planetary centres. I would have you ponder on this statement for it has practical value.

Ba trung tâm năng lượng chính này liên quan chặt chẽ với nhau, và thông qua các trung tâm chính cá nhân của riêng mình (đầu, tim và cổ họng) [160] đệ tử có mối quan hệ với ba trung tâm hành tinh. Tôi muốn các bạn suy ngẫm về phát biểu này vì nó có giá trị thực tiễn.

3. The Monad, as you know, is to be found on the cosmic second etheric level, called the monadic plane. When the antahkarana has been built, then cosmic etheric substance can be slowly substituted for the ordinary and familiar etheric substance which "substands" the dense physical body of a man.

3. Chân Thần, như các bạn biết, được tìm thấy trên cấp độ dĩ thái vũ trụ thứ hai, gọi là cõi chân thần. Khi antahkarana đã được xây dựng, thì chất liệu dĩ thái vũ trụ có thể dần dần được thay thế cho chất liệu dĩ thái thông thường và quen thuộc vốn "làm nền tảng" cho thể xác đậm đặc của một con người.

4. The ray upon which the Monad is to be found—one of the three major rays and, therefore, related to one of the three major centres—conditions:

4. Cung mà trên đó Chân Thần được tìm thấy —một trong ba cung chính và, do đó, liên quan đến một trong ba trung tâm chính— định hình:

a. The disciple's absorption into one of the three departments of hierarchical work, i.e., a first ray soul will go normally into such an Ashram as that of the Master M. in the department of the Manu; a second ray disciple will pass into a second ray Ashram such as mine (D.K.) or that of the Master K.H. and therefore into the department of the Christ; a third ray soul will be absorbed into one of the Ashrams (and there are many) functioning under the Lord of Civilisation, the Master R.

a. Sự hấp thu của đệ tử vào một trong ba ban của công việc thánh đoàn, tức là, một linh hồn cung một sẽ đi vào một cách bình thường một Ashram như Ashram của Chân sư M. trong ban của Đức Manu; một đệ tử cung hai sẽ đi vào một Ashram cung hai như của tôi (D.K.) hoặc của Chân sư K.H. và do đó vào ban của Đức Christ; một linh hồn cung ba sẽ được hấp thu vào một trong các Ashram (và có nhiều) hoạt động dưới quyền Chúa Tể của Nền Văn Minh, Chân sư R.

b. All who come into incarnation upon one of the *Rays of Attribute*—the fourth, fifth, sixth and seventh rays—find their way finally on to one of the three major *Rays of Aspect*. The changes of shifts in ray focus are made when the etheric body has in it an adequate measure of the substance of the lowest of the cosmic ethers, the buddhic substance; this is basic for all, on all the rays, for at the end of the age, when cosmic etheric substance [161] composes the etheric vehicles of the initiate, the three rays become the two rays, and later another absorption takes place into the second Ray of Love-Wisdom which is the ray of our present solar system.

b. Tất cả những ai lâm phàm trên một trong các *Cung Thuộc Tính*—cung bốn, năm, sáu và bảy—cuối cùng đều tìm đường đến một trong ba *Cung Trạng Thái* chính. Những thay đổi của sự chuyển dịch trong tiêu điểm cung được thực hiện khi thể dĩ thái có trong nó một lượng đầy đủ chất liệu của dĩ thái vũ trụ thấp nhất, chất liệu bồ đề; điều này là cơ bản cho tất cả, trên tất cả các cung, vì vào cuối thời đại, khi chất liệu dĩ thái vũ trụ [161] cấu thành các hiện thể dĩ thái của điểm đạo đồ, ba cung trở thành hai cung, và sau đó một sự hấp thu khác diễn ra vào Cung hai của Bác Ái-Minh Triết vốn là cung của hệ mặt trời hiện tại của chúng ta.

You can see, therefore, what conditioning factors the various energies become when appropriated and used, and how their substance, or rather the presence of certain energies in the etheric body of the personality, are essential before certain initiations can be taken. The theme is too complex to be enlarged upon here, but I would ask you to consider with care the various statements I have made and then seek illumination within yourself.

Do đó, các bạn có thể thấy các năng lượng khác nhau trở thành những yếu tố định hình như thế nào khi được chiếm đoạt và sử dụng, và chất liệu của chúng, hay đúng hơn là sự hiện diện của các năng lượng nhất định trong thể dĩ thái của phàm ngã, là thiết yếu như thế nào trước khi các cuộc điểm đạo nhất định có thể được thực hiện. Chủ đề này quá phức tạp để trình bày rộng thêm ở đây, nhưng tôi muốn yêu cầu các bạn xem xét cẩn thận các phát biểu khác nhau mà tôi đã đưa ra và sau đó tìm kiếm sự soi sáng bên trong chính mình.

The rays are the seven emanations from the "seven Spirits before the throne of God"; Their emanations come from the monadic level of awareness or from the second cosmic etheric plane. In a certain sense it could be said that these seven great and living Energies are in their totality the etheric vehicle of the planetary Logos. The evolutionary processes can equally well be stated to be those of eliminating the physical substance lying between the dense physical body and the astral sentient body, and substituting substance of the four highest planes, the four cosmic ethers. Physically speaking, it is this etheric substitution which enables a man successively to take the five initiations which make him a Master of the Wisdom.

Các cung là bảy sự phát xạ từ "bảy Thánh Linh trước ngai của Thượng Đế"; các sự phát xạ của Các Ngài đến từ cấp độ nhận biết chân thần hoặc từ cõi dĩ thái vũ trụ thứ hai. Theo một nghĩa nào đó, có thể nói rằng bảy Năng Lượng vĩ đại và sống động này trong tổng thể của chúng là hiện thể dĩ thái của Hành Tinh Thượng Đế. Các quá trình tiến hóa cũng có thể được tuyên bố là các quá trình loại bỏ chất liệu vật lý nằm giữa thể xác đậm đặc và thể cảm dục, và thay thế bằng chất liệu của bốn cõi cao nhất, bốn dĩ thái vũ trụ. Về mặt vật lý, chính sự thay thế dĩ thái này cho phép một người liên tiếp thực hiện năm cuộc điểm đạo khiến y trở thành một Chân sư Minh Triết.

The first initiation is purely the concern of the man's own soul, and the moment that that initiation has been taken, a measure of buddhic energy can enter and the process of transference of the higher ethers and their substitution for the lower can go forward. This, as you may well imagine, produces conflict; the personality etheric body rejects the incoming higher ether, and thus crises are produced in the initiate's life.

Cuộc điểm đạo thứ nhất hoàn toàn là mối quan tâm của linh hồn riêng của con người, và ngay khi cuộc điểm đạo đó đã được thực hiện, một lượng năng lượng bồ đề có thể đi vào và quá trình chuyển dịch các dĩ thái cao hơn và sự thay thế của chúng cho các dĩ thái thấp hơn có thể tiến hành. Điều này, như các bạn có thể hình dung rõ, tạo ra xung đột; thể dĩ thái phàm ngã từ chối dĩ thái cao hơn đang đi vào, và do đó các cuộc khủng hoảng được tạo ra trong cuộc đời của điểm đạo đồ.

[162]

[162]

Progress and initiation have been presented to us mainly in terms of character-building and of service to humanity. This approach most surely also produces conflict and the personality fights the soul. But paralleling this well known conflict, another battle goes on between the ethers composing the disciple's etheric body and the downpouring higher ethers. Of this a man is not so conscious, but the battle is a very real one, *affecting primarily the health of the physical*

Sự tiến bộ và điểm đạo đã được trình bày cho chúng ta chủ yếu dưới dạng việc xây dựng tính cách và phụng sự nhân loại. Cách tiếp cận này chắc chắn cũng tạo ra xung đột và phàm ngã chiến đấu với linh hồn. Nhưng song song với cuộc xung đột nổi tiếng này, một trận chiến khác diễn ra giữa các dĩ thái cấu thành thể dĩ thái của đệ tử và các dĩ thái cao hơn đang tuôn xuống. Con người không nhận biết rõ lắm về điều này, nhưng trận chiến là một trận chiến rất thực, *ảnh hưởng

body, and falls into five natural stages which we call initiations. The symbolism of the Rod of Initiation teaches us that (during the initiatory process) this Rod, directed by the Christ or by the Lord of the World, as the case may be, is used to stabilise the higher ethers within the personality by an access of applied energy which enables the initiate to retain that which is from above, in order that "as above, so below."

chủ yếu đến sức khỏe của thể xác*, và rơi vào năm giai đoạn tự nhiên mà chúng ta gọi là các cuộc điểm đạo. Biểu tượng của Thần Trượng Điểm đạo dạy chúng ta rằng (trong quá trình điểm đạo) Thần Trượng này, được chỉ đạo bởi Đức Christ hoặc bởi Đức Chúa Tể Thế Giới, tùy từng trường hợp, được sử dụng để ổn định các dĩ thái cao hơn bên trong phàm ngã bằng một luồng năng lượng bổ sung được đưa vào cho phép điểm đạo đồ giữ lại cái từ bên trên, để "trên sao, dưới vậy".

There are three angles from which the etheric body must be considered:

Có ba góc độ mà từ đó thể dĩ thái phải được xem xét:

1. As the mechanism which externalises itself through the nadis, or that fine system of related lines of force which, in their turn, externalise themselves through the physical system of nerves.

1. Như là cơ chế ngoại hiện chính nó thông qua các nadi, hay hệ thống tinh vi của các dòng lực liên quan vốn, đến lượt chúng, ngoại hiện chính chúng thông qua hệ thống dây thần kinh vật lý.

2. As a transmitter of many different types of energy, coming from many different sources; these energies run through or along (both words are equally true) the lines of force which underlie the nadis. A while ago I used the word "tubes," thus inferring a network of tubes through which the transmitted energies can pour; here you have a case where words are wholly inadequate and even misleading.

2. Như là một bộ phát của nhiều loại năng lượng khác nhau, đến từ nhiều nguồn khác nhau; các năng lượng này chạy xuyên qua hoặc dọc theo (cả hai từ đều đúng như nhau) các dòng lực nằm bên dưới các nadi. Một lúc trước tôi đã sử dụng từ "các ống", do đó suy ra một mạng lưới các ống mà qua đó các năng lượng được truyền đi có thể tuôn chảy; ở đây các bạn có một trường hợp mà từ ngữ hoàn toàn không đầy đủ và thậm chí gây hiểu lầm.

3. These energies—according to their source, quality and purpose—create the seven major centres which condition the many smaller subsidiary centres [163] and finally externalise themselves through the seven major glands of the endocrine system.

3. Các năng lượng này—tùy theo nguồn gốc, phẩm tính và mục đích của chúng—tạo ra bảy trung tâm chính vốn định hình nhiều trung tâm phụ nhỏ hơn [163] và cuối cùng ngoại hiện chính chúng thông qua bảy tuyến chính của hệ thống nội tiết.

I have said earlier that the intersecting energies in the etheric body of the planet are at this time a *network of squares*. When the creative process is complete and evolution

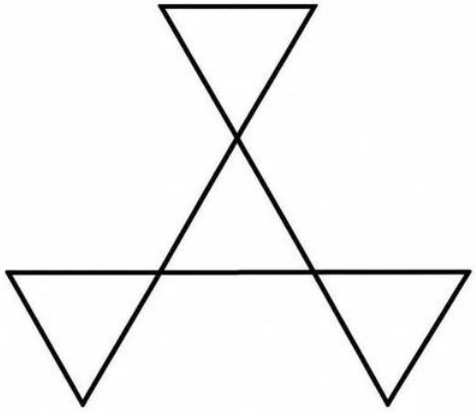
Tôi đã nói trước đó rằng các năng lượng giao nhau trong thể dĩ thái của hành tinh vào lúc này là một *mạng lưới các hình vuông*. Khi quá trình sáng tạo hoàn tất và sự tiến hóa đã

has done its work, these squares will become a network of triangles. Necessarily this is a symbolic way of speaking. In the *Book of Revelations* which was dictated 1900 years ago by the disciple who is now known as the Master Hilarion, reference is made to the "city which stands four-square." The etheric vehicle of the planet was inherited from a former solar system, with the purpose or intention in view of its transformation into a network of triangles in this solar system. In the next one of the triplicity of solar systems (the third or last) in which the will of God works out, the etheric body will begin as a network of triangles, but this will be resolved into a network of interlinked circles or of linked rings, indicating the fulfilment of interlocking relationships. In this present system, the result of evolution, as far as the etheric body is concerned, will be the contact established between all three points of each triangle, making a ninefold contact and a ninefold flow of energy; this is consistent with the fact that nine is the number of initiation, and by the time the destined number of disciples have taken the nine possible initiations, this triangular formation of the planetary etheric body will be complete.

hoàn thành công việc của nó, các hình vuông này sẽ trở thành một mạng lưới các hình tam giác. Nhất thiết đây là một cách nói tượng trưng. Trong *Sách Khải Huyền* được đọc cho viết cách đây 1900 năm bởi người đệ tử mà nay được biết đến là Chân sư Hilarion, có sự tham chiếu đến "thành phố đứng bốn phương". Hiện thể dĩ thái của hành tinh được thừa hưởng từ một hệ mặt trời trước đó, với mục đích hay ý định chuyển đổi nó thành một mạng lưới các hình tam giác trong hệ mặt trời này. Trong hệ tiếp theo của bộ ba hệ mặt trời (thứ ba hoặc cuối cùng) mà trong đó ý chí của Thượng Đế thực hiện, thể dĩ thái sẽ bắt đầu như một mạng lưới các hình tam giác, nhưng điều này sẽ chuyển hóa thành một mạng lưới các vòng tròn liên kết hoặc các vòng nhẫn được liên kết, chỉ ra sự hoàn thành của các mối quan hệ đan kết. Trong hệ thống hiện tại này, kết quả của sự tiến hóa, xét về thể dĩ thái, sẽ là sự tiếp xúc được thiết lập giữa tất cả ba điểm của mỗi tam giác, tạo ra sự tiếp xúc cửu phân và dòng năng lượng cửu phân; điều này nhất quán với thực tế rằng số chín là con số của điểm đạo, và vào lúc số lượng đệ tử được định mệnh đã thực hiện chín cuộc điểm đạo khả dĩ, sự hình thành tam giác này của thể dĩ thái hành tinh sẽ hoàn tất.

The idea can be conveyed symbolically by the diagram below, which pictures the triangular formation and the mode of a dual growth or progression and expansion of the network because, starting with the initial triangle, two points only are left for the processes of extension.

Ý tưởng có thể được chuyển tải một cách tượng trưng bằng sơ đồ dưới đây, mô tả sự hình thành tam giác và phương thức của một sự tăng trưởng hoặc tiến triển kép và sự mở rộng của mạng lưới bởi vì, bắt đầu với tam giác ban đầu, chỉ còn lại hai điểm cho các quá trình mở rộng.



[164]

The initial triangle was formed by Sanat Kumara, and we call the three energies which circulate through its medium the three major Rays of Aspect. The four Rays of Attribute formed their own triangles and yet, in a paradoxical manner, they are responsible for the "squares" through which their energies at this time pass. Thus the work of transforming the inherited etheric body was begun and has proceeded ever since. In the etheric body of the human being you have a repetition of the same process in the triangle of energies created by the relationship between the Monad, the Soul, and the Personality.

[164]

Tam giác ban đầu được hình thành bởi Sanat Kumara, và chúng ta gọi ba năng lượng lưu chuyển thông qua môi trường của nó là ba Cung Trạng Thái chính. Bốn Cung Thuộc Tính đã hình thành các tam giác riêng của chúng và tuy nhiên, theo một cách nghịch lý, chúng chịu trách nhiệm cho các "hình vuông" mà qua đó năng lượng của chúng vào lúc này đi qua. Như vậy công việc biến đổi thể dĩ thái được thừa hưởng đã bắt đầu và đã tiến hành kể từ đó. Trong thể dĩ thái của con người, các bạn có một sự lặp lại của cùng một quá trình trong tam giác các năng lượng được tạo ra bởi mối quan hệ giữa Chân Thần, Linh hồn, và Phàm ngã.

The Changing Pattern of the Planetary Etheric Body—Mô Hình Đang Thay Đổi của Thể Dĩ Thái Hành Tinh

It is well-nigh impossible for man to draw or make a picture of the network of triangles and, at the same time, see them taking the circular form in their totality of the etheric body of the planetary sphere. The reason is that the whole etheric body is in constant motion and ceaseless transformation, and the energies of which it is composed are in a state of constant change and circulation.

Hầu như không thể để con người vẽ hoặc tạo ra một bức tranh về mạng lưới các hình tam giác và, đồng thời, thấy chúng mang hình dạng tròn trong tổng thể thể dĩ thái của bầu hành tinh. Lý do là toàn bộ thể dĩ thái đang chuyển động liên tục và biến đổi không ngừng, và các năng lượng cấu tạo nên nó đang trong trạng thái thay đổi và luân chuyển liên tục.

It is wise to have in mind that it is the mechanism which changes and that this transformation of the square into the triangle has no reference whatsoever to the transmitted energies or to the various centres, except in so far that it becomes far easier for the energies to flow through the triangular formation of the etheric body than it is to flow—as is now the case—through or around a square and a network of squares.

Sẽ là khôn ngoan khi ghi nhớ rằng chính cơ chế thay đổi và sự biến đổi này của hình vuông thành hình tam giác không có tham chiếu gì đến các năng lượng được truyền đi hoặc đến các trung tâm khác nhau, ngoại trừ việc năng lượng tuôn chảy qua sự hình thành tam giác của thể dĩ thái trở nên dễ dàng hơn nhiều so với việc tuôn chảy—như trường hợp hiện nay—qua hoặc xung quanh một hình vuông và một mạng lưới các hình vuông.

I am quite aware that what I am here communicating may seem to you the veriest nonsense and there is, of course, no possible way in which I can prove to you the factual nature of this inter-communicating system or in which you can check and confirm what I say; but then, my brothers, you have no way as yet of ascertaining the factual existence of Sanat Kumara and yet from the very night of time His existence has been proclaimed by the Hierarchy and accepted [165] by millions. Every human being believes a great deal more than he can prove or the validity of which he can establish.

Tôi hoàn toàn ý thức rằng những gì tôi đang truyền đạt ở đây có vẻ đối với các bạn là điều vô nghĩa nhất và, tất nhiên, không có cách nào khả dĩ để tôi có thể chứng minh cho các bạn bản chất thực tế của hệ thống giao tiếp qua lại này hoặc để các bạn có thể kiểm tra và xác nhận những gì tôi nói; nhưng xét lại, các huynh đệ của tôi, các bạn chưa có cách nào để xác minh sự tồn tại thực tế của Sanat Kumara và tuy nhiên từ tận đêm tối của thời gian, sự tồn tại của Ngài đã được Thánh Đoàn tuyên bố và được chấp nhận [165] bởi hàng triệu người. Mỗi con người tin nhiều điều hơn những gì y có thể chứng minh hoặc xác lập tính hợp lệ của nó.

The centres are in reality those “crossing points” of energies where the etheric body possesses seven triangles or transformed points. From the angle of Shamballa the

Các trung tâm thực tế là những "điểm giao nhau" của các năng lượng nơi thể dĩ thái sở hữu bảy tam giác hoặc các điểm được chuyển đổi. Từ góc độ của Shamballa, các

centres in a human being resemble a triangle with a point at the centre.

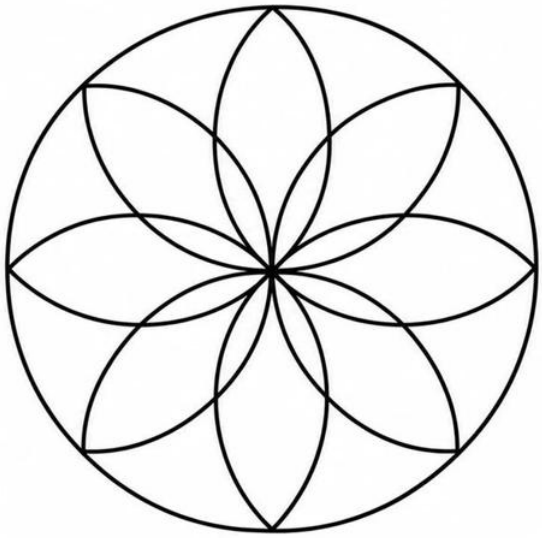
trung tâm trong một con người giống như một tam giác với một điểm ở trung tâm.

From the angle of the Hierarchy, conditions are somewhat different. You have the seven centres portrayed as lotuses, with varying numbers of petals; nevertheless there is always preserved and recognisably present a triangle, at the very heart of the lotus; always there is the triangle with its communicating point, and to this we give the name, the “jewel in the lotus.” You have therefore the following symbolic presentation of the lotus, and you would do well to study it with care.

Từ góc độ của Thánh Đoàn, các điều kiện có đôi chút khác biệt. Các bạn có bảy trung tâm được mô tả như những đóa sen, với số lượng cánh hoa khác nhau; tuy nhiên luôn luôn được bảo tồn và hiện diện một cách dễ nhận biết là một tam giác, ngay tại tâm của hoa sen; luôn luôn có tam giác với điểm giao tiếp của nó, và đối với cái này chúng tôi đặt tên là "ngọc trong hoa sen". Do đó, các bạn có sự trình bày mang tính biểu tượng sau đây về hoa sen, và các bạn nên nghiên cứu nó một cách cẩn thận.

The personality of the man is conditioned by the circle, which is the emanating influence of the lotus, and an interplay is thereby set up. The lotus itself is conditioned by the soul and in its turn conditions the “sphere of influence in the aura of the lotus” thus reaching into and conditioning the personality life. The triangle is conditioned by the Spiritual Triad, when the antahkarana is built or in process of building, and in its turn first of all inspires or fires the soul, and then finally destroys it. The dot at the centre is indicative of monadic life, first of all in its lowest expression of physical life and vitality, and finally as the “point of sensitivity.” Therefore we have:

Phàm ngã của con người chịu sự định hình của vòng tròn, vốn là ảnh hưởng phát xuất của hoa sen, và một sự tác động qua lại do đó được thiết lập. Chính hoa sen chịu sự định hình của linh hồn và đến lượt nó lại định hình "phạm vi ảnh hưởng trong hào quang của hoa sen", do đó vươn tới và định hình đời sống phàm ngã. Tam giác chịu sự định hình của Tam Nguyên Tinh Thần, khi antahkarana được xây dựng hoặc đang trong quá trình xây dựng, và đến lượt nó trước hết truyền cảm hứng hoặc kích hoạt linh hồn, và sau đó cuối cùng hủy diệt nó. Điểm chấm tại trung tâm biểu thị cho đời sống chân thần, trước hết trong biểu hiện thấp nhất của nó là đời sống hồng trần và sinh lực, và cuối cùng như là "điểm nhạy cảm". Do đó chúng ta có:



1. The Point at the centre, indicative of the monadic life. [166]

1. Điểm tại trung tâm, biểu thị đời sống chân thần. [166]

2. The related energies of the egoic lotus, conditioned by the soul.

2. Các năng lượng liên quan của Hoa Sen Chân Ngã, chịu sự định hình của linh hồn.

3. The sphere of radiation, the emanating influence of the lotus, conditioning the personality.

3. Phạm vi bức xạ, ảnh hưởng phát xuất của hoa sen, định hình phàm ngã.

4. The triangle of energy, conditioned by the Spiritual Triad.

4. Tam giác năng lượng, chịu sự định hình của Tam Nguyên Tinh Thần.

The foregoing instruction on the etheric body is not long but it contains much that is relatively new and provides much food for assimilation. [167]

Huấn thị đã qua về thể dĩ thái tuy không dài nhưng nó chứa đựng nhiều điều tương đối mới mẻ và cung cấp nhiều nội dung để lĩnh hội. [167]

IV. THE CENTRES AND THE PERSONALITY—IV. CÁC TRUNG TÂM VÀ PHÀM NGÃ

We will now consider the centres as controlling factors in the life of the personality in the three worlds, and their relation to each other, always studying the

Bây giờ chúng ta sẽ xem xét các trung tâm như là những yếu tố kiểm soát trong đời sống của phàm ngã tại ba cõi, và mối quan hệ của chúng với nhau, luôn luôn nghiên

subject from the angle of their relation to one of the three major planetary centres—Shamballa, the Hierarchy and Humanity—in connection with:

cứu chủ đề này từ góc độ mối quan hệ của chúng với một trong ba trung tâm hành tinh chủ yếu—Shamballa, Thánh Đoàn và Nhân loại—trong mối liên hệ với:

1. The Point at the Centre.

1. Điểm tại Trung tâm.

2. Related Energies.

2. Các Năng lượng Liên quan.

3. Sphere of Radiation.

3. Phạm vi Bức xạ.

4. The Triangle of Energy.

4. Tam giác Năng lượng.

The abstruseness of this theme is very great; a basic statement will, however, serve somewhat to clarify the subject; it is a statement which has seldom found expression elsewhere. Let me phrase it as simply as possible:

Chủ đề này rất khó lĩnh hội; tuy nhiên, một phát biểu cơ bản sẽ phần nào giúp làm sáng tỏ chủ đề; đó là một phát biểu hiếm khi được diễn đạt ở nơi khác. Hãy để tôi diễn đạt nó đơn giản nhất có thể:

The centres below the diaphragm, i.e., the solar plexus centre, the sacral centre and the centre at the base of the spine, are controlled by the four ethers of the planetary physical plane; the centres above the diaphragm, i.e., the heart centre, the throat centre, the ajna centre and the head centre, are controlled by the four cosmic ethers, to which we give the names of the energies of the buddhic plane, the energies of the atmic plane, the energies of the monadic plane and the energies of the logoic plane.

Các trung tâm bên dưới cơ hoành, tức là trung tâm tùng thái dương, trung tâm xương cùng và trung tâm tại đáy cột sống, được kiểm soát bởi bốn dĩ thái của cõi hồng trần hành tinh; các trung tâm bên trên cơ hoành, tức là trung tâm tim, trung tâm cổ họng, trung tâm ajna và trung tâm đầu, được kiểm soát bởi bốn dĩ thái vũ trụ, mà chúng ta đặt tên là các năng lượng của cõi bồ đề, các năng lượng của cõi atma, các năng lượng của cõi chân thần và các năng lượng của cõi thượng đế (logoic).

This statement involves a somewhat new concept; it creates a basic relation, making possible the fact that “as above so below.” Think this out. It has serious implications.

Phát biểu này bao hàm một khái niệm phần nào mới mẻ; nó tạo ra một mối quan hệ cơ bản, làm cho sự kiện "trên sao dưới vậy" trở nên khả thi. Hãy suy ngẫm điều này. Nó có những hàm ý nghiêm trọng.

[168]

[168]

The centres below the diaphragm are—during the evolutionary process—controlled by the first, the second and the third ethers, counting from below upward; when evolution has brought the aspirant to the point of personal integration, then the energies of the highest, the etheric-atomic plane can and do control. When that takes place, then the possibility is present of the energies of the cosmic etheric planes bringing the centres above the diaphragm into full expression. This takes place upon the Path of Discipleship and the Path of Initiation. This interesting process of transference of energies is called by several names, such as “radiatory substitution,” “energising at-one-ment,” and “inspirational reflected light of energy.” All these terms are efforts to express in somewhat inadequate words what happens when the higher energies are substituted for the lower, when the magnetic “pull” of the spiritual energies draws upward and absorbs the lower energies which are concerned primarily with the personality life, or when the reflecting light of the Spiritual Triad and of the Monadic Glory are transferred into the higher energy centres in the final vehicle used by the developed human being.

Các trung tâm bên dưới cơ hoành—trong suốt quá trình tiến hóa—bị kiểm soát bởi dĩ thái thứ nhất, thứ hai và thứ ba, tính từ dưới lên; khi sự tiến hóa đã đưa người chí nguyện đến điểm tích hợp phàm ngã, thì các năng lượng của cõi cao nhất, cõi dĩ thái-nguyên tử có thể và thực sự kiểm soát. Khi điều đó xảy ra, thì khả năng hiện diện là các năng lượng của các cõi dĩ thái vũ trụ đưa các trung tâm bên trên cơ hoành vào sự biểu hiện trọn vẹn. Điều này diễn ra trên Con Đường Đệ Tử và Con Đường Điểm Đạo. Quy trình chuyển dịch năng lượng thú vị này được gọi bằng nhiều cái tên, chẳng hạn như "sự thay thế bức xạ", "sự hợp nhất đầy năng lượng", và "ánh sáng phản chiếu đầy cảm hứng của năng lượng". Tất cả các thuật ngữ này là những nỗ lực để diễn đạt bằng những từ ngữ có phần không đầy đủ về những gì xảy ra khi các năng lượng cao hơn được thay thế cho các năng lượng thấp hơn, khi "sức hút" từ tính của các năng lượng tinh thần kéo lên trên và hấp thu các năng lượng thấp hơn vốn liên quan chủ yếu đến đời sống phàm ngã, hoặc khi ánh sáng phản chiếu của Tam Nguyên Tinh Thần và của Vinh quang Chân thần được chuyển vào các trung tâm năng lượng cao hơn trong vận cụ cuối cùng được sử dụng bởi con người đã phát triển.

Little has as yet been given out anent the relation of the four physical ethers and the four cosmic ethers; there is nevertheless a direct relation between them, and this the initiatory process reveals. This also brings about significant changes in the vehicles of humanity. There is also a direct relation between the four aspects of karma (the Law of Cause and Effect) and the four physical ethers, as well as the four cosmic ethers; this relationship will later constitute the basis of a new occult science. Therefore, there is yet much to be grasped by students concerning energy, its emanating sources, its mode of

Cho đến nay hiếm có điều gì được đưa ra về mối quan hệ giữa bốn dĩ thái hồng trần và bốn dĩ thái vũ trụ; tuy nhiên có một mối quan hệ trực tiếp giữa chúng, và quy trình điểm đạo tiết lộ điều này. Điều này cũng mang lại những thay đổi quan trọng trong các hiện thể của nhân loại. Cũng có một mối quan hệ trực tiếp giữa bốn phương diện của nghiệp quả (Định luật Nhân quả) và bốn dĩ thái hồng trần, cũng như bốn dĩ thái vũ trụ; mối quan hệ này sau này sẽ cấu thành cơ sở của một khoa học huyền môn mới. Vì vậy, vẫn còn nhiều điều học viên cần phải nắm bắt liên quan đến năng lượng, các nguồn

transfer or its transitional processes, and its anchorage within the planetary body, or the physical body of the individual. With some of these [169] ideas we will now deal, thus laying the foundation for future investigation, but saying little which will be of immediate use to the individual student.

phát xuất của nó, phương thức chuyển dịch hoặc các quy trình chuyển tiếp của nó, và sự neo đậu của nó bên trong cơ thể hành tinh, hoặc thể xác của cá nhân. Với một số trong những ý tưởng này [169], giờ đây chúng ta sẽ đề cập đến, do đó đặt nền tảng cho sự điều tra trong tương lai, nhưng nói rất ít những gì sẽ hữu ích ngay lập tức cho cá nhân học viên.

Relationship Between the Higher and the Lower Centres—Mối Quan Hệ Giữa Các Trung Tâm Cao và Thấp

It is relatively easy to list the four cosmic ethers and then list the four ethers of the physical plane as we know them, and then make the statement that the average person is controlled by the centres below the diaphragm, which are responsive to the physical plane ethers as they transmit energies from the three worlds of human evolution, and that the initiate is responsive to the cosmic ethers, as they play through and awaken the centres above the diaphragm. It must at the same time be remembered that the seven centres in the etheric vehicle of man are always composed of the physical ethers, but become—upon the Path of Discipleship—the vehicles of the cosmic ethers. To retain the picture with clarity, it might be well to consider very briefly the four aspects of the centres as I have listed them above, or that totality which they present to the eye of the See-er. These are:

Tương đối dễ dàng để liệt kê bốn dĩ thái vũ trụ và sau đó liệt kê bốn dĩ thái của cõi hồng trần như chúng ta biết, và sau đó đưa ra phát biểu rằng người bình thường bị kiểm soát bởi các trung tâm bên dưới cơ hoành, vốn đáp ứng với các dĩ thái cõi hồng trần khi chúng truyền tải các năng lượng từ ba cõi của sự tiến hóa nhân loại, và rằng điểm đạo đồ đáp ứng với các dĩ thái vũ trụ, khi chúng tác động qua và đánh thức các trung tâm bên trên cơ hoành. Đồng thời cũng phải nhớ rằng bảy trung tâm trong thể dĩ thái của con người luôn luôn được cấu tạo từ các dĩ thái hồng trần, nhưng trở thành—trên Con Đường Đệ Tử—các vận cụ của các dĩ thái vũ trụ. Để giữ lại hình ảnh một cách rõ ràng, có lẽ sẽ tốt nếu xem xét thật ngắn gọn bốn phương diện của các trung tâm như tôi đã liệt kê ở trên, hoặc cái tổng thể mà chúng trình bày trước mắt của nhà thông nhãn. Đó là:

1. *The Point at the Centre.* This is the “jewel in the lotus,” to use the ancient oriental appellation; it is the point of life by means of which the Monad anchors itself upon the physical plane, and is the life principle therefore of all the transient vehicles—developed, undeveloped or developing. This

1. *Điểm tại Trung tâm.* Đây là "ngọc trong hoa sen", sử dụng danh xưng cổ xưa của phương Đông; nó là điểm sự sống mà nhờ đó Chân Thần neo mình trên cõi hồng trần, và do đó là nguyên khí sự sống của tất cả các hiện thể tạm thời—đã phát triển, chưa phát triển hoặc đang phát triển. Điểm sự sống này chứa

point of life contains within itself all possibilities, all potentialities, all experiences and all vibratory activities. It embodies the will-to-be, the quality of magnetic attraction (commonly called love), and the active intelligence which will bring the livingness and the love into full expression. The above statement or definition is one of major importance. This point at the centre is in reality, therefore, all that IS and the other three aspects of life—as listed—are merely indications of its existence. It is that which has capacity to withdraw to its Source, or to impose upon itself [170] layer upon layer of substance; it is the cause of the return of the so-called Eternal Pilgrim to the Father's Home after many aeons of experience, as well as that which produces experiment, leading to eventual experience and final expression. It is also that which the other three aspects shield, and which the seven principles (expressing themselves as vehicles) protect. There are seven of these "points" or "jewels," expressing the sevenfold nature of consciousness, and as they are brought one by one into living expression, the seven subrays of the dominating monadic ray are also one by one made manifest, so that each initiate-disciple is (in due time) a Son of God in full and outer glory.

đựng bên trong chính nó mọi khả năng, mọi tiềm năng, mọi kinh nghiệm và mọi hoạt động rung động. Nó thể hiện ý chí-hiện hữu, phẩm tính của lực hút từ tính (thường được gọi là tình thương), và trí tuệ hoạt động sẽ đưa sự sống động và tình thương vào biểu hiện trọn vẹn. Phát biểu hoặc định nghĩa trên là một trong những điều quan trọng chính yếu. Do đó, điểm tại trung tâm này thực tế là tất cả những gì HIỆN HỮU và ba phương diện khác của sự sống—như được liệt kê—chỉ là những dấu hiệu về sự tồn tại của nó. Nó là cái có năng lực rút về Nguồn cội của nó, hoặc áp đặt lên chính nó [170] lớp này qua lớp khác của chất liệu; nó là nguyên nhân của sự trở về của cái gọi là Chàng Lữ Khách Vĩnh Cửu về Ngôi Nhà của Cha sau nhiều thời đại dài trải nghiệm, cũng như cái tạo ra sự thử nghiệm, dẫn đến kinh nghiệm rốt ráo và biểu hiện cuối cùng. Nó cũng là cái mà ba phương diện kia che chở, và là cái mà bảy nguyên khí (tự biểu hiện như là các hiện thể) bảo vệ. Có bảy "điểm" hay "viên ngọc" này, biểu hiện bản chất thất phân của tâm thức, và khi chúng được đưa từng cái một vào biểu hiện sống động, bảy cung phụ của cung chân thần chủ đạo cũng từng cái một được hiển lộ, để mỗi đệ tử-điểm đạo đồ (vào đúng thời điểm) là một Người Con của Thượng đế trong vinh quang trọn vẹn và bên ngoài.

The time comes when the individual etheric body is submerged or lost to sight in the light emanating from these seven points and *coloured* by the light of the "jewel in the lotus" in the head, the thousand petalled lotus. Each centre is then related by a line of living fire and each is then in full divine expression.

Thời điểm đến khi thể dĩ thái cá nhân bị chìm ngập hoặc mất hút khỏi tầm nhìn trong ánh sáng phát ra từ bảy điểm này và được *nhuốm màu* bởi ánh sáng của "ngọc trong hoa sen" trong đầu, hoa sen ngàn cánh. Khi đó mỗi trung tâm được liên kết bởi một dòng lửa sống động và mỗi cái sau đó đều ở trong sự biểu hiện thiêng liêng trọn vẹn.

Much emphasis has been placed by teachers in the past upon the "killing out" of the centres below the diaphragm, or upon the

Nhiều sự nhấn mạnh đã được các giáo lý viên trong quá khứ đặt vào việc "diệt trừ" các trung tâm bên dưới cơ hoành, hoặc vào sự

transference of the energies of these centres into their higher correspondences. This I also have pointed out in other writings and instructions, because it is a definite way in which to convey essential truth. These methods of expression are, however, only symbolic phrases, and to that extent are true; nevertheless, at the close of the evolutionary process every single centre in the etheric body is a living, vibrant and beautiful expression of the basic energy which has ever sought to use it. They are, however, energies which are dedicated to divine and not to material living, and are clear, pure and radiant; their central point of light is of such a brilliance that the ordinary eye of man can scarcely register it. At this point it must be remembered that though there are seven of these points, one at the centre of each lotus, [171] there are only three types of such "jewels in the lotus" because the Monad expresses only the three major aspects of divinity, or the three major rays.

chuyển dịch các năng lượng của các trung tâm này vào các tương ứng cao hơn của chúng. Điều này tôi cũng đã chỉ ra trong các bài viết và huấn thị khác, bởi vì đó là một cách xác định để truyền đạt chân lý cốt yếu. Tuy nhiên, các phương pháp diễn đạt này chỉ là các cụm từ mang tính biểu tượng, và ở mức độ đó là đúng; tuy nhiên, vào lúc kết thúc quy trình tiến hóa, mỗi một trung tâm trong thể dĩ thái là một biểu hiện sống động, rung động và đẹp đẽ của năng lượng cơ bản vốn luôn tìm cách sử dụng nó. Tuy nhiên, chúng là những năng lượng được dâng hiến cho đời sống thiêng liêng chứ không phải đời sống vật chất, và chúng trong trẻo, thuần khiết và rạng rỡ; điểm sáng trung tâm của chúng có độ sáng chói đến nỗi con mắt thường của con người khó có thể ghi nhận được. Tại điểm này cần phải nhớ rằng mặc dù có bảy điểm này, mỗi điểm tại trung tâm của mỗi hoa sen, [171] chỉ có ba loại "ngọc trong hoa sen" như vậy bởi vì Chân Thần chỉ biểu hiện ba phương diện chính của thiên tính, hay ba cung chính.

2. *The Related Energies.* This expression has reference to what have been called the "petals" of the lotus: with these differentiations of the various energies I seek not here to deal; too much emphasis has ever been laid upon them both by oriental and occidental writers; there is far too much curiosity about the number of petals in any particular centre, about their arrangement and about their colouring and quality. If these matters interest you, you can search in the standard books for this information, remembering as you garner the proffered information that you are not in a position to prove its accuracy; its usefulness, therefore, to you is highly problematical. I write this for real students and for those who seek to live the life of the spirit; the information which theorists seek is amply provided for both by me and many

2. *Các Năng lượng Liên quan.* Cách diễn đạt này tham chiếu đến những gì đã được gọi là "cánh hoa" của hoa sen: với những sự biến phân này của các năng lượng khác nhau, tôi không tìm cách bàn đến ở đây; quá nhiều sự nhấn mạnh đã từng được đặt lên chúng bởi cả các tác giả phương Đông và phương Tây; có quá nhiều sự tò mò về số lượng cánh hoa trong bất kỳ trung tâm cụ thể nào, về sự sắp xếp của chúng và về màu sắc và phẩm tính của chúng. Nếu những vấn đề này làm bạn quan tâm, bạn có thể tìm kiếm trong các sách tiêu chuẩn để có thông tin này, hãy nhớ rằng khi bạn thu thập thông tin được cung cấp, bạn không ở vị thế để chứng minh độ chính xác của nó; do đó, sự hữu ích của nó đối với bạn là rất đáng ngờ. Tôi viết điều này cho những học viên thực thụ và cho những ai tìm cách sống đời sống của tinh thần; thông tin mà các nhà lý thuyết tìm kiếm

other exponents of the *technicalities* of the Ageless Wisdom.

được cung cấp phong phú bởi cả tôi và nhiều người trình bày khác về *các chi tiết kỹ thuật* của Minh Triết Ngàn Đời.

All I would remark is that as the point in the centre is the point of life and the permanent, persistent Eternal ONE, so the related energies or petals are indicative of the state of consciousness which that Eternal One is able—at any stated point in time and space—to express. This may be the relatively undeveloped state of consciousness of the savage, the consciousness of the average man or the highly developed consciousness of the initiate up to the third degree, or the still more vibrant awareness of the initiate of still higher grades. It is ever concerned with CONSCIOUSNESS; only the point at the centre is concerned with the first or life aspect; the petals concern the second or the consciousness aspect, and this must be most carefully borne in mind.

Tất cả những gì tôi muốn nhận xét là cũng như điểm ở trung tâm là điểm sự sống và là ĐẤNG DUY NHẤT Vĩnh Cửu thường hằng, kiên định, thì các năng lượng liên quan hay các cánh hoa là biểu thị của trạng thái tâm thức mà Đấng Vĩnh Cửu đó có thể—tại bất kỳ điểm đã nêu nào trong không gian và thời gian—biểu hiện. Đây có thể là trạng thái tâm thức tương đối kém phát triển của người dã man, tâm thức của người bình thường hoặc tâm thức phát triển cao của điểm đạo đồ cho đến bậc ba, hoặc nhận thức rung động còn cao hơn nữa của điểm đạo đồ thuộc các cấp bậc cao hơn. Nó luôn liên quan đến TÂM THỨC; chỉ điểm tại trung tâm mới liên quan đến phương diện thứ nhất hay phương diện sự sống; các cánh hoa liên quan đến phương diện thứ hai hay phương diện tâm thức, và điều này phải được ghi nhớ cẩn thận nhất.

[172]

[172]

The state of the consciousness is ever indicated by the size, the colour and the activity of the energies which compose the petals of the lotus; their unfoldment and their development is conditioned by the governing rays, as well as by the age and the length of the soul's expression. The extent and the nature of the relative "brightness" is also conditioned by the point of focus in any particular life, as well as by the trend of the thinking of the soul which is in incarnation; it must be remembered here that "energy follows thought." The natural focus or point of polarisation is at times most definitely offset by a man's line of thought (whatever that may currently be) or by the fact that he is living, consciously or unconsciously, the life of every day. An instance of this can be

Trạng thái của tâm thức luôn được biểu thị bởi kích thước, màu sắc và hoạt động của các năng lượng cấu thành các cánh hoa của hoa sen; sự khai mở và sự phát triển của chúng chịu sự định hình của các cung cai quản, cũng như bởi tuổi và độ dài của sự biểu hiện của linh hồn. Mức độ và bản chất của "độ sáng" tương đối cũng chịu sự định hình của điểm tập trung trong bất kỳ kiếp sống cụ thể nào, cũng như bởi khuynh hướng suy nghĩ của linh hồn đang lâm phàm; cần phải nhớ ở đây rằng "năng lượng đi theo tư tưởng". Tiêu điểm tự nhiên hay điểm phân cực đôi khi bị hóa giải một cách dứt khoát nhất bởi dòng tư tưởng của một người (bất kể hiện tại nó có thể là gì) hoặc bởi thực tế là y đang sống, một cách ý thức hay vô thức, cuộc sống hàng ngày. Một ví dụ về điều này có thể được tìm

found in the fact that a disciple's natural focus might be the solar plexus centre, but because of his fixed and determined thought, the energy which he wields can be directed to one of the centres above the diaphragm, thus producing a temporary atrophying of the centre below the diaphragm and the consequent stimulation of that which lies above that dividing line. Thus are the needed changes made.

thấy trong thực tế là tiêu điểm tự nhiên của một đệ tử có thể là trung tâm tùng thái dương, nhưng do tư tưởng cố định và kiên quyết của y, năng lượng mà y sử dụng có thể được hướng đến một trong các trung tâm bên trên cơ hoành, do đó tạo ra sự teo đi tạm thời của trung tâm bên dưới cơ hoành và sự kích thích tiếp theo của cái nằm bên trên đường phân chia đó. Do đó những thay đổi cần thiết được thực hiện.

When the cycle of evolution is nearing its close and the initiate-disciple has well-nigh run his course, the energies are all fully developed, active and vibrant, and are therefore consciously used as essential aspects of the initiate's *contact mechanism*. This is often forgotten and the emphasis of the student's thinking is laid upon the centres as expressions of his natural unfoldment, whereas that is of relatively secondary importance. The centres are, in reality, focal points through which energy can be distributed, under skilled direction, in order to make a needed impact upon those centres or individuals which the disciple seeks to aid. These impacts can be stimulated or vitalised at need, or they can be deliberately [173] destructive, thus aiding in the liberation from substance or matter of the one to be aided.

Khi chu kỳ tiến hóa đang gần kết thúc và đệ tử-điểm đạo đồ đã gần như chạy xong hành trình của mình, các năng lượng đều phát triển trọn vẹn, hoạt động và rung động, và do đó được sử dụng một cách có ý thức như những phương diện thiết yếu của *cơ chế tiếp xúc* của điểm đạo đồ. Điều này thường bị lãng quên và sự nhấn mạnh trong tư duy của học viên được đặt lên các trung tâm như là những biểu hiện của sự khai mở tự nhiên của y, trong khi đó là điều có tầm quan trọng tương đối thứ yếu. Các trung tâm, thực tế, là những tiêu điểm qua đó năng lượng có thể được phân phối, dưới sự chỉ đạo khéo léo, để tạo ra một tác động cần thiết lên những trung tâm hoặc những cá nhân mà người đệ tử tìm cách giúp đỡ. Những tác động này có thể được kích thích hoặc tiếp sinh lực khi cần thiết, hoặc chúng có thể phá hủy [173] một cách có chủ ý, do đó hỗ trợ việc giải thoát khỏi chất liệu hay vật chất của người cần được giúp đỡ.

It is high time that students paid attention to *the service angle* of the centres, and to the focussing and the use of energy in service. It is here that the knowledge of the number of the petals which form a centre is involved, because this knowledge indicates the number of the energies which are available for service, i.e., two energies, twelve energies, sixteen energies, and so forth. No attention has hitherto been paid to this

Đã đến lúc các học viên chú ý đến *góc độ phụng sự* của các trung tâm, và đến việc tập trung và sử dụng năng lượng trong phụng sự. Chính tại đây mà kiến thức về số lượng cánh hoa tạo nên một trung tâm có liên quan, bởi vì kiến thức này chỉ ra số lượng các năng lượng sẵn có cho việc phụng sự, nghĩa là, hai năng lượng, mười hai năng lượng, mười sáu năng lượng, và vân vân. Cho đến nay chưa có sự chú ý nào được dành cho

important point, but it embodies the practical use of the new occultism in the coming New Age. The oriental symbols which are often superimposed upon the illustrations of the centres should now be discontinued, because they convey no real use to the occidental mind.

điểm quan trọng này, nhưng nó bao hàm việc sử dụng thực tiễn của huyền môn mới trong Kỷ Nguyên Mới sắp tới. Các biểu tượng phương Đông thường được chồng lên các hình minh họa về các trung tâm giờ đây nên được ngưng sử dụng, bởi vì chúng không truyền đạt công dụng thực sự nào cho tâm trí phương Tây.

3. *The Sphere of Radiation.* This obviously concerns the radius of influence or the outgoing vibratory effect of the centres, as they are gradually and slowly brought into activity. These centres, or their vibrations, are in reality what creates or constitutes the so-called aura of the human being, even though that aura is frequently confused with the health aura. Instead of the word "frequently" I had almost said "usually," because that would be more definitely correct. It is the etheric body which indicates and conditions the aura, which is presumed to demonstrate what the personality is, emotionally and mentally, and (occasionally) what is indicated of soul control. This is *not* a false premise, and I would have you register this fact. It is, however, excessively limited in its import, because the aura is in reality indicative of the subject's centres. From the study of this aura certain things can be ascertained:

3. *Phạm vi Bức xạ.* Điều này rõ ràng liên quan đến bán kính ảnh hưởng hoặc hiệu quả rung động hướng ngoại của các trung tâm, khi chúng dần dần và chậm rãi được đưa vào hoạt động. Các trung tâm này, hay những rung động của chúng, thực tế là những gì tạo ra hoặc cấu thành cái gọi là hào quang của con người, mặc dù hào quang đó thường bị nhầm lẫn với hào quang sức khỏe. Thay vì từ "thường", tôi gần như đã nói "thông thường", bởi vì điều đó sẽ chính xác hơn một cách dứt khoát. Chính thể dĩ thái chỉ ra và định hình hào quang, vốn được cho là chứng minh phàm ngã là gì, về mặt cảm xúc và trí tuệ, và (thỉnh thoảng) những gì được biểu thị về sự kiểm soát của linh hồn. Đây *không phải* là một tiền đề sai lầm, và tôi muốn các bạn ghi nhận sự kiện này. Tuy nhiên, nó cực kỳ hạn chế trong ý nghĩa của nó, bởi vì hào quang thực tế là biểu thị các trung tâm của chủ thể. Từ việc nghiên cứu hào quang này, một số điều có thể được xác định:

a. Whether the development is above or below the diaphragm.

a. Liệu sự phát triển ở bên trên hay bên dưới cơ hoành.

b. Whether the centres are undeveloped or developed. [174]

b. Liệu các trung tâm chưa phát triển hay đã phát triển. [174]

c. Whether the nature of the controlling rays is adequately clear.

c. Liệu bản chất của các cung kiểm soát có đủ rõ ràng hay không.

d. Whether the point at the centre and the petals of the lotus are controlled, or whether a balance is being achieved.

d. Liệu điểm tại trung tâm và các cánh hoa sen có được kiểm soát, hay liệu một sự cân bằng đang đạt được.

e. Whether the personality is outgoing, and is therefore in a state of livingness, or whether a withdrawing is taking place due to introspection and self-centredness, or to the slow oncoming of the death process.

e. Liệu phàm ngã đang hướng ngoại, và do đó đang ở trong trạng thái sống động, hay liệu sự rút lui đang diễn ra do sự nội tâm và sự tập trung vào bản thân, hoặc do sự đến chậm chạp của quy trình cái chết.

f. Whether the personality or the soul is in control, and whether, therefore, a struggle between the two is going on.

f. Liệu phàm ngã hay linh hồn đang kiểm soát, và do đó, liệu một cuộc đấu tranh giữa hai bên có đang diễn ra hay không.

You can see, therefore, how revealing the aura can be to the individual who has the ability to read it with accuracy, and how thankful you should be that such a capacity is relatively rare, or is in the possession of an Initiate or of a Master Whose nature is LOVE.

Do đó, các bạn có thể thấy hào quang có thể tiết lộ như thế nào đối với cá nhân có khả năng đọc nó một cách chính xác, và các bạn nên biết ơn như thế nào rằng khả năng như vậy là tương đối hiếm, hoặc thuộc sở hữu của một Điểm đạo đồ hoặc của một Chân sư Mà bản chất của Ngài là TÌNH THƯƠNG.

The “sphere of radiation” is a potent instrument in service, and its extent and purity of contact should he cultivated by the pledged disciple. There is true occult teaching in the statement in *The New Testament* that “the shadow of Peter passing by *healed*.” His aura was of such a nature that it had a beneficent effect wherever and whenever it touched or contacted those in his environment. The control of the Christ over His aura was such that “He knew when virtue had gone out of Him”—He knew, therefore, that healing energies had poured through one of His centres to a needy person or group of persons. It is the aura, and its potency of attraction, and its stability, which also holds a group together, which also keeps an audience listening, and which makes an individual of importance along some definite [175] line of approach to his fellowmen. The “sphere of radiation” is

"Phạm vi bức xạ" là một công cụ mạnh mẽ trong phụng sự, và mức độ cùng sự thuần khiết trong tiếp xúc của nó nên được trau dồi bởi người đệ tử đã cam kết. Có giáo lý huyền môn thực sự trong câu nói ở *Tân Ước* rằng "cái bóng của Peter đi ngang qua đã *chữa lành*." Hào quang của ông có bản chất như thế nên nó có tác dụng tốt lành ở bất cứ đâu và bất cứ khi nào nó chạm vào hoặc tiếp xúc với những người trong môi trường của ông. Sự kiểm soát của Đức Christ đối với hào quang của Ngài là như thế nên "Ngài biết khi nào quyền năng đã tuôn ra từ Ngài"—do đó Ngài biết rằng các năng lượng chữa lành đã tuôn đổ qua một trong các trung tâm của Ngài đến một người hoặc nhóm người đang cần giúp đỡ. Chính hào quang, và tiềm năng thu hút của nó, và sự ổn định của nó, cũng giữ một nhóm lại với nhau, cũng giữ cho một cử tọa lắng nghe, và làm cho một cá nhân trở nên quan trọng theo một hướng

easily determined by those who seek it out and who watch the effect of the radiation upon people in their community and environment. One highly emotional person, working through an overdeveloped and uncontrolled solar plexus centre, can wreck a home or an institution. I give this as an illustration. One radiant, creative life, consciously using the heart or the throat centres, can carry inspiration to hundreds. These are points well worth careful consideration. You must, however, bear in mind that these centres are brought into activity by the cultivation of certain major virtues, and *not* by meditation or concentration upon the centres. They are brought automatically into the needed radiatory condition by right living, high thinking and loving activity. These virtues may seem to you dull and uninteresting, but they are most potent and scientifically effective in bringing the centres into the desired radiatory activity. When the task is done, and when all the centres are living spheres of outgoing, radiatory activity, they swing into each others' orbit so that the initiate becomes a centre of living light and *not* a composite of seven radiant centres. Think on this.

[175] tiếp cận xác định nào đó đối với đồng loại của mình. "Phạm vi bức xạ" được xác định dễ dàng bởi những người tìm kiếm nó và những người quan sát hiệu quả của bức xạ lên mọi người trong cộng đồng và môi trường của họ. Một người rất giàu cảm xúc, làm việc thông qua một trung tâm tùng thái dương phát triển quá mức và không được kiểm soát, có thể phá hỏng một gia đình hoặc một tổ chức. Tôi đưa ra điều này như một minh họa. Một đời sống rạng rỡ, sáng tạo, sử dụng một cách có ý thức trung tâm tim hoặc cổ họng, có thể mang lại cảm hứng cho hàng trăm người. Đây là những điểm rất đáng để xem xét cẩn thận. Tuy nhiên, các bạn phải ghi nhớ rằng các trung tâm này được đưa vào hoạt động bằng cách trau dồi các đức hạnh chính yếu nào đó, chứ *không phải* bằng cách tham thiền hay tập trung vào các trung tâm. Chúng được đưa một cách tự động vào điều kiện bức xạ cần thiết bằng cách sống đúng đắn, suy nghĩ cao thượng và hoạt động yêu thương. Những đức hạnh này có vẻ buồn tẻ và không thú vị đối với các bạn, nhưng chúng hữu hiệu nhất và hiệu quả một cách khoa học trong việc đưa các trung tâm vào hoạt động bức xạ mong muốn. Khi nhiệm vụ được hoàn thành, và khi tất cả các trung tâm là những khối cầu sống động của hoạt động bức xạ hướng ngoại, chúng chuyển vào quỹ đạo của nhau để điểm đạo đồ trở thành một trung tâm của ánh sáng sống động và *không phải* là một tổ hợp của bảy trung tâm rạng rỡ. Hãy suy nghĩ về điều này.

4. *The Central Triangle of Energies.* This central triangle indicates unmistakably the three rays which condition a man's "periodical vehicles," as H.P.B. expresses it. These are: the monadic ray, the soul ray and the personality ray. To the watching and attentive Master it is also apparent which ray is the controlling ray, but this is not possible to anyone below the grade of Master.

4. *Tam Giác Năng lượng Trung tâm.* Tam giác trung tâm này chỉ ra một cách không thể nhầm lẫn ba cung định hình "các hiện thể định kỳ" của một người, như H.P.B. diễn đạt. Đó là: cung chân thần, cung linh hồn và cung phàm ngã. Đối với Chân sư đang quan sát và chú tâm, cũng rõ ràng cung nào là cung kiểm soát, nhưng điều này là không thể đối với bất kỳ ai dưới cấp bậc Chân sư. Các đệ

Disciples and other onlookers must form their conclusions from the “nature of the sphere of radiation.” An element of error can creep in at this point, which is not possible to a Master; it must, however, be remembered that until the sixth Initiation of Decision, “the Monad guards two secrets, but loses three [176] when it takes control and the soul fades out.” This, I may not further elucidate.

I have here given a somewhat new slant or picture of the centres. It is one of great value to students could they but realise it, because it is not truly in line with the information given to them in the occult books. An understanding of what I have said will lead the earnest student to a more practical application of his attitude to the centres, and also to a fixed endeavour to make his sphere of radiatory activity more useful to his fellowmen. The reason for this will be that his attitude will express the quality of the subjective spirit and not the quality—hitherto rampant—of objective matter. Forget not that the etheric body is a material and substantial body, and is therefore an integral part of the physical plane; forget not that it is intended, first of all, to carry the energies of the emotional and of the mental plane in the unconscious experimental stage of incarnation; that it is also intended to carry the threefold energies of the soul in the stage of *consciously* gaining experience; and that also, as the antahkarana is built, it is intended to carry the energies of the Monad in the stage of consciously expressed divinity. See you, therefore, the beauty of the spiritual process, and the planned aid given to the sons of men at all stages of their return to the centre from whence they came? [177]

tử và những người quan sát khác phải hình thành kết luận của họ từ "bản chất của phạm vi bức xạ". Một yếu tố sai sót có thể len lỏi vào tại điểm này, điều không thể xảy ra đối với một Chân sư; tuy nhiên, phải nhớ rằng cho đến Cuộc Điểm Đạo thứ sáu của Sự Quyết Định, "Chân Thần giữ hai bí mật, nhưng mất ba [176] khi nó nắm quyền kiểm soát và linh hồn mờ dần". Điều này, tôi không thể làm sáng tỏ thêm.

Ở đây tôi đã đưa ra một cái nhìn hoặc hình ảnh có phần mới mẻ về các trung tâm. Nó có giá trị to lớn đối với các học viên nếu họ có thể nhận ra nó, bởi vì nó không thực sự phù hợp với thông tin được đưa cho họ trong các sách huyền môn. Một sự thấu hiểu về những gì tôi đã nói sẽ dẫn người học viên nghiêm túc đến một ứng dụng thực tiễn hơn về thái độ của y đối với các trung tâm, và cũng đến một nỗ lực kiên định để làm cho phạm vi hoạt động bức xạ của y hữu ích hơn cho đồng loại. Lý do cho điều này sẽ là thái độ của y sẽ biểu hiện phẩm tính của tinh thần chủ quan chứ không phải phẩm tính—vốn lan tràn cho đến nay—của vật chất khách quan. Đừng quên rằng thể dĩ thái là một thể vật chất và có thực chất, và do đó là một bộ phận hợp thành của cõi hồng trần; đừng quên rằng nó được dự định, trước hết, để mang các năng lượng của cõi cảm dục và cõi trí trong giai đoạn thử nghiệm vô thức của sự lâm phàm; rằng nó cũng được dự định để mang các năng lượng tam phân của linh hồn trong giai đoạn thu thập kinh nghiệm *một cách có ý thức*; và rằng cũng như vậy, khi antahkarana được xây dựng, nó được dự định để mang các năng lượng của Chân Thần trong giai đoạn thiên tính được biểu hiện một cách có ý thức. Do đó, các bạn có thấy vẻ đẹp của quy trình tinh thần, và sự hỗ trợ được hoạch định dành cho những người con của nhân loại ở tất cả các giai đoạn trở về trung tâm từ nơi họ đã đến không? [177]

V. THE NATURE OF SPACE—V. BẢN CHẤT CỦA KHÔNG GIAN

Certain wide generalisations anent the etheric body should be recalled at this point. The existence of an etheric body in relation to all tangible and exoteric forms is accepted today by many scientific schools; nevertheless the original teaching has been amended in order to bring it into line with the usual theories of energy and its forms of expression. Recognition is given today, by thinkers, to the factual nature of energy (and I am using that word "factual" most advisedly); energy is now regarded as all that IS; manifestation is the manifestation of a sea of energies, some of which are built into forms, others constitute the medium in which those forms live and move and have their being, and still others are in process of animating both the forms and their environing substantial media. It must also be remembered that forms exist within forms; this is the basis of the symbolism which is to be found in the intricate carved ivory balls of the Chinese craftsmen where ball within ball is to be discovered, all elaborately carved and all free and yet confined. You—as you sit in your room—are a form within a form; that room is itself a form within a house, and that house (another form) is probably one of many similar houses, placed the one on top of another or else side by side, and together composing a still larger form. Yet all these diverse forms are composed of tangible substance which—when coordinated and brought together by some recognised design or idea in the mind of some thinker—creates a material form. This tangible substance is composed of living energies, vibrating in relation to each other, yet owning their own quality and their own [178] qualified life. I dealt with much of this in *A Treatise on*

Cần nhớ lại một số khái quát hóa rộng rãi về thể dĩ thái tại điểm này. Sự tồn tại của một thể dĩ thái trong mối quan hệ với tất cả các hình tướng hữu hình và ngoại môn ngày nay được chấp nhận bởi nhiều trường phái khoa học; tuy nhiên, giáo lý nguyên thủy đã được sửa đổi để đưa nó phù hợp với các lý thuyết thông thường về năng lượng và các hình thức biểu hiện của nó. Sự công nhận được đưa ra ngày nay, bởi các nhà tư tưởng, đối với bản chất thực tế của năng lượng (và tôi đang sử dụng từ "thực tế" đó một cách cân nhắc nhất); năng lượng hiện nay được coi là tất cả những gì HIỆN HỮU; sự biểu hiện là sự biểu hiện của một biển năng lượng, một số trong đó được xây dựng thành các hình tướng, số khác cấu thành môi trường trong đó các hình tướng đó sống và chuyển động và hiện tồn, và vẫn còn những số khác đang trong quá trình làm sinh động cả các hình tướng và môi trường chất liệu bao quanh chúng. Cũng phải nhớ rằng các hình tướng tồn tại bên trong các hình tướng; đây là cơ sở của biểu tượng được tìm thấy trong các quả cầu ngà chạm khắc tinh xảo của các nghệ nhân Trung Hoa, nơi quả cầu bên trong quả cầu được khám phá, tất cả đều được chạm khắc tỉ mỉ và tất cả đều tự do nhưng vẫn bị giới hạn. Bạn—khi bạn ngồi trong phòng của mình—là một hình tướng bên trong một hình tướng; căn phòng đó chính nó là một hình tướng bên trong một ngôi nhà, và ngôi nhà đó (một hình tướng khác) có lẽ là một trong nhiều ngôi nhà tương tự, được đặt cái này trên cái kia hoặc sát cạnh nhau, và cùng nhau tạo thành một hình tướng lớn hơn nữa. Tuy nhiên, tất cả các hình tướng đa dạng này được cấu tạo từ chất liệu hữu hình mà—khi được phối hợp và đưa lại với nhau bởi một thiết kế hoặc ý tưởng được công nhận nào đó trong thể trí của một nhà tư

Cosmic Fire and you would find it profitable to reread what I there said. I will not repeat it here as I am seeking a different approach.

tưởng nào đó—tạo ra một hình tướng vật chất. Chất liệu hữu hình này được cấu tạo từ các năng lượng sống động, rung động trong mối quan hệ với nhau, nhưng sở hữu phẩm tính riêng của chúng và [178] sự sống có phẩm tính riêng của chúng. Tôi đã đề cập đến nhiều điều này trong *Luận về Lửa Vũ Trụ* và các bạn sẽ thấy hữu ích khi đọc lại những gì tôi đã nói ở đó. Tôi sẽ không lặp lại ở đây vì tôi đang tìm kiếm một cách tiếp cận khác.

It might be profitable to point out that the entire universe is etheric and vital in nature and of an extension beyond the grasp of the greatest mind of the age, mounting into more than astronomical figures—if that statement even conveys sense to your minds. This extent cannot be computed, even in terms of light years; this cosmic etheric area is the field of untold energies and the basis of all astrological computations; it is the playground of all historical cycles—cosmic, systemic and planetary—and is related to the constellations, to the worlds of suns, to the most distant stars and to the numerous recognised universes, as well as to our own solar system, to the many planets, and to that planet upon which and in which we move and live and have our being, as well as to the smallest form of life known to science and perhaps covered by the meaningless term “an atom.” All are found existing in Space—Space is etheric in nature and—so we are told in the occult science—Space is an Entity. The glory of man lies in the fact that he is aware of space and can imagine this space as the field of divine living activity, full of active intelligent forms, each placed in the etheric body of this unknown Entity, each related to each other through the potency which not only holds them in being but which preserves their position in relation to each other; yet each of these differentiated forms possesses its own

Có thể hữu ích khi chỉ ra rằng toàn bộ vũ trụ có bản chất dĩ thái và đầy sinh lực và có một sự mở rộng vượt ra ngoài sự nắm bắt của tâm trí vĩ đại nhất của thời đại, lên tới hơn cả những con số thiên văn—nếu phát biểu đó thậm chí truyền đạt ý nghĩa cho tâm trí các bạn. Phạm vi này không thể tính toán được, ngay cả tính bằng năm ánh sáng; khu vực dĩ thái vũ trụ này là trường của vô số năng lượng và là cơ sở của tất cả các tính toán chiêm tinh; nó là sân chơi của tất cả các chu kỳ lịch sử—vũ trụ, thái dương hệ và hành tinh—và liên quan đến các chòm sao, đến các thế giới của các mặt trời, đến các ngôi sao xa xôi nhất và đến vô số vũ trụ được công nhận, cũng như đến hệ mặt trời của chúng ta, đến nhiều hành tinh, và đến hành tinh mà trên đó và trong đó chúng ta chuyển động và sống và hiện tồn, cũng như đến hình thức sự sống nhỏ nhất được khoa học biết đến và có lẽ được bao hàm bởi thuật ngữ vô nghĩa "một nguyên tử". Tất cả được tìm thấy đang tồn tại trong Không Gian—Không Gian có bản chất dĩ thái và—như chúng ta được bảo trong khoa học huyền môn—Không Gian là một Thực Thể. Vinh quang của con người nằm ở chỗ y nhận thức được không gian và có thể hình dung không gian này là trường hoạt động sống động thiêng liêng, đầy những hình tướng thông tuệ tích cực, mỗi cái được đặt trong thể dĩ thái của Thực Thể vô danh này, mỗi cái liên quan với nhau thông qua tiềm năng không chỉ giữ chúng trong sự hiện tồn mà còn bảo tồn vị

differentiated life, its own unique quality or integral colouring, and its own specific and peculiar form of consciousness.

trí của chúng trong mối quan hệ với nhau; tuy nhiên mỗi một trong các hình tướng được biến phân này sở hữu sự sống được biến phân của riêng nó, phẩm tính độc đáo hoặc màu sắc tích hợp của riêng nó, và hình thức tâm thức cụ thể và riêng biệt của nó.

This etheric body—vast and unknown as it is, as to its extent—is nevertheless limited in nature and static (relatively speaking) in capacity; it preserves a set form, a form [179] of which we know absolutely nothing, but which is the etheric form of the Unknown Entity. To this form the esoteric science gives the name of SPACE; it is the fixed area in which every form, from a universe to an atom, finds its location.

Thể dĩ thái này—rộng lớn và chưa được biết đến như nó vốn thế, về mặt phạm vi của nó—tuy nhiên bị giới hạn về bản chất và tĩnh tại (nói một cách tương đối) về năng lực; nó bảo tồn một hình tướng cố định, một hình tướng [179] mà chúng ta hoàn toàn không biết gì về nó, nhưng lại là hình tướng dĩ thái của Thực Thể Chưa Biết. Đối với hình tướng này, khoa học bí truyền đặt tên là KHÔNG GIAN; nó là khu vực cố định trong đó mọi hình tướng, từ một vũ trụ đến một nguyên tử, tìm thấy vị trí của nó.

We speak at times of an expanding universe; what we really mean is an expanding consciousness, for this etheric body of the Entity, Space, is the recipient of many types of informing and penetrating energies, and it is also the field for the intelligent activity of the indwelling Lives of the Universe, of the many constellations, of the distant stars, of our solar system, of the planets within the system, and of all that constitutes the sum total of these separated living forms. The factor which relates them is consciousness and nothing else, and the field of conscious awareness is created through the interplay of all living intelligent forms within the area of the etheric body of that great Life which we call SPACE.

Đôi khi chúng ta nói về một vũ trụ đang giãn nở; điều chúng ta thực sự muốn nói là một tâm thức đang mở rộng, vì thể dĩ thái này của Thực Thể, Không Gian, là nơi tiếp nhận nhiều loại năng lượng đang phú linh và thâm nhập, và nó cũng là trường cho hoạt động thông tuệ của các Sự Sống nội trú của Vũ trụ, của nhiều chòm sao, của các ngôi sao xa xôi, của hệ mặt trời của chúng ta, của các hành tinh bên trong hệ thống, và của tất cả những gì cấu thành tổng thể của các hình tướng sống động tách biệt này. Yếu tố liên kết chúng là tâm thức và không gì khác, và trường nhận thức có ý thức được tạo ra thông qua sự tác động qua lại của tất cả các hình tướng thông tuệ sống động bên trong khu vực của thể dĩ thái của Sự Sống vĩ đại đó mà chúng ta gọi là KHÔNG GIAN.

Every form within the etheric body is like a centre in a planet or in the human body, and the resemblance—based upon what I gave you herein in relation to the human centres—is correct and recognisable.

Mọi hình tướng bên trong thể dĩ thái giống như một trung tâm trong một hành tinh hoặc trong cơ thể con người, và sự tương đồng—dựa trên những gì tôi đã đưa cho các bạn ở đây liên quan đến các trung tâm của

con người—là chính xác và có thể nhận biết được.

Each form (because it constitutes an aggregated area of substantial lives or atoms) is a centre within the etheric body of the form of which it is a constituent part. It has, as the basis of its existence, a living dynamic point which integrates the form and preserves it in essential being. This form or centre—large or small, a man or an atom of substance—is related to all other forms and expressing energies in the environing space, and is automatically receptive to some, and repudiates others through the process of non-recognition; it relays or transmits other energies, radiating from other forms, and it thus becomes in its turn an impressing agent. You see, therefore, where differentiated truths approach each other and blend, forcing us to use the [180] same terminologies in order to express the same factual truths or ideas.

Mỗi hình tướng (bởi vì nó cấu thành một khu vực tập hợp của các sự sống chất liệu hoặc các nguyên tử) là một trung tâm bên trong thể dĩ thái của hình tướng mà nó là một bộ phận cấu thành. Nó có, như là cơ sở cho sự tồn tại của nó, một điểm năng động sống động tích hợp hình tướng và bảo tồn nó trong sự hiện tồn thiết yếu. Hình tướng hoặc trung tâm này—lớn hay nhỏ, một con người hay một nguyên tử chất liệu—liên quan đến tất cả các hình tướng khác và các năng lượng biểu hiện trong không gian bao quanh, và tự động tiếp nhận một số, và khước từ những cái khác thông qua quy trình không nhận biết; nó chuyển tiếp hoặc truyền tải các năng lượng khác, bức xạ từ các hình tướng khác, và do đó đến lượt nó trở thành một tác nhân gây ấn tượng. Do đó, các bạn thấy nơi các chân lý được biến phân tiếp cận nhau và hòa quyện, buộc chúng ta phải sử dụng các [180] thuật ngữ giống nhau để diễn đạt các chân lý hoặc ý tưởng thực tế giống nhau.

Again, each point of life within a centre has its own sphere of radiation or its own extending field of influence; this field is necessarily dependent upon the type and the nature of the indwelling Consciousness. It is this magnetic interplay between the many vast centres of energy in space which is the basis of all astronomical relationships—between universes, solar systems and planets. Bear in mind, however, that it is the CONSCIOUSNESS aspect which renders the form magnetic, receptive, repudiating and transmitting; this consciousness differs according to the nature of the entity which informs or works through a centre, great or small. Bear in mind also that the life which pours through all centres and which animates the whole of space is *the life of an*

Một lần nữa, mỗi điểm sự sống bên trong một trung tâm có phạm vi bức xạ riêng của nó hoặc trường ảnh hưởng mở rộng của riêng nó; trường này nhất thiết phụ thuộc vào loại và bản chất của Tâm Thức nội trú. Chính sự tác động qua lại từ tính này giữa nhiều trung tâm năng lượng rộng lớn trong không gian là cơ sở của tất cả các mối quan hệ thiên văn—giữa các vũ trụ, các hệ mặt trời và các hành tinh. Tuy nhiên, hãy ghi nhớ rằng chính phương diện TÂM THỨC làm cho hình tướng có từ tính, tiếp nhận, khước từ và truyền tải; tâm thức này khác nhau tùy theo bản chất của thực thể phú linh hoặc làm việc thông qua một trung tâm, lớn hay nhỏ. Cũng hãy ghi nhớ rằng sự sống tuôn đổ qua tất cả các trung tâm và làm sinh động toàn bộ không gian là *sự sống của một Thực*

Entity; it is, therefore, the same life in all forms, limited in time and space by the intention, the wish, the form and the quality of the indwelling consciousness: the types of consciousness are many and diverse, yet life remains ever the same and indivisible, for it is the ONE LIFE.

Thể; do đó, nó là cùng một sự sống trong tất cả các hình tướng, bị giới hạn trong thời gian và không gian bởi ý định, ước muốn, hình tướng và phẩm tính của tâm thức nội trú: các loại tâm thức thì nhiều và đa dạng, nhưng sự sống vẫn mãi là một và không thể phân chia, vì nó là SỰ SỐNG DUY NHẤT.

The sphere of radiation is conditioned always by the point of evolution of the life within the form; the correlating, integrating factor, relating centre to centre, is life itself; life establishes contact; livingness is the basis of every relation, even if this is not immediately apparent to you; consciousness qualifies the contact and colours the radiation. Thus again we are returned to the same fundamental triplicity to which I gave the names of Life, Quality, Appearance in an earlier book *(A Treatise on the Seven Rays Volume I)*. A form is therefore a centre of life within some aspect of the etheric body of the Entity, Space, where a living animated existence, such as that of a planet, is concerned. The same is true also of all lesser forms, such as those found upon and within a plane.

Phạm vi bức xạ luôn chịu sự định hình của điểm tiến hóa của sự sống bên trong hình tướng; yếu tố tương quan, tích hợp, liên kết trung tâm với trung tâm, chính là sự sống; sự sống thiết lập tiếp xúc; sự sống động là cơ sở của mọi mối quan hệ, ngay cả khi điều này không ngay lập tức rõ ràng đối với các bạn; tâm thức định tính sự tiếp xúc và nhuốm màu bức xạ. Do đó một lần nữa chúng ta được đưa trở lại với bộ ba cơ bản giống nhau mà tôi đã đặt tên là Sự Sống, Phẩm Tính, Sắc Tướng trong một cuốn sách trước đó *(Luận về Bảy Cung Tập I)*. Do đó, một hình tướng là một trung tâm của sự sống bên trong một phương diện nào đó của thể dĩ thái của Thực Thể, Không Gian, nơi một sự tồn tại sinh động, chẳng hạn như của một hành tinh, có liên quan. Điều tương tự cũng đúng với tất cả các hình tướng nhỏ hơn, chẳng hạn như những hình tướng được tìm thấy trên và trong một cõi.

[181]

[181]

This centre has within it a point of life and is related to all surrounding energies; it has its own sphere of radiation or of influence which is dependent upon the nature or strength of its consciousness and upon the dynamic conditioning factor of the ensouling entity's *thought life*. These are points worthy of your most careful consideration. Finally, every centre has its *central triangle* of energies; one of these energies expresses the ensouling life of the form; another expresses the quality of its

Trung tâm này có bên trong nó một điểm sự sống và liên quan đến tất cả các năng lượng xung quanh; nó có phạm vi bức xạ hoặc ảnh hưởng riêng phụ thuộc vào bản chất hoặc sức mạnh của tâm thức của nó và vào yếu tố định hình năng động của *đời sống tư tưởng* của thực thể phú linh. Đây là những điểm xứng đáng để các bạn xem xét cẩn thận nhất. Cuối cùng, mọi trung tâm đều có *tam giác năng lượng trung tâm* của nó; một trong những năng lượng này biểu hiện sự sống phú linh của hình tướng; năng lượng khác

consciousness, whilst the third—the dynamic, integrating life which holds form and consciousness together in one expressive livingness—conditions the radiation of the form, its responsiveness or non-responsiveness to the environing energies and the general nature of the informing life, plus its creative ability.

biểu hiện phẩm tính của tâm thức của nó, trong khi năng lượng thứ ba—sự sống năng động, tích hợp giữ hình tướng và tâm thức lại với nhau trong một sự sống động đầy biểu cảm—định hình bức xạ của hình tướng, sự đáp ứng hoặc không đáp ứng của nó với các năng lượng môi trường và bản chất chung của sự sống phú linh, cộng với khả năng sáng tạo của nó.

Much that I have given you here will serve to elucidate that which I have written upon esoteric astrology *(A Treatise on the Seven Rays, Volume III. The Destiny of the Nations)*; it will give you the key to that science of relationships which is essentially the key to astrology and also to the science of Laya Yoga. This latter science has (fortunately for the Aryan race) fallen into disrepute since later Atlantean days; it will, however, be restored and used upon a higher turn of the spiral, during the next five hundred years. When correctly and rightly restored, its emphasis will not be upon the nature of the centre involved, but upon the quality of the consciousness which distinguishes any particular centre and which will then necessarily condition its sphere of radiation. Under the great Law of Correspondences, all that I have here given or indicated can be applied by the student to all forms of life: to a universe, to a solar system, to a planet, to a human being, to any subhuman form and to the tiniest atom of substance (whatever you may mean by that last term!). [182]

Nhiều điều tôi đã đưa cho các bạn ở đây sẽ giúp làm sáng tỏ những gì tôi đã viết về chiêm tinh học nội môn *(Luận về Bảy Cung, Tập III. Vận Mệnh của Các Quốc Gia)*; nó sẽ trao cho các bạn chìa khóa cho khoa học về các mối quan hệ vốn về cơ bản là chìa khóa cho chiêm tinh học và cũng cho khoa học Laya Yoga. Khoa học thứ hai này (may mắn cho giống dân Arya) đã rơi vào tình trạng mang tiếng xấu kể từ những ngày cuối thời Atlantis; tuy nhiên, nó sẽ được khôi phục và sử dụng trên một vòng xoắn ốc cao hơn, trong năm trăm năm tới. Khi được khôi phục một cách chính xác và đúng đắn, sự nhấn mạnh của nó sẽ không nằm ở bản chất của trung tâm liên quan, mà ở phẩm tính của tâm thức phân biệt bất kỳ trung tâm cụ thể nào và sau đó nhất thiết sẽ định hình phạm vi bức xạ của nó. Theo Định luật Tương ứng vĩ đại, tất cả những gì tôi đã đưa ra hoặc chỉ ra ở đây có thể được học viên áp dụng cho mọi hình thức của sự sống: cho một vũ trụ, một hệ mặt trời, một hành tinh, một con người, bất kỳ hình tướng hạ nhân loại nào và cho nguyên tử chất liệu nhỏ nhất (bất kể các bạn có thể hàm ý gì bởi thuật ngữ cuối cùng đó!). [182]

VI. THE PLANETARY LIFE — A CENTRE IN THE SOLAR SYSTEM—VI. SỰ SỐNG HÀNH TINH — MỘT TRUNG TÂM TRONG HỆ MẶT TRỜI

We shall now endeavour to apply whatever knowledge is available to you at this time in relation to the planetary Life, expressing itself as a centre in the solar system. We shall also study its secondary expression through the medium of three major centres: Shamballa, the Hierarchy, and Humanity.

Bây giờ chúng ta sẽ nỗ lực áp dụng bất cứ kiến thức nào có sẵn cho các bạn vào lúc này liên quan đến Sự Sống hành tinh, biểu hiện như một trung tâm trong hệ mặt trời. Chúng ta cũng sẽ nghiên cứu sự biểu hiện thứ yếu của nó thông qua phương tiện của ba trung tâm chủ yếu: Shamballa, Thánh Đoàn và Nhân loại.

The fundamental concept of hylozoism underlies all the esoteric teaching upon the theme of manifesting life. All forms are composed of many forms, and all forms—aggregated or single in nature—are the expression of an indwelling or ensouling life. The fusion of life with living substance produces another aspect of expression: that of consciousness. This consciousness varies according to the natural receptivity of the form, according to its point in evolution, and to its position also in the great chain of Hierarchy.

Khái niệm cơ bản của thuyết hoạt vật nằm bên dưới tất cả các giáo lý huyền môn về chủ đề sự sống biểu hiện. Tất cả các hình tướng được cấu tạo từ nhiều hình tướng, và tất cả các hình tướng—dù là tập hợp hay đơn lẻ về bản chất—là sự biểu hiện của một sự sống nội trú hoặc phú linh. Sự dung hợp của sự sống với chất liệu sống tạo ra một phương diện biểu hiện khác: đó là tâm thức. Tâm thức này thay đổi tùy theo khả năng tiếp nhận tự nhiên của hình tướng, tùy theo điểm của nó trong tiến hóa, và cũng tùy theo vị trí của nó trong chuỗi thứ bậc vĩ đại.

However, dwarfing every other concept, is the concept of life itself. There is—as far as we have ever been permitted to know—only one Life, expressing itself as Being, as responsive consciousness, and as material appearance. That One Life knows itself (if such a term can be used) as the will-to-be, the will-to-good, and the will-to-know. It will be obvious to you that these are only terms or methods organised to convey a better picture than heretofore.

Tuy nhiên, làm lu mờ mọi khái niệm khác, là khái niệm về chính sự sống. Chỉ có—theo như chúng ta từng được phép biết—một Sự Sống duy nhất, biểu hiện như là Bản thể, như là tâm thức đáp ứng, và như là hình hài vật chất. Một Sự Sống đó biết chính nó (nếu có thể sử dụng một thuật ngữ như vậy) là ý chí-hiện hữu, ý chí-hướng thiện, và ý chí-hiểu biết. Sẽ rõ ràng với các bạn rằng đây chỉ là những thuật ngữ hoặc phương pháp được tổ chức để truyền đạt một bức tranh tốt hơn so với trước đây.

This is also a brief preamble to another statement, which can be worded as follows: The planetary Logos, the One in Whom we live and move and have our being, is the informing, ensouling life of this planet, the Earth; it is His life which integrates the planet as a whole, and His life which pours through all forms—great or small—which,

Đây cũng là một lời mở đầu ngắn gọn cho một phát biểu khác, có thể được diễn đạt như sau: Hành Tinh Thượng Đế, Đấng mà trong Ngài chúng ta sống và chuyển động và hiện tồn, là sự sống thấm nhuần, phú linh của hành tinh này, Trái Đất; chính sự sống của Ngài tích hợp toàn bộ hành tinh, và sự sống của Ngài tuôn đổ qua tất cả các hình

[183] in their aggregate, constitute the planetary form. Preserve, therefore, in your conscious imagination and by means of the innate symbol-making faculty which all men possess, the concept of our planet as a great lotus composed of many interweaving energies, located within the greater form of the solar system which is, as we know, esoterically portrayed as a twelve-petalled lotus. This lotus, the Earth, is responsive to the many entering energies with which I dealt at some length in my book upon Esoteric Astrology. (*A Treatise on the Seven Rays,* Vol III)

[183] trong tổng thể của chúng, cấu thành hình tướng hành tinh. Do đó, hãy gìn giữ, trong trí tưởng tượng có ý thức của các bạn và bằng phương tiện của năng lực tạo biểu tượng bẩm sinh mà tất cả mọi người đều sở hữu, khái niệm về hành tinh của chúng ta như một hoa sen vĩ đại bao gồm nhiều năng lượng đan xen, nằm bên trong hình tướng lớn hơn của hệ mặt trời mà, như chúng ta biết, được mô tả về mặt huyền môn như một hoa sen mười hai cánh. Hoa sen này, Trái Đất, đáp ứng với nhiều năng lượng đi vào mà tôi đã đề cập khá dài trong cuốn sách của tôi về Chiêm Tinh Học Nội Môn. (*Luận về Bảy Cung,* Tập III)

At the heart of this vast sea of energies is to be found that cosmic Consciousness to Whom we give the name of Sanat Kumara, the Lord of the World, the Ancient of Days. It is His Will-to-Be which brought His manifested form into *the tangible arena of life*; it is His Will-to-Good which activates the Law of Evolution and carries His Form, with the myriad lesser forms of which it is composed, on to the ultimate glory which He alone visions and knows. It is His consciousness and His sensitive response to all forms and to all states of being and to all possible impacts and contacts which guarantees the developing consciousness of all the many lives within or upon this Earth of ours.

Tại tâm của biển năng lượng bao la này có thể tìm thấy Tâm thức vũ trụ đó mà chúng ta đặt tên là Sanat Kumara, Đức Chúa Tể Thế Giới, Đấng Thái Cổ. Chính Ý Chí-Hiện Hữu của Ngài đã đưa hình tướng biểu hiện của Ngài vào *vũ đài hữu hình của sự sống*; chính Ý Chí-hướng Thiện của Ngài kích hoạt Định luật Tiến hóa và mang Hình tướng của Ngài, với vô số hình tướng nhỏ hơn tạo thành nó, đi đến vinh quang tối thượng mà chỉ mình Ngài nhìn thấy và biết. Chính tâm thức của Ngài và sự đáp ứng nhạy cảm của Ngài với mọi hình tướng và mọi trạng thái hiện tồn và mọi tác động và tiếp xúc có thể có, đảm bảo cho tâm thức đang phát triển của vô số sự sống bên trong hoặc trên Trái Đất này của chúng ta.

This great Centre of Existence works through a triangle of energies or through lesser centres, each of which is brought into active expression by one of the three major Rays or Energies. The Centre which is created by the Ray of Will or Power is called Shamballa and its major activity is bequeathing, distributing and circulating the basic principle of life itself to every form

Trung tâm Hiện tồn vĩ đại này làm việc thông qua một tam giác năng lượng hoặc thông qua các trung tâm nhỏ hơn, mỗi trung tâm được đưa vào biểu hiện tích cực bởi một trong ba Cung hay Năng lượng chủ yếu. Trung tâm được tạo ra bởi Cung của Ý Chí hay Quyền Năng được gọi là Shamballa và hoạt động chính của nó là ban truyền, phân phối và luân chuyển nguyên khí cơ bản của

which is held within the planetary ring-pass-not of the planetary Life or Logos. This energy is the dynamic incentive at the heart of every form and the sustained expression of the intention of Sanat Kumara—an intention working out as the planetary Purpose which is known only to Him.

chính sự sống đến mọi hình tướng được giữ bên trong vòng-giới-hạn hành tinh của Sự Sống hay Thượng đế hành tinh. Năng lượng này là động lực năng động tại tâm của mọi hình tướng và là sự biểu hiện bền vững của ý định của Sanat Kumara—một ý định đang thực thi như là Mục Đích hành tinh vốn chỉ mình Ngài biết.

[184]

[184]

The second Centre is created by the Ray of Love-Wisdom; this is the basic energy which brought into being the entire manifested universe, for it is the energy of the Builder Aspect. To it we give—as far as humanity is concerned—the name of Hierarchy, for it is the controlling factor of the great chain of Hierarchy. The prime activity of this Centre is related to the unfolding consciousness of the planet, and therefore of all forms of life within or upon the planet; it is not related to the life aspect in any sense.

Trung tâm thứ hai được tạo ra bởi Cung Bác Ái-Minh Triết; đây là năng lượng cơ bản đã đưa toàn bộ vũ trụ biểu hiện vào hiện tồn, vì nó là năng lượng của Phương diện Kiến Tạo. Đối với nó chúng ta đặt tên—theo như nhân loại được biết—là Thánh Đoàn, vì nó là yếu tố kiểm soát của chuỗi thứ bậc vĩ đại. Hoạt động chính của Trung tâm này liên quan đến tâm thức đang khai mở của hành tinh, và do đó của tất cả các hình thức sự sống bên trong hoặc trên hành tinh; nó không liên quan đến phương diện sự sống theo bất kỳ nghĩa nào.

The task of the “units of Energy” who constitute the personnel of this Centre is to awaken and arouse the sense of awareness and of consciousness which is sensitive in its response to the life within all forms. Just as the basic mode of activity in and through Shamballa could be called the Science of Life or of dynamic livingness, so the basic science by means of which the Hierarchy works could be called the Science of Relationships. Consciousness is not only the sense of identity or of self-awareness, but it concerns also the sense of relation of that recognised self or the “I” to all other selves. This consciousness is progressively developed, and the Members of this second Centre, the Hierarchy, have the major and important task, in this particular solar systemic cycle, of bringing all the units in

Nhiệm vụ của các "đơn vị Năng lượng" cấu thành nhân sự của Trung tâm này là đánh thức và khơi dậy ý thức nhận biết và tâm thức vốn nhạy cảm trong sự đáp ứng của nó với sự sống bên trong mọi hình tướng. Cũng như phương thức hoạt động cơ bản trong và thông qua Shamballa có thể được gọi là Khoa học của Sự Sống hay của sự sống động năng động, thì khoa học cơ bản nhờ đó Thánh Đoàn làm việc có thể được gọi là Khoa học của các Mối Quan Hệ. Tâm thức không chỉ là ý thức về bản sắc hay về sự tự nhận thức, mà nó còn liên quan đến ý thức về mối quan hệ của cái ngã được nhận biết đó hay "cái tôi" với tất cả các cái ngã khác. Tâm thức này được phát triển dần dần, và các Thành viên của Trung tâm thứ hai này, Thánh Đoàn, có nhiệm vụ chính yếu và quan trọng, trong chu kỳ hệ mặt trời cụ thể này, là đưa tất cả

each kingdom of nature to an understanding of place, position, responsibility and relationships. This probably sounds entirely meaningless in relation to those conditions where the units of life are, for instance, in the vegetable or the animal kingdom, but a glimmering of understanding may come when you remember that the seed or germ of all states of consciousness is latent in every form, and of this the instinct to perpetuate and the instinct to mate are the major incubating areas.

các đơn vị trong mỗi giới của tự nhiên đến một sự thấu hiểu về vị trí, địa vị, trách nhiệm và các mối quan hệ. Điều này có lẽ nghe hoàn toàn vô nghĩa đối với những điều kiện mà các đơn vị sự sống, chẳng hạn, đang ở trong giới thực vật hay động vật, nhưng một tia sáng hiểu biết có thể đến khi các bạn nhớ rằng hạt giống hay mầm mống của mọi trạng thái tâm thức đều tiềm tàng trong mọi hình tướng, và về điều này bản năng duy trì nòi giống và bản năng giao phối là những khu vực ấp ủ chính.

The third Centre is that of the Human Kingdom, which is brought into being by means of the energy of the third [185] Ray of Active Intelligence. Its major function is intelligent creation; but it has nevertheless a secondary activity which is to relate the second and the third Centres to each other and to assume progressive control of the subhuman kingdoms and relate them to each other. This secondary function is only now assuming proportions which can be recognised and noted.

Trung tâm thứ ba là của Giới Nhân Loại, được đưa vào hiện tồn nhờ năng lượng của Cung ba [185] của Trí Tuệ Hoạt Động. Chức năng chính yếu của nó là sáng tạo thông tuệ; nhưng tuy nhiên nó có một hoạt động thứ yếu là liên kết Trung tâm thứ hai và thứ ba với nhau và đảm nhận sự kiểm soát dần dần đối với các giới dưới nhân loại và liên kết chúng với nhau. Chức năng thứ yếu này chỉ bây giờ mới đạt đến quy mô có thể được nhận biết và ghi nhận.

The Central Triangle of Energies—Tam Giác Năng lượng Trung tâm

Each of these three Centres has a governing and controlling Triangle or central Triangle of Energies. In relation to Shamballa, this Triangle is composed of the three Buddhas of Activity Who represent conscious intelligent *life*, conscious, intelligent and active *wisdom*, and conscious, intelligent and active *creation*.

Mỗi một trong ba Trung tâm này đều có một Tam giác cai quản và kiểm soát hay Tam giác Năng lượng trung tâm. Trong mối quan hệ với Shamballa, Tam giác này bao gồm ba Đức Phật Hoạt Động, Những Đấng đại diện cho *sự sống* thông tuệ có ý thức, *minh triết* tích cực, thông tuệ có ý thức, và *sự sáng tạo* tích cực, thông tuệ có ý thức.

In connection with the Hierarchy, the central Triangle is composed of the Manu, representing loving intelligent *life*, the Christ, representing loving intelligent *consciousness,* and the Mahachohan,

Trong mối liên hệ với Thánh Đoàn, Tam giác trung tâm bao gồm Đức Manu, đại diện cho *sự sống* thông tuệ yêu thương, Đức Christ, đại diện cho *tâm thức* thông tuệ yêu thương, và Đức Mahachohan, đại diện cho *hoạt động*

representing loving intelligent *activity*, and therefore between Them representing every phase of group livingness, group expression and group action; these qualities focus through the Mahachohan, primarily because He is the Lord of Civilisation and the civilisations of humanity represent progressive growth and unfoldment.

thông tuệ yêu thương, và do đó giữa Các Ngài đại diện cho mọi giai đoạn của sự sống động nhóm, biểu hiện nhóm và hành động nhóm; những phẩm tính này tập trung qua Đức Mahachohan, chủ yếu bởi vì Ngài là Chúa Tể của Nền Văn Minh và các nền văn minh của nhân loại đại diện cho sự tăng trưởng và khai mở lũy tiến.

Only in the final root-race of men upon our planet will the essential central Triangle make its appearance and function openly in the third planetary Centre, that of Humanity. Men are not yet ready for this, but the areas of conscious creative activity, out of which this triangle of functioning embodied energies will emerge, is already in preparation. One point of this future triangle will emerge out of the field of world governments, of politics and of statesmanship; another will appear out of the world religions, and a third out of the general field of world economics and finance. Today no such men of spiritual will, of spiritual love and of [186] spiritual intelligence are to be found upon Earth; even if they did emerge in these three fields of expression they could do little good, for the sense of recognition and of responsibility is as yet inadequately developed; later, they will appear and will then openly relate the department of the Manu to that of world government, the department of the Christ to that of the world religions, and the department of the Lord of Civilisation to that of the social and financial order. That time will surely come, but it will come only *after* the externalisation of the Hierarchy and its open functioning upon the physical plane. Then, some senior disciples from each of the three hierarchical departments will appear and will attempt the experiment of this centralising and embodiment of the three qualities of the central Triangle. They will then discover, by direct action, when

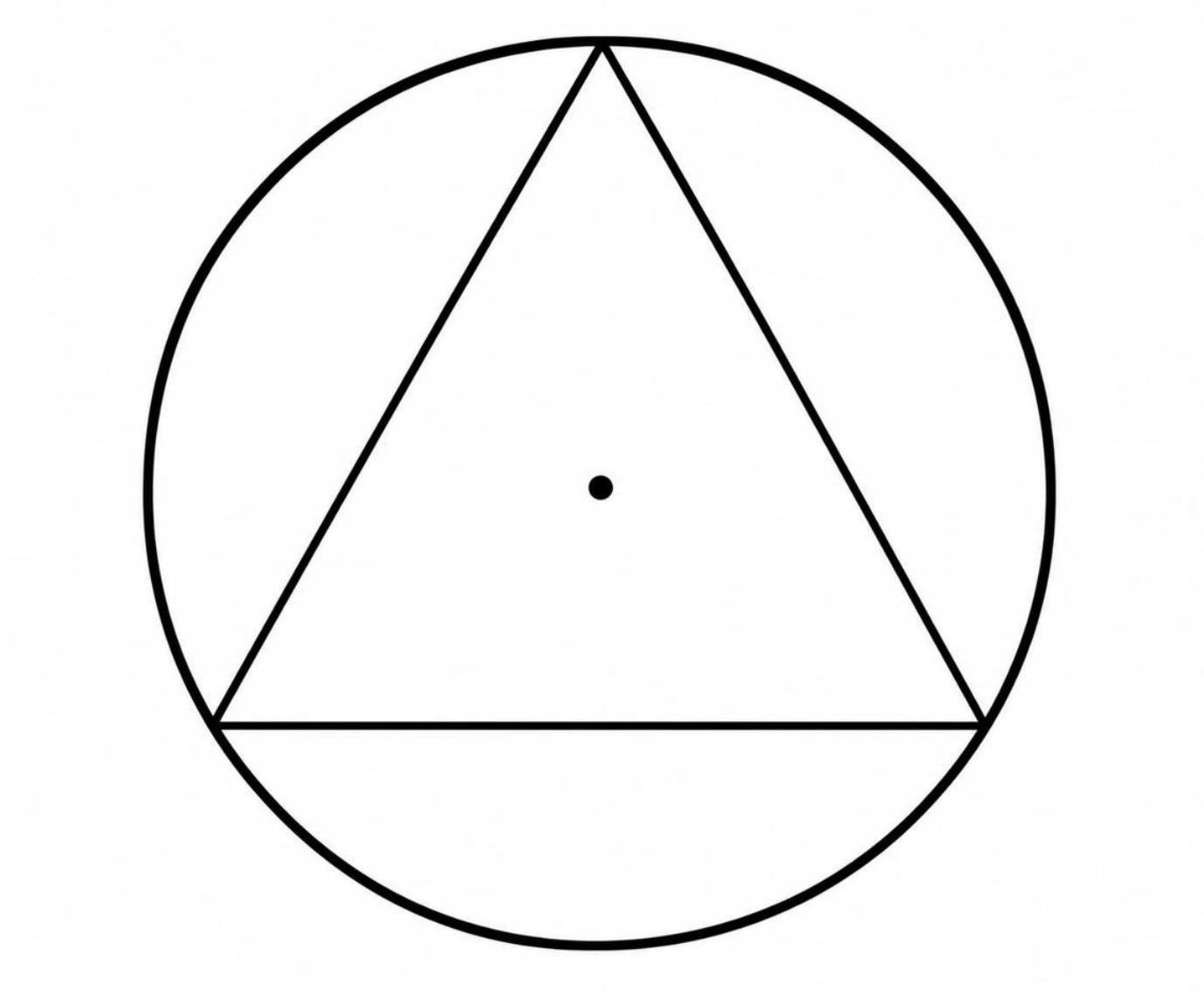
Chỉ trong giống dân gốc cuối cùng của con người trên hành tinh của chúng ta, Tam giác trung tâm cốt yếu mới xuất hiện và hoạt động công khai trong Trung tâm hành tinh thứ ba, Nhân loại. Con người vẫn chưa sẵn sàng cho điều này, nhưng các lĩnh vực của hoạt động sáng tạo có ý thức, mà từ đó tam giác của các năng lượng hiện thân hoạt động này sẽ xuất hiện, đã đang được chuẩn bị. Một điểm của tam giác tương lai này sẽ xuất hiện từ lĩnh vực của các chính phủ thế giới, của chính trị và của thuật lãnh đạo quốc gia; một điểm khác sẽ xuất hiện từ các tôn giáo thế giới, và điểm thứ ba từ lĩnh vực chung của kinh tế và tài chính thế giới. Ngày nay không có những người nào của ý chí tinh thần, của tình thương tinh thần và của [186] trí tuệ tinh thần như vậy được tìm thấy trên Trái Đất; ngay cả nếu họ có xuất hiện trong ba lĩnh vực biểu hiện này, họ cũng có thể làm rất ít điều tốt, vì ý thức công nhận và trách nhiệm vẫn chưa được phát triển đầy đủ; sau này, họ sẽ xuất hiện và khi đó sẽ công khai liên kết bộ phận của Đức Manu với bộ phận của chính phủ thế giới, bộ phận của Đức Christ với bộ phận của các tôn giáo thế giới, và bộ phận của Đức Chúa Tể của Nền Văn Minh với bộ phận của trật tự xã hội và tài chính. Thời điểm đó chắc chắn sẽ đến, nhưng nó sẽ chỉ đến *sau* sự ngoại hiện của Thánh Đoàn và sự hoạt động công khai của nó trên cõi hồng trần. Khi đó, một số đệ tử cấp cao từ mỗi một trong ba bộ phận của Thánh Đoàn sẽ xuất hiện và sẽ thử nghiệm cuộc thí nghiệm tập trung và hiện thân ba phẩm tính của Tam giác trung tâm này. Sau

and if mankind is ready for such an experiment of direct control and if it has developed the needed sense of responsibility —a responsibility which will produce cooperation.

đó họ sẽ khám phá, bằng hành động trực tiếp, khi nào và liệu nhân loại có sẵn sàng cho một cuộc thí nghiệm kiểm soát trực tiếp như vậy hay không và liệu nó đã phát triển ý thức trách nhiệm cần thiết hay chưa—một trách nhiệm sẽ tạo ra sự hợp tác.

All these three Centres can therefore be depicted in the following manner: with the completed circle of the entire energy form, with the central triangle of energies carrying the qualities of the three major rays, and then the point at the centre which stands for the dynamic embodied Life.

Do đó, tất cả ba Trung tâm này có thể được mô tả theo cách sau: với vòng tròn hoàn chỉnh của toàn bộ hình thái năng lượng, với tam giác năng lượng trung tâm mang các phẩm tính của ba cung chủ yếu, và sau đó điểm tại trung tâm tượng trưng cho Sự Sống hiện thân năng động.



In connection with Shamballa, that point is Sanat Kumara Himself; when the right time comes (though the hour is not yet) He will

Liên quan đến Shamballa, điểm đó là Chính Sanat Kumara; khi thời điểm thích hợp đến (dù giờ đó vẫn chưa tới), Ngài sẽ đặt các Đại

place His Representatives as the central points in both the Hierarchy and in Humanity. For this relatively distant event the doctrine or the theory of Avatars, of Mediators or of Inter-Mediaries is preparing the way, thus enabling men to think in these representative and inclusive terms. Not even in the Hierarchy is the time yet [187] ripe for the "residence in state of the divine Representative." Each year, the Buddha comes and carries the force of Sanat Kumara to the Hierarchy *but*—He cannot stay. The "units of energy," the Members of the Hierarchy, cannot bear for long the strong quality of the incoming vibration, except after due preparation and in group form, and then only for a few scant minutes; nevertheless the "period of dynamic potency" is being prolonged during this century from one day to five; the next century may see an even longer period of registration instituted.

diện của Ngài làm các điểm trung tâm trong cả Thánh Đoàn và trong Nhân loại. Đối với sự kiện tương đối xa xôi này, học thuyết hay lý thuyết về các Đấng Hóa Thân, về các Đấng Trung Gian hay các Đấng Môi Giới đang dọn đường, do đó cho phép con người suy nghĩ theo các thuật ngữ mang tính đại diện và bao gồm này. Thậm chí trong Thánh Đoàn thời điểm vẫn chưa [187] chín muồi cho sự "cư ngụ trong trạng thái của Đại diện thiêng liêng." Mỗi năm, Đức Phật đến và mang theo mãnh lực của Sanat Kumara đến Thánh Đoàn *nhưng*—Ngài không thể ở lại. Các "đơn vị năng lượng", các Thành viên của Thánh Đoàn, không thể chịu đựng lâu phẩm tính mạnh mẽ của rung động đi vào, ngoại trừ sau khi có sự chuẩn bị thích hợp và dưới hình thức nhóm, và sau đó chỉ trong một vài phút ngắn ngủi; tuy nhiên "giai đoạn của tiềm năng năng động" đang được kéo dài trong thế kỷ này từ một ngày lên năm ngày; thế kỷ tới có thể chứng kiến một giai đoạn ghi nhận thậm chí còn dài hơn được thiết lập.

At the close of the age, the three major Centres will be in complete, unified and synchronised activity, with Sanat Kumara in Shamballa overshadowing and informing His Representatives in the hierarchical and human Centres; then the central Triangle in each Centre will not be only actively functioning, but they will be working *together* in the closest rapport, thus forming symbolically a "Star with nine points, ever revolving"; then the massed energies of the three major Centres will dominate the other four centres, controlling the manifestation of the Life Expression in all the kingdoms of nature.

Vào lúc kết thúc thời đại, ba Trung tâm chủ yếu sẽ ở trong hoạt động hoàn chỉnh, thống nhất và đồng bộ, với Sanat Kumara ở Shamballa phủ bóng và phú linh cho các Đại diện của Ngài trong các Trung tâm của Thánh Đoàn và nhân loại; khi đó Tam giác trung tâm trong mỗi Trung tâm sẽ không chỉ hoạt động tích cực, mà chúng sẽ làm việc *cùng nhau* trong mối giao cảm chặt chẽ nhất, do đó hình thành một cách tượng trưng một "Ngôi Sao chín cánh, luôn xoay chuyển"; khi đó các năng lượng tập hợp của ba Trung tâm chủ yếu sẽ thống trị bốn trung tâm khác, kiểm soát sự biểu hiện của Biểu Hiện Sự Sống trong tất cả các giới của tự nhiên.

When one comes to the consideration of the sphere of radiation of these three major Centres, it is interesting to note that, at this

Khi người ta đi đến việc xem xét phạm vi bức xạ của ba Trung tâm chủ yếu này, thật thú vị khi lưu ý rằng, vào thời điểm này và trong

time and in this present world cycle, the most potent radiation and the widest range of influence is that of the Hierarchy. Apart from “giving life” to all forms upon and within the planet, the influence or radiation of Shamballa is definitely and consciously restricted, until such time as the Hierarchy and Humanity can respond constructively. It is present, needless to say, and evokes response from those able to swing within its sphere of radiation; but it is felt that as yet there are too many forms of expression which could not react correctly to the work of the “Destroyer of forms,” which is the most potent [188] aspect of this first ray centre and the one which manifests first, because its work must be accomplished before the two other aspects of its potency can function rightly. The centre called humanity has as yet an inadequate radiation because of its—at present—inadequate development; its sphere of influence is relatively limited, though men are beginning to work outward in the direction of the subhuman kingdoms and to attract more forcefully the kingdom of souls than heretofore. The Hierarchy has, however, no interior restrictions such as are consciously and deliberately imposed upon itself by Shamballa or which are unconsciously imposed by humanity; any blocking of the hierarchical radiation (if I may use such a term) will come from the forms on which the impact of its radiation is sought, but the outgoing influence of the central Triangle of the Hierarchy is unique and far-reaching.

chu kỳ thế giới hiện tại này, bức xạ mạnh mẽ nhất và phạm vi ảnh hưởng rộng nhất là của Thánh Đoàn. Ngoài việc "ban sự sống" cho tất cả các hình tướng trên và trong hành tinh, ảnh hưởng hay bức xạ của Shamballa bị hạn chế một cách dứt khoát và có ý thức, cho đến khi Thánh Đoàn và Nhân loại có thể đáp ứng một cách xây dựng. Không cần phải nói, nó hiện diện và khơi dậy sự đáp ứng từ những người có thể tiến vào phạm vi bức xạ của nó; nhưng người ta cảm thấy rằng hiện tại có quá nhiều hình thức biểu hiện không thể phản ứng chính xác với công việc của "Đấng Hủy diệt hình tướng", vốn là phương diện mạnh mẽ nhất [188] của trung tâm cung một này và là phương diện biểu hiện đầu tiên, bởi vì công việc của nó phải được hoàn thành trước khi hai phương diện khác của tiềm năng của nó có thể hoạt động đúng đắn. Trung tâm gọi là nhân loại cho đến nay có một bức xạ không đầy đủ vì sự phát triển —vào lúc này—chưa đầy đủ của nó; phạm vi ảnh hưởng của nó tương đối hạn chế, mặc dù con người đang bắt đầu làm việc hướng ngoại về phía các giới hạ nhân loại và thu hút mạnh mẽ hơn vương quốc của các linh hồn so với trước đây. Tuy nhiên, Thánh Đoàn không có những hạn chế bên trong như những hạn chế được áp đặt một cách có ý thức và cố ý lên chính nó bởi Shamballa hoặc những hạn chế được áp đặt một cách vô thức bởi nhân loại; bất kỳ sự tắc nghẽn nào đối với bức xạ của thánh đoàn (nếu tôi có thể sử dụng thuật ngữ như vậy) sẽ đến từ các hình tướng mà tác động của bức xạ của nó được tìm kiếm, nhưng ảnh hưởng hướng ngoại của Tam giác trung tâm của Thánh Đoàn là độc đáo và sâu rộng.

All that we have here been considering takes place within the etheric body of the planet, for all these centres exist etherically, and only etherically, and are not affected by the fact that the “units of energy” in Shamballa or in the Hierarchy may be functioning in

Tất cả những gì chúng ta đang xem xét ở đây diễn ra bên trong thể dĩ thái của hành tinh, vì tất cả các trung tâm này tồn tại về mặt dĩ thái, và chỉ về mặt dĩ thái, và không bị ảnh hưởng bởi thực tế là các "đơn vị năng lượng" trong Shamballa hoặc trong Thánh Đoàn có

physical vehicles. Some are and some are not. The conditioning Lives in both these Centres work entirely through etheric means, wielding and controlling energies; the Human Centre, with its “units of energy” works largely at present upon purely physical levels or in the medium of that type of substance which we call “material”; men work with outer forms, with the tangible elements and with material factors. The “units” in the other Centres work with substance and not with matter. This is an interesting and vital distinction. The Hierarchy is existent upon the buddhic plane, which is the first of the cosmic ethers, and it works from there, impressing mental matter. Shamballa works on the levels of the three highest ethers whilst Humanity works primarily in the three worlds [189] of the dense cosmic physical plane. The New Group of World Servers has in it “units of energy” who can work both with matter and with substance.

thể đang hoạt động trong các hiện thể xác. Một số thì có và một số thì không. Các Sự Sống định hình trong cả hai Trung tâm này làm việc hoàn toàn thông qua các phương tiện dĩ thái, vận dụng và kiểm soát các năng lượng; Trung tâm Nhân loại, với các "đơn vị năng lượng" của nó làm việc phần lớn hiện nay trên các cấp độ hoàn toàn thuộc hồng trần hoặc trong môi trường của loại chất liệu đó mà chúng ta gọi là "vật chất"; con người làm việc với các hình tướng bên ngoài, với các yếu tố hữu hình và với các yếu tố vật chất. Các "đơn vị" trong các Trung tâm khác làm việc với chất liệu chứ không phải với vật chất. Đây là một sự phân biệt thú vị và quan trọng. Thánh Đoàn tồn tại trên cõi bồ đề, vốn là cái thứ nhất của các dĩ thái vũ trụ, và nó làm việc từ đó, truyền ấn tượng vào vật chất trí tuệ. Shamballa làm việc trên các cấp độ của ba dĩ thái cao nhất trong khi Nhân loại làm việc chủ yếu trong ba cõi [189] của cõi hồng trần vũ trụ đậm đặc. Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian có trong đó các "đơn vị năng lượng" có thể làm việc với cả vật chất và chất liệu.

There is here a most interesting distinction and one that is seldom grasped. Esoterically speaking, the word “matter” or material is given to all forms in the three worlds; and though the average human being finds it difficult to understand that the medium in which the mental processes take place and that of which all thoughtforms are made is *matter* from the spiritual angle, yet so it is; *substance*—technically speaking and esoterically understood—is in reality cosmic etheric matter, or that of which the four higher planes of our seven planes are composed. From the human angle, ability to work with and in the cosmic etheric substance demonstrates first of all when the abstract mind awakens and begins to impress the concrete mind; an intuition is an idea clothed in etheric substance, and the

Ở đây có một sự phân biệt thú vị nhất và là điều hiếm khi được nắm bắt. Về mặt huyền môn, từ "vật chất" hay thuộc về vật chất được gán cho tất cả các hình tướng trong ba cõi; và mặc dù con người bình thường thấy khó hiểu rằng môi trường trong đó các quy trình trí tuệ diễn ra và cái mà tất cả các hình tư tưởng được tạo thành là *vật chất* từ góc độ tinh thần, nhưng nó là như vậy; *chất liệu*—nói một cách kỹ thuật và được hiểu về mặt huyền môn—thực tế là vật chất dĩ thái vũ trụ, hay cái mà bốn cõi cao hơn trong bảy cõi của chúng ta được cấu tạo thành. Từ góc độ con người, khả năng làm việc với và trong chất liệu dĩ thái vũ trụ biểu lộ trước hết khi trí trừu tượng thức tỉnh và bắt đầu truyền ấn tượng vào trí cụ thể; một trực giác là một ý tưởng được khoác trong chất liệu dĩ thái, và khoảnh khắc một người trở nên đáp ứng với

moment a man becomes responsive to those ideas, he can begin to master the techniques of etheric control. All this is, in reality, an aspect of the great creative process: ideas, emanating from the buddhic levels of being (the first or lowest cosmic ether) must be clothed in matter of the abstract levels of the mental plane; then they must be clothed in matter of the concrete mental plane; later, with desire matter, and finally (if they live so long) they assume physical form. An idea which comes from the intuitive levels of the divine consciousness is a true idea. It is noted or apprehended by the man who has, within his equipment, substance of the same quality—for it is the magnetic relation between the man and the idea which has made its apprehension possible. In the great creative process he must give form to the idea, if he possibly can, and thus the creative artist or the creative humanitarian comes into being and the divine creative intention is thereby aided. [190] Ideas can, however, be stillborn and abortive, and thus fail to arrive at manifestation.

những ý tưởng đó, y có thể bắt đầu làm chủ các kỹ thuật kiểm soát dĩ thái. Tất cả điều này, thực tế, là một phương diện của quy trình sáng tạo vĩ đại: các ý tưởng, phát xuất từ các cấp độ hiện hữu bồ đề (cõi dĩ thái vũ trụ thứ nhất hay thấp nhất) phải được khoác trong vật chất của các cấp độ trừu tượng của cõi trí; sau đó chúng phải được khoác trong vật chất của cõi trí cụ thể; sau đó, với vật chất dục vọng, và cuối cùng (nếu chúng sống lâu đến thế) chúng khoác lấy hình tướng vật lý. Một ý tưởng đến từ các cấp độ trực giác của tâm thức thiêng liêng là một ý tưởng chân thực. Nó được ghi nhận hoặc lĩnh hội bởi người có, bên trong trang thiết bị của mình, chất liệu có cùng phẩm tính—vì chính mối quan hệ từ tính giữa người đó và ý tưởng đã làm cho sự lĩnh hội nó trở nên khả thi. Trong quy trình sáng tạo vĩ đại, y phải trao hình tướng cho ý tưởng, nếu y có thể, và do đó người nghệ sĩ sáng tạo hoặc nhà nhân đạo sáng tạo ra đời và ý định sáng tạo thiêng liêng nhờ đó được hỗ trợ. [190] Tuy nhiên, các ý tưởng có thể bị chết yểu và sẩy thai, và do đó thất bại trong việc đi đến biểu hiện.

The Sequence of Inter-Related Triangles—Trình Tự của Các Tam Giác Tương Quan

The student is well aware that the three major Centres have their correspondences in the human etheric body and that each of them is related to its higher correspondence and can thus be “impressed” or affected and awakened by the corresponding higher agent. It might be stated that:

Học viên nhận thức rõ rằng ba Trung tâm chủ yếu có các tương ứng của chúng trong thể dĩ thái của con người và rằng mỗi cái trong chúng liên quan đến tương ứng cao hơn của nó và do đó có thể được "truyền ấn tượng" hoặc bị ảnh hưởng và được đánh thức bởi tác nhân cao hơn tương ứng. Có thể phát biểu rằng:

1. Energy from the planetary centre, Shamballa, utilises the head centre, the thousand petalled lotus, when the man is adequately developed. This centre is the

1. Năng lượng từ trung tâm hành tinh, Shamballa, sử dụng trung tâm đầu, hoa sen ngàn cánh, khi con người được phát triển đầy đủ. Trung tâm này là tác nhân của ý chí

agent of the divine will within the life of the spiritual man, working through the Spiritual Triad. It is only actively useful when the antahkarana is constructed or in process of construction.

thiêng liêng bên trong đời sống của con người tinh thần, làm việc thông qua Tam Nguyên Tinh Thần. Nó chỉ hữu ích một cách tích cực khi antahkarana được xây dựng hoặc đang trong quá trình xây dựng.

2. Energy from the planetary centre, the Hierarchy, utilises the heart centre. This centre is the agent of divine love (expressing basically the will-to-good) working through the soul of the individual aspirant or disciple; this becomes possible when contact with the soul has been attained in some measure and the aspirant is on the way to become a soul-infused personality.

2. Năng lượng từ trung tâm hành tinh, Thánh Đoàn, sử dụng trung tâm tim. Trung tâm này là tác nhân của tình thương thiêng liêng (biểu hiện cơ bản ý chí-hướng thiện) làm việc thông qua linh hồn của người chí nguyện hoặc đệ tử cá nhân; điều này trở nên khả thi khi sự tiếp xúc với linh hồn đã đạt được ở một mức độ nào đó và người chí nguyện đang trên đường trở thành một phàm ngã được linh hồn thấm nhuần.

3. Energy from the third planetary centre, Humanity, utilises the throat centre, working through the *integrated* personality, and therefore only when a relatively high degree of evolutionary unfoldment has been attained. The throat centre only becomes creatively and spiritually active when the lower nature has been to some degree subordinated to idealistic aspiration: this aspiration need not be one that is usually regarded as spiritual and religious by the orthodox and therefore imprisoned thinker. It must, however, be one of which the whole integrated man [191] is the instrument and which will be of such a large nature that it will call all his creative faculty into expression.

3. Năng lượng từ trung tâm hành tinh thứ ba, Nhân loại, sử dụng trung tâm cổ họng, làm việc thông qua phàm ngã *tích hợp*, và do đó chỉ khi một mức độ khai mở tiến hóa tương đối cao đã đạt được. Trung tâm cổ họng chỉ trở nên tích cực về mặt sáng tạo và tinh thần khi bản chất thấp hơn đã ở một mức độ nào đó phục tùng khát vọng lý tưởng: khát vọng này không cần phải là một khát vọng thường được coi là thuộc về tinh thần và tôn giáo bởi nhà tư tưởng chính thống và do đó bị giam cầm. Tuy nhiên, nó phải là một khát vọng mà toàn bộ con người tích hợp [191] là công cụ và nó sẽ có bản chất lớn lao đến mức nó sẽ kêu gọi tất cả năng lực sáng tạo của y vào biểu hiện.

In this solar system, the heart centre is the first usually to be awakened and active; as soon as there is life in that centre and a measure of activity, the other two major centres can begin to awaken. The correspondence to this can be seen in the fact that the Hierarchy is the mediating or middle factor between the planetary head and throat centres, between Shamballa and

Trong hệ mặt trời này, trung tâm tim thường là trung tâm đầu tiên được đánh thức và hoạt động; ngay khi có sự sống trong trung tâm đó và một mức độ hoạt động, hai trung tâm chủ yếu khác có thể bắt đầu thức tỉnh. Sự tương ứng với điều này có thể được thấy trong thực tế là Thánh Đoàn là yếu tố trung gian hay ở giữa giữa các trung tâm đầu và cổ họng của hành tinh, giữa Shamballa và

Humanity. That is why the emphasis is laid upon the heart aspect in all the teachings.

Nhân loại. Đó là lý do tại sao sự nhấn mạnh được đặt vào phương diện tim trong tất cả các giáo lý.

There are two centres which are regarded as “receptive and distributing agents” in an unique manner:

Có hai trung tâm được coi là "các tác nhân tiếp nhận và phân phối" theo một cách độc đáo:

1. The Ajna Centre (the centre between the eyebrows) works in connection with the three major centres but mainly, at this stage of human development, as the distributor of soul force and of spiritual energy as received from the heart and throat centres.

1. Trung tâm Ajna (trung tâm giữa lông mày) làm việc trong sự kết nối với ba trung tâm chủ yếu nhưng chủ yếu, ở giai đoạn phát triển này của con người, như là tác nhân phân phối lực linh hồn và năng lượng tinh thần được nhận từ các trung tâm tim và cổ họng.

2. The Solar Plexus Centre works in connection with the sacral centre and with the centre at the base of the spine, the centre of life; it works also with all subsidiary centres below the diaphragm, gathering and transmuting their energies and transmitting “that which has been purified” into the higher major centre.

2. Trung tâm Tùng thái dương làm việc trong sự kết nối với trung tâm xương cùng và với trung tâm tại đáy cột sống, trung tâm của sự sống; nó cũng làm việc với tất cả các trung tâm phụ bên dưới cơ hoành, thu thập và chuyển hóa các năng lượng của chúng và truyền "cái đã được thanh lọc" vào trung tâm chủ yếu cao hơn.

It might here be added that the will-to-be is, from one angle, the energy of immortality; it is the energy which pours into and works through the head centre, whilst the will-to-live demonstrates as the fundamental instinct of self-preservation and is to be found positively focussed in the centre at the base of the spine. The latter is related to the personality [192] and is closely allied to desire, and therefore to the solar plexus centre; there is a direct line of hitherto unrecognised energy between the lowest centre in the spine and the solar plexus; the other is related to the divine-spiritual man and is closely allied to the soul, and therefore to the heart centre.

Ở đây có thể nói thêm rằng ý chí-hiện hữu, từ một góc độ, là năng lượng của sự bất tử; đó là năng lượng tuôn đổ vào và làm việc thông qua trung tâm đầu, trong khi ý chí-sống biểu lộ như là bản năng cơ bản của sự tự bảo tồn và được tìm thấy tập trung một cách dương tính trong trung tâm tại đáy cột sống. Cái sau liên quan đến phàm ngã [192] và liên kết chặt chẽ với dục vọng, và do đó với trung tâm tùng thái dương; có một đường dây trực tiếp của năng lượng cho đến nay chưa được công nhận giữa trung tâm thấp nhất trong cột sống và tùng thái dương; cái kia liên quan đến con người tinh thần-thiêng liêng và liên kết chặt chẽ với linh hồn, và do đó với trung tâm tim.

Man's Integral Relationship and Creative Function Within the Whole—Mối Quan Hệ Tích Hợp và Chức Năng Sáng Tạo của Con Người Trong Tổng Thể

The intricacy of all these relationships is most difficult for the neophyte to grasp, and this difficulty is further increased by the many and varying stages of development, of ray distinctions, and also by the numerous emphases or principles which are laid upon vehicles, upon differing planes and planetary levels of consciousness and of existence. With all this the student is not asked to deal. The factors of importance which he should attempt to realise and upon which he can construct the temple of his life and his current mode of living are simply the following—and they are the same for each and all, no matter what his ray or his point in evolution may be:

Sự phức tạp của tất cả các mối quan hệ này là khó nắm bắt nhất đối với người sơ cơ, và khó khăn này càng tăng thêm bởi nhiều giai đoạn phát triển đa dạng, các sự phân biệt về cung, và cũng bởi vô số những điểm nhấn hoặc nguyên tắc được đặt lên các hiện thể, lên các cõi và các cấp độ hành tinh khác nhau của tâm thức và của sự hiện tồn. Học viên không được yêu cầu phải giải quyết tất cả những điều này. Các yếu tố quan trọng mà y nên cố gắng nhận ra và dựa vào đó y có thể xây dựng ngôi đền của đời mình và phương thức sống hiện tại của mình đơn giản là những điều sau đây—và chúng giống nhau cho từng người và mọi người, bất kể cung của y hay điểm của y trong tiến hóa có thể là gì:

1. Man's etheric body is an integral part of the planetary etheric body and is responsive to the free distribution of the many circulating energies.

1. Thể dĩ thái của con người là một bộ phận hợp thành của thể dĩ thái hành tinh và đáp ứng với sự phân phối tự do của nhiều năng lượng đang luân chuyển.

2. The three periodical vehicles which compose the expression of the human being and which make him what he is (the Monad, the Soul, and the Personality) are each related to the three planetary centres: Shamballa, the Hierarchy, and Humanity, and therefore to each of man's individual three major centres.

2. Ba hiện thể định kỳ cấu thành sự biểu hiện của con người và làm cho y là những gì y là (Chân Thần, Linh hồn, và Phàm ngã) mỗi cái đều liên quan đến ba trung tâm hành tinh: Shamballa, Thánh Đoàn, và Nhân loại, và do đó đến từng cái trong ba trung tâm chủ yếu của cá nhân con người.

3. The three centres in the human being which are to be found above the diaphragm (the head, the heart and the throat centres) are the organs of reception for energies

3. Ba trung tâm trong con người được tìm thấy bên trên cơ hoành (các trung tâm đầu, tim và cổ họng) là các cơ quan tiếp nhận cho các năng lượng đến từ ba trung tâm hành tinh. [193]

coming from the three planetary centres. [193]

4. The agent for the distribution of the energies received via the head, the heart and the throat centres is the ajna centre between the eyebrows.

4. Tác nhân cho sự phân phối các năng lượng nhận được qua các trung tâm đầu, tim và cổ họng là trung tâm ajna giữa lông mày.

5. The agent for the purification, transmutation and transmission of the energies of all centres below the diaphragm is the solar plexus centre. It is this centre through which the majority of human beings are at this time working. It is the major controlling centre, both for the reception and the distribution of energies, until such time as the heart centre is awakening and beginning to control the personality.

5. Tác nhân cho sự thanh lọc, chuyển hóa và truyền dẫn các năng lượng của tất cả các trung tâm bên dưới cơ hoành là trung tâm tùng thái dương. Chính trung tâm này qua đó đa số con người vào lúc này đang làm việc. Nó là trung tâm kiểm soát chính yếu, cho cả sự tiếp nhận và phân phối các năng lượng, cho đến khi trung tâm tim thức tỉnh và bắt đầu kiểm soát phàm ngã.

There is necessarily much more to be said anent this subject of the major planetary and human centres, but I have here given the student enough upon which to ponder (I had almost said upon which to puzzle). The one important thing to be borne in mind is the *relationship* between the centres, i.e.:

Nhất thiết còn nhiều điều phải nói về chủ đề này của các trung tâm chủ yếu của hành tinh và con người, nhưng tôi đã đưa cho học viên ở đây đủ để suy ngẫm (tôi gần như đã nói là để làm khó). Một điều quan trọng cần ghi nhớ là *mối quan hệ* giữa các trung tâm, tức là:

1. Between the centres below the diaphragm and those above it.

1. Giữa các trung tâm bên dưới cơ hoành và những cái bên trên nó.

2. Between the three major centres with each other.

2. Giữa ba trung tâm chủ yếu với nhau.

3. Between the three major centres and the three planetary centres.

3. Giữa ba trung tâm chủ yếu và ba trung tâm hành tinh.

All of this must be thought of in terms of circulating and freely moving energies, distributing themselves throughout the etheric body of the planet (and therefore through the human etheric body) under the

Tất cả điều này phải được nghĩ đến theo các thuật ngữ của các năng lượng đang luân chuyển và di chuyển tự do, tự phân phối chúng khắp thể dĩ thái của hành tinh (và do đó qua thể dĩ thái của con người) dưới mục

essential purpose of Shamballa and under the direction of the Hierarchy.

đích thiết yếu của Shamballa và dưới sự chỉ đạo của Thánh Đoàn.

It is the theme of *relationship* therefore, which is the basic pattern in the evolutionary process of unfoldment in this, the second solar system (of three systems) which is [194] that of the Son, wherein the quality of the second divine aspect, Love, is being perfected. In this perfecting process man participates unconsciously at first, during the long cycle of evolutionary unfoldment under the Law of Necessity; but when he becomes the aspirant and takes the first steps upon the path towards spiritual maturity, he begins to play a crucial role which he maintains until he attains spiritual liberation and himself becomes a member of the Hierarchy, of the fifth or spiritual kingdom, through perfected service in the fourth or the human kingdom.

Do đó, chính chủ đề về *mối quan hệ* là mô hình cơ bản trong quy trình khai mở tiến hóa trong hệ mặt trời này, hệ thống thứ hai (trong ba hệ thống) vốn [194] là hệ thống của Người Con, trong đó phẩm tính của phương diện thiêng liêng thứ hai, Tình thương, đang được hoàn thiện. Trong quy trình hoàn thiện này, con người thoạt đầu tham gia một cách vô thức, trong suốt chu kỳ dài của sự khai mở tiến hóa dưới Định luật Tất yếu; nhưng khi y trở thành người chí nguyện và thực hiện những bước đầu tiên trên con đường hướng tới sự trưởng thành tinh thần, y bắt đầu đóng một vai trò quan trọng mà y duy trì cho đến khi đạt được sự giải thoát tinh thần và bản thân y trở thành một thành viên của Thánh Đoàn, của giới thứ năm hay giới tinh thần, thông qua sự phụng sự hoàn hảo trong giới thứ tư hay giới nhân loại.

The relationship between the fourth and the fifth kingdoms is being continually increased. bringing new powers and more vital livingness into the human family which is registered by its most advanced members consciously. The distribution of energies from the Hierarchy constitutes a very interesting sequence, some of which can be indicated briefly. As we know the Hierarchy is the ashram of the Lord of Love, the Christ; we also know that this greater Ashram is constituted of the seven Ray Ashrams, each having at its centre a Chohan or a Master of the Wisdom; each of the seven Ashrams has connected with it one or more subsidiary Ashrams.

Mối quan hệ giữa giới thứ tư và thứ năm đang liên tục được gia tăng, mang lại những quyền năng mới và sức sống dồi dào hơn vào gia đình nhân loại vốn được ghi nhận bởi các thành viên tiên tiến nhất của nó một cách có ý thức. Sự phân phối các năng lượng từ Thánh Đoàn cấu thành một trình tự rất thú vị, một số trong đó có thể được chỉ ra ngắn gọn. Như chúng ta biết Thánh Đoàn là ashram của Chúa Tể Tình Thương, Đức Christ; chúng ta cũng biết rằng Ashram lớn hơn này được cấu tạo từ bảy Ashram Cung, mỗi cái có tại trung tâm của nó một Chohan hoặc một Chân sư Minh Triết; mỗi một trong bảy Ashram có liên kết với nó một hoặc nhiều Ashram phụ.

An Ashram is an emanating source of hierarchical impression upon the world. Its “impulsive energies” and its inciting forces

Một Ashram là một nguồn phát xuất của ấn tượng thánh đoàn lên thế giới. "Các năng lượng thúc đẩy" của nó và các lực kích động

are directed toward *the expansion of the human consciousness,* through the magnetic lives of the group members as they carry on their duties, obligations and responsibilities in the outer world: it is aided also by the steady vibratory activity of the members of the Ashram who are not in physical incarnation and by the united clear thinking and convinced awareness of the entire Ashram. Beginners, such as are most aspirants (though not all), are usually engrossed with the fact of the Ashram. Trained disciples are engrossed with the work to be done, and the [195] Ashram—as an Ashram—plays little part in their thinking; they are so pre-occupied with the task ahead and with the need of humanity and of these to be served that they seldom think of the Ashram or of the Master at its centre. They are an integral part of the ashramic consciousness and their *conscious* occupation is called, in the ancient writings, "the emanating of that which flows through them, the teaching of the doctrine of the heart which is the force of truth itself, the radiating of the light of life, borne upon the stream to which the non-initiate gives the name, 'the light of love'."

của nó được hướng tới *sự mở rộng tâm thức nhân loại,* thông qua các đời sống từ tính của các thành viên nhóm khi họ thực hiện các nhiệm vụ, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong thế giới bên ngoài: nó cũng được hỗ trợ bởi hoạt động rung động ổn định của các thành viên của Ashram không đang trong sự lâm phàm xác thân và bởi sự tư duy rõ ràng thống nhất và sự nhận biết vững chắc của toàn bộ Ashram. Những người mới bắt đầu, chẳng hạn như hầu hết những người chí nguyện (mặc dù không phải tất cả), thường mải mê với sự kiện về Ashram. Các đệ tử đã được huấn luyện thì mải mê với công việc phải làm, và [195] Ashram—với tư cách là một Ashram—đóng vai trò nhỏ trong suy nghĩ của họ; họ quá bận tâm với nhiệm vụ phía trước và với nhu cầu của nhân loại và của những người cần được phục vụ đến nỗi họ hiếm khi nghĩ về Ashram hoặc về Chân sư tại trung tâm của nó. Họ là một bộ phận hợp thành của tâm thức ashram và công việc *có ý thức* của họ được gọi, trong các bản văn cổ, là "sự phát xuất của cái tuôn chảy qua họ, sự giảng dạy về giáo lý của con tim vốn là mãnh lực của chính chân lý, sự tỏa rạng ánh sáng của sự sống, được mang trên dòng suối mà người chưa được điểm đạo đặt tên là, 'ánh sáng của tình thương'."

The members of the Ashram constitute *a united channel for the new energies* which are, at this time, entering the world; these energies pour dynamically through the Ashram out into the world of men; they stream with potency through the Master at the heart of the Ashram; they move with "luminous speed" throughout the inner circle; they are stepped down by those who constitute the outer circle, and this is right and good; they are delayed by the beginner and the new disciple from breaking forth into the world of men, and this is not so good. They are delayed because the new disciple has turned his back upon the world

Các thành viên của Ashram cấu thành *một kênh dẫn thống nhất cho các năng lượng mới* mà, vào lúc này, đang đi vào thế giới; các năng lượng này tuôn đổ một cách năng động qua Ashram ra thế giới của con người; chúng tuôn chảy với uy lực qua Chân sư tại tâm của Ashram; chúng di chuyển với "tốc độ sáng chói" khắp vòng tròn bên trong; chúng được giảm áp bởi những người cấu thành vòng tròn bên ngoài, và điều này là đúng và tốt; người mới bắt đầu và người đệ tử mới trì hoãn việc các năng lượng này tuôn vào thế giới con người, và điều này không tốt lắm. Chúng bị trì hoãn bởi vì người đệ tử mới đã quay lưng lại với thế giới của con người và

of men and his eyes are fastened upon the inner goal and not upon the outer service; they remain fixed upon the Master and His senior disciples and workers, and not upon the mass of human need.

mắt y dán chặt vào mục tiêu bên trong chứ không phải vào sự phụng sự bên ngoài; ánh mắt y vẫn dán chặt vào Chân sư và các đệ tử cao cấp và những người làm việc của Ngài, chứ không phải vào khối lượng nhu cầu của con người.

It is essential that servers everywhere—the intelligent men and women of good will—get a grasp, fresh and clear, of the work to be done and that they become “relaying channels and not delaying points of selfish interest” in the divine flow. This takes vision and courage. It takes courage to adjust their lives—daily and in all relations—to the need of the hour and to the service of mankind; it takes courage to attack life problems on behalf of others and [196] to obliterate one’s own personal wishes in the emergency and need, and to do so consistently and persistently. However, there is much to encourage the server. Humanity has now reached a point in development where there is a definite grasp of the Plan of the Hierarchy—call it brotherhood, sharing, internationalism, unity or what you will. This is a growing and factual apprehension and is a general recognition by the thinkers and esotericists of the world, by the religious people of enlightenment, by broad minded statesmen, by industrialists and business men of inclusive vision and humanitarian insight, and even today by the man in the street. There is also a more definite recognition of emerging spiritual values and a greater readiness to relinquish hindrances to service. The plans of the Christ for humanity’s release are more matured, for they had to wait until such time that the trend of human aspiration became more clearly emphatic; and the new era, with its latent possibilities can now be seen upon the horizon, stripped of the veils of glamour and wishful thinking which obscured it ten

Điều thiết yếu là những người phụng sự ở khắp mọi nơi—những người nam và nữ thiện chí thông tuệ—nắm bắt được một cách mới mẻ và rõ ràng công việc phải làm và rằng họ trở thành "các kênh chuyển tiếp chứ không phải các điểm trì hoãn của lợi ích ích kỷ" trong dòng chảy thiêng liêng. Điều này cần tầm nhìn và lòng can đảm. Cần can đảm để điều chỉnh cuộc sống của họ—hàng ngày và trong mọi mối quan hệ—với nhu cầu của thời cuộc và với việc phụng sự nhân loại; cần can đảm để giải quyết các vấn đề cuộc sống vì người khác và [196] xóa bỏ những mong muốn cá nhân của chính mình trong tình huống khẩn cấp và nhu cầu, và làm như vậy một cách nhất quán và kiên trì. Tuy nhiên, có nhiều điều để khuyến khích người phụng sự. Nhân loại hiện nay đã đạt đến một điểm trong sự phát triển nơi có một sự nắm bắt xác định về Thiên Cơ của Thánh Đoàn—gọi nó là tình huynh đệ, sự chia sẻ, chủ nghĩa quốc tế, sự thống nhất hay bất cứ điều gì bạn muốn. Đây là một sự lĩnh hội đang phát triển và thực tế và là một sự công nhận chung bởi các nhà tư tưởng và các nhà bí truyền của thế giới, bởi những người tôn giáo giác ngộ, bởi các chính khách có tư tưởng rộng mở, bởi các nhà công nghiệp và doanh nhân có tầm nhìn bao quát và cái nhìn nhân đạo, và thậm chí ngày nay bởi người bình thường trên đường phố. Cũng có một sự công nhận xác định hơn về các giá trị tinh thần đang nổi lên và một sự sẵn sàng lớn hơn để từ bỏ những trở ngại đối với việc phụng sự. Các kế hoạch của Đức Christ cho sự giải thoát của nhân loại đã chín muồi hơn, vì chúng phải chờ đợi cho đến khi khuynh hướng khát vọng của con người trở

years ago. All of this is a challenge to the disciple. What is it that he must do?

nên nhấn mạnh rõ ràng hơn; và kỷ nguyên mới, với những khả năng tiềm tàng của nó giờ đây có thể được nhìn thấy trên đường chân trời, được lột bỏ những bức màn của ảo cảm và suy nghĩ viển vông đã che khuất nó mười năm trước. Tất cả điều này là một thách thức đối với người đệ tử. Y phải làm gì?

The disciple has to take himself as he is, at any time, with any given equipment, and under any given circumstances; he then proceeds to subordinate himself, his affairs and his time to the need of the hour—particularly during the phase of group, national or world crisis. When he does this within his own consciousness and is, therefore, thinking along lines of the true values, he will discover that his own private affairs are taken care of, his capacities are increased and his limitations are forgotten. He takes his place with those who perceive the needs of the coming cycle—a cycle wherein the new ideas and ideals must be stressed and for which a fight must be made, wherein the wider plans for the good of the whole must be understood, [197] endorsed and preached, the new and clearer vision for human living must be grasped and finally brought into being, and a cycle wherein the effort of all members of the New Group of World Servers must be given to the lifting of humanity's load.

Người đệ tử phải chấp nhận bản thân y như y vốn thế, vào bất kỳ lúc nào, với bất kỳ trang thiết bị nhất định nào, và dưới bất kỳ hoàn cảnh nhất định nào; sau đó y tiến hành phục tùng bản thân mình, công việc của mình và thời gian của mình cho nhu cầu của thời cuộc—đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng nhóm, quốc gia hoặc thế giới. Khi y làm điều này bên trong tâm thức của chính mình và, do đó, đang suy nghĩ theo các dòng của những giá trị chân thực, y sẽ khám phá ra rằng các vấn đề riêng tư của chính y được chăm sóc, năng lực của y được gia tăng và những hạn chế của y bị lãng quên. Y chiếm vị trí của mình với những người nhận thức được các nhu cầu của chu kỳ sắp tới—một chu kỳ trong đó các ý tưởng và lý tưởng mới phải được nhấn mạnh và phải đấu tranh vì chúng, trong đó các kế hoạch rộng lớn hơn cho lợi ích của tổng thể phải được thấu hiểu, [197] được tán thành và được rao giảng, tầm nhìn mới và rõ ràng hơn cho đời sống con người phải được nắm bắt và cuối cùng được đưa vào hiện tồn, và một chu kỳ trong đó nỗ lực của tất cả các thành viên của Đoàn Người Mới Phụng Sự Thế Gian phải được dành cho việc làm nhẹ gánh nặng của nhân loại.

There is a certain esoteric Mantram which embodies this attitude—the attitude of the disciple who is striving, in cooperative endeavour with others, to link hierarchical intent with human aspiration and thus bring humanity nearer to its goal. The intent of the Hierarchy is to increase men's *capacity*

Có một Mantram huyền môn nhất định thể hiện thái độ này—thái độ của người đệ tử đang phấn đấu, trong nỗ lực hợp tác với những người khác, để liên kết ý định của thánh đoàn với khát vọng của con người và do đó đưa nhân loại đến gần mục tiêu của nó hơn. Ý định của Thánh Đoàn là gia tăng *khả*

for freedom in order to function effectively with that “life more abundantly” which the Christ will bring and which demands that the spirit of man be free—free to approach divinity and free also to choose the Way of that approach. The Mantram bears the name, “The Affirmation of the Disciple.” It involves certain inner recognitions and acceptances which are readily perceived by those whose intuition is sufficiently awake; but its meaning should not be beyond the ability of any sincere student and thinker to penetrate if it appeals to them as significant and warranting their effort.

năng tự do của con người để hoạt động hiệu quả với "sự sống dồi dào hơn" mà Đức Christ sẽ mang lại và vốn đòi hỏi tinh thần của con người phải tự do—tự do để tiếp cận thiên tính và cũng tự do để chọn Con Đường của sự tiếp cận đó. Mantram mang tên, "Lời Khẳng Định của Đệ Tử". Nó bao hàm những sự công nhận và chấp nhận bên trong nhất định vốn được nhận thức dễ dàng bởi những người mà trực giác của họ đã thức tỉnh đầy đủ; nhưng ý nghĩa của nó không nên vượt quá khả năng thâm nhập của bất kỳ học viên và nhà tư tưởng chân thành nào nếu nó hấp dẫn họ như là điều quan trọng và xứng đáng với nỗ lực của họ.

I am a point of light within a greater Light.

Tôi là một điểm ánh sáng bên trong Ánh sáng vĩ đại hơn.

I am a strand of loving energy within the stream of Love divine.

Tôi là một tia năng lượng yêu thương bên trong dòng chảy của Tình thương thiêng liêng.

I am a point of sacrificial Fire, focussed within the fiery Will of God.

Tôi là một điểm của Ngọn Lửa hi sinh, bên trong Ý Chí rực lửa của Thượng Đế.

And thus I stand.

Và như thế, tôi đứng.

I am a way by which men may achieve.

Tôi là con đường giúp con người có thể đạt đến.

I am a source of strength, enabling them to stand.

Tôi là nguồn sức mạnh, giúp họ có thể trụ vững.

I am a beam of light, shining upon their way.

Tôi là chùm tia sáng, chiếu trên con đường của họ.

And thus I stand.

Và như thế, tôi đứng.

And standing thus, revolve

Và như thế tôi đứng, xoay vòng,

And tread this way the ways of men,	bước theo con đường của nhân loại,
And know the ways of God.	Và cũng biết những con đường của Thượng Đế.
And thus I stand.	Và như thế, tôi đứng.

THE ARCANE SCHOOL—TRƯỜNG ARCANE

Training for new age discipleship

Việc huấn luyện cho địa vị đệ tử kỷ nguyên mới

is provided by the *Arcane School.*

được cung cấp bởi *Trường Arcane.*

The principles of the Ageless Wisdom

Các nguyên tắc của Minh Triết Ngàn Đời

are presented through esoteric meditation,

được trình bày thông qua tham thiền huyền môn,

study and service as a *way of life.*

học tập và phụng sự như một *lối sống.*

Contact the publishers for information

Liên hệ với nhà xuất bản để biết thông tin

www.lucistrust.org/arcaneschool.